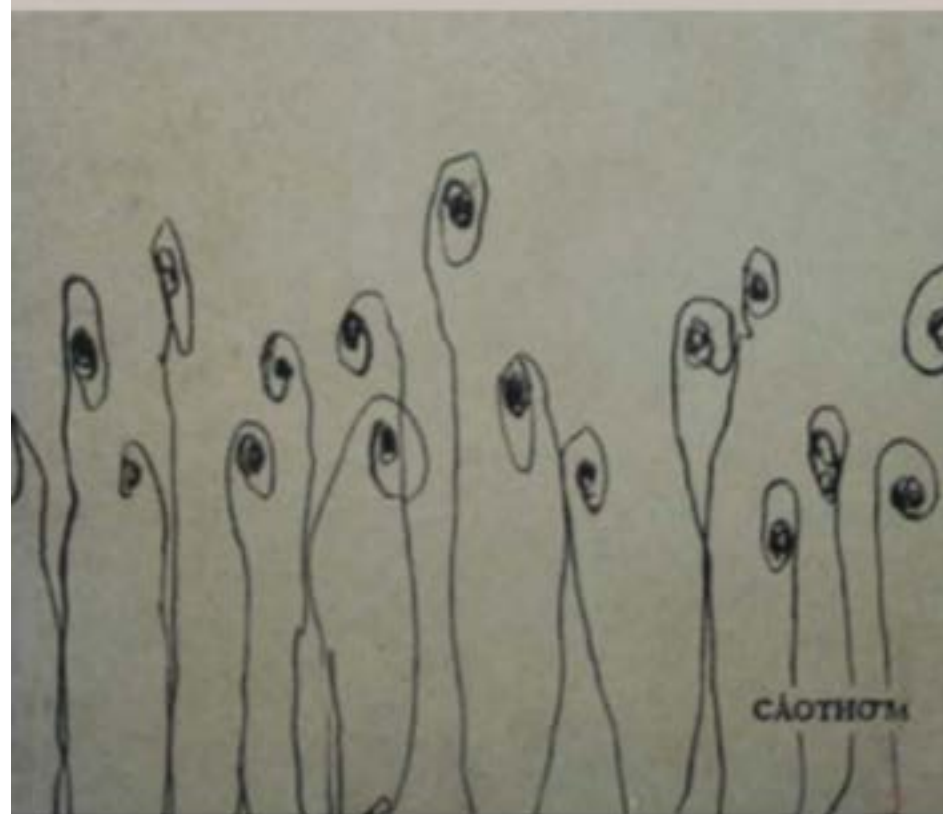


**PHAN DƯ**

# **HAI CHẬU LAN TỔ TÂM**





# **HAI CHẬU LAN TỔ TÂM**

**PHAN DU**



**Paris \* 06.2025**

**Bìa : *Thái Tuấn***  
**Phụ bản : *Phạm Tăng***  
**Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn***

# HAI CHẬU LAN TỔ TÂM

**PHAN DU**

CẢO THƠM  
Saigon \* 1965



## MỤC LỤC

|                                         |     |
|-----------------------------------------|-----|
| Lời giới thiệu                          | 11  |
| 1. Tình người                           | 21  |
| 2. Những quả đấm<br>trên một chuyến tàu | 56  |
| 3. Bức bình phong                       | 80  |
| 4. Miếng ăn                             | 108 |
| 5. Một lối nhìn                         | 134 |
| 6. Con rắn hổ                           | 172 |
| 7. Hai gánh lúa                         | 213 |
| 8. Miếng ngon bên xác chết              | 235 |

|                         |     |
|-------------------------|-----|
| 9. Cái vỏ đạn           | 259 |
| 10. Bàn tay kẻ dối      | 300 |
| 11. Qua cơn thử lửa     | 336 |
| 12. Con mèo đen         | 369 |
| 13. Vàng hời            | 401 |
| 14. Hai chậu lan Tố Tâm | 423 |
| 15. Cô gái xóm nghèo    | 455 |
| 16. Con ngựa hai chân   | 484 |
| 17. Sống gửi            | 509 |
| 18. Thuốc cá            | 583 |
| 19. Khóc thật           | 613 |







## LỜI GIỚI THIỆU

*H*ai chậu lan Tố Tâm là truyện ngắn Việt-Nam đã được giải nhì, đồng hạng với Nhật Bản, trong cuộc thi truyện ngắn giữa các quốc gia vùng Đông - nam - Á (gồm có Trung-Hoa Dân-Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Phi-lật Tân, Mã-Lai, Ấn Độ, Hương Cảng, Hôi-Quốc và Việt-Nam) do Trung-Tâm Văn Bút Phi-lật-Tân tổ chức và tuyên bố kết quả vào thượng bán niên 1964<sup>1</sup>.

---

1 Truyện Hai chậu lan Tố Tâm do ông Nghiêm Xuân Việt lựa chọn trong những tác phẩm của các nhà văn không ở trong tổ chức nào, dịch ra Pháp văn và đề nghị Trung Tâm Văn Bút Việt-Nam gửi vào sổ những tác phẩm dự thi.

Truyện này trước kia đã được đăng trong tuyển tập Cô gái xóm nghèo, tác phẩm đầu tay của Phan Du, do nhà xuất bản Văn-hữu Á châu ấn hành vào năm 1959. Nhưng sau khi quyển Cô gái xóm nghèo ra đời, với những trắc trở bất thường của nó, với sự góp ý của các bạn văn, tác giả Phan Du mới có ý định kiểm điểm lại những truyện ngắn của mình trên hai mươi năm sáng tác : truyện ngắn cũ nhất của ông – Bữa cơm chay – đăng trên tuần báo Tiểu Thuyết Thứ Bảy của Vũ Đình Long xuất bản ở Hà Nội vào năm 1942, và truyện mới nhất, khá dài, gọi là *Hồi hộp* đăng ở tờ Văn của Nguyễn Đình Vượng và Trần Phong Giao vào số 26 (đầu năm 1965) nhưng sau khi việc sắp chữ hoàn thành, truyện này đã bị kiểm duyệt bỏ hết.

Là một ngôi bút vững vàng từ thời tiền chiến và đến bây giờ vẫn còn nguyên vẹn nhiệt tình ngày trước, cộng thêm sự điều luyện của bao nhiêu năm kinh nghiệm trong nghề, ông đã sáng tác được một số lượng khá lớn truyện ngắn. Nhưng vẫn khiêm tốn quá nhiều đến gần như thích cuộc sống ẩn mình, ông không quan tâm đến việc ấn hành tác phẩm. Gần đây, sau khi truyện Hai chậu lan Tố Tâm đã được giải thưởng quốc tế một cách âm thầm, nhà văn Phan Du cũng không tỏ ra hứng khởi thêm được chút nào trong sự giới thiệu những sáng tác phẩm của mình. Một vài bạn văn ít ỏi của ông bất bình trước sự im lặng của giải thưởng ấy, và cả của ông, nhiều lần khuyến khích ông cho ra đời tất cả truyện ngắn sáng tác trên hai chục năm. Trước sự thúc đẩy chân tình của các văn hữu và lời đề nghị xuất bản nồng hậu của nhà Cảo Thơm,

ông đã bỏ mất khá nhiều thì giờ để sưu tập lại hết sức khó khăn những sáng tác phẩm của mình từ trước. Nhưng sự bất mãn đối với chính mình khiến ông liên tiếp gạt bỏ, và chỉ giữ lại có mười chín truyện, trong đó gần cả mười năm sáng tác của giai đoạn đầu, chỉ còn giữ mỗi ba truyện : *Sống gửi*, *Thuốc cá*, *Khóc thật* in ở cuối tác phẩm này. Ba truyện ấy là di sản của Phan Du tiền chiến.

Đem ba truyện ấy so sánh với các truyện khác của những năm về sau đây, đăng tải ở trong phần đầu tác phẩm, chúng ta nhận thấy ở trên căn bản, nhà văn Phan Du vẫn giữ một nét thuần nhất trong một thái độ về đời. Ông vẫn tiếp tục nụ cười chua xót trước những cảnh đời giả dối, vụ lợi, và vẫn tuyên truyền tình thương, phả khuyến tử thiện một cách rộng rãi, tuy vẫn không quên thỉnh

thoảng bày tỏ đôi chút bất bình. Qua những cái nhìn thương hại, qua những nụ cười xót xa, chúng ta thấy được một ý bảo tồn, một chút an ủi, một niềm tin tưởng ở cái tính thiện cũng như lương tâm con người. Người ta có thể nghĩ rằng với một tình thương dồi dào nhưng lại trừu tượng, tác giả sẽ lầm lạc chẳng, sẽ bất công chẳng ? Bởi lẽ tội ác đích thực phải được nghiêm trừng xứng đáng để cho con người lương thiện được sự yên lành, và nỗi đau khổ của kẻ thiệt thòi không thể chỉ được đền bù bằng chút xót xa của người đồng hội đồng thuyền, hay sự ái ngại của lớp dư thừa, nhàn rỗi.

Nhưng nếu không quá bận lòng về những giọt lệ thương tâm mà tác giả tuôn tràn xuống quãng đường nhân thế hiện đang dầy dẩy xác chết và những bất công, chúng ta có thể tìm gặp ở nơi Phan

Du những nguồn rung cảm lớn lao của một tâm hồn hướng thiện đã bắt gặp được ở trong sự sinh hoạt bình thường khá nhiều sự thực cao quý vốn là lẽ phải chân chính của đời : ở trong tác phẩm của ông, bao giờ hai cái sức mạnh Thiện, Ác cũng được đối đầu mãnh liệt, và sau nhiều phen tranh chấp gay go, cái Thiện vẫn nắm được phần thắng lợi, cũng như nó phải giành lấy thắng lợi ngoài đời. Cái Ác, ở đây, có thể khoác lấy hình hài lông lá của con heo rừng phá hoại giữa Hai gánh lúa, hoặc là những chiếc máy bay cuồng bạo gieo rắc tóc tang trong Cái vỏ đạn, hay là một đôi ý tình bất chính ẩn hiện chập chờn qua Con mèo đen. Và cái Thiện ấy là người nông dân chiến đấu gian nan để giữ mùa màng, là vị bô lão hy sinh tính mạng cho sự an toàn thôn xóm, là cái lương tri kịp thời giữ vững của một người bạn đứng trước



hạnh phúc của người bạn mình. Trong Hai châu lan Tố Tâm, ý thiện ấy là tinh thần chiến thắng được cái thú thích cá nhân để hướng về sự phục vụ xã hội.

Cùng với thời gian và sự lớn mạnh của dân tộc mình, nhà văn Phan Du đã thấy thấm thía hơn trước chân lý của đời, và đảo cái nhìn bao quát hơn trước về những thực trạng xã hội. Do đó, trong nhiều tác phẩm, ông đã đẩy được tình thương đến những thái độ quyết liệt hơn xưa trong sự nhận diện tội ác, cũng như đối đầu với nó : Con ngựa hai chân, Bàn tay kẻ đói, Rắn hổ, Bức bình phong... là sự vạch trần tất cả chế độ phi nhân và phơi bày những lớp người xấu xa cùng những nạn nhân của họ.

Giữa lúc nhiều người văn nghệ không rút chân khỏi đầm lầy cá nhân với những suy tư bất lực, nhà văn Phan Du

vẫn giữ sáng được tấm lòng, vẫn cố hướng về những ý cao cả, trong một khuôn điệu nghệ thuật vững vàng đạt đến mực thước tinh vi cổ điển. Không đuổi theo những bong bóng sắc sỡ của các ảo tưởng gọi là « văn chương thời đại », không tự mê hoặc, và không mê hoặc người khác, nhà văn Phan Du vẫn cứ tiếp tục đều đặn con đường sáng sửa của mình. Và dẫu mặt trời tuổi tác có quay chiếu xuống chân mây, bước đường từ tốn của ông vẫn đang đi lên, vẫn cố đi lên mãi mãi theo với cuộc đời dân tộc.

Saigon, tháng 6 năm 1965

VŨ HẠNH





## TÌNH NGƯỜI

Nén hương Thuận vừa thắp và cắm vào một góc xe, lúc ở nhà xác ra đi, ngùn cháy nhanh đến muốn bật thành lửa ngọn. Những tia khói trắng vừa thoát khỏi các đầu hương, chưa kịp vươn lên đã phải quăng theo gió sớm, rạt rạt tỏa ngược lại phía sau, tan vội đi trong thanh khí ban mai. Thật chỉ có nén hương và khói hương tan vội đã mang lại cho cuộc tiễn đưa thâm lặng này một ít ý vị, màu sắc tang khó mà thôi. Cảnh trời sớm nay đẹp một cách tàn nhẫn, với

nền trời màu lam cao vút và tiếng chim vui reo không ngừng, trên những cảnh xanh tươi mát có ánh nắng vàng lộng lẫy xuyên qua, Bác Cẩm — ông lão kéo xe —, thì vô tình, thản nhiên làm sao. Tiếng bánh xe nghiền cát, sỏi sào sạo, tiếng chuyển mình của thân xe chẳng hề góp vào cho cuộc tiễn đưa một âm điệu u buồn nhỏ nhặt nào. Cổ quan lại trần truồng quá. Trên chiếc xe vận tải cũ kỹ này, nếu không có nén hương bùi ngùi buồn tỏa khói thơm, và cái dấu hồng-thập-tự đỏ dính bên xe, khách qua đàng rất có thể làm nó với một chiếc hòm mới mua còn trống rỗng trong lòng. Nhưng rồi cái mùi vị tang khó của nén hương mang lại như cũng muốn tan nốt theo câu nói của bác Cẩm, sau một đoạn đường :

– Lên chợ, tao còn phải ghé lại đã.

Thuận ngọc nhiên :

– Để làm gì bác ?

– Hừ, khéo hỏi thì thôi. Sáng nay « làm xác » cũng tao, rồi chuyên chở cũng tao. Túi bụi từ sớm đến giờ, đã có gì trong bụng đâu. Phải ghé lại chợ ăn bát mì đã. Với lại, kéo những ngũ này mà không có rượu thì... chịu sao được. Bạn nào đi, tao cũng phải uống năm ba trự. Lệ thường mà.

Rồi với cái giọng bông đùa, bác nói vọng vào cỗ quan như nói với một người còn sống :

– Chả việc gì mà nôn vội, Sớm muộn gì, nội nhật hôm nay, lão cũng được nằm yên dưới mồ. Lên chợ nằm nghỉ chơi để người ta ăn đã nghe chưa ? Đói bụng, kéo sao nổi.

Rồi chùng như được kích thích, qua trí tưởng tượng, bởi cái ngon béo của bát mì và hương men nồng thơm của mấy ly rượu đế ngâm thuốc, đang chờ bác trên chợ như thường lệ, bác Cẩm kéo xe đi càng nhanh hơn. Cổ quan lại càng lắc lư rung rinh theo đà tiến, thỉnh thoảng lại vồng mạnh, trên nền gỗ, mỗi lúc bánh xe chạm phải đá hay lọt xuống một bụi ổ gà. Thuận nhìn cổ quan và lườm trộm bác Cẩm. Những câu nói vừa rồi không làm cho hắn khó chịu bằng cái thái độ của bác. Hắn thấy bác dễ ghét quá. Không phải vì cái đầu trọc hay bộ mặt nhăn nhoe, đen đui lấm lì, nhưng vì cái vẻ dửng dưng, lạnh lùng, ngay trong công việc dẫn độ những thầy ma vô thừa nhận, từ nhà xác về nơi an nghỉ cuối cùng.

Vừa đến chợ, bác Cẩm đã cho xe dừng lại bên hàng, thở phào một tiếng



khoan khoái, nhìn cổ quan :

– Năm đó đã, nghe chưa ?

Rồi bác chạy ngay vào quán. Trong lúc bác Cẩm ăn mì, uống rượu, Thuận đứng cạnh xe, lặng ngắm cổ quan nằm chống đít, phơi mình dưới ánh nắng. Có lẽ cái cảnh này đã quen mắt quá với người dọc chợ, nên chẳng ai buồn để ý. Ngay cả giống chó ở đây chúng cũng quen lắm rồi. Những hồn ma nằm trên xe vận tải thì chẳng đáng gì mà phải sửa. Một vài con chạy đến ngửi giầy lát rồi buồn tình chạy đi. Chỉ có đám ruồi lằng, đánh được hơi lạ, bu lại, chen chúc thám hiểm một cách kiên trì hơn, múa lượn, bò ngang bò dọc lổm ngổm, hay tụ lại từng chòm nhỏ đen kịt, xao dợn, lúc nhúc, trên nền ván trắng. Riêng đối với Thuận, thì cái lối triển lãm của cổ quan lúc này, trông vừa ngộ mắt vừa đáng thương tâm làm sao.

Qua lớp ván mỏng, hắt hình dung cái xác của lão Bảy nằm im lặng, thẳng thắn, chân chống lên cao, đầu hướng xuống đất. Tưởng tượng đến cái thế nằm kỳ cục, ngược đời như vậy, tuy đang buồn, Thuận cũng thấy tức cười. Hắt nghĩ lão Bảy cả một đời sống đã khổ, chết đã âm thầm, mà cuộc hành trình từ cái nhà xác lạnh lẽo tới nấm mồ vô chủ, quạnh hiu, ở tận đầu trên núi kia, cũng còn gặp phải lắm nỗi trắc trở, nhiều khê. Thuận những lo, với ngày trời tốt nắng như thế này và con đường lắm dốc, ngoài cái trạm chợ mà bác Cẩm cần ghé để nhậu nhẹt ra, cổ quan và cái xác lão Bảy sẽ còn phải trải qua nhiều lần được nằm chống dít lên để phơi nắng như vậy. Cấm cảnh và không biết làm gì hơn, hắt bước lại đốt thêm một nén hương cắm vào xe. Nhìn mặt trời, Thuận thấy sốt ruột và đâm oán bác Cẩm vì cái lối ăn uống khê khà của

bác, ngay trong lúc phải đưa người chết đến mộ địa. Nhưng hăn càng nôn nóng thì, trong quán, bác Cẩm lại càng có vẻ cà kê với bát mì, cút rượu. Ăn xong, bác còn ngồi nán, trò chuyện ba hoa với bà quán, cho chán chê rồi mới chịu cặp nón ung dung bước ra, vừa đi vừa xỉa răng. Thấy hăn, bác cười :

– Hừ, đi thôi. Mà lại vừa thấp hương à ? Thằng này chu đáo thật. Mà bà con thế nào với lão ?

Thuận ngấm bộ mặt đỏ gay của bác Cẩm. Đã ghét, lúc này hăn càng có ác cảm thêm nên hăn chẳng muốn trả lời. Bác Cẩm thì chừng như chỉ hỏi cho có chuyện, vì vừa hỏi xong, bác đã cúi xuống đỡ cang xe lên. Đám ruồi lẳng nghe động, bay lên tán loạn. Một số ít đáp xuống chỗ cũ, Chiếc xe lại từ từ lăn bánh. Mặt trời tuy chưa cao lắm, nhưng

ánh nắng có chiều gay gắt. Mồ hôi bắt đầu chảy nhỏ giọt từ trán và hai cánh tay trần xương xẩu của bác Cẩm, thấm ướt chiếc áo cánh màu thanh-thiên. Sắc mặt bác càng đỏ thêm. Vừa qua khỏi cầu, bác lại đằng hắng mấy tiếng, khạc nhổ rồi tắc lưỡi :

– Ái chào ôi! Sao mà nặng lắm thế này. Sống khôn thác thiêng, muốn chóng được xuống mồ thì để người ta kéo đi, chứ làm cái quái gì mà nặng trĩu trĩu vậy lão ? Có quấy phá chơi thì trở lui mà quấy phá lão Chinh, chứ tao với lão có việc gì đâu ?

Thuận ngạc nhiên hỏi :

– Bác cũng biết lão Bảy?

– Hừ, ngày bữa chi mày. Người cùng làng với tao đó. Thằng cha này đại quá.

Nó ở với lão Chinh suốt mười mấy năm trời, làm giàu cho chủ để mỗi tháng, chúng thí cho mấy trăm bạc, không cơm không nước. Thế mà đau, chúng lại bỏ mặc trong nhà thương thí. Chết cũng chẳng đoái hoài. Chủ với tớ gì mà tệ bạc quá vậy. Còn mày, mày ở đâu mà biết lão ?

– Cháu đánh giày ở tiệm ông Chinh, tối cũng hay ngủ ở đó. Biết lão đã ba năm rồi.

– Chỉ biết thôi à ? Không bà con chi cả à ? Thằng nói nghe lạ quá !

Định nói gì nữa nhưng chừng như vì mệt, bác Cẩm ngừng lại để thở. Dáng đi của bác lúc này trông có vẻ loạng choạng, nhọc nhằn. Chiếc xe vận tải tiến lên không được thẳng lối như trước, hai càng xe hết hướng qua bên tả lại chệch

qua bên hữu. Càng nhọc, bác càng vắng tục luôn mồm. Nghe cái giọng nhè nhè và ngấm về mặt đờ đẫn, đỏ gấc của bác Cẩm, Thuận đâm lo. Hấn nhủ thầm :

– Lại ba-xi-đế rồi ! Không khéo mà nhào cổ xuống mương thì khốn. Cứ đi theo cái lối « đàng xà » này mãi, thì biết đến bao giờ mới tới huyết cho.

Trông cái lối kéo xe của bác Cẩm có vẻ ì ạch, lệch thếch như chuột tha dưa cải, Thuận đâm ngao ngán, mỉm cười hỏi :

– Chùng như bác quá chén rồi phải không bác ?

Bác Cẩm lại khạc nhổ :

– Tao mà quá chén à ? Biết mấy gọi là quá. Tiền đâu có nhiều mà quá với quắt. Đầu tắt mặt tối trong bệnh viện, vọc xác

chết mỗi cả tay, mỗi ngày được một phần cơm của bệnh nhân, làm gì có dư.

Bác rút khăn lau mặt, lau cổ:

– Mày tính bảy đồng bạc với năm trăm cà-ram gạo thì làm gì có dư. Già cả, một thân một mình thì cũng đủ độ nhật đó, nhưng làm gì có dư... Với lại bữa nay...

Vừa nói đến đấy bỗng bác im bặt. Một chiếc xe ô-tô nhà binh to lớn kênh cang, từ đâu phía trên rùng rùng đổ xuống, hung hăng như một con quái vật, vút nhanh qua, tung cả đám bụi mờ và những tiếng cười léo léo. Bác Cẩm hốt hoảng, đẩy chiếc xe lách vội qua bên đường, đứng dặng chân, quay lại nhìn theo với cái dáng giận dữ tức tối, hét lớn :

– Quân ăn cướp ! Chạy cái tiên sư

cha bay như thế à ? Chút nữa thì cán chết người ta rồi. Tao giữ vững càng xe chứ không thì cổ quan trệt mất còn chi.

Thuận không chú ý đến câu nguyên rủa của bác Cẩm, vì hắn đang ngắm cổ quan và ngắm nghĩ về cái số phận hẩm hiu, tồi tàn của những xác chết vô thừa nhận, để buồn tủi thêm vì lão Bảy.

Nhưng bác Cẩm lại ngoảnh nhìn hắn, lớn tiếng phân bua :

– Đấy, mày thấy tao có say đâu. Say thì chết với cái xe ấy rồi còn gì. Hừ, kể cũng khó mà được say. Tao uống cả chai bố cũng chưa thấm nữa là. Chỉ khổ cái là không có tiền để uống cho nó đã cái thèm-thèm. Tao nghiện rượu là chỉ vì ba cái xác chết toi này chúng báo hại tao. Chúng làm cho tao đã buồn càng buồn thêm. Kéo những ngừ này mà không có



rượu, tao cũng đến chết mất. Nhưng bữa nay tao uống có ba trự thôi. Thường lệ là năm trự kia... Thế ra... ừ, thế mà không có bà con gì với lão Bảy cả sao ?

– Không là gì cả.

– Cũng có lý. Vì lão người cùng làng, tao biết. Cha mẹ, anh em lão chết tiệt cả trong thời chiến. Lão chả có vợ con gì. Tao cũng vậy... Hừ lạ thật.

Rồi tự nhiên bác đổi giọng:

– Tao cũng vậy. Lão Bảy thế mà còn có phúc. Tao làm xác cho Lão cẩn thận hơn cho người nào cả, vì niệm cái tình cùng làng đó. Lão lại chết vừa gặp kỳ vải của một bà lão nhà giàu hảo tâm cúng cho bệnh viện, nên được liệm tươm tất hơn. Bây giờ ra đi, lại có mày... Hừ, mày không bà con gì cả. Người dưng ? Lúc

còn sống lão đối với mày như thế nào mà mày thương lão lắm vậy ? Chắc lão tử tế với mày lắm phải không ?

Câu hỏi sau cùng vô tình nhắc Thuận một cái gì mà tự hấn cũng khó nghiệm ra. Chính hấn cũng chẳng hiểu vì sao hấn lại chịu khó đi đưa lão Bảy lên tận huyết mả ; tại sao trước cái chết của lão, hấn không thể đứng vững được như thường lệ. Quả thật đây là lần đầu tiên, hấn phải băn khoăn nghĩ ngợi nhiều về cái chết, về một người chết. Mồ côi cha mẹ từ thuở còn măng sữa, bơ vơ lạc lõng, trôi trọi trên đời, Thuận chưa hề có dịp phải đau khổ, buồn tiếc, thương xót vì sự khuất bóng của một linh hồn thân yêu nào cả. Hấn chỉ được chứng kiến toàn những cảnh chết chóc của người đứng, với cái tò mò của tuổi trẻ và một ít thoáng gọn buồn thương, bất nhẫn trong lòng, một

ít cảm giác rờn rợn, pha lẫn cái vui mừng ích kỷ của con người, khi thấy mình còn may mắn chưa vướng phải lưỡi hái của Tử Thần, để rồi hấn lại lãng quên ngay với chuyện kiếm ăn hằng ngày, giữa cái ồn ào, náo rộ của phố phường, bên hè một tiệm cà-phê gần chợ. Thật chưa bao giờ cái chết của tha nhân gieo được vào lòng hấn một xúc động mãnh liệt như lần này. Càng ngẫm nghĩ hấn càng ngạc nhiên vì người chết lại chính là lão Bảy.

Hấn gặp lão Bảy ở tiệm ông Chinh cách đây đã được ba năm. Trong ba năm trời, tuy cùng chung đụng, gần gũi nhau hàng ngày dưới mái hiên sau của tiệm cà-phê, nhưng giữa lão với hấn thật chẳng có một mối liên hệ nào đáng kể, ngay cả về mặt nghề nghiệp làm ăn. Hấn đánh giày để độ nhật. Còn lão, lão sống với cái nghề rang và xay cà-phê, giúp

việc nước nôi, quét dọn ở cửa tiệm. Ngày ngày hấn thường gặp lão, thấy lão, nhìn lão, nói năng cười cợt với lão, và đêm đêm hấn cũng hay gác chân lên người lão để ngủ, trên mấy cái thùng sữa kê ở xó hiên thật đấy, nhưng hấn chẳng hề có thiện cảm với lão. Sự hiện diện của lão Bảy trong cuộc sống, hay ở mé hiên sau của tiệm cà-phê, thật chẳng quan hệ cần thiết cho hấn chút nào. Thấy lão, hấn biết là có. Văng mặt lão, hấn cũng chẳng màng tưởng đến bao giờ. Vì lão tầm thường, vô nghĩa quá. Lão sống âm thầm như một bóng ma khuất lấp, như một con dế mèn ở mé hiên sau. Mé hiên với mặt tiền của cửa tiệm chỉ cách nhau độ năm sáu thước thôi, nhưng là hai thế giới phản trái hấn nhau. Nhất là về đêm : phía trước và trong tiệm là ánh sáng, là âm nhạc, là cảnh hoa lệ, thanh lịch, đông đảo, náo rộ, tưng bừng. Phía sau

là một hậu trường khuất tối, bản thủ tội tày. Lão ẩn mình ở đấy. Lão khư khư cố thủ ở cái xó hiên này, nghe đâu đã mười mấy năm trời, trải qua bao nhiêu thăng trầm, biến chuyển của cửa tiệm, đem cái sở trường rang, xay, pha chế cà-phê để làm giàu cho chủ và cống hiến cho khách mười phương những cốc cà-phê đậm nồng hương vị. Nhưng không phải vì thế mà lão được ai chú ý. Ngay Thuận nữa, hẳn cũng ít quan tâm đến lão. Suốt ngày và cả về đêm, hẳn thường len lỏi, xông xáo ở mặt tiền của tiệm ông Chinh nhiều hơn. Và khi đã trà trộn vào cái thế giới sáng sủa, rộn rịp, mãi mê với sự săn đuổi, tranh giành cùng đám bạn đồng nghiệp những đôi giày, đôi dép ám bụi, khát xi, để kiếm miếng ăn, hay cái thú vật lộn, đùa nghịch, lung vi nhau quanh tiệm, Thuận rất sẵn sàng quên hẳn cái lão Bảy thấp lùn, đen đui với mái tóc lưa

thừa húi ngắn, tấm hình trần trụi, ngồi bên lò rang bập bùng lửa ngọn hay đứng cạnh cái bếp thấp ám khói, hùng hực than hồng, phía sau dãy soong, ấm, cối xay, bình lọc ngỗng ngang. Hắn cũng như lũ bạn đồng nghiệp, chỉ nhớ đến lão Bảy vào những lúc ế khách sau khi đã đùa nghịch chán, ngồi ngáp vặt và cần đến những trò giải trí vui hơn, hay đêm về cần có chỗ ngủ. Chúng nhớ đến lão để chọc ghẹo, trêu cợt, phá phách, làm tình làm tội đủ vánh. Hết đứa này trèo lên cổ, đứa khác lại cỡi lên lưng. Thoi ngấm, đấm trộm, kéo tóc, bẹo tai chán, chúng lại giấu các thứ dụng cụ để được nhìn ngắm cái vẻ quay quắt, tức tối rất ngộ nghĩnh của lão mà reo cười. Những đêm mưa gió, không ngủ ngoài trời được, chúng lại kéo ùa vào mé hiên sau, chiếm cứ chỗ nằm của lão. Còn rộng thì chúng cho lão nằm chung trên sập. Chật quá, chúng lại

đồng thanh quyết nghị hạ bệ lão xuống. Lão không nghe, chúng cũng cứ lôi bữa xuống đất. Được cái là lão Bảy rất hiền lành. Lão không giận lâu bao giờ. Lão chỉ điên tiết lên, trợn mắt phùng mang, múa men la lối om sòm một lúc, để rồi lại cười hì hì với lũ trẻ. Và chừng như lão cũng thích được chúng trêu chọc, phá phách như vậy. Lão thường bảo với nhiều người :

– Lạ thật, chúng nghịch như quỷ phá nhà chay, vậy mà vắng chúng nghe cũng buồn đó.

Lũ trẻ được thế, càng coi thường lão và phá phách già hơn. Chúng coi thường không phải chỉ vì lão hiền lành, ít ỏi, dễ dãi, xuề xòa, nhưng còn vì cái bản tính đần độn của lão nữa. Lão đại đột ngớ ngẩn có tiếng. Trong tiệm bất cứ người nào, từ ông chủ đến cô con gái hay cả

bọn chiêu đãi viên đều ăn húng ăn hiếp lão được cả. Cũng vì thế mà Thuận càng thấy lão tầm thường hèn mọn quá. Hèn mọn hơn cả bọn chúng. Sự hiện diện của lão, tuy trong gang tấc, vẫn luôn luôn bị mờ nhòa, quên lãng giữa cuộc sống rộn ràng. Đối với Thuận, lão là một cái gì ngộ mắt, vui vui thế thôi. Có cũng được, không cũng xong. Thật chẳng quan hệ chút nào.

Nhưng ngay từ cái buổi chiều, mà chiếc xe Hồng-thập-tự từ đâu bỗng sọc chạy tới, chở lão Bảy đi một cách hấp tấp vội vàng, giữa cái nhốn nháo của đám đông quanh tiệm cà-phê, và những tiếng còi rú nghe đến rộn hân, Thuận vụt sức tỉnh để cảm thấy lão Bảy không phải là vô nghĩa lý như hán tưởng lâu nay. Cả buổi chiều hán nghe nôn nao, xao xuyến, khắc khoải mãi vì lão. Đến khi được tin



lão chết, hấn lại càng bàng hoàng sửng sốt nhiều hơn. Cứ mỗi lúc tạt vào mé hiên sau, Thuận lại thấy vắng vẻ khó chịu. Sự cô đơn, trống trải bao vây mãi hấn. Càng về tối, mé hiên càng trở nên hoang vắng, quạnh quẽ. Nhìn vào cái xó hiên lão Bảy thường ngồi hàng ngày, hấn thấy như có cả một khoảng trống đến kỳ dị, một khoảng trống sâu thẳm, vô tận. Hấn nghĩ không ra. Sau khi lão Bảy vừa được vào bệnh viện, ông Chinh đã tìm người thay thế lão ngay. Cái gã thế chân cho lão Bảy tuy không thiện nghệ bằng, nhưng trẻ trung, lanh lợi và bật thiệp hơn. Gã cười nói bô bô luôn mồm. Với gã, cái lò rang đen kịt lại tiếp tục bốc cao lửa ngọn, cái bếp thấp lại hùng hực than hồng, mé hiên sau lại sực nức cả mùi cà-phê như cũ. Gã cũng ngồi vào chỗ ngồi của lão Bảy, cũng lặp lại gần y hệt những cử động hàng ngày của

lão. Nhưng vô ích. Mé hiên, dưới mắt Thuận, vẫn cứ hoang vắng, quanh quẽ. Cái khoảng trống vẫn cứ trống, vẫn sâu, rộng, lồ lộ trước mắt hấn một cách thâm trầm, chừng như không có gì chèn lấp lại cho kín được nữa. Đêm về, dưới ánh lửa ngọn nhảy nhót trong lò rang, càng nhìn cái khoảng trống kỳ quặc ấy, lòng hấn càng buồn. Hấn cảm thấy đời hấn như vừa mất một cái gì từ lâu đã giúp hấn nguôi ngoai được nỗi bơ vơ cô độc mà hấn không hề hay biết. Hấn đâm ra thương nhớ lão Bảy, cần sự gần gũi và có mặt của lão hơn bao giờ cả, hối tiếc về sự hững hờ, lãnh đạm của hấn lâu nay. Sự hối tiếc này càng khiến hấn phải tơ tưởng lão mãi không thôi, theo dõi dấu vết lão cho đến lúc không còn theo được nữa.

Sớm nay hẩn tìm tới nhà xác, lò dò theo mãi cổ quan để đưa tiền lão đến tận huyết mả là vì vậy. Và thật khó mà nói cho bác Cẩm hiểu được cái động cơ sâu xa, kỳ quặc ấy. Để trả lời, hẩn chỉ biết ứa nước mắt, nhìn vào nén hương đã hầu tàn ở một góc xe. Bác Cẩm thấy vậy, gật đầu:

– Đúng thế rồi phải không? Tao đoán có sai đâu, mày cũng thủy chung đó. Tao nghĩ người đời họ bạc bẽo cả. Lão Chinh trước mắt đấy. Nhưng cứ gì lão Chinh. Thiên hạ phần đông thế cả mày ơi. Tao biết. Tao phải kéo nhiều xác vô thừa nhận như thế này cũng là vì người đời họ bạc bẽo cả... Lắm lúc bà con đấy, mà chúng cũng làm lơ nữa là lão Chinh. Hừ! Lão Bả thế mà có phúc. Lão tử tế với mày cũng đáng mà.

Thuận lắc đầu :

– Không phải. Lão đối với cháu cũng thường thôi. Cũng như người khác thôi. Không thân lắm. Nhưng chẳng hiểu tại sao lão chết, cháu nghe khó chịu quá. Cháu tiếc và nhớ lão...

Bác Cẩm hừ một tiếng, quay nhìn Thuận chăm chú với cặp mắt ngơ ngác và cái mồm há hốc rồi cúi đầu xuống, bác lẩm bẩm :

– Hừ, cũng lạ. Cũng lạ...

Cả hai im lặng rảo bước. Đàng càng vắng dần. Trời lại đứng gió. Mặt Thuận hừng hực nóng và như co rúm hẳn lại. Chiếc áo sơ-mi màu nâu cũ kỹ, bản thủ của hắn ướt đầm, dán chặt vào lưng. Cởi cả nút áo để hở bụng, hở ngực, hắn vẫn cứ nghe nóng. Cả cái mũ vải đầy cát bắn, phe phẩy mãi trên tay hắn, cũng không đem lại được một chút hơi mát nào. Nhìn

con đàn vắng uể oải truồn dài dưới ánh nắng chang chang, xao dọn sau lớp hơi đất bốc lên ngùn ngụt, Thuận đâm chán ngán. Hắn có cảm tưởng như con đàn đưa tới bãi tha ma cứ kéo dài ra mãi không ngừng. Và để lẩn trốn cái ảo giác khó chịu ấy, hắn cúi xuống, nhìn vào bánh xe đang lăm lăm lăn tròn trên nền cát bụi khô khan, nóng bỏng. Cứ như thế, hắn gồng gỏi lê bước mãi cho đến lúc bác Cẩm kêu lên :

– Lại dốc nữa. Cái dốc này thì phải biết. Dài lắm. Tao nghe đã điếc cả hơi tai rồi mày ơi.

Cái dốc này dài thật. Thuận phải đẩy hộ để tiếp sức cho bác Cẩm. Vừa lên hết dốc cả hai người đã mệt nhoài, mồ hôi toát ra như tắm. Bác Cẩm cho xe dừng lại, ngồi dựa vào gốc cây, nhíu mắt lại,

lấy nón quạt lia lia một lúc rồi vừa thở vừa nói :

– Chao ôi là nắng. Đường đi chẳng xa gì nhưng tao nghe ngán quá. Được cái là đã đến nơi rồi.

Đưa tay chỉ bãi tha ma dưới xa, bác tiếp :

– Đấy rồi. Xuống hết dốc là tới. Huyệt đã đào xong từ chiều hôm qua. Ở phía trong kia một chút.

Bác lại tựa cả đầu vào gốc cây, ngồi thở với cái dáng gầy gập, nhọc nhằn, đưa mắt chăm chú nhìn vào cổ quan. Gương mặt bác Cẩm lúc này và cái lối nhìn có vẻ khác thường khiến Thuận phải chú ý. Hắn thấy bác Cẩm khác lạ đi. Thay vì cái vẻ dửng dưng, lạnh lùng, chai đá, là những nét xúc động gợn lên ở mấy nếp

nhăn của vầng trán toát tháo mồ hôi, ở cặp chân mày nhú hằn lại và đôi môi ỉu rũ bám chặt vào nhau. Bác Cẩm ngồi nhìn như vậy rất lâu. Cái trạng thái ngất lạng của bác, bên cạnh cổ quan, giữa cảnh hoang vắng, làm cho Thuận phát sợ. Hẳn đang hăng mấy tiếng. Như sức tỉnh, bác Cẩm cựa mình, thở dài nhìn Thuận :

– Ngồi xuống đây con. Đứng làm chi cho mỏi. Đến nơi rồi. Nghỉ đã. Tao cho mày thế mà có tình. Lão Bảy cũng có phước đó.

Thấy Thuận có vẻ ngạc nhiên, bác chậm rãi nói tiếp :

– Hừ, mày không biết. Tao làm việc ở bệnh viện trong bảy năm trời nay. Tao đã quen với xác chết lắm rồi. Tao thấy cái chết nó thường quá. Mày thử nghĩ mà coi, có ai lột da mà sống đời được. Chẳng

ai thoát được cái cửa đó. Chẳng trước thì sau cũng có một lần. Chết không đáng buồn. Tao chỉ thấy một cái đáng buồn là... là...

Bác Cẩm lại nhìn vào cổ quan trấn trường nằm chống dít lên trên chiếc xe vận tải :

– Cứ phải kéo xác ma nhiều quá, tao thấy không có cái chi đáng buồn và vô phước bằng một chiếc quan tài mà chẳng có người đưa. Phải kéo xác lâu ngày như tao rồi mới cảm thấy thấm thía chỗ đó mà ời. Lúc sống bơ vơ, trơ trọi kể đã khổ, mà tao nghĩ cũng chưa đáng buồn bằng lúc chết phải ra đi đơn thương, độc mã như vậy đó. Tao cho là đại vô phước. Thiệt mà. Đại vô phước.

Hạ giọng thân mật hơn, bác vừa phe phẩy chiếc nón vừa nói thêm :



– Trong bảy năm, tao kéo như rứa là có trên bảy chục cái xác vô thừa nhận. Để coi... Bảy mươi hai, ừ phải đó, bảy mươi hai, với lão Bảy nữa vị chi là bảy mươi ba, chứ có phải ít đâu. Nhưng chỉ có lần này tao mới thấy có người đi theo... là mày đó. Có mày, tao đỡ buồn hơn trước, ít nghe khó chịu như mọi lần. Bữa nay tao chỉ uống có ba trự. Mọi bận không uống cho thật say thì mày tính... chịu sao nổi. Thương tâm lắm mày ơi...

Bác Cẩm ngừng lại, thở dài một tiếng, rồi nhìn sững vào cỗ quan. Trên chiếc xe vận tải, cỗ quan vẫn nằm im lặng, ngoan ngoãn đợi chờ, Thuận có cảm tưởng như cái hòm sằng trắng hếu, và cả cái xác lão Bảy ở trong ấy, đang lặng nhìn và lóng nghe bác Cẩm. Tự nhiên lòng hấn bồi hồi cảm động và bao nhiêu ác cảm của hấn đối với bác ta từ sớm đến giờ vụt

tiêu tan đầu mất. Hắn càng sửng sốt khi thấy bác Cẩm nhú thêm đôi mày, nói như khóc :

– Thương tâm cho người ta rồi lại thêm lo cho mình. Tao già chùng này tuổi, gần đất xa trời lắm rồi. Năm nay là sáu lắm rồi. Một thân, một mình, không ai là người thân thích cả. Một mai nằm xuống thì cũng là cái xác vô thừa nhận chứ gì. Tao thấy trước như vậy. Nghĩ chẳng ra làm sao cả.

Nói xong bác lại ngồi im lặng. Nhưng lần này bác không nhìn cổ quan. Cặp mắt lơ đãng, sâu hoắm của bác buồn rầu hướng thẳng xuống phía bãi tha ma.

Dưới xa, bãi tha ma hoang vắng, trống trải dàn rộng mãi ra với vô số mồ con, mả lớn chen chúc kế tiếp nhau không ngừng, dưới ánh nắng gay gắt. Tuy

bãi tha ma nằm ngay bên con đàng dưới chân dốc, Thuận vẫn tưởng chừng như hắt đang ngắm nhìn một thế giới âm u, huyền bí, cách biệt hẳn với cõi dương gian đầy sinh khí. Hắt cảm thấy rờn rợn. Ngay lúc ấy, hắt nghe có một bàn tay nắm chặt lấy cánh tay hắt và cái giọng khàn khàn, buồn buồn của bác Cẩm:

– Lâu nay mày ở dưới tiệm lão Chinh à ? Không có cha mẹ, bà con gì cả sao ?

Thuận quay lại, gật đầu :

– Cháu mồ côi từ lúc nhỏ.

– Hừ, mồ côi. Mấy tuổi rồi? Tao xem mày cũng đã trọng.

– Mười lăm.

– Mười lăm tuổi. Thế là... tuổi Tuất. Ủ, tuổi Tuất đó. Mày đánh giày có đủ ăn không ?

Thuận thở dài :

– Cũng có ăn. Nhưng có chắc chắn chi... Với lại nhiều lúc cháu thấy bơ vơ quá. Mấy đứa kia chúng có cha, có mẹ...

Bàn tay bác Cẩm bóp chặt thêm cánh tay của Thuận :

– Mà thấy bơ vơ. Ủ, làm sao mà chẳng bơ vơ. Sống trơ trọi một thân, một mình, người lớn như tao còn buồn nữa là mày. Tao cũng thấy bơ vơ.

Bác ngả đầu vào thân cây, trầm ngâm một lúc rồi chép miệng:

– Tao hai đời vợ. Bạc tình cả hai. Có mấy đứa con cũng chết cả. Bà con bây giờ chẳng còn ai. Thực ra thì cũng còn đó, nhưng tao đã nói là người đời họ bạc bẽo lắm. Có tiền, có gạo thì khác, còn

lâm vào cảnh nghèo đến không đất cắm dùi như tao thì đừng có hòng.

Giọng nói của bác Cẩm mỗi lúc mỗi rầu rĩ và nhỏ dần để rồi tắt hẳn trong một tiếng thở dài náo nuột. Tiếng thở dài, nghe lạnh lạnh, chừng như thoát ra từ đâu trong cổ quan cảm lặng, nằm lơ lửng trên chiếc xe vận tải, đang ủ rũ chúi mũi xuống bên gốc cây, hơn là từ đáy lòng của ông lão. Bàn tay của bác Cẩm lại xiết chặt thêm. Từ cái bàn tay gầy guộc xương xẩu ấy, Thuận nghe có một hơi ấm nóng len vào da thịt, biến vội thành những rung chuyển êm ái, nhẹ nhàng lan rộng khắp tâm hồn hẳn. Mắt Thuận chớp nhanh và không nghĩ ngợi, hẳn buột miệng hỏi :

– Nhà bác ở đâu, bác ?

– Nhà tao ? Ừ, chuyển về tao chỉ cho. Nhưng mà hỏi để làm gì ?

– Để thỉnh thoảng lên thăm bác.

Cặp mắt lơ lơ, mệt mỏi của bác Cẩm vụt nở rộng ra và như sáng hẳn lên :

– Ủ, phải đó. Hay quá, mà nói thật trúng theo ý tao. Mà phải năng lên thăm tao nghe chưa ? Còn iao, hể tao rảnh là tao xuống tìm mày. Gặp một đứa có tình như mày tao cũng thấy vui đó.

Mặt có dáng vui vẻ, bác Cẩm đứng lên tiến lại phía chiếc xe, bảo Thuận :

– Đi con. Còn một khúc đường nữa. Đứa lão ta đến nơi đến chốn rồi có về cho sớm. Bạn về mà ghé nhà tao cho biết. Nhà tao thì chật hẹp lắm. Nhưng cũng rộng chán cho hai bác cháu mình. Lúc nào mày buồn thì mày cứ lên tao.

Và khi chiếc xe bắt đầu chuyển bánh, bác Cẩm mỉm cười :

– Đừng tưởng tao nghèo và già cả như thế này mà không được tích sự gì cho mày đâu. Nhỡ mày đau vào nằm nhà thương thí, thì tao cũng sẵn sóc cho mày được vậy chớ.

## NHỮNG QUẢ ĐẮM TRÊN MỘT CHUYẾN TÀU

Cả đoàn tàu tốc hành Hà Nội-Sài-Gon vừa chui ra khỏi hầm, đang rùng rùng chạy men theo triền núi. Qua khung cửa hạng tư, tôi nhìn ra bên ngoài. Tốc độ trên sáu chục cây số một giờ và tiếng động cơ chuyển sinh sịch, gấp rút, đem lại cho tôi cái khoái cảm như mỗi phút mỗi được bay sâu vào cái thế giới bao la, kết hợp bởi trời cao bể rộng, núi rừng trùng điệp...



Ngồi bên tôi là thầy học của tôi. Một ông thầy dạy tư, người Nghệ An, tuổi trên bốn mươi, mảnh khảnh trong chiếc áo dài sa-tanh đen. Thầy tôi tựa lưng vào thành toa, hai tay khoanh trước ngực, ngoảnh mặt nhìn về phía tôi, mỉm cười :

– Vinh thấy phong cảnh có đẹp không ? Phải ngắm nhìn, quan sát cho thật kỹ núi và bể. Chuyến này về thế nào cũng ra luận đấy.

Rồi hạ thấp giọng hơn :

– Giang sơn chúng ta cảm thú như vậy đó. Mà tiếc thay...

Thầy tôi nói như nói cho mình nghe hơn là nói với tôi. Tuy ở cái tuổi ham ăn, ham chơi, nhưng vì sống gần và học hỏi thầy tôi lâu ngày, nên tôi cũng thông cảm phần nào ý nghĩa câu nói còn lơ dờ ấy.

Trong số các thầy học của tôi thuở ấy, tôi mến ông thầy dạy tư này hơn cả, tuy lúc đầu tôi có ác cảm.

Tôi còn nhớ, mùa hè năm ấy, khi nghe cha tôi ngỏ ý muốn cho tôi theo học ông, mẹ tôi đã bảo ngay :

– Có phải ông thầy Nghệ An ấy không ? Tôi nghe chừng như ông ta bị tình nghi. Cho nó học với người ta thêm rắc rối.

Chị tôi ngồi bên cạnh, rúc rích cười :

– Ông thầy cá gỗ.

Hai tiếng cá gỗ gieo vào đầu óc tôi một mớ ý nghĩ không hay về ông thầy tôi sắp học : một người bủn xỉn, biển lận, rít rắm, nghĩa là có đủ những đặc tính chẳng hay ho gì, mà những người chung quanh tôi thuở ấy thường gán cho đồng bào Nghệ Tĩnh. Lại thêm hai tiếng tình nghi

nữa. Nó là cả một danh từ không đẹp. Một danh từ làm cho quả tim non dại của tôi phải hồi hộp, run sợ. Đã có biết bao nhiêu con người bị bắt bớ, còng tay dắt đi, hay bị bỏ lên những chiếc xe của sở mật thám, trước cặp mắt thơ ngây của tôi. Những con người mà vú già mỗi lúc thấy, thường rĩ vào tai tôi : « Họ bị tình nghi ».

Nhưng rồi cha tôi mỉm cười :

– Hơi đâu mà ngại. Tôi nghe tiếng ông ta dạy học trò mau tiến lắm. Cứ để cho nó học,

Ngày đầu tiên đến trường, tôi cảm thấy khó chịu đến muốn bỏ về. Tôi thấy thấy tôi không oai và không sang trọng như các ông giáo ở trường công. Trông ông có vẻ tầm thường, khắc khổ với bộ mặt hơi dài và rỗ hoa mè, cặp mắt tuy sáng nhưng buồn quá, cái miệng rộng

với hai nét nhăn râu rĩ ở hai bên khóe. Thân hình ông lại gầy gò, mảnh khảnh trong chiếc áo lụa cụt rộng tay, thường là màu nâu hay màu đen, và cái quần trắng không bao giờ là.

Lớp học mở ngay trong nhà. Mà nhà thầy tôi thì nghèo quá. Sự phản ứng đầu tay của tôi trước thầy giáo, là một nụ cười ngạo mạn được che kín phía sau cái kẹp sách bằng da hải-cẩu. Tôi càng khó chịu hơn vì thái độ của thầy tôi. Trong mấy ngày đầu, riêng đối với tôi, ông thầy học này chừng như vừa nghiêm khắc lại vừa có vẻ lãnh đạm. Cái thái độ này làm cho tôi lắm lúc cảm thấy bơ vơ giữa đám học trò nghèo trên ba bốn chục đứa. Mãi như thế cho đến một buổi chiều. Lúc bãi học, đám học sinh chạy ùa ra ngõ, lẫn lút nhau, làm cho một người bạn học trò nhỏ nhất bị té và lăn cù xuống mương.

Tôi đi sau cùng, vội nhảy xuống kéo bạn lên, lượm hộ sách vở, phủi hộ áo quần. Tôi đang xoắn xít hỏi han bạn, bỗng nghe có bàn tay ai vò lấy đầu tôi. Ngẩng lên, cặp mắt của tôi bắt gặp cặp mắt của thầy tôi. Một cặp mắt nào khác hẳn thì phải hơn. Một cặp mắt hiền dịu, chan chứa cảm tình, đang cười theo đôi môi đang cười. Thầy tôi nói với tôi bằng cái giọng không gắt chặt như lúc thường :

– Khá lắm. Vinh cũng khá lắm. Biết thương bạn nghèo. Tốt lắm,

Thầy tôi lại đưa tôi vào nhà. Khi đến bên bàn đọc sách, thầy tôi vê thuốc Lào trong hộp, đặt vào ống điếu cày, đánh diêm rít một hơi dài thích thú, rồi phà khói ra, bảo tôi :

– Từ rày cố gắng mà học nhé. Ăn ở với chúng bạn như thế là tốt lắm. Tốt lắm.

Rồi từ ngày đó, thái độ thầy tôi thay đổi hẳn. Về phần tôi, tôi cũng phải thú nhận là sau mấy ngày đầu, nhất là sau cái hôm thầy tôi nói với tôi trước ngõ, tôi không còn dám coi thường thầy tôi nữa. Có một cái gì trong lối dạy, lối nói, cử chỉ làm cho tôi phải mến và nể nang. Phải nói rằng tôi kính sợ nữa, tôi, một đứa bé có tiếng là cứng đầu, cứng cổ, bướng bỉnh, ngỗ nghịch, dám coi thường cả mọi thứ kỷ luật, hình phạt của trường công. Một học sinh lúc nào trong cặp sách cũng có sẵn dao găm mặt nạ, dám đùa ngay trong giờ học và chuyên môn đập bậy trong giờ chơi.

Điều tôi chú ý là thầy tôi chú trọng đến chúng tôi trong lúc chơi nhiều hơn lúc học. Và những lối dạy răn về đức dục cũng khác hẳn những gì người ta đã uốn nắn tôi ở trường công. Thầy tôi rất ghét

những cử chỉ rụt rè, khúm núm, những lối chào hỏi, thưa gửi quá nhỏ nhoi. Mỗi khi đến gần thầy tôi mà vòng tay, cúi đầu, khép nép là thầy tôi quát :

– Hừ ! Hừ ! Trò đừng giở cái thói giả hình ấy ra. Người ta đã tập cho trò lâu quá rồi. Đứng thẳng người lên, nói cho rõ ràng nào. Khép nép đâu phải là lễ độ.

Rồi bao giờ thầy học tôi cũng buông tiếp một câu như nói với ai khác vậy :

– Muốn làm người hay làm nô lệ mãi !

Và khổ cho những học sinh nào tỏ ra vẻ yếu hèn với chúng bạn, hoặc nhút nhát, sợ sệt, nhất là hay khóc. Phải trải gì không biết, nhưng đã chạy đến thầy tôi, với cặp mắt ướt, là đã bị thầy tôi bấu môi, mắng cho tàn tệ :

– Phải có khí phách chứ. Hèn thế. Con trai không bao giờ... không bao giờ thềm khóc cả.

Từ nể sợ, tôi tiến đến chỗ ham học, chăm học. Chỉ mấy tháng qua, tôi đã thấy tiến nhiều, ngay trong các môn mà tôi kém và chán nhất ở trường công. Nhưng cũng như các bạn tôi, tôi rất thích những giờ sử học. Trong giờ sử học, thầy tôi là một người nào khác hẳn. Không phải là một ông giáo, nhất là một ông giáo làm cho chúng tôi chán nản, ngáp vặt với những bài sử dài dòng, khô khan, đầy những ngày tháng, tên tuổi phải cố vào óc. Nhưng là một nhà truyền giáo, khéo quấy động con tim, kích thích tâm hồn, thần trí của chúng tôi với những mẫu chuyện anh hùng, những dĩ vãng đẹp đẽ của đất nước.

✱



Cũng vì vậy mà câu nói trên kia tuy lỡ dở, tôi vẫn thông cảm được những hậu ý của thầy tôi. Từ đáy lòng tôi ùn dâng lên một cái gì làm tôi nghe đầy ắp cả ngực. Nhưng rồi chỉ chốc lát thôi, chỉ một chốc lát nó lại dịu xuống ngay trong cái vui được ngắm cảnh đẹp ở bên ngoài.

Bỗng tôi giật mình quay vào. Ngay phía cuối toa, chỗ bán đồ ăn, có tiếng la lớn :

– Hai thầy chơi cái chi lạ vậy ? Hai thầy đừng nên ỷ thị đồng tiền mà đùa cợt quá đáng.

Tất cả hành khách trong toa quay đầu lại. Bao nhiêu cặp mắt đổ dồn vào hai người đàn ông ăn mặc Âu phục rất keng, mặt đỏ gay vì rượu. Một trong hai người

mập mạp, đẩy đà, mang kính trắng gọng vàng, đưa tay vuốt bộ ria cá chốt một cách đều giả rồi sừng sộ :

– À, mày dám to tiếng với ai, con kia ? Mày tưởng đâu mày đẹp lắm à ?

Cô bán đồ ăn cũng không kém, vừa sửa mái tóc bồng xõ, cô vừa đáp lại :

– Đẹp hay không cái đó mặc tôi, có mắc mớ chi đến các thầy. Tôi không ngờ những hạng người như quý thầy mà cũng...

Người mang kính gọng vàng trợn mắt, sấn lại :

– Mà cũng làm sao ? Mà cũng làm sao ?

Cả hai xông vào, sắp thoi cô bán hàng. Ngay lúc ấy, thầy học tôi đứng phắt dậy, lớn tiếng :

– Tôi xin hai ông bớt nóng. Lấy sức mạnh của hai người đàn ông, để uy hiếp một người đàn bà, tôi tưởng là một cử chỉ không đẹp chút nào.

Người đàn ông mang kính trắng, quay đầu lại, nhìn thấy tôi từ đầu đến chân với cái dáng khinh bỉ, ngạo mạn của người trên nhìn kẻ dưới. Rồi gã hất hàm :

– Hừ, việc gì đến anh? Nó hỗn, tôi đập.

Thầy tôi vẫn ôn tồn :

– Nhưng có làm sao người ta mới hỗn chứ ?

Người mang kính trắng đỏ mặt, tia tai :

– À, mày muốn lý sự với tao. Espèce de salaud<sup>2</sup> Tao có quyền đập và tao đập

<sup>2</sup> Đồ đểu.

cả mày nữa, nếu mày không im mồm.  
Ferme ta gueule alors<sup>3</sup>...

Rồi cả hai cười lên một cách ngạo mạn. So sánh vóc dáng và sức lực của hai gã với thầy tôi, tôi lo lắng run sợ. Bọn họ thì to lớn, mạnh khỏe quá. Thầy tôi thì yếu đuối, mảnh khảnh quá. Tôi nghĩ thầy tôi không đứng rước vạ vào mình. Và tôi run cả người lên khi thấy cánh tay của người mang kính trắng dang thẳng về phía thầy tôi và gã nói với tất cả cái giọng khiêu khích :

– Thế nào, còn can thiệp nữa thôi ?

Rồi gã thu tay, sắp đấm vào mặt thầy tôi. Và gã đấm thật sự, nếu không có ba bốn người hành khách vào can gã, và đẩy thầy tôi về chỗ. Tôi hoảng sợ và đăm ngượng lây, khi thấy thầy tôi ngồi xuống,

---

<sup>3</sup> Câm mồm đi.

im lặng không nói gì cả. Hầu hết trong đám hành khách cũng ngồi yên. Cái vẻ hung tợn, ngang tàng của hai gã kia chừng như làm cho họ vừa tức, vừa sợ. Cũng có một số người nhìn thấy tôi rồi quay đi, để nở trên môi những nụ cười khó hiểu. Thấy tôi thì vẫn khoanh tay, lặng nhìn ra phía trước như không chú ý tới ai nữa. Tôi cũng cho sự yên lặng ấy là phải, tuy tôi cảm thấy một cái nhục của kẻ yếu, mà khổ thay, người phải mang cái nhục ấy lại là thầy tôi, một người tôi kính nể lâu nay. Tôi nghe hoang mang khó chịu và tức tối, nhất là khi hai gã kia ném vào mặt thầy tôi những cái nhìn khinh bỉ rồi lại chỗ ngồi với tất cả cái vênh váo, đắc ý của hạng người thắng trận.

✱

Xe vẫn chạy... Thấy tôi vẫn ngồi yên... Đám hành khách, qua một cơn kinh hoảng, xôn xao, lại trở về với cái trạng thái uể oải, lù đù. Nhiều người đã ngả đầu vào thành toa để nới lại những giấc ngủ gà ngủ gật. Tiếng còi tàu thỉnh thoảng lại rít dài lên giữa những tiếng chuyển động âm âm của đầu máy, thân tàu và tiếng bánh sắt nghiêng trên đường rầy...

Bỗng một giọng nói ồ ồ làm cho ai nấy giật mình. Từ đâu trên toa hạng ba, một người Pháp ngهنh ngang bước xuống. Y đi giữa toa tàu chậ cả người và hành lý như đi giữa đường phố rộng. Người y lớn quá trong chiếc áo sơ-mi ngắn tay và cái quần kaki màu vàng rộng xù xì. Y vẫn theo với y cả một cái bụng phệ to tướng, to hơn cả những cái bụng có chứa gần đến ngày « mãn nguyệt khai hoa ». Tướng y lại dữ tợn quá với bộ mặt chằm

vầm, màu da đỏ ong vì rượu, cặp mắt lộ trông màu nâu, cái mũi lõ kếch sù, quặp lại trên bộ râu xồm xoàm che kín cả miệng. Y đập bữa lên chân và các thứ hành lý. Vừa bước, y vừa la lối với cái giọng hống hách :

– Tránh chỗ tao đi, tránh chỗ tao đi !

Đám hành khách choàng tỉnh và bảo nhau :

– Này, tránh chỗ cho ông ấy đi, ông ấy say đấy.

Nhiều người đàn bà thất sắc, thu hình lại, co giò lên, và đẩy vội hành lý. Trong toa nhốn nháo cả lên. Giữa lúc ấy, bỗng tên Pháp bụng phê dừng lại, trợn mắt hét to, rồi y đá vào lưng một bà cụ đang ngồi trên cái rương đặt ngay giữa sàn tàu, chỉ vì bà cụ mãi ngủ không thấy mà tránh

kip. Bà cụ lăn kên xuống sàn tàu, ngã vào chân của gã mang kính trắng. Đau quá, nhưng sợ hết hồn hết vía, bà cụ ôm lấy chân gã, nói như khóc :

– Lạy thầy, thầy cứu tôi, thầy can hộ không tôi chết mất.

Tôi nhìn người mang kính trắng như nhìn một vị cứu tinh của bà lão. Nhưng tôi ngạc nhiên và thất vọng xiết bao, vì, ngay lúc này, bao nhiêu cái vẻ nghênh ngang, hùng hổ, vênh váo của gã đã biến đi đâu mất hết. Sắc mặt của gã cũng như của người bạn gã tái hảm đi, tái mét, và gã run lên. Cả đám hành khách trong tàu cũng vậy. Tất cả đều im bật. Nhưng rồi tất cả lại giật mình, Thầy tôi đã đứng lên. Và nhìn chòng chọc vào tên Pháp hống hách, với tất cả vẻ căm hờn, thầy tôi tiến ngay về phía nó.



Ngay trong một chớp nhoáng thôi, người ta cũng chẳng hiểu cái con người nhỏ nhoi như con nhái-chàng ấy đã làm thế nào, để với một quả đấm, hạ nổi một tên thực dân to béo như một con bò mộng. Người ta chỉ thấy cái khối thịt và mỡ ấy ngã nhào xuống giữa đồng hành lý với những tiếng kêu choai choái, rồi tiếp đến những tiếng thở ành ạch... Tên thực dân lay hoay mãi một lúc mới lồm cồm nhồm dậy. Nhưng y vừa ngóc đầu thì một quả đấm thứ hai đã nện ngay vào mũi. Y lại ngã nhào trở xuống. Nhiều người thấy trước cả một tai họa đang chờ thầy tôi, xúm lại cản ngăn :

– Thôi, thôi, ông nóng quá. Ông nên nhớ là...

Nhiều người thì thào :

– Ông liều quá. Phên này thì nguy to... Động đến nó có phải là chuyện chơi đâu.

Nhưng thầy tôi gạt mọi người ra :

– Các ông cứ để yên. Tôi có bề gì tôi xin chịu. Ít ra cũng phải có người chịu liều để cho chúng biết rằng người Việt Nam không phải là giống dễ dè đầu, dè cổ.

Tên thực dân lại loay hoay tìm cách ngồi lên. Y nhìn thầy tôi với cái nhìn hằn học như muốn ăn tươi nuốt sống. Nhưng trong cái hằn học ấy có cả một vẻ gờm sợ đến nỗi y câm lặng, không còn dám thốt ra một câu nguyên rủa nào. Ngay lúc ấy, mấy người soát vé từ các toa trên chạy xuống và cũng vừa lúc tàu đã đến một ga nhỏ. Trái với lệ thường, xe dừng lại. Bọn này xúm vào đỡ tên Pháp dậy, và ông « xếp tàu » thì cố ngăn thầy tôi không cho

đến gần. Một lát sau, từ dưới ga có mấy người linh bông súng đi theo một tên sĩ quan bước lên tàu, vào toa. Sau mấy câu đối thoại giữa tên sĩ quan và tên Pháp bụng phệ, thấy tôi bị còng tay lại. Tên sĩ quan nhìn thấy tôi với cặp mắt guồn guồn, rồi y hất hàm bảo :

– Những quân này phải cho nằm tù rục xương chúng mới biết thân.

Sắc mặt tên Pháp bụng phệ chuyển từ cái màu tái bầm ra màu đỏ ửng. Y tiến lại gần thấy tôi, tát mạnh vào mặt rồi cười lên một cách hả hê. Trước cái lối trả thù khiếp nhược ấy, thấy tôi bĩu môi, vừa định nói gì thì tên sĩ quan đã ra lệnh cho bọn lính lôi thầy tôi xuống sân ga. Cả toa tàu nhốn nháo lên nhưng không ai dám hé môi nói gì.

Rồi gã mang kính trắng và bạn gã,

lúc này lại trở lại hí hỏn, vui vẻ hơn ai cả. Nhìn theo thầy tôi, gã cất giọng nói oang oang:

– Hừ, đáng kiếp! Thế mới sáng mắt ra. Dại cái gì mà dại quá. Nhè các quan bảo hộ mà đánh thì còn trời đất gì nữa. Lao Bảo không thì Còn Lôn đấy nhé.

Và khi tàu chuyển bánh, trong lúc tôi đang rối ruột rối gan vì nỗi thấy tôi bị bắt thì cả hai gã kia lại thu hồi cái vẻ nghênh ngang, hống hách trước kia, lại bàn tán ngẫu xạ. Gã mang kính trắng dọn ngay cái bộ mặt hiền triết, nói bô bô :

– À, ở đời phải biết cương mà cũng phải biết nhu chứ. Cương không đúng lúc như thế là dại dột quá sá. Sức tôi có phải không hạ nổi người Pháp ấy đâu. Nhưng đấy, cái gương trước mắt đấy. Ngồi không chẳng muốn, thằng cha ấy lại thích mang

gông mà ngồi. Thế mới sáng mắt ra, hì... hì...

Gã ngửa mặt ra cười. Bạn gã cũng cười theo. Cái cười của hai con người này trông nó bần tiện đáng ghét làm sao. Bần tiện đến nỗi một đứa bé như tôi cũng không dám nhìn. Và ngay lúc ấy, tôi hiểu được vì sao thầy học tôi có thể thản nhiên trước những cử chỉ, thái độ khiêu khích của hai gã lúc này.

✱

Người ta đưa thầy tôi đi đâu ? Tôi không biết. Mãi về sau, cách đấy hai năm, tôi mới được gặp gỡ thầy tôi trong chớp nhoáng. Tôi nhớ là một buổi sớm, tôi đáp xe ô-tô từ Đà Nẵng ra Huế. Khi chiếc xe

hàng sắp ra khỏi thành phố, tôi chú ý đến một đám phạm nhân đang bị mấy người lính áp giải đi trên lề đường. Bỗng tôi vui mừng ngồi thẳng người lên, nhìn ra ngoài, khi thấy một người trong bọn họ đưa tay vẫy tôi. Vì xe chạy nhanh quá, cái bóng người ấy lùi vội về phía sau, nhỏ dần đi, rồi biến mất dạng trong đám bụi mù. Bóng một người gầy ốm, xanh xao, gầy gáp trong bộ đồ xanh đã nhạt màu có đóng số sau lưng. Cái bóng ấy vụt hiện ra, rồi vụt biến đi như một bóng ma. Nhưng trong cái vụt hiện, vụt biến ấy, tôi vẫn nhận ra được đấy là thầy học của tôi thuở nào.

Rồi từ đấy thì vắng bật cả tin tức. Mãi mãi tôi không còn gặp, cũng không còn nghe ai nhắc đến thầy tôi nữa. Nhưng mãi mãi, tôi vẫn còn nhớ, vẫn còn có nhiều trường hợp trong đời khiến tôi phải nhớ

đến thầy tôi, đến gã mang kính trắng, đến cái vẻ vênh váo và cái cười khả ố của gã cùng những quả dấm của thầy tôi trên một chuyến tàu.

## BỨC BÌNH PHONG

Vầng trăng thượng tuần vừa tắt. Biệt thự Hoàng Hoa chìm lắng vào lòng khuất tối, im vắng của khu vườn rộng, um tùm cây cối.

Ngay giữa lúc ấy, có những tiếng gõ khe khẽ ở cửa phòng lầu phía Tây. Trong phòng, bức màn hoa giăng ngang trước giường mừng, xao xuyến chuyển mình. Một bóng trắng lướt qua vùng ánh sáng xanh tỏa ra một cách dè dặt từ chiếc đèn chong, đặt trên bàn đêm, có chụp lăng trụ



vẽ hình mấy con cá long-nhãn đỏ bơi lội trong dòng nước gợn sóng lao xao. Cùng với sự xuất hiện của bóng trăng, có tiếng dế Nhật tiến vội nhưng rất êm ái, nhẹ nhàng về phía cửa phòng. Cánh cửa hé mở, rồi từ từ khép lại. Những tiếng thì ào ào nhẹ vẳng lên trong bóng mờ tối của một góc phòng :

– Hẳn ta đi rồi.

– Chưa chắc. Lúc chiều khi ra đi trông hẳn có vẻ do dự. Em ngại quá. Con người ấy khó hiểu vô cùng.

– Chẳng có gì đáng lo cả. Anh đã theo dõi cẩn thận. Hẳn đáp chuyến tàu suốt lúc bảy giờ tối.

– Nhưng có chắc lúc vào chẳng ai thấy không? Em sợ đến run cả người. Tim em muốn đứng hẳn lại. Nhưng...

Một tiếng thở dài. Tiếp theo là những tiếng cười thoải mái vừa thốt ra khe khẽ đã ngọt tắt giữa đôi môi chùng như bám áp chặt vào đôi môi của người đối diện. Một lát sau, tiếng dép Nhật lại hòa lẫn với tiếng đế giày cao-su, theo những nhịp bước nôn vội, rối loạn nhưng rón rén, dè dặt, cùng tiến dần vào phía trong cùng. Bức màn hoa lại xao xuyến giây lát, rồi từ từ buông rũ trở vào trạng thái im lìm. Trên bàn đêm, chiếc đèn chong vẫn lặng lẽ tiếp tục tỏa chiếu một nguồn ánh sáng xanh dịu lơ mơ, qua chiếc chụp đèn có lộ hình mấy con cá long-nhãn bơi lội nhớn nhỡ trong dòng nước sáng...

Bên ngoài, bóng đêm hắc ám như cổ bao trùm cả ngôi biệt thự với bức màn đồng lõa tối tăm..

Bỗng nhiên, giữa cái tịch mịch nặng nề của ngôi biệt thự, lại có tiếng gót giày

nện mạnh, đầu từ dưới nhà tiến dần lên phía cửa phòng, qua những bậc thang lầu rộng đúc bê-tông. Tiếng giày bước đều đặn, có vẻ khoan thai, đủng đỉnh, tỏ ra là người đi không có ý nôn vội. Nhưng chính trong cái khoan thai, đủng đỉnh, những tiếng nện mạnh khác thường của gót giày lại để bộc lộ một nỗi hần học. Những tiếng nện khô nỏ, gắt gỏng, nặng nề, vang lên trong cái vắng lặng, im bật của ngôi biệt thự, có vẻ như cố lay gọi, thức tỉnh, cảnh cáo một cái gì, hơn là phản ánh một cách vô tình tâm trạng bất thường của người đang đi.

Tiếng giày ngừng lại trước cửa phòng lầu phía Tây để nhường cho tiếng gõ cửa và tiếng hột xoài bị vặn mạnh. Và sau đó là tiếng gọi đồng dục :

– Mợ ! Mợ cả !

Tiếp theo tiếng gọi là tiếng huýt sáo mồm theo điệu « My love, my love ». Giọng gắt gỏng của tiếng gọi và cái du dương rất vô tư của điệu sáo mồm gây nên một tương phản nghe đến khó chịu. Nhất là khi vừa thổi xong một điệp khúc, tiếng cười gằn lại nổi lên :

– Mợ cả ! Ngủ gì mê lắm thế ?

Mãi một lúc sau, đèn trong phòng mới bật sáng và có tiếng đàn bà hỏi vọng ra với cái giọng ngái ngủ :

– Ai?

– Tôi đây ! Tôi đây mà.

Cửa phòng hé mở rồi mở rộng hẳn :

– Ô cậu ! Nhưng sao cậu lại trở về. Sao cậu về khuya thế này mà không điện thoại cho nhà biết để đưa xe đi rước ?

Tiếng giày tiến dần vào phòng, vẫn khoan thai, dừng đỉnh, nhưng không nặng nề, gắt gỏng như trước :

– Tôi phải trở về vì một việc cần.

– Một việc cần?

Có tiếng một chiếc ghế dựa ở góc phòng khua động và tiếng ngáp dài uể oải :

– Thật là mất công ! Nửa đêm mới biết là bỏ quên cái ví da ở nhà. Trong đó lại có bản hợp đồng. Tôi bỏ quên đâu đây trong phòng này. Tìm xem.

– Có thì em đã thấy rồi.

– Có lẽ trong phòng tắm.

– Để em mở cửa, bật đèn...

Chiếc ghế lại khua động, tiếng giày

nổi lên khoan thai, dừng đỉnh, lui tới từ góc này đến góc kia của gian phòng :

– Không có ! Hay có lẽ trong một thọa bàn nào đó. Hay trong tủ. À phải rồi, tôi nhớ ra rồi ! Trong tủ. Đúng như thế. Trong tủ đựng này. Mợ khóa rồi chứ ?

– Khóa rồi.

– Nhưng mợ sao thế? Mợ rét à? Cho tôi chìa khóa rồi đi nằm.

– Chìa khóa ! À, chìa... chìa khóa...

Có tiếng nhiều thọa bàn được kéo ra, đẩy vào, tiếng lục soạn gấp vội, tiếng lật gối, rũ chăn :

– Lạ thật, để em nhớ xem. Lúc đầu hôm khóa xong lại bỏ vào đâu mà quên mất đi nhỉ. Lạ này... bỏ đâu mà nhớ chẳng ra. Nhưng đã khuya quá rồi, cậu nên đi

ngủ, mai sớm hãy hay. Cậu thay đồ, em xuống nhà bảo dọn thức ăn khuya rồi cậu xuống nhé.

– Mợ cố nhớ lại xem. Phải tìm cho ra cái ví, mai sớm tôi phải đáp chuyến tàu sáu giờ. Cần nhất là bản hợp đồng...

– Để em nhớ ! Để em tìm. Nhưng cậu cứ xuống dùng đồ khuya rồi đi ngủ, để mặc em.

Chiếc ghế dựa khua động :

– Cũng được... Mợ xuống nhà đi... Nhưng hãy khoan.

Một tràng cười bỗng nổi lên khanh khách. Tiếng cười hần học nghe ghê rợn và chua xót như tiếng rạn vỡ, đau đớn của một quả tim chất chứa hận thù :

– Mợ cũng có tài đóng kịch thật. Tủ đầu có khóa. Mợ nhìn đây và nghe tôi.

Có tiếng rú kinh khủng của người đàn bà :

– Ôi lạy cậu ! Lạy cậu, tha cho em !

– Im mồm ! Tôi chẳng bắn mợ đâu...  
Tao không bắn mày đâu ! Nhưng muốn tao sinh phúc thì phải im lặng, làm đúng theo lời tao sai bảo. Trước hết mày hãy mở cửa tủ cho tên khốn nạn kia, kéo nó chết ngạt mất. À mày ! Khôn hồn thi dẫn xác ra. Mày đừng hòng thoát khỏi nơi này. Muốn khỏi mất mạng, nhất nhất phải tuân theo ý muốn của tao. Hừ, vợ và bạn ! Tao đã hiểu rõ lòng dạ chó má của chúng bay lâu rồi. Thực ra cái chuyện đều giả, tồi bại của chúng bay, nhất là của mày, con khốn nạn kia, giết chết lòng tao thì ít mà phá hoại cái phong thể của tao, của gia đình tao thì nhiều. Nếu chỉ bắn chết bọn mày như hạ sát hai con chó là đủ, thì hai đứa bay đã phải chết từ lâu rồi.



Bây giờ thì phải nghe đây...

Ngay lúc này, trong ngôi nhà gạch nhỏ ở gần cổng ra vào, bác Nhã, người gác cổng, đứng tựa cửa sổ trong bóng tối, bên cạnh vợ, chép miệng :

– Thật là thâm độc !

Bác Nhã gãi thớ dài, nói nhỏ :

– Trời ơi ! Ai ngờ được có chuyện lạ lùng như vậy trong một gia đình như thế này nhỉ ? Nhưng tại sao mình biết trước được ?

– Lạ gì những chuyện này, tao để ý dò xét mọi cả từ lâu. Mọi cả với ông kỹ sư ấy. Họ cũng kín đáo lắm. Nhưng chỉ giữ kín đáo được với cậu cả một thời gian thôi. Cái nghề đã mê nhau như diều đở thì khó giấu cho nhem lắm. Còn cái chuyện ra đi của cậu Cả hôm nay, lại càng dễ hiểu hơn.

Thường có đi xa là cậu ấy dùng ô-tô chứ có bao giờ đi xe lửa. Đáp tàu lửa là để cho hai người kia yên lòng.

– Này nhìn xem, mợ ấy xanh như tàu lá. Trông thương hại làm sao. Ông kỹ sư cũng vậy. Cả hai đang làm gì thế ?

– Đang viết tờ thú.

– Tờ thú. Khổ thân quá nhỉ! Nhưng như thế cũng may. Gặp người nóng nảy thì đã bỏ mạng rồi còn gì !

– May à ? Đã rồi chuyện đâu mà mụ bảo là may. Tao nghĩ hai phát súng cũng chưa hiểm độc bằng cái lối này.

Bác Nhã gái quay nhìn chồng :

– Mình nói sao ? Tôi chả hiểu.

– Cứ nhìn rồi hiểu.

– Ôi mẹ ơi ! Cái gì thế kia ?

Bác Nhã trai gắt khê:

– O hay, cái mụ này. Đã lên xem trộm mà cứ làm ồn mãi thế. Câm ngay.

– Một con dao ! Cậu ấy không bắn mà định đâm chết sao? Trời ơi !

Bác Nhã lại cười :

– Mụ đừng rồi lên. Chả đâm với mổ gì ráo. Xẻo thôi.

– Xẻo ? Xẻo ai ? Xẻo cái gì ?

– Bảo im cái mồm. Nói nhỏ với. Mắt để đâu chả chịu nhìn lại cứ hỏi.

Nhưng bác Nhã gái bỗng đưa tay bùm mặt, cúi đầu xuống, lắc qua lắc lại :

– Ôi ! Lạy ông bà, cha mẹ, lạy Trời, lạy Phật, ghê gớm quá. Tôi không nhìn được.

Chính tay vợ ấy sao ?

– Chứ còn tay ai ? Thế mới thâm độc.

– Nhưng làm sao vợ ấy có thể... có thể...

Bác Nhã trai đứng thẳng người lên, tặc lưỡi :

– Lâm vào cảnh này, có gì mà chẳng phải làm. Đứt rồi. Mượn sơ một vành tai để làm kỷ niệm. Lão kỹ sư mất một tai. Chính tay vợ ấy xẻo, rồi cũng chính tay vợ ấy phải băng bó... Thế là yên. Thế là ổn thỏa rồi.

Bác Nhã gái bỏ tay xuống, rung mình :

– Ổn thỏa ! Chuyện dâm loạn tà trời như vậy mà ổn thỏa sao cho được. Tôi nghĩ từ ngày mai trở đi chắc là còn lắm cái rắc rối, lắm chuyện lục đục, đổ vỡ chứ

dễ chơi đâu. Vợ chồng đã đến thế còn mặt mũi nào mà ngó nhau được nữa? Còn sống đời với nhau làm sao được, Trời !

Trong bóng tối lơ mơ, bác Nhã trai nhìn vợ, nhếch môi cười rồi lắc đầu :

– Để rồi mục xem. Chẳng có gì thay đổi cả. Những điều mục vừa trông thấy chỉ là giấc mơ. Một giấc mơ thôi. Mục mới về với tao chỉ được một năm, còn tao, tao ở đây đã hai đời. Tao biết rõ hơn.

Nghĩ một lát, bác Nhã trai nhún vai nói tiếp :

– Nhà này là nhà đại gia, mục biết chưa ! Cái phong thể của người ta lớn lắm chứ đâu như hạng chúng mình. Giá là tao với mục thì tất cả mọi sự đã nổ tung ra như một quả núi lửa rồi. Nhưng là nhà đại gia, là hạng thượng lưu... mục biết chưa ?

Bác Nhã gái nhăn mặt :

– Gì thì gì, chứ đến cái cảnh ấy mà bình tĩnh được như thế cũng lạ. Với lại họ đã yêu nhau mà sao họ cam chịu như vậy hả ?

Nhìn lên phía cửa lầu, thấy ánh sáng đèn lớn đã tắt, khung cửa sổ chỉ còn là một khung xanh lơ mờ, bác Nhã trai bước vào phía giường, đốt thuốc hút rồi cười khẩy :

– Tao đã nói cái hạng như mụ với tao khác, còn người ta khác. Trong vụ vừa rồi, nói cho đúng ra, không phải mợ Cả và lão kỹ sư chỉ sợ chết, hay cậu Cả ngại nhúng tay vào máu đầu. Nhưng họ phải chịu đựng lẫn nhau như vậy là còn vì những cái gì khác nữa và quan trọng hơn. Sĩ diện, phong thể, danh giá. Ối trời, để rồi mụ xem, chẳng có gì thay đổi trong ngày mai, ngày kia và sau đó nữa cả. Những

nhà đại gia có khác. Và mẹ muốn chúng ta được ăn yên ở yên. thì phải biết cầm mồm. Dĩ hơi ra là có lo mà cuốn gói.

\*

– Con người thì trông có vẻ lù khù mà nói ra cái gì là y như đúng cái ấy.

Bác Nhã gái vừa sẫm se mấy bó hoa le-dơn, vừa nghĩ thầm như thế, khi liếc nhìn bác Nhã trai đang đứng lom khom cạo râu trước tấm kính tròn ở phía cuối phòng. Bác nhớ lại chuyện cũ, nhất là những ngày kế tiếp cái đêm tấn kịch bi đát, rùng rợn xảy ra trong phòng ngủ của mẹ Cả. Và quả thực chồng bác đã chẳng nói sai chút nào. Qua ngày hôm sau, bác có cảm tưởng chừng như chuyện xảy ra trong đêm chỉ là một giấc chiêm bao. Thật vậy, chiêm bao hoàn toàn. Vì trái với sự dự tưởng của bác, cái không khí yên vui

êm ấm trong gia đình nhà này chẳng hề có một thoáng gợn nào ghi dấu vết cơn giông tố vừa qua. Tất cả đã được khuất lấp, vùi dập, gói ghém, cuốn sạch theo bức màn đêm đồng lõa. Chẳng có một luồng gió độc nào đến xáo trộn những nếp sống bình thản nhưng lựa hàng ngày. Cậu Cả, mợ Cả vẫn vui vẻ, thân mật, vẫn sống bên nhau trong cái hòa khí tợ hồ như chưa rạn vỡ bao giờ. Còn ông kỹ sư mất một vành tai ? Người ta đồn rằng vì một tai nạn ô-tô, ông bị thương nặng và một mảnh kính đã xén đứt cái vành tai ấy. Sau đó ít lâu, vì nhu cầu công vụ, ông được đổi đi nơi khác. Bác Nhã gái cười thâm và rất ngạc nhiên khi nghe những lời đồn đại này. Nhưng chồng bác thì bao giờ cũng vậy, chỉ nhún vai nheo mắt rồi bảo nhỏ :



– Ái chà, khi người ta lảm tiển, nhiều của thì người ta thiếu gì cách để che đậy sự thực. Nhưng ai đồn thế nào thì đồn, mụ chớ dại ngộ mà dỉ hơi ra mà khốn cả lũ. Cái nghề đời... ăn cây nào phải lo rào cây ấy. Chớ ngựa mồm, ngựa miệng mà khổ.

Bác Nhã gái cũng hiểu rõ cái lẽ ấy lắm, nên chẳng cần bác Nhã trai phải hiểu thì nhiều vẫn không dám dỉ hơi, tuy lắm lúc bác cũng thấy ngựa ngựa cái mồm. Vả lại, mặc dầu cơn giông tố bùng dậy trong gia đình nhà chủ đã qua đi một cách lẹ làng, chớp nhoáng, và chẳng gây nên những đổ vỡ có ảnh hưởng lây đến người ăn kẻ ở, trong đó có vợ chồng bác, nhưng bác chưa hết lo âu vì thỉnh thoảng, con Mận, đứa ở gái thân cận nhất của mợ Cả, lại hay tiết lộ với bác những gì tàng ẩn bên trong cái hòa khí hàng ngày trong

gia đình nhà này. Nào là nó chẳng hiểu vì sao cậu Cả chỉ thân mật, vui vẻ với mẹ Cả ở trước mặt mọi người, nhưng sau đó thì lại rất lạnh nhạt và hay gắt gỏng. Nào là những lúc ở trong phòng riêng, mẹ Cả thường khóc một mình, lúc nào cũng có vẻ đã đuối, người mẹ càng ngày càng gầy và trông xanh xao đến nỗi sợ nếu mẹ ấy không trau giồi son phấn. Nào là dạo này mẹ Cả đâm ra sợ chồng một cách khác thường, sợ như sợ hùm gầm chứ không dám ngừng nghiêng như lúc mới về. Toàn là những triệu chứng ngấm ngấm không lành chút nào. Nhưng rồi, y như bao giờ cũng vậy, khi bác đem những điều này to nhỏ với chồng, thì bác Nhà trai lại nheo mắt cười xòa :

– Tao đã bảo là chẳng có gì rắc rối xảy ra. Với lại mẹ biết những chuyện ấy mà chưa biết được những cái còn bí ẩn hơn

nhiều. Hừ, với cái phong thể của một nhà như nhà này, mục tưởng dễ lắm sao. Hơn nữa, một chiếc ô-tô mới và một ngôi biệt thự ở gần bãi bể trị giá cả thấy có tới hai triệu bạc của bên nhà vợ sắp tậu cho cậu ấy nay mai, chưa đủ bảo đảm mọi sự yên lành hay sao ?

Chỉ độ nửa tháng sau, bác Nhã gái đã phải kinh ngạc và phục chồng sát đất về cái tài tiên tri. Và bác càng yên tâm hơn, những lúc nhìn chồng mở cổng để đón nhận những nụ cười vui vẻ của vợ chồng cậu Cả cùng ngôi kế nhau trong chiếc xe Mercedes mới tinh, bóng nhoáng, lộng lẫy, đẹp hơn chiếc xe trước một vực một trời.

Thế rồi bảy tháng trời trôi qua nhanh vội. Mới bảy tháng thôi, nhưng tấn bi kịch xảy ra trong phòng ngủ vợ Cả thì chừng như đã lẫn trốn đâu mất hút trong cái sâu

thăm xa xôi của dĩ vãng. Và hôm nay...

Bác Nhã gái sắp hoa xong, nhìn chồng :

– Cạo gọt gì mà lâu lắc thế ? Bọc giấy gương thế nào cho đẹp đây ?

– Hừ, khéo nói, ngày vui mừng của chủ, tao cần sửa soạn cho tươm một chút đã sao. Tân khách đông lắm đấy. Bảo con Hương đi lấy bộ đồ trắng đưa ủi về gấp bây giờ. Tám giờ là người ta tới rồi.

Bác Nhã gái nguyệt chồng :

– Lấy từ lúc đầu hôm kia. Đợi cha nó nhắc thì muộn mất. Cái tật mình là thế. Nước có đến trôn mới chịu nhảy. À này, kỷ niệm ngày cưới mà cũng tổ chức linh đình quá chừng. Bác bếp vừa nói cho tôi biết chỉ sắm các thức ăn, bánh trái và rượu

mà đã trên ba vạn rồi... Còn bao nhiêu là thứ nữa.

Bác Nhã trai nhìn vào gương, đưa tay sờ lại cằm, ngắm nghía rồi hử một tiếng :

– Chuyện đó rất thường với nhà này. Mụ mới về cùng tao chỉ một năm thôi, còn tao, tao ở đây đã hai đời rồi. Thường lắm. Đồng bạc đối với chúng ta to bằng cái nong, chứ với người ta ấy à... nhỏ như con kiến.

Bác Nhã gái nghĩ gì, rồi mỉm cười :

– Kể ra có bỏ nhiều tiền cũng chẳng thiệt gì bao nhiêu. Chưa tới ngày mà các tặng phẩm gởi đến chất đầy cả một gian phòng. Toàn những đồ quý. Sướng thật.

Nhìn lên đồng hồ, bác Nhã trai tặc lưỡi :

– Mới đấy mà bảy giờ rồi. Tao phải lên chúc mừng sớm để rồi còn lo phận sự của mình khi tân khách đến nơi.

Bác vội vã vào buồng thay đổi quần áo rồi trở ra ngay. Với bộ đồ ka-ki trắng tinh mới ủi, cổ cứng, nút đồng sáng choang và đôi giày đen bóng nhoáng, trông bác có vẻ chững chạc, khệnh khạng khác hẳn lúc thường. Ngắm kỹ chồng trong bộ y phục chỉnh tề, bác Nhã gái nhận thấy rõ hơn ở chồng mình : vẻ bất thiệp, láu lỉnh, tinh khôn của hạng người sành sỏi đã từng len lỏi lâu ngày trong các gia đình cao sang, quyền quý. Điều này tự dưng làm cho bác nhớ tới những lời đoán quyết của chồng về câu chuyện cũ, nên khi trao bó hoa có bọc giấy gương màu hồng cho chồng, bác Nhã gái nhắc lại, rồi lắc đầu mỉm cười :

– Tôi chịu là tài đấy. Thật quả như chuyện chiêm bao. Ngày hôm nay càng

thấy rõ hơn. Một vụ tà trời như vậy mà kín nhem được... cũng ngộ thật. Nhưng nghĩ cũng không lạ, vì ngoài chúng mình ra còn ai vào đấy mà biết được...

Nói chưa dứt lời, bác Nhã gái đã ngừng lại, khi vừa nghe một tiếng hừ khê của chồng :

– Mụ đừng tưởng. Ở đời có cái gì nà kín nhem hoàn toàn. Mụ đinh ninh chỉ có tao với mụ biết chuyện này thôi sao ?

Sửng sốt, bác Nhã gái nhìn chồng với cặp mắt nói rộng :

– Ai nữa?

– Còn có người khác. Họ cũng cam lạng như tao với mụ. Nhưng chuyện đời lắm cái buồn cười... Họ cam lạng để rồi có dịp lại chơi xỏ một cách sâu cay. Chiều hôm qua tao mới biết...

Bác Nhã gái càng ngạc nhiên hơn :

– Ai thế mình ? Mà chơi xỏ làm sao ?

Vừa sửa lại nếp nhăn của lớp giấy gương bọc hoa, bác Nhã trai vừa thủ thỉ với người vợ trẻ :

– Ông Vân chứ ai. Ông chủ hiệu Nam Hưng đấy! Con người mập lùn, gương mặt tròn với cặp mắt lão liếc như quạ bẻ bắp, thường tới đây chơi quần vợt với cậu Cả, mụ nhớ ra chưa. Hắn ta là tình địch của ông kỹ str. Cậu Cả hay chuyện được cũng là vì bức thư nặc danh của hắn, nên cái việc ông kỹ sư bị đứt tai đối với hắn cũng chẳng có gì mà khó hiểu sự thực. Hắn biết hết... Ấy thế mà chiều hôm qua hắn cũng gửi tặng phẩm đến mừng cậu mợ. Mụ biết hắn tặng cái gì không ?

– Ai biết được !



– Một bức bình phong sơn mài trị giá một vạn đồng.

– Một bức bình phong? Thế là nghĩa làm sao?

Bác Nhã tỏ vẻ bực tức :

– Nghĩa làm sao ! Nghĩa làm sao ! Mụ tối tri quá. Còn nghĩa làm sao nữa ! Chửi khéo nhau đấy. Xỏ nhau chơi thế thôi.

Bác Nhã gái vẫn ngơ ngác chưa hiểu :

– Nhưng đã chơi thân nhau, sao lại còn chơi khăm nhau làm gì thế ? Bỏ một vạn đồng để chửi khéo. Điên à ?

Bác Nhã trai ôm bó hoa ngửa mặt cười, rồi nhún vai:

– À, cái lối kết giao của hạng giàu có thượng lưu thường có những cái lạ như vậy. Họ khác bọn mình lắm. Đối với mụ

kể cũng khó hiểu thật, nhưng tao, tao ở trong nhà này đã hai đời rồi...

Vừa nói xong, nhìn lên chiếc đồng hồ chuông cũ kỹ, bác tỏ vẻ nôn vội :

– Ấy chết ! Gần tám giờ rồi ! Tao phải đi cho rồi.

Nhưng tuy nôn vội, bác vẫn không quên đùa với vợ bằng cách diễn trước cái tuồng chúc mừng vợ chồng nhà chủ. Bác ôm bó hoa, nghiêng mình :

– Xin chúc cho cuộc đời lứa đôi của cậu mợ từ nay cho đến thuở bạc đầu, lúc nào cũng êm đẹp, canh cũng ngọt, cơm cũng bùi như từ ngày cưới đến nay...

Nhìn vợ, bác cười sảng sặc rồi ôm bó hoa bước ra sân.

Bác Nhã gái đứng bên cửa lạng nhìn theo chồng với cặp mắt long lanh, sắc bén như dao cau. Và khi thấy bóng chồng đã khuất sau hàng măng cầu rậm lá, bác quay vào thở dài, rồi để nở trên môi một nụ cười tinh quái.

## MIẾNG ĂN

Đưa vé cho người gác cửa xong, Thân rẽ về ngã tay phải, nhập vào làn sóng người đang rào rào chảy qua giữa những gian hàng sáng rực cả ánh điện. Hội chợ tổ chức vào dịp cuối năm, lại gặp những ngày tạnh ráo, nên người đông đến nỗi chen chân không lọt.

Một người đàn bà, đi bên cạnh Thân, bảo cô con gái :

– Hôm nay là rằm nhĩ ? Còn năm ngày nữa mới hết hội chợ.

Câu nói vô tình, nhắc Thân nhớ lại những lời của bác Tạo, người cai xếp chữ ở nhà in, vừa nói với anh lúc chiều :

– Hôm nay là ngày rằm tháng chạp. Bao nhiêu bài số Xuân đã sắp cả rồi. Khuôn thứ hai cũng sắp sửa cho lên máy, chỉ còn chờ cái truyện ngắn của ông nữa thôi. Thế nào mai sớm ông cũng đưa cho. Mai sớm là chậm nhất đấy, xin ông nhớ cho.

Những câu nói thân mật này lại được chấm dứt bằng một nụ cười chan chứa cảm tình. Tuy vậy, Thân vẫn cảm thấy khó chịu, như được nghe những lời thúc nợ thốt ra từ cửa miệng đẩy đưa và gắt gặt của bọn đàn bà chuyên sống về nghề cho vay ở xứ này.

Thân vội hỏi :

– Báo Xuân mãi đến hai mươi mới ra, chỉ thiếu một truyện ngắn việc gì phải hối gấp như vậy. Bác nên nhớ cho là tôi vừa đi xa mới về, còn nhọc lắm đấy nhé.

Bác Tạo nheo mắt, cười hì hì :

– Dạ, tôi biết lắm. Nhưng vì thợ có ít, sắp chậm hơn trước, ông lại hay sửa nhiều lần.

Thân ngạc nhiên chưa kịp hỏi thì bác ta đã tiếp :

– Ông đi vắng gần nửa tháng nay, nên không hiểu rõ tình hình của nhà in. Dạo trước, lãnh được hai ba tờ báo, công việc nhiều. Gần đây hai tờ kia đình bản. Số thợ đáng lý ra phải giảm. Nhưng rồi theo ý kiến ông Giám đốc và sự thỏa thuận của anh em, đứng trên tinh thần chia cơm xẻ áo với nhau, thợ sắp chữ chia làm hai kíp,

thay nhau mỗi kíp làm nửa tháng. Thà như thế còn hơn là để có một số anh em phải thất nghiệp hoàn toàn. Và cũng vì vậy mà nửa tháng sau này, các anh Đàm; Hậu, Binh và Khảm phải ở nhà.

Thân sững sốt kêu lên :

– Anh Khảm cũng phải ở nhà ?

Bác Tạo thở dài :

– Dạ, nghĩ cùng tội nghiệp. Năm gần hết, Tết sắp đến nữa...

Lòng Thân nghe nao nao buồn vì cái tình trạng không may này của anh em thợ. Và, người làm cho Thân phải thương hại hơn cả là Khảm.

Khảm là một thanh niên trạc hăm ba tuổi, vui tính, linh lợi. Nhưng cái điểm làm cho Thân có nhiều thiện cảm với anh

là Khảm rất đứng đắn, có lòng yêu nghề. Anh yêu nghề đến tận tụy. Chưa bao giờ Thân nghe Khảm phàn nàn hay sửa lấy rồi những bản « vổ » mà Thân chấm đi, chấm lại rất nhiều lần, thêm hoặc bỏ nhiều câu, nhiều đoạn ngay lúc báo đã lên khuôn. Dầu khó khăn đến đâu, mất công đến đâu, Khảm cũng vui vẻ làm đến nơi đến chốn. Cùng cộng tác lâu ngày, Thân còn nhận ra rằng : sự tận tụy ấy đã phát xuất từ một tấm lòng tự trọng hiếm có, hơn là vì cái ý thức trau dồi nghề nghiệp để được tăng lương. Tuy nghèo, nhưng ở người thanh niên này, Thân thấy cả một sự kiêu hãnh đáng trọng. Đã có nhiều việc xảy ra chứng tỏ cái lòng trung thực và tự trọng của Khảm.

Chính ông Giám đốc nhà in cho Thân biết là Khảm đã hai lần, trả lại cho ông ta những số bạc khá lớn trong những trường



hợp mà anh có giấu luôn cũng không ai có thể nghi ngờ được. Và theo anh em thợ thường nhắc lại thì, có một dạo, trước những thái độ khinh người cùng những lời nói khiếm nhã của ông ta, Khảm đã to tiếng cự lại rồi bỏ ra về. Vì cần công việc, ông Giám đốc đã phải làm lành với anh. Nhưng chính câu chuyện sau này mới giúp cho Thân nhận thấy được, ở Khảm, lòng quý trọng nhân phẩm con người đến bậc nào. Một hôm, Khảm cùng Thân ở nhà in ra về. Hai người vừa đi, vừa trò chuyện. Bỗng, một chiếc xe quảng cáo của một gánh cải lương từ từ chạy qua. Trên xe có hai người hóa trang thành một thằng hề và một con khỉ đột, múa nhảy, làm đủ trò ngộ nghĩnh cho người qua đường chú ý. Vừa thoáng nhìn, Khảm đã vội cau mày rồi quay mặt đi. Khi xe đã qua, Khảm hỏi Thân :

– Thưa ông, ông thấy nó như thế nào ?

Thân chưa kịp đáp, Khảm đã nói tiếp :

– Em thì em thấy ngượng lây. Em nghĩ chỉ vì miếng ăn mà con người phải tồi tàn tẩm thân, phải hạ giá làm những vật mua cười, mua vui cho thiên hạ như vậy thật là nhục nhã. Đời em làm việc gì khó nhọc cam khổ đến đâu cũng được, nhưng làm những trò trơ trẽn như thế em chịu. Nhìn thấy nó bất nhẫn quá.

Và mãi đến lúc này, khi nhớ tới lời giục bài của bác Tọa, sự liên tưởng khiến Thân ngậm ngùi nghĩ tới Khảm, anh chàng thanh niên dong dỏng cao, với mái tóc húi rất ngắn, vầng trán gồ, cặp mắt rất sáng, đôi má tóp, cái cổ cao lòng nhòng. màu da lúc nào cũng xanh xao, ngày ngày

ngồi khom lưng trước các ô chữ, trong một góc phòng nhà in hừng lên cả cái màu đen của dầu và mực. Anh chàng thanh niên ấy hiện giờ đang quay quắt trong cái tình trạng thiếu thốn của gia đình. Hình ảnh Khảm cứ ám ảnh tâm trí anh, giữa lúc lo lắng về câu truyện phải nộp bài ngày mai, Thân lại cứ lan man nghĩ đến cái cảnh nheo nhóc của gia đình Khảm, vì anh biết Khảm có một vợ và hai con...

✱

– Alô, Alô ! Xin mời gúy ôn, gúy pà, gúy cô, gúy pác, gúy cậu, gúy mợ dào xem tò khỉ... tò khỉ hay nám à ! Xin mời gúy di, góa pước dào gian hàng chúng tui... có đủ tò dui lại có nhiều cơ hội phát xôi à ? Mười tồn một dé... mười tồn một dé... mà tún tổ tị giá pác ngàn à... Xe tạp mới tinh

xương à ! Mau mau dào xem tò khỉ... tò khỉ... hay nám à !

Cái giọng loa oang oang của một chú chệt làm cho Thân giật mình, quay nhìn vào gian hàng cạnh đấy. Một vật khiến anh chú ý. Và trước cái vật này, Thân quên hẳn việc lo bài vở mà càng nhớ tới Khảm, nhớ tới những câu nói của Khảm dạo nào khi cùng gặp chiếc xe ô-tô quảng cáo của một gánh hát chạy qua.

Một vật, không phải. Đấy là một con người. Một con người, cũng không đúng hẳn. Một cái gì nửa người, nửa ngợm. Một thằng người dòng trò khỉ.

Thằng người ấy đứng trên bục gỗ cao, ngay giữa gian hàng. Gã đội một cái mũ kiểu mũ « chú Sam » trông đến ngộ mắt. Thân mũ là cả một hình trụ cao nàu đen, vành mũ màu tím. Bộ mặt của gã đã nhỏ

càng nhỏ thêm và thiếu não với cặp gọng kính màu đỏ, cái mũi giả vừa lõ vừa quặp, đôi môi thoa son đỏ chót. Với cái mũ « ống », cặp vành kính đỏ, chiếc mũi giả, bộ râu cá chốt và, thêm vào đó, đôi mắt tóe tẹt, cái miệng móm riết, trông gã vừa có cái vẻ tồi tàn, ngượng nghịu của một tên thực dân đói, lại vừa ngộ nghĩnh thảm hại đến khó coi. Đã thế gã còn khoác một cái áo dài màu vàng rộng xù xì phủ kín cả chân. Và dưới lớp áo vàng ấy, một cái bụng phệ độn cao như một cái trống châu. Gã xắn tay áo rộng lên để lộ hai cánh tay khẳng khiu như hai que củi. Và hai que củi khẳng khiu ấy luôn luôn phải múa lên trong không khí. Gã không chỉ múa bằng hai tay, gã còn uốn éo cả thân hình của gã. Gã uốn éo như người lên đồng trong một vũ khúc mà lời và nhạc là cái giọng mời khách mua vé quay cò, cái giọng oang oang chan chát đến chói

tai của chú chệt, béo đến chảy mỡ, đứng bên máy vi-âm ở cuối gian hàng. Gã hết múa lại đặt hai cánh tay khảng khiu lên trên cái bụng phệ, vác bộ mặt thảm khổ lên nhìn khắp một vòng đám đông bao quanh ba mặt, nhe răng ra cười.

Điều bộ và cái cười của gã làm trò hề khiến Thân phải nghĩ tới một con khỉ đột cũng đóng cái vai múa rối này ở một gian hàng khác. Thân quay mặt đi, không nỡ nhìn lâu. Và anh nhủ thầm :

– Giá Khảm mà thấy những trò này, mặc sức hấn ta khó chịu. Mà kẻ Khảm thấy khó chịu cũng phải.

Bỗng tiếng cười và tiếng vỗ tay, tiếng reo thích thú đua nhau nổi lên. Thân tự nhiên phải nhìn vào. Thì ra gã kia vừa bắt đầu một trò làm khỉ, Gã giở cái mũ « ống », cúi xuống lom khom, lấy tay gãi vào

dầu. Gã vừa gãi vừa nhích mũi và múm míu cặp môi. Trông gã giống y một con khỉ đột.

– Hà... hà... giống y như đực nhé ? Tài thật. Đẩy đẩy, nó lại quờ tay ra trước.

Nhiều đứa trẻ reo lên :

– Ê, khỉ đột. Ném cho nó cái vỏ chuối đi.

Chú khách nhân dịp đám đông chú ý, hét to lên trước máy vi-âm :

– Alô, Alô ! Xin mời gúy ôn, gúy pà, gúy cô, gúy pác, gúy cậu, gúy mợ dào xem tò khỉ... tò khỉ hay nám à ! Xin mời gúy di, góa pước dào gian hàng chúng tui... có đủ tò dui lại có nhiều cơ hội phát xôi à ? Mười tồn một dé... mười tồn một dé... mà tún tổ tị giá pác ngàn à... Xe tạp, tồn hồ mới tinh xương à ! Mau mau dào xem tò

khỉ... tò khỉ... hay nám à !

Tiếng cười lại nổi rõ lên. Lần này, Thân không quay đi. Anh cau mày lặng nhìn gã kia đang hí hờn trong cái trò khỉ. Thân cảm thấy bất nhẫn và xót xa trong lòng. Những tiếng cười và ý thức của đám đông làm cho Thân càng khó chịu thêm. Anh chẳng hiểu vì sao người ta có thể cười được trước một cảnh đáng thương tâm như vậy. Cười được ở những trường hợp này cũng chẳng khác gì nhảy múa trên những thây ma. Cái vui trên sự nhục nhã của tha nhân đối với Thân còn tàn ác và đáng kinh tởm hơn cả trên sự đau khổ.

Nhưng nhìn kỹ một lúc, Thân lại thấy cái lỗi không phải hoàn toàn ở người cười. Một phần còn tại gã kia. Vì gã có nhiều lỗi pha trò trông đến dễ buồn cười quá. Chính Thân, với một niềm chua xót trong lòng, lắm lúc cũng phải cắn chặt



môi lại để nén những cái cười muốn bật lên thành tiếng. Đã thế, hình như cái con người làm ngờm vì miếng ăn kia, cũng lấy cái việc pha trò này làm một thích thú. Trông gã có vẻ hí hờn lắm với cái mặt vác lên và cái miệng cười toe toét đỏ chót cả son. Mà nào có phải là cái cười « đóng kịch », không phải là cái cười miễn cưỡng, cái cười chảy ra nước mắt của những hạng phải cười ngay trên sự đau khổ nhục nhã của mình để kiếm miếng ăn. Gã cười thật sự. Gã hí hờn thật sự, mỗi lúc gã thi thố cái tài ảo thuật tuy ấu trĩ của gã nhưng cũng gây được sự thán phục trong đám đàn bà, trẻ con. Gã xắn tay áo rộng, đưa cao cái bọc vải xanh lên. Gã lộn trái nó ra để phân bua với mọi người là không có gì trong đó cả. Rồi gã lộn lòng bao trở vào, làm phù phép xong lại thò tay tận đáy, móc ra từng tờ giấy bạc năm đồng, một chục. Gã nhe răng ra cười toe toét, trước

những cặp mắt và những cái mồm há hốc vì kinh ngạc của một số người trong đám đông. Cái cười xuẩn ngốc của gã nở ra dưới cái mũi « thực dân » ketchup vừa quặp, vừa lõ, và bộ râu cá chốt, làm bùng nổ thêm, trong đám người xem, những chuỗi cười dài dằng dặc...

Thân không còn đủ can đảm để nhìn lâu nữa. Anh len ra khỏi đám đông, trà trộn vào làn sóng người, rảo bước qua các gian hàng đông đảo và náo rộ vì những tiếng ca hát, tiếng âm nhạc, tiếng rao mời lãi nhải từ các ống loa ồ ồ đưa ra. Thân không muốn nhìn vào các gian hàng, vì anh biết hầu hết các gian đều có những trò tương tự để lôi cuốn khách hàng.

✱

Thân dạo chơi cho đến lúc đêm vui hầu tàn. Nhiều gian hàng đã nghỉ và bắt đầu thu dọn. Thân ghé vào một gian giải khát, gọi một cốc cà-phê đen. Vừa hợp những ngụm cà-phê thơm nóng, Thân vừa nhìn đám đông đang trẩy qua trước mặt và dồn về phía cổng ra vào.

Gian hàng giải khát cách gian hàng có gã làm trò khỉ lúc nãy không xa lắm. Cuộc chơi đã mãn, nhưng ánh đèn ở đây vẫn còn sáng rực. Thân đốt một điếu thuốc, trả tiền cà-phê, rồi đứng lên rảo bước theo đám dòng. Lúc đi ngang qua trước gian hàng, nhìn vào, Thân thấy gã làm trò, mặt mày nhể nhại cả mồm hôi, đang đứng ngắm người ta thu đồ đạc. Gã vẫn giữ nguyên cái lối hóa trang lúc nãy và có dáng đợi chờ. Gã không còn hí hửng và cười toe toét nữa. Dưới ánh điện sáng, với cái vẻ phờ phạc, mệt mỏi, trông gã

giống y như một con nộm giấy xác xơ sau cơn gió lộng.

Thân nhìn gã một lần cuối cùng rồi tiến ra phía cổng.

Bỗng những người đi cạnh anh dừng chân và quay mặt lại. Ngay lúc ấy, Thân nghe có tiếng ồn ào từ phía gian hàng đưa lại. Nhiều người hỏi :

– Cái gì thế ?

Đám đông phía sau dồn tới :

– Chúng cãi nhau đấy mà.

– Lão chủ gian hàng với tên làm hề ấy mà. Hình như lôi thôi về chuyện tiền nong làm sao đó. Ai chao ! Chuyện bá láp cả, hơi đâu mà nghe. Về mà ngủ kéo khu-ya rồi.

Những tiếng ồn ào càng tăng thêm,

trong đó, Thân nghe có giọng quát tháo chửi rửa, reo hò và tiếng vỗ tay. Thân bước vội lại phía gian hàng. Một cảnh tượng ngộ nghĩnh bày ra trước mắt anh. Gã làm trò hề vừa chống nạnh, ưỡn cái bụng phệ dưới lớp áo vàng lụng thụng, vừa to tiếng :

– Không nói cái gì cả. Chú phải trả cho tôi. Chú bớt tôi mười trự là vô lý lắm. Ăn lương người ta à?

Chú chệt, mập mạp đầy đà như một ông hộ-pháp, cũng chống nạnh và ưỡn cái bụng phệ lên nhưng là một cái bụng phệ thật dưới lớp áo may dô trắng, phùng mang, trợn mắt :

– Ăn nường cái gì hả ? Mày nói ai ăn nường? Ngộ tả cho chừng ấy cổ láy thì láy, không láy thì thôi. Còn lói thêm một tiếng lửa ngộ tập cho vỡ mặt à.

Gã làm hể cũng không vừa. Gã xắn tay áo rộng lên, đứng thủ thế :

– Chú giỏi đánh thì đánh xem nào. Ăn lương người ta còn hàm hồ hàm chứa. Việc gì chú trừ bớt tôi mười trụ ? Chú phải trả đủ. Tôi khiếp sợ, đừng có ỷ mạnh mà dọa người. Đồ ăn lương, khốn nạn.

Lão chủ đỏ mặt lên, nhìn gã áo vàng với cặp mắt nẩy lửa. Lão vừa hầm hầm xông lại, vừa quát tháo :

– À, mày lại lóí ôn ân nường... Làm tò giở thì ngộ pót mười trụ chủ ân nường... ân nường cái chi hả. Ngộ cho một thoi mà chết tốt ngay bây giờ.

– Đấy, đấy, giở thoi tao xem thử nào. Đứa nào không thoi là con... Mày giở vào đây mà thoi. Đồ tai ngược !

Lão chủ hoa cả hai tay lên. Nhưng rồi giữa lúc hai cánh tay hộ pháp ấy sắp giáng vào đầu, vào mặt, vào ngực gã áo vàng, thì nó lại dừng vội lại, rồi từ từ buông xuôi xuống.

– Mày phải cởi áo, cởi mũ ra tả. Khôn cố ló hư hết của ngộ.

Thì ra dầu tức tối tới đâu, lão chủ cũng nhớ rằng gã kia còn giữ y trong mình gã lối hóa trang của một tên hề. Đánh gã thì dễ đấy. Nhưng lão lại sợ hại lây đến cái mũ « ống » và cái áo vàng rộng xù xình. Nhớ mà cái mũ ấy xẹp đi hay cái áo kia bị rách, thì cũng là một mối hao tài mà số bạc « mười trự » không đủ bù đắp lại. Lão bèn dấu dụ :

– Mày nhỏ tao nớn, tao khôn thêm tánh mày nằm chi à?

Nhưng gã áo vàng lại rất bướng bỉnh. Gã lùi lại mấy bước, hoa hai tay áo rộng lên chống nạnh với điệu bộ thách thức :

– Không có dọa gì cả. Trả mười trự cho tao, không được ăn lường.

Và vì tiếc mười trự bạc, gã nổi tức, văng tục đủ thứ. Đến nổi trong một phút bất thần, lòng tiếc của không đè nén cơn tức tối, lão chủ bụng phê, thủ tay, nện ngay vào cái mũi giả kéch sù vừa lỗ, vừa quặp, một quả đấm nặng như quả tạ.

Có nhiều tiếng cười reo của trẻ con :

– Ôi thôi ! Dập cả cái mũi lỗ rồi còn gì.

Nhưng đồng thời, có mấy người lớn nhảy vào can thiệp. Quả đấm mạnh quá, không những chỉ làm dập cái mũi lỗ ở bên ngoài mà dập lây cả cái mũi thật bên



trong. Gã làm hể lẩn kênh xuống đất. Cái mũi « ổng » rời ra khỏi đầu, bẹp dí dưới lưng gã. Máu tươi từ mũi gã chảy ra ròn ròn, nhuộm đỏ cả mồm, cả cằm, và tưới ướt cả một vạt áo trước ngực. Lão chủ lắc đầu, chép miệng kêu lên :

– Chao ôi ! Lại hư hết tổ của tao rồi. Con quỷ, báo hại à.

Nhưng nghe nhiều tiếng hét và la ó đầy căm hơn nổi lên trong đám người đứng xem, lão tái mặt.

Gã áo vàng quay quắt mấy phút rồi gã vùng đứng trở lên, hung hăng mang cả cái mũi giả bết máu và cái bụng phệ trong chiếc áo vàng dài lượt phượt, lẩn xả vào lão chủ. Người ta xúm lại can gã, gã vừa vùng vằng vừa kêu lên :

– Không, không, bà con để mặc tôi.

Đồ khốn nạn... Nó phải trả mười trự cho tôi. Nó gạt tôi mười trự... mười trự...

Ngay lúc ấy, có mấy người cảnh sát chạy tới. Nhiều người trong đám đông bảo gã :

– Thôi, việc gì còn đây. Gỡ cái mũi giả ra xem thương tích như thế nào đã. Máu ra nhiều thế kia.

Lạ một cái là gã áo vàng vẫn đưa tay cố giữ lấy hai vật hóa trang, tuy cái mũi giả đã bị bẹp xuống, nứt nẻ gần như muốn rơi. Bộ râu cá chốt thì lệch hẳn về một bên, đầm ướt cả máu.

Nhưng rồi giữa lúc vùng vằng, một bàn tay của ai chẳng biết, vô tình chạm mạnh vào mặt gã, Dưới ánh điện sáng rõ từ trong gian hàng hắt ra, khi hai vật hóa trang vừa rơi xuống, Thân nhìn kỹ mặt gã, bỗng anh sững sốt kêu lên :

– Chao ôi ! Khảm! chính là Khảm.

Thân vụt hiểu cả. Cảm động đến ứa nước mắt anh chạy vội lại gần :

– Anh Khảm.

Nghe có người gọi đúng tên, Khảm bất thần quay lại. Vừa thấy Thân, Khảm điếng cả người. Mặt anh đỏ lên như một đĩa xôi « vang », và trông anh có vẻ luống cuống như một tên trộm, vừa bị thộp cổ thành linh, đang muốn tìm đường tẩu thoát.

Thân vội cầm lấy tay Khảm, thân mặt :

– Tôi có ngờ là anh đâu. Thằng cha khốn nạn quá. Anh có đau lắm không ?

Khảm lặng câm không nói, ngược nhìn Thân với đôi mắt buồn rầu, gần như

muốn khóc. Mãi một lúc lâu, Khảm bẽn lễn cởi chiếc áo vàng, tháo cái bụng độn ra, rồi thở dài :

– Vợ tôi ốm... con lại đau... Năm cùng tháng tận, biết chạy vào ngả nào nữa.

Cặp mắt Khảm vẫn khô ráo không có qua một ngấn lệ nào. Nhưng bàn tay Khảm thì run lên trong bàn tay của Thân đang siết chặt lấy nó.



## MỘT LỐI NHÌN

Vừa ra khỏi nhà xác, Hiền đã tiến lại bên cạnh Nguyệt :

– Khiếp thật. Lần đầu tiên tao mới đứng cạnh một cái xác chết bị mổ xẻ. Dễ sợ quá.

Bảo đi cạnh Hiền, nhăn mặt nói nhỏ :

– Tao đã xem nhiều lần nên quen rồi. Nhưng phải cái mùi khó chịu quá. Nghe đến nhức đầu, nhức óc.

Rùng mình, Bảo cúi xuống nhổ một bãi nước bọt, rồi quay lại phía Thu.

– Chỉ có chị này là giỏi. Có lẽ trong bọn mình, chị Thu đã theo dõi và quan sát kỹ lưỡng hơn ai cả. Chị ấy ghi chép không sót một câu nào của bác sĩ giảng giải. Chả trách kỳ thi nào cũng đứng đầu.

Thu mỉm cười, không nói gì. Cuộc mổ xẻ vừa rồi trong nhà xác còn ghi cả một ấn tượng sâu đậm trong tâm não của Thu. Một ấn tượng đẹp đẽ. Người chết bị mổ là một đồng bào thiếu số miễn Thượng mắc bệnh ung thư. Nhưng là người Kinh hay là người Thượng, da trắng hay da đen, bệnh ung thư hay bệnh gì đi nữa, những điều ấy không quan hệ lắm đối với nàng lúc này. Cái quan hệ là một thể xác bệnh hoạn đã được phanh phui, với những bộ phận bị thương tổn bên trong mà lần đầu tiên, Thu được trông thấy tận mắt. Thu

không nhìn cuộc giải phẫu này qua cái khía cạnh rùng rợn, ma quái của nó, như một số chị em.. Với Thu, cái thể xác cứng đờ, lạnh ngắt, nằm trên bệ xi-măng kia, đã tiêu biểu cho tất cả mọi thứ bệnh tật nguy hiểm đang phá hoại nhân loại không ngừng. Và những dao, kéo, những đường mũi xén rạch, những sự dò thăm quan sát các bộ phận, những lời nhận xét, giảng giải của bác sĩ là những nỗ lực cao quý để chống lại một cái họa lớn của loài người. Thu cảm thấy vui sướng, vì chính mình cũng được đứng vào hàng ngũ của đội quân cứu khổ ấy, tuy nàng biết nàng sẽ chỉ góp được một phần nhỏ mọn, khiêm nhượng, trong cuộc tranh đấu với bệnh tật đang tiến tới không ngừng.

Thu theo học lớp Y-tá Quốc-gia đã được hơn một năm nay. Sau thời gian học tập này, nàng đã quen với cái không khí của



nhà trường và cái khung cảnh kém phần tươi sáng ở đây. Những căn nhà mái vòm cung, màu xám lục, kín đáo như những ổ tò vò, được xếp nằm cạnh nhau trong một khu đất rậm cỏ, không còn làm cho Thu cảm thấy khó chịu với cái vẻ biệt lập, cô quạnh của chúng nó nữa. Cả những gì kết hợp thành cái cảnh trí chung quanh cũng vậy : nhà xác với những bức thành nghiêm lạnh, Viện Bài lao với hai dãy lầu cao, bơ vơ trơ trẽn giữa một khu vườn trống trải, và những khung cửa sổ đen ngòm như những hố mắt sâu thẳm, buồn rầu lặng ngấm cái thế giới sống động viễn cách ở bên ngoài, những con đường tuy không vắng vẻ nhưng vẫn giữ được cái sắc thái trầm lặng riêng biệt với những bóng áo trắng của các y-sĩ, y-tá, bà xờ, bóng ô-tô Hồng-thập tự và thỉnh thoảng, bóng những cỗ quan đở chót lủi thui tách rời cõi sống. Ngay cả sự sinh hoạt đều đặn,

buồn tẻ hàng ngày cũng chẳng gây sự buồn chán cho Thu. Trái lại, Thu thường cảm thấy thích thú với những bài học khô khan, dài dòng, những bài giảng về lý thuyết tràng giang đại hải, phải nghe và ghi chép hàng giờ hàng buổi trong phòng giảng có cửa giảng mạng lưới đến muỗi rúc vào không lọt, những buổi thực tập, tại bệnh viện, để được chứng kiến những cảnh máu me tanh tử, những diễn biến rất đổi thảm thương của hình hài dưới sức tàn phá của vạn thứ bệnh tật. Chính giữa cái bối cảnh đầy màu sắc bệnh hoạn, tang tóc, với một tâm hồn giàu tình cảm, hay thương người và thích giúp ích cho người, Thu thấy mình đã chọn đúng con đường cần chọn. Ngay từ thuở nhỏ, và nhất là trước những thảm họa gây nên bởi bom đạn, mà Thu từng được chứng kiến trong mấy năm khói lửa vừa qua, đã biết bao lần nàng cảm thấy bứt rứt,

xốn xang trong lòng, mỗi khi phải bó tay đứng nhìn các nạn nhân rên siết để đau đớn theo cái đau đớn của họ. Có lẽ vì thế mà tất cả những gì trong cái thế giới bệnh hoạn này đều đập thẳng vào con tim, lay tỉnh lòng trắc ẩn và luôn luôn xáo trộn trí óc của Thu với những băn khoăn, thắc mắc nan giải, trước một cuộc sống quá ác liệt. Và khi vừa vào trường, Thu đã nhận chân ngay được cái đẹp đẽ, cao quý của một nghề nghiệp hợp với sở thích và bản chất của mình. Nàng hết sức chí thú trong sự tìm hiểu, học hỏi, trau dồi nghề nghiệp tương lai. Trong đám nữ học viên, Thu đã được tiếng là xuất sắc về mặt lý thuyết cũng như thực hành. Sẵn đôn, chăm sóc, an ủi, xoa dịu sự đau đớn của tha nhân, đối với Thu là sự góp phần đẹp đẽ nhất vào cuộc sống khi nhân loại đang còn đắm chìm trong vòng thống khổ.

Bỏ quyển sổ ghi chép vào túi áo trong,  
Thu hỏi Bảo :

– Tối nay chị có đi chơi đâu không?  
Nếu đi thì để quyển vở « Bệnh nghiệm  
học » lại nhà cho tôi mượn nhé.

Bảo lắc đầu :

– Chả đi đâu cả. Tôi gặp phải phiên  
gác từ nửa đêm đến sáng ở phòng Phan  
Bội Châu. Cơm xong, đánh một giấc để  
rồi còn thay phiên cho người ta chú. Kể  
cũng tiếc thật. Tối nay có người bà con  
định bao xi-nê đấy...

Thu mỉm cười, ranh mãnh hỏi đùa:

– Bà con hay là...

Bảo quắc mắt, mắng yêu :

– Liệu hồn cái con ranh này. Mà chỉ  
giỏi suy bụng ta ra bụng người. À này, các

chị, cái số tôi nó thế nào ấy. Cứ gặp những lúc ai bao cái gì thì y như là đã bị ghi tên vào sổ đoạn trường rồi mới tức cho chớ. Hay là người ta khéo chọn những lúc mình bận gác mà mời cũng nên.

Cả bọn cười. Bổng Thu giật mình. Trong một phút bất thần ngược lên, cặp mắt nàng gặp ngay cặp mắt của một người đàn ông, cuỡi xe đạp, từ xa vừa tiến tới. Thu cúi vội mặt xuống, rảo bước rất nhanh về phía cửa trường. Để cho các bạn không nhận thấy cái vẻ lẩn trốn, Thu đi ngay vào phòng Giám-thị, rồi qua phòng khách. Tiến lại phía chiếc đi-văng, Thu ngồi xuống, ngả lưng và đầu vào thành ghế, ngẩng nhìn chiếc quạt điện đang quay tít trên trần nhà với cặp mắt đầy lo âu. Thu lóng nghe những tiếng đạp bất thường của quả tim. Không phải vì nàng cảm động nhưng vì bức tức. Lần này

không biết là lần thứ mấy rồi, con người kỳ lạ ấy đã hiện ra, luôn luôn rình mò, theo dõi nàng.

Đối với Thu đó là một chuyện rất lạ. Có thể nói là quái gở nữa. Cái quái gở ấy, theo như Thu nhớ kỹ, đã bắt đầu xảy ra trên sân thượng Cầu-lạc bộ thể dục, vào một đêm trăng. Đêm ấy, trong bữa tiệc tiễn chân một giảng viên, do các học viên trường Y-tá Quốc-gia tổ chức, sau món ăn tráng miệng, Thu rủ Liên cùng nàng ra đứng tựa lan can nhìn xuống dòng sông. Giữa lúc hai người đang vui chuyện, Thu vô tình quay lại và nàng đã bắt gặp cái nhìn vụng trộm của gã. Thoạt tiên Thu còn cho là một sự ngẫu nhiên và không để ý lắm. Nhưng sau nhiều lần như vậy, Thu đâm ra nghi ngại. Đã bốn năm lần nàng bắt gặp cặp mắt ấy nhìn thẳng vào người nàng, nhìn với tất cả cái chăm chú

như muốn bám riết lấy hình ảnh Thu và theo dõi một cách âm thầm kín đáo. Chỉ cần một chút ít lương tri ở tuổi dậy thì, Thu cũng thấy rõ được điều này, trước vẻ luống cuống và cái lối lẩn tránh quá vội vàng của cặp mắt lạ kia, mỗi khi nàng quay lại.

Người có cặp mắt đáng ngờ ấy là một người đàn ông trạc ba mươi tuổi, hơi lùn và mập với màu da trắng xanh, trong bộ âu phục trắng đã cũ. Gã ngồi một mình bên chiếc bàn ăn nhỏ, đặt ở một góc sân thượng, phía sau mấy chậu hoa, cách chỗ Liên và Thu đứng không xa lắm. Tuy với những cái nhìn thoáng qua, Thu cũng nhận được dung mạo. Nhưng rõ hơn là lúc nàng ra về. Vừa bước xuống bậc cấp đầu tiên, vì nghe có tiếng Liên gọi ở phía sau, Thu phải nhìn lại. Nàng hết sức khó chịu khi thấy gã kia lại vẫn nhìn theo.

Dưới ánh sáng của ngọn đèn ở mé hiên dọi thẳng lại, gương mặt của gã hiện ra càng rõ hơn trước. Trong một phút nhìn kỹ, Thu đâm ra phân vân. Nàng nhận thấy cả một sự tương phản đến khó hiểu, ngay trên cái dung mạo chưa từng quen thuộc nhưng chừng như nàng đã gặp ở đâu đó một lần rồi. Nếu cặp mắt gã để tiết lộ một cái gì không được đứng đắn lắm, thì cái gương mặt đầy vẻ trầm tư, khắc khổ, nghiêm lặng tựa mặt hồ im lại như phân trần, trách móc Thu về những điểm ngộ nhận của nàng. Chỉ trong giây lát, cái gương mặt ấy đã đánh tan được tất cả những ý nghĩ không hay của Thu về con người này. Thu cho là mình đã hiểu lầm, nghi bậy. Tất cả những cái nhìn vừa rồi có thể không có dụng ý gì cả. Rất có thể người ta chỉ nhìn vì cái thói quen hay nhìn mà thôi. Gán cho cặp mắt ấy một tà ý kẻ cũng quá đáng, nhất là đối với nàng,



một thiếu nữ rất tầm thường, kém nhan sắc, giữa một đám đông chị em hầu hết đều xinh đẹp, thanh lịch, sang trọng. Cái ý nghĩ sau cùng này làm cho Thu tự thẹn và cố quên hẳn chuyện vừa xảy ra.



Và Thu sẽ quên hẳn, nếu sau đó ba hôm, nàng không bắt gặp cặp mắt ấy theo dõi mình một lần nữa, trong phòng giải

khát ở rạp xi-nê Nguyễn-văn-Yến, ngay lúc Thu đang đứng xem những bức ảnh quảng cáo một cuốn phim sắp chiếu. Rồi liên tiếp mấy lần nữa. Và lạ nhất là bốn hôm gần đây, chiều nào, con người kỳ lạ ấy cũng lảng vảng qua lại trước cửa trường. Mấy lần sau này thì sự phân trần của gương mặt nghiêm lặng, khắc khổ kia không thắng nổi lòng nghi kỵ của Thu nữa. Nàng đành ninh là người lạ mặt cố ý dòm hành theo dõi nàng.

Nhưng với dụng ý gì vậy ? Giá nàng là một thiếu nữ xinh đẹp, sang trọng, hay không sang trọng mà xinh đẹp, thì sự giải đáp một thắc mắc như vậy thật là quá sức dễ dàng. Một gã si tình theo đuổi sắc đẹp thế thôi. Một chuyện rất thường của muôn thuở. Nhưng khổ nỗi là Thu không đẹp. Càng khổ hơn là chính nàng cũng tự biết như vậy. Thu biết mình không có một

chút nhan sắc nào. Chính các bạn Thu đã mở mắt nàng ra trước cái sự thực chua xót này, bằng những lời bình phẩm vụng trộm hay những câu nói, những thái độ vô ý, vô tình. Một chuyện xảy ra đã làm tổn thương lòng tự ái của Thu một cách nặng nề đến nỗi không bao giờ nàng quên được. Một buổi tối, vừa đi dạo phố về, sắp bước vào phòng ngủ, bỗng Thu dừng chân lại. Từ trong phòng, nàng nghe có tiếng Trinh nói lớn :

– Chị Bảo này, chị Thu keo kiệt lạ. Chị ấy có tiền chứ phải không đâu. Thế mà em khuyên may một chiếc áo cùng thứ hàng với em, chị ấy nhất định không nghe.

Bảo khẽ cười :

– Thế cũng hay. Thu biết điều đấy. Vì

Thu có may áo đẹp cho mấy cũng thế thôi.  
 Vô ích. Màu da với « co » ấy, thì chả nước  
 non gì mà ăn mặc cho hợp thời trang vào.

– Chị cứ nói tệ cho người ta.

– Không phải là nói tệ. Sự thực nó  
 như thế chứ.

Có tiếng Hạnh chêm vào :

– Người chị Thu trông nó thế nào ấy  
 nhỉ ? Cục mịch quá. Giá chị ấy sinh làm  
 đàn ông thì phải hơn. Chỉ thương chị ấy  
 được cái tính nết thôi.

Bảo lại cười và nói tiếp :

– Này, nói đây mà nghe với nhau thôi...  
 Chớ có mợ nào bẻm mồm bẻm mép. Thu  
 biết được nó giận. Một số anh em bên ấy  
đã đặt cho Thu cái « xuyệt nông<sup>4</sup> » là gì có

<sup>4</sup> surnom = biệt danh

biết không ? Là... « Đông-thi A-phờ rít-keng<sup>5</sup> » đấy...

– Tàn nhẫn thật.

Trinh, Bảo, Hạnh cũng cười phá lên. Thu nghe mà chết điếng cả người. Nhưng, vì bản tính vốn hiền lành dễ dãi, Thu không hề thù giận. Nàng chỉ âm thầm buồn tủi mà thôi. Và từ đấy Thu đâm ra e ngại, lúng túng mỗi lúc nàng gặp những cái nhìn hơi khác thường. Nhất là từ ngày con người quái gở kia xuất hiện. Càng không khám phá được cái ý nghĩa của những cái nhìn lạ lùng kia, nàng càng thấy bức mình. Lắm lúc Thu nghĩ chùng vì vẻ người, hoặc dáng điệu của nàng có cái gì lơ lửng, chướng mắt đến đối người kia chú ý như vậy cũng nên. Thu lại đâm ra lo sợ. Nàng những ngại nếu chị em

---

5 từ kết hợp tiếng Việt và Pháp = Đông Thi (đẹp như nàng Tây Thi) + Africaine = người đẹp châu Phi. Chú của TVTL

mà biết chuyện này thì nguy mất. Không dùng mà nàng sẽ gây ra một trò cười cho cả trường. Thu sẽ chịu làm sao nổi những lời mỉa mai, diễu cợt của chúng bạn. Từ bức dọc, lo sợ, Thu đâm ra căm tức, thù hằn. Thu coi con người kỳ quặc kia như một kẻ thù, một thứ của nợ... Hôm nay thứ của nợ ấy lại lảng vảng đến nơi này, qua lại mãi trước cửa trường. Gã định giờ cái trò gì vậy ?

Thu sắp muốn rời phòng khách để xuống phòng ngủ, bỗng nàng nghe có nhiều tiếng guốc chi chát kéo vào và tiếng Nguyệt gọi :

- Này chị Thu, ra mà xem, mau lên.
- Cái gì vậy ?
- Một anh chàng lạ lùng quá.

Thu giật mình và chỉ hỏi lại bằng cặp mắt.

Cùng hai người bạn ngồi xuống ghế, Nguyệt thở thở :

– Cái anh chàng cỡi xe đạp lúc nãy đó, chị biết kròng?

– Anh chàng nào ?

Nguyệt không đề ý câu hỏi, nói tiếp :

– Đã ba buổi chiều rồi, anh ta cứ lảng vảng qua con đường này. Mà lạ lắm cơ.

Thu lại giật mình.

– Sao mà lạ lắm ?

Nguyệt lắc mạnh mái tóc, ngả người vào lưng ghế, cười ranh mãnh :

– Thoạt tiên mình cứ tưởng là bố này muốn « faire la cour<sup>6</sup> » bà chị nào trong trường chẳng...

Thu chau mày, béo má Nguyệt :

– Cô này chỉ hay nói nhảm.

Nguyệt vẫn cười :

– Nhưng không phải. Nguyệt nghiệm mãi chẳng ra. Có lẽ là một anh chàng điên cũng nên. Vì đã ba hôm, Nguyệt để ý, lần nào hắn ta cũng đạp xe qua lại vài lần rồi dừng lại trước cửa Viện Bài lao. Hắn đứng đấy. Có lúc hắn dựa lưng vào thành như thế này. Và hắn đứng lâu lắm nhé. Mắt hắn cứ đăm đăm nhìn về phía nhà xác. Không, hắn nhìn khúc đường chạy giữa nhà xác và Viện Bài lao thì đúng hơn. Hắn cứ nhìn mãi, nhìn mãi, nhìn đến thử cả người ra. Bây giờ hắn cũng còn đứng

6 faire la cour = tán tỉnh ; làm quen ; tìm hiểu ; chim chuột.



như thế, nhìn như thế. Thật là bí mật. Hẳn làm gì thế nhỉ ? Điên à ?

Liều vào sau, đứng tựa vào chiếc máy may đặt ở góc phòng, nghe Nguyệt nói, bảo đùa :

– Không phải điên đâu. Nó đứng rình để bắt con Nguyệt đấy.

Thu cười theo mấy chị em. Nhưng nàng càng lo ngại, hồi hộp trong lòng. Và đêm hôm ấy, Thu thao thức mãi đến gần hai giờ sáng mới chợp mắt được. Trong giấc ngủ muộn màng này, Thu mơ thấy con người bí mật kia đuổi theo nàng, qua các phòng ở bệnh viện, qua nhà xác, qua Viện Bài lao, qua phòng giảng và ra tận đến bờ sông. Nạn quá, Thu hét lên mấy tiếng. Bên ngoài, trời đã sáng hẳn. Vừa mở mắt ra, Thu bàng hoàng tưởng chừng như cảm thấy bóng gã đứng trong sân

trường. Nhưng khi định thần nhìn kỹ, Thu mới hoàn hồn. Bóng người ngoài sân là Nguyệt với chiếc áo ngủ màu thiên thanh tươi sáng, dưới ánh nắng ban mai.

✱

Người vào xem triển lãm mỗi phút một đông. Có tiếng Bảo gọi lớn :

– Đi lại phía này các cô.

Thu vừa quay về phía Bảo, bỗng nàng giật mình hốt hoảng như kẻ đi đêm vừa thấy ma quỷ hiện hình.

Bẵng đi một dạo khá lâu, con người lạ mặt từng làm cho nàng lo sợ, bức mình, đã biến đi đâu mất. Gã không còn qua lại trước cửa trường, Thu cũng không hề gặp gã một lần nào nữa. Nàng đã mừng thầm.

Nhưng rồi hôm nay gã lại hiện ra.

Lần này, gã ăn mặc chỉnh tề và có dáng chải chuốt hơn trước với bộ âu phục màu « beige » và chiếc cà vạt đỏ thắm. Vẻ khắc khổ trên gương mặt gã xem chừng như dịu bớt đi. Mắt gã long lanh sáng phía sau cặp mục kính cận thị. Gã đang đứng trò chuyện với một vài người, ý chừng là bạn bè của gã, trước một bức họa. Thu muốn kéo ngay Nguyệt ra khỏi phòng, nhưng Nguyệt giãy nẩy:

– Ô hay, cái gì mà vội thế ? Đã xem được gì nhiều lắm đâu. Bức họa này trông ngộ làm sao ! *Bơ-vơ*.

– Thằng bé hành khất trông đến tội nghiệp.

– Nó rét run lên đấy.

Thu dừng lại. Cái cảnh tượng đập mạnh vào nhãn quan Thu trước nhất, không phải là đứa bé, nhưng là cái bóng đêm sâu thẳm chiếm hầu hết bức họa. Đứa bé hành khất chỉ được trình bày ở một góc phía dưới, về phía bên phải. Nó ngồi thu hình co ro trong một xó chợ. Hình ảnh nó hiện ra với những đường viền mờ nhòa trong bóng tranh tối tranh sáng, tỏa ra từ một ngọn điện lù mù giữa đám bụi mưa, ở xa dọi lại. Cái quầng sáng lù mù của ngọn điện, mỗi lúc mỗi thu nhỏ dần, trong lúc cái bóng đêm sâu thẳm càng lan rộng mãi ra. Đứa bé không còn là một hình ảnh bằng màu sắc nữa mà là một con người sống thực sự. Một đứa bé sống thực sự với tất cả cái đói khát, rét mướt, lạc lõng, bơ vơ giữa một đêm đông tối tăm, rét mướt. Và cái bóng đêm mới đáng kinh khủng làm sao. Cái bóng đêm dày đặc, menh mông, sâu xa đến vô

tận, không hừng lên một tia sáng nào của ngày mai cả. Đứa bé có lúc như lớn ra, nhưng rồi lại nhỏ hẳn lại, nhỏ thêm mãi, chơi vơi, quay quắt rồi chìm ngập vào cái bóng đêm lạnh lùng, rùng rợn ấy. Từ một người xem, lần lần Thu biến thành một người sống trong nội cảnh của một sự thực vượt hẳn lên trên cả sự thực, một cảnh sống với những ý vị đậm đà cô đọng hơn. Ngày nào mà Thu chẳng gặp những người hành khất, lần gặp gỡ nào mà lòng trắc ẩn chẳng ray rứt quả tim của nàng. Nhưng chưa bao giờ nguồn xúc cảm của Thu rạt rào, mãnh liệt như lúc này. Thu xiết chặt bàn tay Nguyệt, rồi cúi xuống, rút khăn tay, chấm vội mấy ngón lệ đang muốn trào ra khỏi khóe mắt.

Bên cạnh Thu, một cụ già ăn vận âu phục, gật gù vuốt râu bảo một thanh niên :

– Tài thật ! Ngọn bút này có cả một mãnh lực truyền cảm ghê gớm quá. Tôi thích cái lối họa này hơn là những lối bí hiểm mà người ta trình bày gần đây.

Người vào xem càng đông thêm. Có lẽ từ trước đến nay chưa có cuộc triển lãm nào ở đây đã lôi cuốn được một đám công chúng đông đảo như lần này. Một người từ bên trong chen ra.

– Hừ, tám vạn đồng mà không chịu bán. Nghệ thuật khi đắt giá thì cũng đắt quá vàng.

– Thăm gì. Ở ngoại quốc có nhiều bức họa người ta mua đến hàng triệu.

– Đấy là ở ngoại quốc. Còn ở xứ ta, cái giá ấy kể cũng đã là hiếm có.

Một linh mục trẻ tuổi hỏi vội :

– Cái gì tám vạn?

– Thưa Cha, bức Nhân-đạo. Một du khách người Anh trả tám vạn nhưng họa sĩ từ chối. Ông ta cho biết là không thể bán nó với bất cứ một giá nào. Kể cũng bảnh đấy.

– Bức họa ấy ở phía nào ?

– Trong kia, phía cuối phòng, bên tay trái.

Bảo nghe lỏm được câu chuyện, bầm Thu, Nguyệt và Liễu :

– Tám vạn một bức họa. Tám vạn mà không chịu bán. Cái gì mà đắt lắm thế ? Vào xem đi. Vào xem bức ấy trước đã.

Cả mấy chị em kéo nhau đi và phải chen lấn khá vất vả mới tiến lại được phía cuối phòng.

Dưới một thứ ánh sáng trong trẻo dịu mắt, một bức họa cỡ lớn, có khung mạ vàng, nổi bật trên nền nhung xanh. Và trong cái khung vàng ấy, hình ảnh một người con gái... mà khi vừa nhìn đến cả Nguyệt và Liễu đều sửng sốt kêu lên :

– Ô lạ này. Có phải chị Thu không ?

– Mà đích thị là chị ấy rồi. Chị làm kiểu mẫu cho người ta lúc nào đấy ?

Thu đỏ mặt, luống cuống vì chính nàng cũng nhận thấy như vậy. Cô nữ y tá chiếm phần tiền cảnh chính là nàng chứ không phải một người nào khác hơn. Chính là Thu với bộ đồng phục trắng tinh, hai tay siết chặt vào lòng một đứa bé con độ ba tuổi. Chính là nàng với mái tóc rối bời, với cái dáng hốt hoảng, cuống quýt và cái khuôn mặt hơi tròn ngăm đen đang rờn rã trong một cơn thống xót vô biên...



Chỉ trong giây phút, Thu sực nhớ lại tất cả. Nàng vụt hiểu tất cả. Những hình ảnh tiềm ẩn đâu trong cái sâu thẳm của tiềm thức vụt sống lại. Một cảnh tượng thê thảm tãi diễn trước mắt Thu, qua bức họa... Một buổi sớm, cách đây khá lâu, sau phiên gác ở bệnh viện, Thu ra ngã sau, trở về trường. Vừa đến trước cửa nhà xác, bỗng Thu rùng mình, rú lên một tiếng. Một chiếc ô-tô nhà binh từ đâu ở phía trên vùn vụt chạy xuống, đâm ngay vào một chiếc xích-lô đang từ con đường Lâm Hoàng rẽ về phía bệnh viện. Người phu xích-lô bị vỡ sọ và dập cả chân, chết ngay tại chỗ. Xác anh ta nằm úp sấp giữa một vũng máu lênh láng có lợn cợn chất tủy. Một ống chân của người xấu số mắc vào giữa hai bánh xe méo mó của chiếc xích-lô dập nát. Người đàn bà và đứa bé ngồi trong xe bị văng ra bên lề đường. Người mẹ, thương tích khá nặng, quần quai

trên một vạt cỏ ướt đầm cả máu, trong lúc đứa bé nằm lăn bất tỉnh cách đây độ mười bước. Qua khỏi phút kinh hoàng, Thu chạy vội đến bế đứa bé lên, ôm nó vào lòng. Một số người xúm quanh bên nàng. Tai nạn rừng rợn khủng khiếp quá, cái chết của người phu xe thê thảm quá, thương tích trầm trọng, sự quần quai rên siết giữa máu me của một người đàn bà, một người mẹ, khiến Thu càng đau xót với đứa bé trong tay. Tim nàng như thắt lại. Từ đáy lòng, một mối thương cảm ùn dâng lên, biến thành lệ nóng, trào thoát ra khoe mắt, đầm ướt cả mặt mày. Và Thu còn nhớ là trong một phút ngẩng lên với tất cả niềm thương xót, bối rối, Thu bắt gặp, giữa đám đông, một người đang chăm chú nhìn nàng. Chính là gã, chinh con người kỳ quặc đã làm cho nàng nghi ngại, bức tức, căm thù, mất ăn, mất ngủ một dạo khá lâu. Thu thở dài, cảm động

vì nàng biết gã là ai rồi. Thu càng cảm động hơn, khi nghe một bà cụ vui vẻ bảo với một bà bạn cùng đứng xem :

– Này chị, cô nữ y tá trông mới dễ thương làm sao. Đẹp một vẻ đẹp phúc hậu quá. Cô ấy đang khóc thì phải. Cái cảnh chừng như là cảnh loạn lạc... Lửa cháy ghê gớm đấy, đỏ rực cả trời. Cô ấy đang cứu đứa trẻ sắp cháy... Tội nghiệp!

Bà cụ nhận không lầm. Vì hậu cảnh của bức họa không phải là nơi xảy ra tai nạn ô-tô mà là một cảnh máu lửa. Thu nhìn kỹ vào bức họa. Tuy chẳng hiểu vì sao họa sĩ đặt nàng vào một khung cảnh khác hẳn, nhưng nàng cũng nhận ra được tất cả cái ý nghĩa của những cái nhìn mà trước kia nàng thù ghét. Thu càng ngạc nhiên hơn, vì nàng thấy cặp mắt ấy không những chỉ thu nhận hình ảnh của nàng mà còn thu nhận cả cái tâm trạng nàng

ngay khi xảy ra tai nạn. Chính cái gương mặt và dáng điệu của cô nữ y tá trong bức họa đang nói lên tất cả những xúc cảm mãnh liệt, những đau thương, thống khổ, những gì mà chính nàng cũng khó thể diễn đạt cho tường tận bằng tiếng, bằng lời.

Và lạ lùng thay, cũng chính là nàng, cũng là cái tâm vóc, dung mạo ấy mà cô nữ y tá dưới ngòi bút linh diệu, thần tình của họa sĩ trông mới đáng yêu làm sao. Thu đâm ra phân vân, không biết có phải là người trong bức họa đẹp hơn mình hay chính lần này Thu đã thấy rõ mình hơn, qua cái lối nhìn riêng biệt và sâu sắc của con người kỳ quặc kia.

Trong đám đông chừng như có nhiều cặp mắt đổ dồn về phía nàng. Thu cúi vội mặt xuống, rồi chen vội ra ngoài. Không gọi Bảo, Liễu và Nguyệt, Thu lặng lẽ đi

thẳng một mạch về trường, lòng nao nao cảm động và tràn ngập cả một niềm vui sướng khó tả.

\*

Phòng triển lãm đã bế mạc. Cách mấy hôm sau, một buổi sớm, Nguyệt trao cho Thu tờ báo hàng ngày, chỉ vào một bức ảnh :

– Này, ngộ chưa. Thì ra họa sĩ Hoàng Hoa lại chính là anh chàng thơ thần trước trường dạo nọ. Hay nhỉ. Nhưng tại sao anh ta lại lảng vảng ở đấy như một thằng điên thế ?

Thu mỉm cười. Tại sao ? Chỉ có Thu biết, Thu hiểu, chỉ có Thu mới thông cảm nỗi cái « điên » của anh chàng, nhưng Thu không muốn nói ra.

Tì trán vào thành giường, Thu nhớ lại cuộc gặp gỡ lần đầu tiên và cũng có lẽ là lần cuối cùng. Thu nhớ lại cuộc đối thoại ngắn ngủi giữa nàng và họa sĩ :

– Tôi sắp đi ngoại quốc để trình bày các họa phẩm của tôi. Trước khi đi, tôi thấy là một thiếu sót lớn, một sự vong ân, nếu không tìm cách gặp được cô để cảm tạ. Sự thành công rực rỡ của bức Nhân đạo nhờ ở cô một phần lớn. Người trong bức họa là cô, chắc cô không ngờ. Và tôi mong cô vui lòng nhận lấy vật này... Tôi gởi gắm cả một niềm tri ân sâu xa trong đó.

Thu đỡ lấy tấm ảnh cỡ lớn chụp lại bức họa đúng y cả màu sắc của nguyên bản. Vốn thành thực, Thu mỉm cười nói ngay:

– Em biết... từ khi được xem nó trong phòng triển lãm. Ông đã làm cho em phải lo lắng, mất ăn, mất ngủ một dạo khá lâu.

Hoàng Hoa tỏ vẻ hối hận :

– Tôi thật có lỗi. Nhưng bây giờ thì chắc cô vui lòng tha thứ cho tôi.

Thu lại mỉm cười :

– Em đâu dám. Có phải ông đã chứng kiến cái tai nạn ô-tô xảy ra dạo nọ ở gần nhà xác ?

– Chính thế.

– Nhưng sao hậu cảnh lại là cảnh khói lửa thuở nào?

Hoàng Hoa thở dài :

– Sự thực không phải cái tai nạn ấy gợi hứng cho tôi. Nguồn cảm hứng đã

có từ lâu. Tôi suýt chết nhiều lần trong thời bình hòa vì mấy trận bom, vì bị tra tấn cũng có, bị đói cũng có. Thế mà rồi tôi không chết. Tôi vẫn bám cứng được vào cuộc sống, qua bao nhiêu thảm họa của thời ly loạn, như một loài cỏ dại bám víu vào đất dưới sức giầy phá tàn nhẫn, và nhờ thế tôi được chứng kiến rất nhiều cảnh thương tâm. Nhưng cũng chính giữa cuộc xâu xé, tương tàn của loài người, giữa những tai biến, hoạn nạn lớn lao, tôi lại nhận thấy được rõ hơn, cái sức cố kết và sợi dây cộng thông tiềm ẩn giữa người với người, tôi nghe được rõ hơn cái đồng thanh của tiếng nói con tim. Và tôi đã tìm được ở người cô, ngay trong cái tai nạn đạo nọ, tất cả những nét tiêu biểu về những cái đẹp của lòng người.

Cuộc gặp gỡ thật là ngắn ngủi và giống như một giấc mơ nho nhỏ, xinh



xinh thế thôi. Nhưng chính cuộc gặp gỡ ấy còn lưu lại cho Thu một kỷ niệm đẹp đẽ, êm ái lạ thường và sâu đậm đến không thể bao giờ phai nhạt được.

Nhìn vào bức ảnh trên mặt báo, Thu chú ý ngay tới cặp mắt. Cũng cặp mắt ấy, nhưng lần này Thu không cảm thấy thù ghét, nghi ngại và muốn lẫn tránh như dạo nào. Trái lại nàng càng thâm cảm vì những cái nhìn của nó. Thu đứng lên, mở tung hai cánh cửa lớn, nhìn ra ngoài trời, hít mạnh không khí vào buồng phổi, mỉm cười bảo Nguyệt :

– Ủ, anh chàng điên thật.

Rồi nàng đưa mắt đăm đăm nhìn lên phía núi Ngự Bình. Nguyệt cũng nhìn theo và tưởng Thu để ý đến ngọn núi ở xa, Nguyệt bảo :

– Hôm nay được nghỉ, chúng ta rủ nhau lên núi chơi đi.

Sự thật thì tầm mắt của Thu đã vượt xa hơn dãy núi. Tâm tư nàng đang theo dõi bóng một người, một người điên, đã truyền tiếp cho nàng một lối nhìn kỳ lạ, đã mở mắt nàng ra trước những cái đẹp thực sự của cuộc sống quanh nàng.



## CON RẮN HỔ

Một đêm trăng ở miền nguồn. Vì là đêm rằm, trăng mọc sớm, nên vào lúc đầu hôm, đám bóng cây, trái dài trên mặt sân gạch rộng, đã thu gọn về phía hàng chè tàu cắt xén vuông vắn, chạy thẳng tắp như một bức thành thấp, trước mặt ngôi nhà lớn.

Cả gia đình ông Chánh Lân giàu có nhất vùng ngôi quay quần chung quanh chiếc bàn ăn tròn khá lớn, đóng theo kiểu Trung Hoa, đặt ở hiên nhà ngang. Nguyễn

– con đầu lòng ông Chánh – lại vừa hạ được một con heo rừng những bốn đòn khiêng, nên thức ăn thực là thịnh soạn. Ông Chánh còn đem ra cả một thẩu rượu thuốc to tướng. Tuy vậy bữa cơm, vẫn như thường lệ, không được vui lắm.

Từ lâu, trong các bữa ăn, ông Chánh ít khi nói chuyện với Nguyễn. Và ngược lại, Nguyễn cũng thế. Hoặc giả họ có cần nói gì với nhau, thì lại toàn những chuyện không vui, những câu đối đáp nhát gừng, miễn cưỡng. Và gián tiếp nữa. Nghĩa là cả hai cha con nhà này thường mượn một người thứ ba để làm cái trạm tiếp vận những ý kiến họ phải trao đổi khi cần. Trong bữa cơm hôm nay, cái trạm tiếp vận vừa là Phương, ông giáo trẻ tuổi được mời ở dạy trong nhà, vừa là bà cô già của Nguyễn, bà Thỏa. Có những câu Nguyễn nói hoặc hỏi bà cô hay ông

giáo Phương, nhưng thực ra là để nói hay hỏi ông Chánh. Về phần ông Chánh cũng vậy. Một điều lạ hơn là gần đây, mỗi khi có ai đề cập đến chuyện săn bắn, thì y như chính người ấy đã khơi ngòi cho một cuộc tranh luận không vui vẻ gì giữa hai cha con nhà này, tuy ông Chánh cũng rất thích đi săn. Cũng chính vì thế, mà tối hôm ấy, trong bữa cơm, mọi người đều cố tránh, không dă động gì tới chuyện con heo rừng vừa bị hạ. Nhưng Nguyễn chừng như không quan tâm đến điều ấy. Sau mấy chén rượu, Nguyễn nhắc đến chuyện chia thịt và những nỗi gay go, nguy hiểm trong việc rình mò, theo dõi con heo rừng hì hợm này. Rồi Nguyễn kết luận với cái vẻ hí hờn, tự đắc :

– Tôi hạ nó đúng vào lúc ba giờ sáng. Con heo to quá. Nó ở rừng già mới về. Giống heo này nếu có dẫm phải kẹp, thì

nó cũng nhổ kẹp mà mang đi như chơi. Người ta trị giá nó có rẻ lắm cũng phải tám chục ang lúa.

Trong lúc Nguyễn nói, ông Chánh ngồi im lặng, với bộ mặt lầm lì thường lệ sau mấy chén rượu đầu tiên, đưa mắt nhìn hai con chó đang nghịch nhau trước sân, như không buồn để ý đến câu chuyện. Nhưng khi nghe đến câu này, ông đành hăng rồi quay vào nhìn bà Thỏa :

– Hừ, có đáng mấy trăm ang cũng chả làm gì. Thằng Cả nó tưởng đâu hạ được con heo này là tôi mừng lắm. Tôi nói thật là tôi không thiết. Bảy tám chục ang lúa có đến đâu.

Ông Chánh nói với cái giọng tức tối và rất thành khẩn. Điều này khiến Phương ngạc nhiên, được khiêng về, Nguyễn nghĩ muốn mổ thịt để đem biếu các nhà bà

con và phân chia cho đám chân tay dọc xóm, chứ không muốn bán. Ông Chánh đã phản đối cái ý định này ra mặt. Ông chỉ cho giữ lại một đùì, còn bao nhiêu thì gọi người đến chia lúa. Số lúa chia thật thau vào mùa lúa sắp tới, riêng về con heo này, cũng có đến năm chục ang. Nhưng ngay lúc này, khi thốt ra những câu trên, thái độ của ông lại có vẻ rất thành thực. Vì biết rõ chuyện, nên dầu tính kín đáo, dè dặt đến đâu, giáo Phương vẫn không thể ngăn nổi được nụ cười tinh quái thoáng nở trên môi.

Vừa nghe ông Chánh nói, nét mặt Nguyễn đang vui tươi bỗng sa sầm hẳn xuống. Nguyễn chống đũa, cười nhạt, nhìn vào đĩa lòng heo nhtr có ý chọn một miếng nào thích khẩu nhất, chậm rãi đáp lại :



– Không thiết... không thiết mà chia lúa ! Với lại cần hay không cái đó tùy cậu. Còn bản là... việc của tôi. Thích thì bản.

Ông Chánh Lân đánh hắng mấy tiếng liên tiếp. Ông thường có thói quen, mỗi lúc bắt đầu nói là phải đánh hắng. Và khi nào tức tối, ông càng đánh hắng nhiều hơn. Xong, ông lại nháy mũi một dây dài. Gương mặt chữ điền của ông đã nhuốm đỏ vì rượu, lúc này lại càng đỏ bầm lên. Đôi môi thâm, mỏng nhánh, chụm vào nhau làm cho cái miệng khá rộng nhỏ hẳn lại dưới bộ ria đen. Cặp mắt lừ đừ vụt sáng quắc. Ông nhìn Nguyễn với cặp đồng tử hừng hực ánh lửa. Cái sắc diện lẫm lì, hiền hậu của ông chuyển vội ra vẻ dữ tợn, đanh ác... Và lần này, giữa cái không khí quá căng thẳng, luồng ngôn ngữ của ông Chánh, cũng như của Nguyễn, đã bỏ phăng những trạm tiếp

vận là Phương và bà Thảo, để phóng theo một con đường thẳng cho nhanh hơn. Ông Chánh hét lên :

– Hừ... việc của mày. Việc của mày đâu phải để đi vong mạng !

Nguyễn cười gằn :

– Đi bắn chứ đi đâu mà vong mạng !

– Đi đêm, đi hôm, lặn lội trong núi trong rừng như vậy, có ngày chết không kịp ngáp. Ít ra mày cũng phải biết quý sinh mệnh của mày chứ. Tao nghĩ đến con chó kia, ừ, con chó, nghe chưa, nó cũng còn muốn sống để ăn của bắn, hưởng nữa là con người... như mày !

Đôi chân mày của Bích, vợ Nguyễn, nhúu hẳn lại. Cặp mắt đánh chớp như sao của nàng đảo nhanh một cái từ phía ông Chánh qua phía Nguyễn, như ngầm bảo :

– Thôi mà! Sao anh hay nói lảm thế.

Nguyễn lại cười gằn :

– Sống chết có mệnh. Với lại tôi thấy tôi sống cũng chả được tích sự gì, nhất là ở trong cái nhà này. Cậu quý gì con cái mà lo lắng lảm thế. Của mới đáng trọng hơn người...

Nguyễn nói câu sau cùng với cái giọng hằn học, chua chát như đay nghiến. Tự nhiên ông Chánh ngẩng lên nhìn chăm chú vào mặt Nguyễn. Và chỉ trong giây lát, sắc diện ông đã đổi khác hẳn đi. Cặp mắt nẩy lửa dịu xuống trong cái vẻ lơ dờ, xao xuyến, gương mặt trở nên lầm lì như cũ với những nét bối rối, âu lo. Sự diễn biến đột ngột về thái độ của ông Chánh lúc này, làm cho người ta phải nhớ tới một con hổ trở chứng, đang hung hăng gầm thét lồng lộn, vụt chùn mình lại, trở

nên ngoan ngoãn dưới làn roi diện của tay chuyên dạy mãnh thú.

Chống khuỷu tay vào bàn, cúi đầu xuống, đưa hai bàn tay đỡ lấy vầng trán rớm ướt mồ hôi, ông Chánh thở dài :

– Ủ, thì tùy đấy ! Tao cũng nói hết lẽ mà nghe vậy thôi. Mà đã lớn rồi, đã có vợ, có con rồi chứ không phải còn nhỏ dại như con Lan, con Huệ, bọn em mày nữa. Khôn thì nhờ, dại thì chịu. Tao có nói lắm cũng vô ích.

Rồi bỗng nhiên ông cười lên khanh khách, nhìn bà cô già của Nguyễn :

– Cô nó nghĩ có phải không ? Cái đứa nó đã chẳng muốn nghe thì nói lắm làm gì...

Đánh hắng thêm mấy tiếng, ông tiếp với cái dáng uể oải, nhọc nhằn của một

người bất lực :

– Tôi cũng chẳng hiểu phải như thế nào mới là được tích sự. Ăn rồi đi bán mãi như vậy mới... được tích sự.

Nguyễn đỏ mặt lên, lớn tiếng :

– Không được tích sự gì nhưng ít ra nó cũng đỡ buồn.

Câu nói này được chấm dứt bằng một tràng cười lạnh lạnh tinh quái, khiến bà Thỏa phải nhăn mặt, bảo nhỏ :

– Thôi anh Cả. Đạo làm con...

Cả Nguyễn lừa vội miếng cơm còn lại trong chén, ném đĩa vào mâm rồi đứng lên. Ông Chánh cũng rời khỏi bàn ăn, ra ngồi trên ghế trước sân. Thấy Phương có ý cũng muốn thôi, Bích vội đưa mắt rồi nói :

– Anh giáo cứ mời cơm chú. Những chuyện như thế kể cũng thường quá đối với nhà này.

Nàng lại thở dài, quay qua phía bà cô, thở thê nhỏ giọng :

– Cái tuổi của cậu và của nhà cháu nó xung khắc nhau làm sao ấy. Lắm lúc cháu cũng đồ tức cười. Cha với con mà chả khác gì người dưng nước lã. Động thấy mặt nhau là có chuyện rồi. Nhưng lỗi đâu có phải tại nhà cháu.

Bích cười khẩy, nhìn về phía Phương :

– Anh giáo mời thịt di. Cô gấp miếng này cho mềm. Con heo này béo lắm. Tôi mang tiếng là dâu trưởng trong nhà này, nhưng thật là trưởng hờ đấy anh giáo nhé. Lũ em con Lan, con Huệ chúng có coi tôi

ra hồn gì đâu. Cả bọn tôi tớ nữa. Anh Cả cũng chả hơn gì tôi. Vô quyền.

Bà Thỏa chép miệng thở dài, liếc nhìn ra sân nói khẽ :

– Cô cũng biết như vậy. Kể cậu Chánh cũng lẩn thẩn thật. Nhưng khó nói lắm. Cô đã nhiều lần bàn bạc mà vẫn chẳng đi đến đâu. Nghĩ như cậu ấy bây giờ đã có tuổi, giao hẳn việc nhà cho con dâu, có phải khỏe thân không. Bao biện làm chi cho nó khổ. Thằng Cả nó đã lớn, đã có vợ có con mà cứ coi nó như con nit, con thơ, thì nó phải bực trí chứ sao.

Sự thực quả đúng như thế. Từ ngày bà Chánh, mẹ Nguyễn, chết đi, ông Chánh tuyệt nhiên không cho vợ chồng Nguyễn được quyền định đoạt bất cứ một công việc gì trong gia đình, nhất là về mặt tài chánh. Đó là một điều trái hẳn với tình

tục ở hương thôn và làm cho Bích phải bề mặt với bà con, tộc thuộc bên chồng. Vì theo lẽ thường, một nàng dâu trưởng bao giờ cũng là người được ủy thác cái quyền quán xuyến công việc nội trợ, sau khi mẹ chồng thất lộc, trừ trường hợp nàng dâu là người hư hèn, vụng dại. Một nàng dâu trưởng mà vô quyền, thì cũng cầm bằng một người thừa trong gia đình, một người vô vị, đừng có hòng được chị em bên chồng trọng nể và đám tôi tớ hay bọn tay chân trong xóm, trong làng vâng phục thực tình. Mà nào Bích có hư hèn, vụng dại gì cho cam. Trong đám thân thuộc, cũng như những người nể lui tới nhà ông Chánh, đa số đều phải công nhận nàng dâu trưởng nhà này là một người khôn ngoan, lanh lợi và rất đảm đang. Đó là một lẽ để Bích càng bất mãn hơn, với cái tính cách vô vị của nàng. Nhiều người rõ chuyện thường phàn nàn về lối xử sự



quá lắm cảm của ông Chánh, và thường nhắc đến những chuyện vặt vể ông để cười cợt, châm biếm. Nào là ông Chánh thường giành cả nòng dậu trong việc mua cá thịt, mắm muối, nào là không những ông giữ cả việc xuất phát tiền chợ, sổ gạo lúa ăn hàng ngày, mà còn kiểm soát đến từng ô tấm, từng ang cám cho heo, cho chó, nào là đến ngày kỵ giỗ có hạ bò, mổ heo thì ông lại tự tay rửa thịt, phân định cắt đặt mọi việc nấu nướng v.v... Lắm người độc miệng còn rửa trộm ông Chánh :

– Hừ, cũng lạ thật ! Là cái thể ông này, ông khác với người ta, lại giàu có nứt trứng, ở thì tòa ngang dãy dọc, ăn toàn cơm trắng cá tươi, mà điên gì lại làm những chuyện tồi tàn như vậy cho nó khổ nhục cái thân. Nhưng nghĩ kỹ thì cũng không đáng ngạc nhiên lắm mà. Đời cha ông ấy nghèo rớt mồng tơi, nhưng rồi

may mắn, chỉ trúng tầm có mấy năm mà quật khởi cơ đồ. Đến đời ông ta, nhờ cái giỏi bóp hấu, bóp họng, bóc lột dân đen mà giàu lớn, lẽ cố nhiên ông ấy phải thế. Cái nghề giàu có bằng đất ruộng là hay hóa thành những con mọi giũ của. Mọn may như thế chỉ tổ cho dâu con và tôi tớ chúng khinh chứ ích gì.

Nàng dâu trưởng nhà họ Phạm có khinh ông Chánh hay không, điều đó chưa ai thấy rõ. Nhưng cả Bích lẫn Nguyễn đều bất mãn. Nhất là Nguyễn. Vì tuy hăm bốn, hăm lăm tuổi đầu, Nguyễn vẫn được ông Chánh coi như là một đứa trẻ con khờ khạo, chưa đáng được ủy thác bất cứ một việc gì quan trọng trong gia đình. Vợ chồng Nguyễn hoàn toàn phải sống phụ thuộc vào ông Chánh và nhất thiết chuyện gì trong gia đình, từ những việc lớn lao đến những món chỉ tiêu vật

vĩnh, đều phải tùy nơi sự quyết định của ông. Nhiều người cho Nguyễn hay đi săn bắn lang thang là vì vậy. Và bà cô già của Nguyễn cũng đinh ninh như thế. Nhìn đứa cháu dâu, bà thân mật :

– Nhưng dầu sao chị cũng nên khuyên anh ấy. Ham bắn lắm chẳng có lợi gì đâu. Với lại... tòi chắc dạo này cậu không thích anh Cả đi bắn là vì cái điểm rấn hổ vào nhà... Hôm trước thằng Bảy nó có nói với tôi về chuyện rấn. Có quả vậy không ? Lớn, nhỏ ?

Bích đang gấp thịt bống ngừng dũa, đảo mắt về phía Phương, gật đầu :

– Có thực có ạ ! Con rấn hổ lớn lắm. Nó bò từ sân thẳng vào nhà, nằm khoanh một đồng dưới bàn thờ, rồi chui qua ngạch cửa hông, bò xuống trại củi. Chẳng ai thấy cả, chỉ có anh giáo chạy theo, cố

đập nó và gọi người nhà phụ lực, nhưng khi mấy đứa ở lên đến nơi, thì nó đã biến đâu mất.

Bích ngừng lại, lấy đứa xăn miếng thịt hầm, rồi lộ vẻ sợ hãi nói tiếp :

– Mà chừng như rắn ma, cô ạ ! Từ hôm đó, cứ vài ba đêm một lần, ở trại củi, khuya lại, thường có một khối lửa hiện ra. Bọn ở chúng khiếp cả. Cứ tối đến là chẳng đứa nào dám rúc xuống. Cậu cũng sợ nữa là.

Bà Cô rùng mình :

– Mô Phật ! Điềm rắn vào nhà, lại rắn hổ... là điềm gở lắm đấy. Cậu Chánh không thích anh Cả đi bắn cũng phải. Chị cũng nên khuyên can anh ấy.

Bích cười, nhún vai lại:

– Có trời khuyển được ! Mà dạo này anh ấy càng năng đi hơn.

Thực vậy, có gần hai tháng nay, Nguyễn ham bắn đến nỗi người trong thôn ai cũng phải để ý và bàn tán. Chẳng có đêm nào Nguyễn chịu ở nhà. Ngày ra, nếu Nguyễn có về thì cũng chỉ để ăn uống, ngủ li bì, hoặc chuẩn bị đạn dược, lau chùi súng ống hay lân la đến chơi các nhà trong xóm chứ chẳng tha thiết, ngó ngàng gì đến công việc nhà. Nhiều khi Nguyễn đi biệt suốt tuần hoặc nửa tháng trời mới chịu đáo lui. Có một bận, sau mấy ngày vắng mặt, Nguyễn trở về với cái dáng thất thểu, bơ phờ, và khi bấy chó săn của ông Chánh chạy ra sửa mừng, sẵn súng trong tay, Nguyễn nhắm bắn ngay một phát. Một con chó trong bấy bị toạc mõm, văng cả hàm dưới, ngã xuống giãy

dành đập giấy lát rồi chết tươi giữa vũng máu.

Trước cảnh thương tâm ấy, Nguyễn thảo nhiên đứng nhìn rồi cười lên sảng sặc. Lại một hôm, trong lúc ngà ngà say, nhân cũng nói về chuyện đi bắn, Nguyễn cười bảo Phương :

– Tôi hạ được rất nhiều nai, nhiều heo. Tôi bắn ít khi nhầm. Nhưng tôi cứ thấy là tôi bị lạc đích mãi, tợ hồ tôi chưa hạ được cái tôi muốn bắn. Chỉ có một lần dạo chơi ở cấm củi bên kia, tôi nhắm vào một cái đích ở trong vườn này mà tôi tin chính là nó, nhưng lúc nhìn kỹ lại, tôi dâm hoảng. Vì chính đấy là cậu tôi. May quá !

Nguyễn nói xong lại cười. Tiếng cười và những câu nói có vẻ mê sảng, cuồng

loạn ấy, tự dưng khiến Phương phải giật mình :

– Tại sao anh lại nói như vậy?

– Cũng chả hiểu tại sao. Tôi cảm thấy như thế thôi. Thành thử tôi đi bắn hoai. Cũng chả thiết gì heo nai đâu, nhưng bắn cho khỏi ngứa tay. Ở nhà lúc nào tôi cũng nghe như muốn đập phá một cái gì.

Nguyễn lại cười nhìn Phương. Qua cái nhìn, Phương bỗng nhiên nhận thấy chừng như động cơ thúc đẩy Nguyễn đi bắn chẳng phải chỉ là mối bất hòa giữa anh ta với ông Chánh. Với nó còn có một cái gì lạ hơn, một cái gì khiến Phương thoáng cảm một cách mơ hồ, không rõ rệt lắm, nhưng cũng đủ làm cho hấn rùng mình lo ngại. Bích lại thở dài :

– Lạ lắm ! Cái chuyện đi săn, đi bắn

của nhà cháu kể cũng lạ lắm. Khó mà can gián nổi.

Phương đang ăn bống ngừng nhai, đưa mắt nhìn Bích, và khi bắt gặp cái nhìn của bà Thỏa, anh ta liền mỉm cười, đặt đũa vào mồm:

– Xin mời bà, cháu...

– Ông giáo ăn ít thế ?

Phương sắp nói thêm, đã nghe có tiếng Nguyễn từ sân gọi vào :

– Anh Phương ! Ngày mai Bình có đến mượn sách thì nhờ anh đưa cho nó. Quyển Điều thuốc lá tôi để sẵn trong thạp bàn nhà trên.

Phương bước ra sân, lại gần Nguyễn đang ngồi trên thành bể cạn :

– Thế anh đi đâu ?



– Đi bắn chó đi đâu nữa ! Đi bắn voi.

– Bắn voi ! Anh đã bắn giống ấy lần nào chưa?

– Chưa bao giờ ! Nhưng đi thì cứ đi !

– Thế anh tạo đâu ra súng bắn voi. Bắn nó phải có loại súng riêng chứ ?

Nguyễn cười :

– Cần gì. Súng trường ! Ba người, ba khẩu súng trường được rồi.

– Nguy hiểm lắm !

– Đã bảo bắn vong mạng chơi mà !

Nguyễn dần mạnh hai tiếng vong mạng như để chọc tức ông Chánh, rồi nói tiếp :

– Bọn chúng mới rủ tôi sáng nay. Khuya này vào lúc gà gáy hai là lên đường.

Quay về phía Bảy Lực, đưa ở trai vừa bùng nước ra, Nguyễn bảo :

– Nhớ nấu cơm sớm...

Ông Chánh nãy giờ ngồi im lặng, nghe thế bỗng đánh hắng lên tiếng :

– Có họa mày đến đầu đại óc rồi hay sao. Tao bảo thật, tao cấm mày đi chuyến này. Tao sẽ chẻ súng cho mà xem. Thằng Bảy dọn dẹp rồi đi ngủ. Không được nấu nướng gì cả.

Nguyễn ngẩng mặt, nhìn vầng trăng, cười nhạt với cái dáng khiêu khích. Ông Chánh đứng lên, bỏ vào nhà trong và định ninh rằng chuyện bắn voi chỉ là chuyện Nguyễn bịa đặt để chọc tức ông thôi, vì từ trước đến nay Nguyễn chưa hề bắn voi hay đề cập đến chuyện bắn voi bao giờ.

✱

Nhiều người nghĩ rằng cái chết của Nguyễn đã đột ngột, thê thảm lại xảy ra ngay sau cái dèm hai cha con cãi vã nhau, có thể làm ông Chánh hối hận đến tự tử cũng nên. Người ta tin như vậy vì khi thi hài của Nguyễn được vồng về đến sân nhà, ông Chánh đang ăn cơm mai, vừa chạy ra nhìn đã gào lên một tiếng, rồi ngã gục xuống bất tỉnh.

Nguyễn đã đi bán voi thực sự và đã bị voi chà. Những người giàu óc mê tín trong làng đều nhận thấy ở cái chết của Nguyễn một sự sắp đặt, run rủi của bàn tay định mệnh. Vì phải là cái số của Nguyễn và cái vận nhà ông Chánh đã thế nào rồi mới có thể xảy ra một cái chết phi lý như vậy.

Khuya hôm ấy, vì Bảy Lực không dám trái lời ông Chánh, Cả Nguyễn thân hành

xuống nhà bếp, lục cơm nguội, chiên ăn rồi lạng lẽ ra đi. Trong nhà tuyệt nhiên không ai hay biết. Và theo lời một chứng nhân kể lại thì chính Nguyễn đã rước lấy cái chết về phần mình. Địa điểm bắn voi là một ngọn núi trọc chỉ toàn cỏ tranh. Đó là một điều tối kỵ. Con voi bị bắn mấy phát, bỏ chạy về phía dốc rồi biến dấu mất hút. Nguyễn và hai người bạn cùng rẽ tranh theo dõi. Không ngờ con vật núp sẵn sau inô đất ở một khúc quanh quay lại, lấy vòi quất người đi trước. Nguyễn liền sấn tới, nã súng. Voi thả ngay người kia, thòp lấy Nguyễn rồi triển vòi nâng hẳn lên cao, giáng mạnh trở xuống trên một tảng đá cạnh đấy. Nguyễn bị vỡ sọ, dập gãy một cánh tay mặt, chết ngay tại chỗ.

Cái tang đau đớn này trĩu nặng trên mái tóc xanh của người vợ trẻ. Với một

đứa con trai lên ba trên tay và một cái thai chưa đầy hai tháng trong người, Bích gập mình lẻo đẹo theo sau linh cữu, trong chiếc mũ mấn và bộ quần áo sô gai. Tiếng khóc và những câu kể lể chua chát, hằn học của nàng ngấm chứa những lời oán trách cha chồng một cách hóng gió, bi ai đến nỗi khách bàng quan ai nghe cũng phải mủi lòng và khó chịu lây vì ông Chánh. Cũng vì vậy mà công việc ma chay cho Nguyễn càng tốn kém nhiều càng rước thêm những lời dị nghị của thiên hạ :

– Hừ, sống không cho ăn, chết làm văn tế ruồi là thế đấy. Đã chết rồi thì có gì đi nữa cũng chả làm gì ! Vô ích ! Ông ấy không phát điên là may.

– Chị Cả còn trẻ quá, lại đẹp. Với cái lối đối xử của ông Chánh thì chắc là không lâu đâu. Chị ấy thế nào cũng bước thêm một bước nữa cho mà xem...

– Cái chết của anh Cả đủ làm cho ông ấy sáng mắt ra chứ. Chỉ có một đứa con trai mà lại phải chịu số bất đắc kỳ tử như vậy thật là đại biến. Thằng cháu thì búng beo, òi ọp, trong sâu sia chẳng ra hồn. Còn mong cái gì mà bóp hấu, bóp cổ, bòn rút người ta và bo bo giữ của nữa cho mệt. Chuyến này thế nào rồi ông ta cũng hồi tâm, tu tỉnh chứ chẳng không đâu.

– À, cũng mong được thế mà nhờ. Ngày cơ tháng thiết đến van nài, cầu khẩn ông ta rút cả cổ họng, mà lắm khi chẳng vay được một hạt lúa nào.

Nhưng cái điều mà đám dân nghèo chờ mong không bao giờ đến. Ông Chánh vật vã, kêu trời kêu đất, bất tỉnh mê man để rồi ông Chánh lại tỉnh, mạnh khỏe như thường. Ông Chánh khóc lóc, khóc rất nhiều để rồi sau đó vài tuần, ông Chánh lại cười xề xề và vẫn tiếp tục một

cách chí thú cái chính sách bòn tro đãi sạn của ông.

Trong những đám cấy, đám hái, những buổi tụ tập ở thôn, đám dân nghèo lại thường xôn xao bàn tán về chuyện ông Chánh :

– Thật là bé cái lằm ! Chứng nào tật ấy, có chịu thay đổi gì đâu mà hòng.

– Thay đổi thì không nhưng cái vậ nhà ông ấy xem chừng muốn xuống lằm rồi. Rắn hồ mà vào nhà thì còn nước mẹ gì. Với lại, cả một đàn bồ câu đông đảo thế tự dưng bỏ đi mất hết. Nhà ấy thiếu gì lúa thóc, chuồng ngói hẵn hoi mà chúng cũng tản đi, kể cũng lạ thật. Bồ câu mà đi như thế là gở lằm.

– Chao ôi ! Rắn hồ vào, bồ câu đi... Nhưng suy đâu chẳng thấy, vừa ông vẫn

đầy ắp lúa thóc, muối ông vẫn tích trữ hàng trăm giỏ, tiêu chè chất đống, chất khối, ang vào vẫn già, ang ra vẫn non và tiền bạc thôi thì như nước. Những điều ấy có gì chẳng là chỉ gở đối với bọn chúng mình thôi.

Thật sự, gia cảnh ông Chánh không vì cái chết của Nguyễn mà thay đổi chút nào.

Cả tâm tính ông Chánh cũng thế. Và Bích, năng dâu, vẫn chẳng có thái độ, quyết định gì khác hơn là thủ tiết thờ chồng.

Nhưng vừa được hai tháng, nhà ông Chánh bỗng xảy ra một vụ án mạng rất kỳ quặc. Bảy Lực, đứa ở, một thanh niên hai mươi, lanh lợi và giỏi trai, bị một người nào đó đâm mấy nhát dao vào bụng, nằm chết ở bên hè trại củi. Cùng một lúc với



vụ án mạng này, người ta còn chú ý đến chuyện ông giáo Phương trốn đi đâu biệt tích. Người ta quả quyết nhà giáo trẻ tuổi này chính là thủ phạm. Nhưng nguyên nhân của vụ án mạng này, thật chẳng ai khám phá cho ra. Người ta chỉ chú ý một điều là chị Cả Nguyễn có lẽ vì quá khiếp đảm trước những biến cố dồn dập trong gia đình nhà chồng, nên đâm ra lẳng tính. Trong lối cười nói, lắm lúc nàng dâu trưởng nhà này tỏ ra có vẻ gàn dở làm sao ấy. Bích vốn được tiếng đứng đắn xưa nay, nên chẳng ai ngờ vực sự diễn biến hơi lạ về tâm tính của nàng có những liên hệ không lành đối với vụ án mạng trong nhà ông Chánh.

Thế rồi có một đêm, đã quá canh hai, lão Bảy Lợi, một tên rất thiện nghệ về cái môn bẻ bí bắt gà, lén vào vườn ông Chánh để hái trộm mít. Tình cờ hẵn nghe

có tiếng la lối, cãi vã dữ dội trong nhà. Vốn có tài phủ dụ giống chó, hấn không ngần ngại, men lẩn về phía cửa hông, ghé mắt qua kẽ hở nhìn bên trong. Và Bảy Lợi được chứng kiến một cảnh tượng rất lạ.

Dưới ánh đèn trứng vàng ửng, ông Chánh ngồi trên tràng kỷ, sắc mặt hầm hầm, trố mắt nhìn nàng dâu tóc tai bù rối, đứng tựa lưng vào tấm cửa bàng khoa cạnh đấy. Cái nhìn của ông Chánh dữ tợn quá làm cho hấn vừa trông thấy đã phát sợ. Và nhất là giọng nói của ông lúc này, giọng nói vừa run rẩy lại vừa gắt gỏng, sâu cay, đanh thép :

– Tao đã biết cả rồi. Mày đừng hòng chối. Cái thai trong bụng mày không phải là của thằng Cả. Bức thư của lão giáo, mày đánh rơi, tao nhặt được là một tang trạng sờ sờ... Đồ khốn ! Tao thật không ngờ.

Bảy Lợi vội nhìn qua phía Bích. Hẳn rất ngạc nhiên là gương mặt Bích lúc này không lộ vẻ bối rối, hãi sợ, nhưng lại lầm lì, gân guốc như vẻ mặt của một đứa bé ngỗ nghịch, coi thường roi vọt. Vừa nghe ông Chánh nói xong, nàng đã cười lên khanh khách, rồi đáp lại bằng một giọng vừa liều lĩnh, vừa có vẻ mê sảng, cuống loạn :

– Cậu đã biết rồi thì cậu còn hỏi làm chi ! Con thừa với cậu, cậu miễn lỗi cho, chứ tất cả mọi công việc không tốt đẹp này là vì cậu cả đấy. Chồng con mà chết oan uổng, dâu cậu mà thế này là vì cậu đấy chứ vì ai ! Cậu tạo nhân thì cậu phải chịu lấy quả.

Ông Chánh găm lên như con hổ bị thương:

– Đồ khốn ! Mà ý tưởng mà đồ liễu thể là yên việc được sao ! Tao có cách trị...

Nhưng Bích lại ngửa mặt, buông xuôi hai tay, cười lên sảng sặc rồi nhìn thẳng vào mặt ông Chánh với cặp mắt long lanh cuồng dại :

– Cậu chớ vội nóng nảy. Cái thai trong bụng này là của chồng con, hay của anh giáo Phương, hay của... Của ai đi nữa thì cậu cũng chớ vội nóng nảy. Con đại cái chịu đòn đấy, cậu ơi! Cậu nên nhớ đến cái danh thể của nhà cậu. Cậu phải im lặng mà chịu đựng. Vì con nói thật... Cậu muốn bêu xấu con thì con...

– Mà y dọa tao sao ? Đồ mặt dày mà y dạn !

– Không dọa gì cả. Vì cậu mà con đã phải khổ sở nhiều rồi, đời con phải dờ

dang, hạnh phúc tan nát mất rồi, thân con phải hư hỏng. Chỉ vì cậu mà con thế này đây. Trả thù cậu chơi đấy ! Nếu cậu giở thủ đoạn gì, nếu cậu xử tệ thì con sẽ làm nhục cậu cho mà xem...

Ông Chánh chồm hẳn người lên như một con mãnh thú sắp vồ mồi, nhưng rồi cả cái thân xác nặng nề của ông lại rơi trở xuống trên ghế, vì cơn tức giận lên cao tột độ làm cho toàn thân ông run lấy bầy, yếu lả hẳn đi. Ông cười lên một cách tức tối :

– Mày làm nhục tao ? Hừ mày thực là một con quỷ chứ không phải là một con người nữa.

Bích cũng chẳng vừa. Nàng chồm tới trước, đưa tay chỉ vào bụng :

– Lẽ tất nhiên là vậy cậu ơi ! Con cứ nói đại là cậu... Con sẽ rêu rao là cậu đã...

Cái thai này là của cậu... Con đã nói con bất chấp xấu hổ, nếu cậu muốn...

Những câu nói điên cuồng này lại được chấm dứt bằng một tràng cười sang sảng kỳ quặc của hạng người mất trí. Ông Chánh lộ vẻ sửng sốt như vừa nghe những tiếng sét đánh bèn tai. Ông nhìn sững nàng dâu như nhìn một thú ma quái hiện hình, một con quỷ dạ xoa, và điếng lạng người đi...

Câu chuyện diễn ra một cách kỳ quặc, kinh dị, vượt hẳn sức tưởng tượng của Bảy Lợi. Và nhất là tiếng cười, giọng cười của Bích. khi nàng thốt ra những câu sau cùng nghe có vẻ ma quái, ghê rợn đến nỗi Bảy Lợi không còn dám đứng lâu trong bóng tối mà nhìn.

Sáng hôm sau, câu chuyện bí mật này được loan truyền một cách ngấm ngấm

từ cửa miệng Bảy Lợi qua bao nhiêu cửa miệng lý lẽ của phụ nữ, khắp cả xóm làng. Kẻ hăng hái nhất trong việc phổ biến nguồn tin mới lạ này là mụ Cúc, vốn đã nhiều phen bị ông Chánh sỉ vả vì bắt được quả tang xúc trộm cám của ông mấy lần. Với cái lương tri của một người đàn bà hay soi mói, moi móc chuyện tư riêng của thiên hạ, mụ còn đưa thêm một nhận xét khá ngộ :

– Hừ, rần hổ vào nhà, ma ở trại củi. Bây giờ mới vỡ nhẽ ra là lão giáo ấy với con mẹ nọ đã toa rập nhau, bịa đặt để chúng dễ cái việc bậy bạ chứ gì. Thế mà ông Chánh cũng tin và sợ hòng chết, Cái nhà gì mà loạn đến thế !

Tuy nhiên, vì Bảy Lợi bình nhật vốn khùng khiu, dần dần nên cái chuyện lạ hăn phóng ra chưa đủ cho người ta tin lắm. Hơn nữa, qua ngày hôm sau, những

kẻ hay ra vào nhà ông Chánh vẫn thấy cái không khí trong gia đình ấy chẳng có gì khác thường đáng để ý cả.

Mãi như thế cho đến một đêm, giữa lúc mọi người đang ngon giấc, thì cả xóm bỗng lại phải vùng dậy, vì những tiếng rú và hét thất thanh từ trong vườn ông Chánh đưa ra mỗi lúc mỗi rõ hơn. Nhận kỹ người ta biết là tiếng Bích. Một số người đốt đuốc, đốt rọi chạy vào tiếp cứu. Vừa đến cổng ngõ, cả bọn thấy Bích hốt hơ, hốt hải chạy ra, áo quần xốc xếch đầu tóc rối bù, mặt xanh như trầm đỏ. Nàng vừa chạy vira hét:

– Cứu tôi với ! Bớ làng ! Cứu tôi !

Một vài người ngăn chặn nàng lại, hỏi rõ duyên cớ. Bích lắp bắp đáp, qua hơi thở hỗn hển, nhọc nhằn :



– Cậu tôi giết tôi !

– Đừng nói điên ! Cậu nào lại giết ?

– Cậu tôi định giết tôi thật mà ! Tôi đang ngủ trong buồng, bỗng giật mình thức giấc, thấy cậu tôi cầm dao tiến sát lại bên giường. Tôi lăn qua một bên tránh kịp. Ông ấy rượt theo tôi. Bây giờ thì ông ấy hóa điên, hóa cuồng mất rồi !

Một số đông người ào vào cổng, tiến vào sân. Mọi người trong nhà lúc này cũng đã thức dậy. Người ta lùng tìm khắp nhà dưới, nhà trên, nhà ngang, trại củi vẫn không thấy tăm dạng ông Chánh. Người ta lại chia nhau sục sạo khắp vườn, khắp xóm, và mãi đến lúc gần sáng, mới có người trông thấy xác ông Chánh treo lủng lẳng. trên một cành xoài khuất sau mái chuồng trâu ở một góc vườn.

Và sau ngày ông Chánh chết, Bích cũng hóa ra ngớ ngẩn như người mất hồn, mất trí. Cảnh nhà ông Chánh chả mấy chốc đã trở nên tiêu điều. Chỉ mới năm sáu tháng trời, sân đã mọc đầy cỏ, khu vườn rộng gần hai mẫu đất đã trở nên rậm rạp, hoang vu. Người trong thôn còn đồn rằng ở cổng ngõ nhà ông Chánh có một con rắn hổ rất lớn có móng, cứ vào đêm ba mươi lại hiện ra nằm khoanh tròn trên bậc đá cho đến tảng sáng, gáy lên ba tiếng rồi biến đâu mất hút.

Những người biết rõ đời tư của ông Chánh, cho rằng thời suy quý loạn, con rắn ấy là oan hồn của lão Chắc, một nông dân ở thôn trên đã tự ải ngay tại cổng, vì bị ông Chánh, khi còn làm Chánh Tổng dưới thời Pháp thuộc, lợi dụng uy thế để chiếm đoạt tài sản và hãm hiếp vợ hắn.

Riêng đối với nàng dâu nhà họ Phạm thì lại khác. Mỗi khi nghe nhắc đến con rắn hổ trước cổng, nàng ngửa mặt lên cười như nắc nẻ rồi hoa cả hai tay ra dáng phân trần :

– Không phải thế đâu ! Không phải lão Chắc, lão Chiếc gì đâu ! Hồn ma của cậu tòi đấy ! Bà con chẳng ai tin sao? Cậu tôi là một con rắn hổ độc hơn tất cả các loài rắn hổ. Một con rắn hổ có mồng, có nanh. Bà con ai thấy giết hộ dùm tôi ! Nếu trẻ thì tôi xin kết nghĩa vợ chồng, nếu già tôi xin cúng mười con trâu gầy và hai vựa đầy ắp lúa vô hơi đen như con chi.



## HAI GÁNH LÚA

**B**ếp lửa đang cháy liu riu bỗng bùng lên sáng rực. Ánh sáng vàng mười soi tỏ thêm tấm thân hình vạm vỡ và cái màu da rám nắng bóng bảy của Ba Hóa. Gã vừa đặt bát nước xuống, vừa nói :

– Nó phải chết. Đêm nay thế nào nó cũng phải chết.

Gã nói bằng giọng hằn học, tức tối. Mắt gã long lanh sáng với cặp đồng tử

tóe lửa. Mới trông diện mạo của Ba Hóa lúc này, người ta ngỡ chừng gã đang toan tính một cuộc mưu sát ghê gớm, tay gã sắp phải đầm máu vì một cuộc sát nhân. Nhưng rồi gã tiếp :

– Bốn cái kẹp. Những bốn cái. Lần này tôi lại đặt khéo lắm, có ý tứ lắm. Nó dẫu có tinh khôn, có giỏi đánh hơi sắt và nhận ra dấu đất mới đến đâu cũng khó thoát được. Cái giống thế mà nó đánh mùi sắt rất tài tình. Nhưng lần này thì chịu thôi. Tôi cứ nghĩ đến mấy hàng sắn và hai gánh lúa mà tức càn hông. Hai gánh lúa có phải là ít đâu. Đó là chưa kể những thứ nó đã phá hoại của người trong thôn này. Thấy được nó là tôi bầm vằm nó ra.

Nói xong gã lặng lẽ cúi xuống, vuốt lại nắm thuốc lá của vợ gã vừa đưa. Sau những phút tức tối, người gã lại trở về với cái dáng rũ rượi, mệt mỏi vì thức đêm

nhiều. Đã mười hôm rồi, gã thức ròng rã. Suốt mười đêm trường, hết ngời lại nằm co ro trong chiếc chòi chật hẹp, giữa cái hoang vắng, tối tăm, lạnh lẽo đầy đe dọa của rừng rú, nên người gã trông phờ phạc cả ra. Nhưng tôi biết. Chính đêm nay gã lại cần phải thức hơn. Gã phải thức để bảo vệ những hạt lúa vàng đang tươm ngọc đã đành, nhưng gã còn phải thức vì một cuộc phục thù. Ba Hóa đã khấn vái nhiều lần cho đêm nay con vật khốn nạn ấy phải tự dẫn thân đến nộp mạng. Nó chỉ là một con vật, một con heo rừng thôi. Nhưng gã cũng cảm tức như một người có nợ máu với gã. Là vì con vật khốn nạn ấy đã dám cả gan xâm phạm đến cái phần hoa lợi mà gã phải tốn biết bao mồ hôi, nước mắt mới làm ra được. Nó đã dám phá hại gần nửa đám sắn và hơn hai gánh lúa. Nửa đám sắn tuy cũng đáng tiếc, nhưng gã còn tha thứ được. Chứ đến hai gánh lúa thì, ôi

thôi ! Phải biết tay gã. Hai gánh lúa vị chi là chín mươi ang lúa. Ở cái xứ núi non hiểm hóc này, làm ra được một hạt lúa là thiên nan vạn khổ chứ có phải chơi đâu. Phải mất một ang lúa để đổi thuốc men ngay khi đau ốm liệt chiếu, liệt giường gã còn tiếc thay. Và cả đến cái ăn gã cũng dè dặt nữa là. Ăn một bữa cơm không sáo khoai, ghế sắn, Ba Hóa đã thấy là cả một sự phí phạm ghê gớm rồi. Chao ôi, của mồ hôi nước mắt, được một hột là quý một hột, huống chi là chín mươi ang lúa, không dùng đem cúng vào miệng heo. Gã nghe tiếc đến đứt ruột. Tòilặng ngắm Ba Hóa một lúc rồi hỏi :

– Anh thường ngủ trong rừng một mình thế này không sợ à ? Đâm heo lại là một chuyện nguy hiểm.

Ba Hóa lắc đầu mỉm cười :



– Sợ cái gì ? Ở cái xứ này, sợ thì không làm ăn gì được nữa. Muốn khỏi đói, muốn sống thì đừng sợ. Đừng sợ cái gì hết. Heo cũng vậy mà cho đến hổ báo cũng vậy.

Tôi biết Ba Hóa không nói ngoa chút nào. Càng đi sâu vào đời sống của gã, tôi càng biết tình yêu ruộng đất đã nâng sự bạo dạn của gã lên đến một mức độ có thể gọi là kỳ dị. Dường như không có một thứ uy lực nào của rừng rú có thể làm núng lòng con người cần lao chất phác, đang ngồi trước mặt tôi. Chướng khí, nước độc, ma thiêng, thú dữ, đối với gã đều đáng coi thường cả.

Quấn một miếng thuốc lá cỡ to, đốt hút, Ba Hóa nói tiếp :

– Muốn sống phải bảo vệ miếng ăn trước đã. Bảo vệ cho được hạt lúa, củ khoai. Ở vùng sơn cước này mà lười biếng

một chút là mất ăn, là đói nhả răng ra. Huống nữa ruộng của tôi làm rất tốt mà lại nằm cách biệt một mình một cõi. Hầm Vàng, ngoài tôi ra, không ai dám làm đâu. Làm thì chẳng khó, nhưng chỉ khó cái công giữ.

Tôi biết đồng Hầm Vàng. Gọi là đồng, nhưng thực ra ở đấy chỉ có hai thửa ruộng độ ba sào, nằm lọt vào giữa những khu rừng xanh rậm. Đây là ba sào ruộng rộc, tốt có tiếng trong vùng, mà một ang lúa giống, tính đổ đồng mùa mặt cũng như mùa trái, mỗi mùa thu tẻ nhất cũng được năm chục ang lúa, nếu chuột không cắn và heo rừng không phá hoại. « Ba sào ruộng làm rẽ của ông Chánh Bảy trong làng, từ đời cha gã kia. Biết bao nhiêu là công phu trải qua hai đời người. Ba sào ruộng này đã được thu hút, tẩm thấm vào lòng, vô số là mồ hôi nước mắt của

cha mẹ gã, vợ chồng gã. Cho nên cái tình của Ba Hóa đối với ba sào ruộng này rất đổi sâu nặng. Người ta chưa từng thấy ai chăm chút ruộng nương, gắn bó với lúa má như Ba Hóa. Gã yêu hai thửa ruộng như người ta yêu tình nhân, chăm chút lúa mà như người ta chăm chút trẻ thơ vậy. Lúa còn xanh, cái thú nhất của gã là cái thú đi thăm ruộng. Phải nhìn cái dáng trầm lặng, cặp mắt đắm say của anh chàng nông dân này, trong những khi gã chống cuốc, đứng ngắm những đám lúa xanh tươi gợn sóng trong gió mát, lại phải thấy tất cả sự chăm chút, sửa sang từng khúc bờ, từng cái ngả nước, người ta mới cảm hiểu được cái tình người đối với đất nó thấm thiết đến chừng nào. Ở thời kỳ lúa trổ, những đêm mưa gió, lạnh lẽo, cái chòi dựng gần hai thửa ruộng quencyn rữ, lồi cuốn gã hơn là chiếc giường tre êm ấm bên cạnh bếp lửa, vợ và con. Có được

nằm gần ruộng, thức ròn rã mà ấp ủ, canh giữ lấy những bông lúa, từ ngày còn ngâm sữa cho đến lúc đã kết tinh thành hạt ngọc trời, gã mới yên lòng.

Quay qua phía tôi, Ba Hóa nói thêm :

– Mùa này nhất định là lúa ruộng tôi phải đậu đến thóc năm. Bông nào bông nấy dài như đuôi trâu. Thế mà tức quá, nó ăn của tôi hai gánh rồi. Tôi tiếc hai gánh lúa làm sao !

Nói xong Ba Hòa đứng vội lên, ôm chiếu, cắp áo vào nách, đốt đuốc lên, sửa soạn ra đi. Tôi ngỡ ý muốn đi ngủ chòi với gã. Bà mẹ Ba Hóa này giờ ngồi lom khom ngoáy trầu trên bộ phản mọt gặm, ngẩng lên nhìn tôi, mỉm cười :

– Ông đi ngủ chòi cho biết thì được. Nhưng đâm heo thì đừng. Ông này mà

đi ngủ chòi, không khéo ngày mai trời lại mưa to đấy.

Rồi bà cụ nhăn cả hai cái nếu ra mà cười với tôi. Chị Hóa cũng nhìn chồng, cười theo.

✱

Cùng ngồi trong chòi một lúc, tôi biết đêm nay Ba Hóa thèm nằm, thèm ngủ như kẻ đói thèm cơm. Nhưng rồi gã thu hết nghị lực để chống chọi lại. Thỉnh thoảng gã quần thuốc đốt hút rồi vớ chiếc dùi tre, gã đập mạnh, liên miên vô hồi, vào cái thùng sắt tây. Đập chán, gã lại thu hết sức của buồng phổi, hét lên những tiếng hổ hụi, hổ hụi. Tiếng kim khí rè rè chát chúa và giọng hét nghe lừng lừng, rờn rợn như giọng lên đồng, kéo dài ra,

rượt nhanh qua không khí, xé toạc cả cái tĩnh mịch của đêm rừng. Từ các vách đá, bờ cao, bụi rậm, hốc hố thâm u, có những tiếng vang dội lạnh lạnh được ném trả một cách xa xôi, mơ màng...

Ba Hóa ngồi im, lóng nghe những tiếng dội, phì phà khói thuốc rồi bảo tôi :

– Đêm nay thế nào tôi cũng hạ được nó. Tôi chỉ cần đâm cho sưng tay. Đâm cho nó hả cái tức. Tôi biết con heo ấy bây giờ chưa xuống đâu. Khuya nữa kia.

Trong cái hừng lèn của ánh lửa đỏ ở đầu điều thuốc, mắt tôi bắt gặp cặp mắt của Ba Hóa. Lần này tròng nó dĩ nhiên như lúc đầu hôm. Qua cặp mắt ấy, tôi nhận thấy được tất cả cái giá trị của lúa đối với hạng người sống trong bùn lầy đồng ruộng.

Đêm rừng lừ lừ trôi qua, chậm chập như rùa hò. Ba Hóa ngồi bó gối trong chòi nghe ngóng. Ngồi mãi, tôi nằm xuống trên hai tấm phản bằng gỗ tạp. Hơi sương lạnh quá. Tiếng sương rơi lộp độp qua đám cành lá quanh chòi; giọng kim khi của mấy con chim qui nổi bật lên ở một lùm cây xa xa, giữa khúc đồng ca nào nuốt của côn trùng. Dưới ánh sao khuya, sương mù dày đặc lan rộng khắp nơi. Hai mi mắt tôi nghe nặng trĩu, người tôi cứ chập chờn, chập chờn, nhẹ dần như nằm trên mặt sóng. Rồi trong một phút bất thần, tôi chợp mắt lúc nào không hay.

Vào khoảng đầu canh tư, tôi đang ngủ ngon, bỗng giật mình choàng tỉnh. Ba Hóa vừa lay tôi, vừa gọi giật giọng :

- Này dậy. Trùng rồi, tôi biết lắm.
- Trúng gì hử ?

– Trúng heo chứ gì nữa? Hà !... hà...  
Mơ ngủ à ? Có nghe nó hột đấy không ?

Vừa lúc ấy, tôi nghe mấy tiếng heo hột lên dữ dội ở phía chân dốc, nơi Ba Hóa đặt kẹp. Tôi nhìn ra ngoài lều. Bóng tối của sơn lâm đã loãng đi trong một bầu trời mờ đục, huyền ảo. Sương mù lan rộng trong ánh sáng của mảnh trang hạ tuần chuyển mình lên khỏi giải rừng đen ở phương tây, cách một con sào. Ba Hóa nghe tiếng heo, mỉm cười một cách khoái trá :

– Thế là xong đời mày. Tao hạ ngay cho mà xem. Hừ, quen mồm ăn bậy. Mình làm mình chịu, kêu ca nổi gì ? Ha... hà...  
đừng kêu rêu nữa vô ích.

Tôi vừa dụi mắt, vừa bảo gã :



– Anh đừng nóng nảy. Nên tin xuống cho dưới xóm biết. Có nhiều người phụ lục vẫn hơn.

Ỗ thị cái tài đâm heo của mình, Ba Hóa tặc lưỡi :

– Không cần. Đâm heo đã mắc kẹp chứ phải đâm heo lưỡi dâu. Tôi hạ nó dễ như chơi. Tôi đã hạ hai con như vậy rồi... một mình tôi.

Mà thực như vậy. Cái gì chứ đâm heo, Ba Hóa quả là một tay giáo có tiếng. Đời gã, trong hai chục năm trời kể từ ngày hai bàn tay đã điều khiển vững vàng cán cày với mũi giáo, gã đã hạ có trên mấy chục con heo rừng phá phách hoa lợi.

Ba Hóa xách vôi chiếc giáo dựng ở góc chòi, băng bờ, rẽ bụi mà đi. Nhưng khi đến nơi, gã lại vọng về phía tôi :

– Hừ, tiếc quá ! Nó lại thoát mất rồi.  
Giỏi thật.

Tôi đốt một bó sậy, bỏ chòi, chạy về phía gã. Ba Hóa một tay chống giáo, một tay chống nạnh, đứng nhìn chiếc kẹp đã bật lên. Một cái giò heo đang còn mắc lại giữa hai hàng răng sắt nghiền cứng vào nhau. Nhìn cái giò heo và những vết máu đen sẫm trên kẹp và trên mặt đất, gã hừ mấy tiếng tức tối, rồi nói bằng một giọng gắt gỏng :

– Gớm thật. Con heo này to lắm. Nhưng đã mất một chân thì mày có chạy đằng trời cũng không thoát được tay tao mà.

Gã đứng thẳng người, nhìn quanh quất, lóng tai nghe ngóng. Trên cao, trăng sáng hắt lên. Bốn bề vắng vẻ. Trời đất, rừng rú như ngắt lịm trong một cơn mơ

say êm ả. Ngoài tiếng côn trùng hòa tấu, tiếng qui sắc ngọt nhịp đều đều và khoan thai, không còn một tiếng động nào khác. Ba Hóa đứng một lúc khá lâu như vậy, trong cái trạng thái của một con chó săn đánh hơi, rồi bỗng gã khẽ kêu lên :

– À ! kia rồi. May chưa ?

Gã đưa tay chỉ về phía đầu dốc, hạ giọng :

– Đấy, nó đang lủi kia. Thấy không ?

Cặp mắt gã tinh lắm. Tôi phải nhìn mãi mới nhận ra. Xa xa, một bóng đen đang lủi qua các bụi cây, lúc ẩn, lúc hiện dưới bóng trắng khuya... rồi lẩn vào cái khuất tối của một lùm mào trâu tủa bóng đen sì. Ba Hóa sắp nhóm mình chạy tới, tôi đã níu chặt lấy cánh tay gã, kéo lại :

– Cứ để yên. Anh ở đây trông chừng. Tôi chạy về kêu thêm người. Anh không được liều.

Gã quắc mắt nhìn tôi và cất giọng đồng dục như ông tướng truyền lệnh :

– Không cần. Cứ để mặc tôi. Ông cứ trèo lên ngai trên tảng đá phía trước kia. Nếu nó có quay về phía này, thì trèo luôn lên cây gạo sau tảng đá. Ngai yên trên ấy, không đi đâu cả. Đừng sợ gì hết.

Tôi nhìn Ba Hóa và tôi thấy gã không còn là một anh nông dân tầm thường nữa. Ở gã là tất cả một sức mạnh thống trị rừng rú. Gã lại đưa tôi đến tảng đá căn dặn :

– Nhớ là phải trèo lên cây. Cái giống heo xoang ...áo là nó dữ lắm. Nó lôi cả ruột non, ruột già ra cho mà xem.

Nói xong bỏ mặc tôi đấy, Ba Hóa cầm giáo tiến về phía bóng heo vừa mất hút. Lúc gần đến nơi, gã đi chậm rãi, dừng lại từng bước một. Và cứ mỗi bước tiến, gã lại nhặt đá ném vào các bụi rậm phía trước. Vẫn im lặng. Gã tiến thêm. Thỉnh thoảng gã cầm ngang chiếc giáo, đứng im lặng một hồi lâu với cái dáng thủ thế, Rồi gã lại tiến... Bỗng từ trong cái khuất tối của một bụi rậm cách lùm mây không xa, có bóng một con heo to lớn chồm ra, hột lên mấy tiếng làm rung chuyển cả một góc rừng. Tôi vừa trông thấy đã nhún cả người. Con heo to quá, hì hợm quá, một con heo lớn đến ba đòn khiêng. Tôi đang lo cho Ba Hóa, thì nhanh như con sóc, gã đã nhảy tránh qua một bên, đứng lên một tảng đá. Chờ cho con heo đang sẵn đà lướt tới trước, gã lao xuống, đâm thẳng vào hông. Con vật bị thương, hột lên một tiếng, quay vội đầu táp ngay vào

tay gã. Với một tay còn lại, Ba Hóa cố sức rút giáo ra, phóng vào hầu. Con vật nhả tay, tránh được mũi giáo rồi gầm gừ chồm tới. Lần này nó tấp mạnh vào đùi Ba Hóa. Gã kêu lên một tiếng đau đớn. Ánh trăng bỗng mờ hẳn đi vì đám mây vừa che khuất. Trong bóng mờ tối, tôi chỉ thấy loang loáng hai bóng người và vật đang vờn lẫn nhau. Rồi tôi nghe có tiếng đá lăn, tiếng một vật nặng ngã đánh thịch xuống đất. Ngay lúc ấy, ánh trăng vụt bùng sáng, bày ra một cảnh tượng khủng khiếp. Ba Hóa lăn nhào xuống dốc. Từ trên dốc cao, con heo hục hặc rượt theo. Cả một khối thịt chồm tới, lao xuống với tất cả cái khí thế hung hăng và một sức mạnh kỳ dị. Người tôi toát cả mồ hôi. Tôi nhắm mắt lại để khỏi phải chứng kiến một cái chết thê thảm, rùng rợn, ngay trong lòng hoang vắng của rừng rú. Nhưng rồi một tiếng kêu, một tiếng kêu đặc thảng làm cho tôi

ngạc nhiên mở vội mắt ra.

Thì ra vì một sự tình cờ may mắn, ngọn giáo của Ba Hóa cầm trong tay, giữa cơn nguy cấp, đã cứu gã thoát được cái chết chỉ còn cách gã có một sợi tóc thôi. Con vật từ trên cao vừa há mồm lao xuống đã bị mũi giáo xóc thẳng vào cổ họng. Nó tức tối hộc lên rồi chồm tới. Cán giáo chạm vào đá, vướng vào rễ cây, bụi cỏ, thốc mạnh mũi giáo vào thêm sâu. Con heo quay quắt lồng lộn, lại bị thương một chân, nên chả mấy chốc nó đã ngã chúi vào bụi rậm. Rồi thì cả người lẫn vật lẫn nhào xuống hố. Từ trên cây, tôi trụt vội xuống, chạy thẳng lại phía miệng hố ! Dưới hố im lặng. Tôi níu vào cành lá, gốc cây, lần mò xuống tận nơi. Bóng trắng soi tỏ hai cái khu xác vừa ngã gục cạnh nhau sau một cuộc tranh hùng quyết liệt. Tôi nhìn kỹ con heo. Nó đang hấp hối. Quả

là một con heo chiếc ở rừng già mới về, một con heo bạc má, lông lá sù sì với hai chiếc nanh dài cong ngược lên bọc lấy mõ. Nó nằm nghiêng mình giữa vũng máu, cặp mắt trợn trừng ngậm cứng chiếc giáo trong mõm. Nó thở phì phì và thỉnh thoảng lại quẫy mạnh cả thân hình một cái. Còn Ba Hóa thì nằm ngửa trong một bụi sim. Tôi gọi, gã mở mắt ra. Câu hỏi đầu tiên của gã là :

– Nó đã chết chưa?

– Sắp chết rồi.

Gã rên lên hừ hừ, lẩm bẩm :

– Chết là đáng. Ăn của tao mất hai gánh lúa... chết là đáng lắm.

Tôi nhìn kỹ Ba Hóa. Bắp chân gã tươm cả máu, mình mẩy, mặt mày sây sát nhiều chỗ. Lo lắng, tôi hỏi :



– Có sao không?

Gã lắc đầu :

– Không nặng lắm đâu. Nó vừa táp đã nhả ra ngay, ông lên chòi lấy gừng xuống đây, nhai rít vết thương rồi bó lại cho tôi xong rồi hãy về tin cho nhà biết.

Con heo bỗng nhiên quấy mạnh thân mình rồi hột lên mấy tiếng nữa. Nhưng đấy chỉ là những tiếng hột cuối cùng. Ba Hóa lóng nghe, mở rộng mắt nhìn về phía con vật, cười gằn :

– Đáng kiếp ! Tao có bị thương, tao cũng sướng bụng lắm mà.



## MIẾNG NGON BÊN XÁC CHẾT

**T**ội nghiệp ! Anh ta chỉ ăn có một đĩa xôi và mấy miếng ram, chứ chẳng hề động đến thứ gì khác nữa !

Mắt rớm ướn, bà quán nhìn mâm cơm dãi kẻ tử tù đặt trên chiếc quả đàn<sup>7</sup>, bảo nhỏ tôi như thế. Trong lúc nói, bà ta ngó quanh quất, tỏ dáng lo ngại, tuy ngay sau khi tên tử tù Phùng Hoan đã cùng toán

---

<sup>7</sup> Quả đàn : loại bàn dài, gồm có một mặt bàn, đặt trên một cái giá gỗ.

linh áp giải ra đi, đám người đến xem đều rùng rùng ủa theo, tiến cả lên phía pháp trường dọn sẵn trên một đỉnh gò cách đây không xa. Cả cô con gái lớn của bà quán cũng chạy đi nốt. Cảnh quán bỗng chốc trở nên vắng vẻ. Ngoài bà quán ra, chỉ còn có tôi ngồi nán lại. Mâm cơm có vẻ thịnh soạn vẫn nằm yên trên chiếc quả đàn với một đôi đĩa bỏ rơi bên cạnh, một cái bánh tráng bể dập làm ba mảnh lớn nằm kề đôi đĩa, và một đĩa xôi bị khuyết một phần, đặt trên vành mâm gỗ. Một đàn ruồi, không đông đảo lắm, lặng lẽ đổ đến, thung thăng bò lượn trên các đĩa thức ăn còn nguyên. Ánh nắng chiều xuyên qua cái khung tròn nhỏ trở ở vách bên, chiếu thẳng vào mặt bàn như soi rọi, tìm kiếm một cái gì đã mất, làm tăng thêm vẻ lạnh tanh, lạnh ngắt của mâm cơm còn bỏ dở.

Bà quán lại buồn rầu thủ thủ :

– Nói thế chứ ăn làm sao được hở ông. Chết đến nơi, bụng dạ nào mà ăn được nữa... Lạy Trời, lạy Phật, tội lỗi đến thế nào chả biết, cứ thấy thế mình... đứt ruột đi. Ông không lên xem sao. Thiên hạ họ dạn xem quá. Cả cái con yêu, con tinh ấy nữa. Tôi đã bảo nó đừng có xem làm chi mà.

Nói xong bà quán lại lăm la lăm lét nhìn quanh, với cái dáng nơm nớp lo sợ, về nỗi tai vách mạch rừng, đã biến thành một thói quen từ lâu.

Tôi không đáp lại. Vừa nhìn vào mâm cơm, tôi đã quay vội mặt đi. Trong luồng ánh nắng dọi xuyên qua khung cửa tròn trên vách đất, hình ảnh kẻ tử tù vẫn như còn đấy. Và lúc này, hình ảnh của gã càng hiện ra đậm đà thêm trong trí tôi, với tất cả những cử chỉ, điệu bộ tái diễn một cách tỉ mỉ hơn, chẳng khác gì hình ảnh một con

ngựa đua sau khi được chiếu rất nhanh trên màn bạc, được trình bày thêm một lần nữa, theo cái nhịp rất chậm của mọi động tác. Tôi còn thấy gã ngồi đấy, bèn chiếc quả đàn, cúi nhìn vào mâm cơm. Gã còn trẻ quá, đầu mới hai mươi tám, ba mươi là cùng. Trông gã có vẻ thông minh và rất hiền lành. Người gã lùn, nhỏ. Cái đầu trọc làm cho gương mặt của gã hơi tròn lại tròn thêm. Còn về sắc mặt gã lúc ấy, kể cũng khó mà sánh được với một thứ màu sắc nào đã quen mắt chúng ta, dầu là một thứ màu sắc thê lương u ám đến đâu. Nó vừa là cái xanh xao nhợt nhạt của thứ da thịt xa vắng ánh sáng mặt trời, của những khu xác đã bệ rạc vì những sự hành hoại của bệnh hoạn và các thứ cực hình trong bóng tối, vừa là cái úa nhạt, xám tái của một linh hồn đang bấn loạn, sáng sốt trước cái thể đồn tấn của tử thần vào bước đường cùng. Và cái xanh xao,

úa nhạt, xám tái ấy cùng chuyển thành một thứ màu sắc xanh lạnh, đượm vẻ u linh, quái dị với cái màu trắng tang khó dọi lên từ lớp vải ta còn nguyên màu hồ, dưới ánh nắng soi nghiêng. Đã thế, trong bộ đồ bà ba bằng vải rộng xù xì, còn mới và cứng quá với những lần nếp gầy gập, và tiếng sột soạt mỗi lúc gã cử động, trông gã như một cái xác chết vừa được khâm liệm mới vùng dậy, hơn là một con người sống sắp phải thủ tiêu. Gã không còn là Người. Tuy ngồi gần đám đông bu quanh sân quán, nhưng trông gã đã có vẻ xa lạ, cách biệt hẳn với nhân gian rồi. Người ta có cảm tưởng như linh hồn gã đã thoát lìa khỏi xác từ lâu, và gã không nghĩ ngợi hoặc nghe thấy được gì nữa trong cõi dương gian này. Cũng chính vì thế mà những cử động của gã, từ lối đi đứng đến cái nháy mắt, nhếch môi, đều gợi được ở người xem sự tò mò và những ý nghĩ,

cảm giác rờn rợn. Bất cứ gã nhìn vào đâu, người ta cũng nghĩ là gã đang nhìn vào cõi chết, đang thấy những gì mà người sống chưa có thể nhìn thấy. Ốc tò mò của đám đông càng được kích động thêm, khi người ta đưa gã vào quán. Không ai tin rằng gã sẽ ăn.

Nhưng rồi trái lại với sự dự tưởng của nhiều người, kẻ sắp chết vẫn thấy được mâm cơm và vẫn ăn uống.

Gã đảo mắt nhìn khắp mâm. Rồi sau một lúc ngồi yên với cái dáng suy nghĩ, gã cầm đũa, gắp ram, xắn xôi. Gã ăn hai miếng ram với một đũa xôi khá lớn. Trong lúc ăn, gã nhai rất chậm và nhìn thẳng tới trước. Sau cùng gã lại đưa bàn tay run run bẻ một miếng bánh tráng. Nhưng khi vừa đưa lên miệng, không hiểu sao, cả bàn tay xanh xao, gầy guộc run rẩy của gã lại rơi đánh thịch xuống một cái, nặng nề, trên



chiếc bánh còn nóng dòn. Bánh vỡ kêu rộp lên một tiếng. Trong lúc ấy, đầu gã tử tù gục xuống. Mấy người lính vì sợ gã ngất đi trước giờ hành hình, vội lay gọi gã dậy, cho gã uống nước, rồi vực gã đứng lên để áp giải đi.

Và như thế là gã tử tù chỉ mới ăn có hai miếng ram và một đĩa xôi thôi. Đối với bà quán, gã đã ăn được ít quá trong cái bữa ăn cuối cùng của đời gã. Nhưng riêng tôi, tôi lại thấy là nhiều quá. Từ ngày cuộc binh hỏa khai diễn đến nay, đã hai lần rồi, tôi được nhìn tận mắt những kẻ xấu số không hề động chạm đến cái ân huệ của đồng loại dành cho, trước khi loại trừ họ ra khỏi cuộc sống. Người đầu tiên chỉ đưa tay mó vào chiếc bánh tráng rồi lại để yên. Người thứ hai nhìn vào mâm cơm rồi quay mặt đi với cái dáng hãi hùng. Y xin một bát nước. Riêng gã,

gã đã ăn được hai miếng ram với một đĩa xôi. Cái kỷ lục này đã làm cho tôi phải ngạc nhiên và ngậm ngùi nhiều vì gã. Tôi không biết gã ăn để làm gì ? Cứ nhìn qua tướng mạo, sắc diện của gã, tôi cũng biết gã không phải thuộc vào hạng gan liên tướng quân, dám coi thường cái chết, để bình tĩnh mà hưởng những khoái lạc cuối cùng. Tôi càng thương hại cho gã và có một cảm giác gần như là sự buồn nôn, khi tôi nghĩ rằng đĩa xôi và hai miếng ram kia chưa tiêu kịp, trước khi gã phải gục xuống bởi những viên đạn xuyên qua ngực, qua bụng. Bộ máy tiêu hóa của gã có mạnh mẽ, đặc lực đến đâu cũng khó tranh thủ được thời gian với lưỡi hái của tử thần. Con đường từ quán đến pháp trường chỉ dài độ vài ba trăm thước...

Nhưng bà quán chùng như không nghĩ đến chuyện này. Đối với bà ta, cái ăn

ở phút cuối cùng cũng quan trọng, cần thiết có lẽ còn cần thiết hơn cái ăn lúc bình thường. Và vò tình, chính bà đã giải đáp cái điểm mà tôi đang thắc mắc :

– Tôi nghĩ càng thương hại. Nhưng ít nhiều miễn đã có ăn được rồi, còn hơn chết đói, chết khát. Tôi biết anh ta cố gắng là vì thế đó thôi. Mô Phật !...

Tôi vụt hiểu ra. Tôi vụt hiểu cái tầm quan trọng của những miếng ăn cuối cùng. Những bữa ăn thường chỉ làm dịu được cái đói của một ngày, một buổi, nhưng bữa ăn, ở cái phút già từ dương thế, còn xoa dịu cả một sự thèm khát kéo dài vô tận trong thế giới u minh. Sự tin tưởng ấy càng ngây thơ, vô lý, càng làm cho lòng tôi xót xa thêm vì cảnh sắp chết. Hơn cả bà quán lúc này, tôi lại đâm ra băn khoăn, không biết đĩa xôi và mấy miếng ram nhỏ vừa rồi có đủ để an ủi và xóa

tan trong đầu óc gã tử tù, đang lê những bước chân rối loạn, tiến dần lên bãi pháp trường, cái ám ảnh của một sự vô phước lớn lao cộng thêm với cái vô phước phải chết nhục nhã như một con vật bị người ta quật ngã không chút xót thương.

Tôi lại nhìn mâm cơm để rồi quay mặt đi vì không nỡ ngắm lâu Tôi bảo bà quán :

– Bà thu dọn đi. Ai lại để mãi thế...

Có lẽ bà quán cũng hiểu ý tôi và đồng một tâm sự như tôi, nên bà đâm ra lúng túng. Chả nhẽ cứ để y mâm cơm như thế mà nhìn. Nhưng dọn đi thì dọn đi đâu. Chẳng ai có lòng dạ nào mà thừa hưởng được bữa ăn cuối cùng của một kẻ tử tù. Nhưng đổ đi thì cũng phi phạm và bất nhẫn làm sao. Giữa lúc bà quán đang phân vân, hết nhìn mâm cơm đến nhìn

tôi như hỏi ý kiến, thì bỗng bà quay mặt ra sân, kêu lên với giọng vui mừng :

– À may quá ! Năm Khụ !

Tôi nhìn theo, từ phía đằng cái, Năm Khụ đang quờ quạng chiếc gậy tre rẽ vào ngã quán. Thấy lão, tôi hiểu ngay vì sao bà quán vui mừng, cũng ngay lúc ấy, bà quán mỉm cười bảo tôi :

– Có cái bao tời sọc xanh này thì không cần phải lo nữa.

Bao tời sọc xanh là một thứ biệt hiệu mà người làng đã gán cho Năm Khụ từ lâu. Sở dĩ lão được gọi như thế không phải chỉ vì lão có một thực lượng ít người sánh kịp, mà còn vì cái ăn, đối với lão, là cả một lẽ sống, một lý tưởng. Ngay tir thuở còn thơ ấu, tôi đã thấy sự góp mặt của Năm Khụ trong cuộc sống này rồi. Lão là một

kẻ tật nguyên, một hạng phế nhân. Vì lão mù lòa. Lúc nào lão cũng có vẻ mù lòa thật sự với cặp mắt đục nhưong nhưong, cái đầu trọc hay cúi xuống và chiếc gậy tre dài quờ quạng, hết đập lóc cóc phía tả, lại đập lóc cóc qua phía hữu, để dò dẫm lối đi. Nhưng ở lão có hai đặc điểm rất lạ đã làm cho lão không hổ danh chút nào với cái biệt hiệu bao tời sọc xanh. Trước nhất là tuy mù lòa nhưng lão rất sáng về cái ăn và vào lúc cần ăn. Ở đâu có ai chôn con vật nào, heo chết hay gà chết hoặc chó chết chẳng hạn, là Năm Khụ cũng khám phá ra, mò mẫm đến, lén lút đào lên cho kỳ được để khai thác, thu hồi những gì có thể bỏ bụng. Lại khi ngồi vào mâm là lão như thấy rõ cả các món ăn và xử dụng đôi đũa một cách thật là thần tình, nhanh nhẹn quá người tỏ mắt. Nhưng lạ hơn nữa là trong làng có bao nhiêu nhà khá giả, nhà nào có mấy đám giỗ trong năm,

đám giỗ nào lớn, nhỏ đáng làm heo hay làm bò, thường cúng chay hay cúng mặn, lão đều nhớ giảng giảng trong bụng, như các nhà thâm nho hồi xưa nhớ kinh sử và điển tích vậy. Cứ đến ngày là đã thấy lão lò dò chống gậy, vắn chuyên cái tấm thân lùn, béo trục, đen đuôi của lão đến rồi. Lúc thường lão chỉ mặc vồn vện có một cái quần đùi. Ngày nào có giỗ lão lại khoác vào người chiếc áo cụt rách. Đối với lão chiếc áo cụt rách ấy là áo lớn rồi. Thành thử cứ thấy lão mặc áo là đám phụ nữ làm việc ngoài đồng thường cười rúc rích, bảo nhau :

– Lại có đám giỗ ở đâu đấy rồi ! Cái bao tời sọc xanh đã mặc áo lớn đi kia.

Đối với gia đình tôi cũng vậy. Thật chẳng có một bữa giỗ nào mà thiếu mặt lão. Và đã dẫn xác đến, thì lão cứ xớ rớ lẩn quẩn mãi dọc hiên, dọc hè, cho đến lúc

nào người ta cúng xong, được ăn uống no nê lão mới chịu về. Tôi còn nhớ những lúc lão ngồi xếp bằng bên gốc cột ở nhà cầu, chờ đợi một cách rất kiên trì, bình tĩnh, với cặp mắt đục ngược nhìn vào khoảng không và đôi môi toè toét, mẹ tôi thường bảo :

– Nay Năm Khụ ! Sao mà nhớ giỏi thế.

Lão ngửa mặt lên, nhướng cặp mắt đục, cười hì hì :

– Dạ thưa bà, càng nhớ càng lợi chớ. Ở đời, nói mà nghe, có cái chi sướng bằng ăn. Lại được ăn của tốt. Con nhớ hết. Tính đồ đồng cứ một tháng, ăn cho khắp làng này, cũng được trên mười ngày rồi, ít chi.

Mẹ tôi đùa :

– Thích nhỉ !



Lão lấy tay xoa vào bụng một cách khoan khoái rồi lại cười :

– Dạ nói chi nữa. Con nghĩ ở đời không có chi th1ích bằng ăn. Không vì ăn mà ai làm, ai sống làm chi?

Và cứ cái lối đi du thực khắp làng như vậy. lão kéo dài đời sống của lão một cách thật là an lành, vô sự. Đối với lão, chỉ có cái ăn mới quan hệ, ngoài ra, lão chẳng cần biết đến cái gì khác hơn. Chừng như mọi sự đổi thay biến chuyển xảy ra chung quanh lão, dầu có lớn lao đến đâu, cũng chẳng liên hệ đến lão chút nào. Ngay cả những nổi thăng trầm, đảo lộn của các chế độ, đối với lão cũng thế thôi. Ai mạnh làm gì thì làm, muốn đổi thay sao đó thì cứ việc mà đổi thay, miễn là các nhà khá giả trong làng vẫn cứ lo cúng kỵ cho tiem tất, đúng ngày đúng giờ, đáng làm bò thì nhớ mà làm bò, đáng mổ heo thì phải mổ

heo cho tử tế là được lắm rồi.

Biết rõ cái tính phàm ăn của Năm Khụ nên bà quán, vừa thấy lão, đã nói ngay :

– Lão đến gặp lúc quá. Có lộc ăn rồi.

Chừng như chưa nghe rõ câu nói, lão Năm Khụ cứ quờ quạng bước vào rồi nhướng mắt hỏi :

– Hừ, người ta đã bắn chưa bà ?

Từ trên đỉnh đồi cao, những tiếng hô khẩu hiệu yêu cầu xử tử lại nổi lên rầm rộ, kéo dài từng đợt ù ù như sấm dậy. Ngừng lại, lóng nghe, Năm Khụ cười khẩy :

– Ủa ! Té ra chưa bắn... Thời trước thì chém, thời bây chừ thì bắn. Đằng nào cũng thế thôi. Nhưng chết bắn thế mà khỏe hơn. Phùm... một cái là rồi. Chắc

cũng gần bắn đấy. Tiếc là mình mù lòa chớ không thì cũng mò lên xem cho vui.

Bà quán cau mày thân mật bảo :

– Mẹ kiếp lão... Người ta chết mà xem cho vui. À này, bảo cái này đây...

Rồi bà tiến tới bên lão, ghé tai nói nhỏ. Tôi thấy cặp mắt đục của Năm Khụ nhướng lên :

– Thật à ? Đâu ? Ở đâu nào ?

– Đẳng bàn ấy.

Chiếc gậy trên tay Năm Khụ lại quờ quạng, gõ lóc cóc vào cột, vào ghế, vào phản, và cứ như thế lão men dần lại phía chiếc quả đàn, đưa tay sờ chiếc ghế dài, ngồi xuống, rồi nhích mãi vào sát mâm cơm. Bàn tay lão rời chiếc gậy, mó vào mâm. Rồi lão cúi xuống, nhướng mắt,

mấp máy lỗ mũi, ngửi hết món này đến món khác, lão cười toe toét :

– Hừ, cũng thơm tất thật ! Bị tử hình mà chết cũng sướng quá ta! Có ram, cá chiên, ừ có thịt gà luộc, ừ lại có chi đây nữa ? Hay quá ! Hắn không ăn chi hết sao? Thằng cha đại làm sao ! Tôi có chết như hắn tôi cũng ăn mà, tội chi. Thôi được, hắn không ăn thì tôi ăn ! Của đâu lại có của bỏ. Mà nào đĩa ? Ừ, nào đĩa ? Cho tôi đôi đĩa... À, đĩa đây rồi.

Bà quán nhìn tôi, mỉm cười thương hại và lắc đầu với cái vẻ ngao ngán nói nhỏ :

– Gọi là cái bao tời sọc xanh cũng đáng lắm mà. Hắn làm sạch ráo cho mà xem.

Ngay lúc ấy, tiếng hô khẩu hiệu yêu cầu xử tử lại nổi lên dữ dội hơn các lần trước, vang chuyển cả một ngọn đồi. Một số người đi xem đến chậm vừa hấp tấp chạy về ngã pháp trường vừa rối rít bảo nhau :

– Mau lên, sắp bắn rồi đấy.

Với cái dáng bối rối và đôi mắt chan chứa xót thương, bà quán hướng nhìn về phía đỉnh gò đông nghịt cả người, chen nhau bu quanh pháp trường trong lớp bụi mờ, dưới ánh nắng gay gắt của vầng dương đang muốn rơi xuống đỉnh núi ở phương tây. Còn tôi, tôi nghe tim tôi như ngừng hẳn lại, trong cái hồi hộp nặng nề của sự lắng chờ những tiếng súng nổ bất thần. Nhưng Năm Khụ thì vẫn cứ ngồi yên bên mâm cơm và hí hửng cười với cái vẻ khoái trá, thích thú vì đang được hưởng của ngon. Bình nhật tôi vẫn thương lão, tôi

không phàn nàn về cái thói háu ăn, phàm ăn của lão chút nào. Nhưng lúc này chẳng những tôi thấy thù ghét mà còn đâm ra kinh tởm. Cái bệnh thèm ăn của lão, ở trường hợp này, trông có vẻ tồi tàn, bẩn tiện và man rợ làm sao. Năm Khụ ngồi bên mâm cơm, chùng như đã mất hẳn nhân tính. Lão giống y như một con thú vô ý thức, dừng dừng, lạnh lùng nhai một cách say sưa ngon lành, trước cảnh tang tóc hay những xác chết của đồng loại.

Những phút đợi chờ tiếng thét khái hoàn của Thần Chết ngự trị trên bãi pháp trường nặng nề chậm chạp trôi qua trong những tiếng nhai, tiếng chấp của Năm Khụ. Vira thanh toán xong một đĩa xôi và cả đĩa ram, lão ngừng đĩa lại, ngẩng mặt lên cười với đòi môi làng lườm cả mỡ, có điểm lấm tấm mấy hột xôi, chấp miệng :

– Ngon quá ! Bà làm ram khéo quá !  
Hừ ăn thịt gà cái đã. Có phải đây không  
hử ? Ủ, đây rồi...

Đôi đũa trên tay lão hoa lên. Vừa  
ngay lúc ấy, một loạt súng nổ chuyển dậy  
cả một góc trời. Và tiếp theo là loạt tiếng  
vang từ xa dội lại. Bà quán ngồi thụp  
xuống đất, chấp tay van vái :

– Mô Phật ! Mô Phật ! Lạy Trời, lạy  
Phật... Thế là rồi đời... còn chi ?

Tôi giật mình và nghe đau nhói cả tim.  
Cái dáng bi thương, sáng sốt của bà quán  
càng làm cho tôi thêm ghê tởm lối phạm  
ăn và thái độ thản nhiên của Năm Khụ.  
Tôi định quát lên, bảo lão đừng ăn nữa  
và cút đi cho khuất mắt. Nhưng tôi kinh  
ngạc xiết bao, khi thấy lão đang gắp thịt,  
bỗng ngừng vội tay lại trong cái chuyển  
vang của tiếng súng, và cũng ngay trong

chớp nhoáng, cả người lão như cứng đờ hẳn ra với bàn tay cầm đũa đưa cao, cặp mắt đục nhướng rộng và cái mồm há hốc. Và mãi như thế một lúc, lão mới cựa mình đứng vội lên, mặt mày xám tái cả lại. Lão sờ soạng vớ lấy chiếc gậy, hấp tấp rời khỏi bàn, dò dẫm tiến về phía bếp.

Bà quán vội hỏi :

– Cái gì thế ? Sao thế ? Sao lão không ăn nữa ?

Năm Khụ lắc đầu, đưa tay khoác lia lia nói nhỏ :

– Có hương không ? Thắp cho tôi một nắm.

Bà quán rút một nắm hương trên đầu bếp, đốt ngún rồi trao cho lão. Cầm nắm hương trong bàn tay run rẩy, Năm Khụ quờ quạng chiếc gậy, tiến lại phía chiếc



quả đàn, cắm vào kẽ bàn gần mâm cơm. Vừa cắm xong lão vái mấy cái, cắn chặt hai hàm răng, rùng mình tha thít như kẻ sắp lên cơn sốt rồi không nói, không rằng, lão quay lưng, lấy gậy, dò dẫm bước ngay ra khỏi quán, rẽ xuống bờ ruộng, một cách hấp tấp vội vàng. Nhưng mới đến mép bờ, lão đã ngồi thụp xuống bên bụi dưa đại, hai tay ôm lấy ngực, ụa lên mấy tiếng, rồi lão nôn tháo ống ọc tất cả những gì lão vừa được ăn xong.

Trong quán, nắm hương thơm nghiêng mình trên mâm cơm còn bỏ dở, rầu rầu tỏa khói. Bà quán nhìn mâm cơm, nhìn nắm hương, rồi nhìn ra phía lão Năm Khụ, thở dài bảo tôi :

– Chao ôi ! Đến cái bao tời sọc xanh mà còn thế, huống nữa là ai ! Mô Phật !



## CÁI VỎ ĐẠN

Cả một vùng rừng núi hùng tráng, sống động, vụt nhiên im phăng phắc như ngắt lịm, như tắt thở.

Dưới cánh đồng, trên các rẫy bắp, trong các nẻo đàng, không một bóng người thoáng qua. Nguyên có cảm tưởng là bao nhiêu chim muông, dã thú đều lẫn trốn mất tăm, mất dạng. Cả tiếng cây tình tự với gió, tiếng suối tiếng khe thủ thủ với đá, sỏi, lau lách cũng im bật trong tiếng gầm rít gắt gỏng của bốn chiếc phi cơ đua

nhau xông xáo lượn vòng trên các thôn xóm đang thu hình lại, run rẩy, hồi hộp đón chờ những cảnh đau thương tang tóc...

Nguyễn nhón nhác nhìn quanh bốn phía, tìm nơi ẩn nấp, rồi vội giục Trang :

– Chạy xuống phía suối, mau lên.

Như một cái máy, Trang cầm đầu, cầm cổ chạy theo Nguyễn. Vira đến suối, cả hai cùng nhảy xuống, ngược dòng tiến lần lên phía trên. Dòng suối này khuất vì hai bên là hai bờ cây giao ngọn vào nhau. Lòng suối khá rộng nhưng không sâu. Chỗ mực nước cao lắm cũng chỉ quá gối là cùng. Nhưng đá trơn và gập ghềnh, lại vì nồn nả nên lắm lúc Trang suýt ngã. Nàng đi sát bên Nguyễn, bám chặt tay vào vai. Khó nhọc một lúc lâu, Nguyễn reo lên:

– Đây rồi ! Chỗ này tốt quá. Một hầm trú ẩn thiên nhiên.

Ngay bên bờ, bốn năm tảng đá lớn chồng lên nhau thành một cái động nhỏ vừa đủ cho hai người ẩn nấp. Ngay trên động là một vòm cành lá rậm rạp sà thấp, lọt xuống một thứ ánh sáng xanh mát, hòa điệu nhịp nhàng với cái trong suốt của dòng nước.

Nguyễn ngồi xuống trên phiến đá ngay trước động, giục Trang :

– Vào trước đi. Ở đây chỉ phòng đạn lạc thôi chứ bom thì chả sợ. Chúng có diên đầu đại óc dậu mà thả bom xuống những nơi này.

Trang lội vào, ngồi trên một tảng đá rộng, nhìn khắp chung quanh. Trong nguồn ánh sáng xanh dịu, mát mẻ, dòng

suối uốn quanh với nhiều bậc đá cùng những đám dây leo buông chùng đờ đay trông đẹp và thâm u kín đáo như một lối đưa vào Đào-nguyên. Khung cảnh an toàn quá nên Trang cũng thấy đỡ lo. Nhưng ngay lúc ấy, bên ngoài, tiếng đạn trút dài từng loạt càng nhanh hơn ở phía dưới thôn. Tiếp theo là một tiếng nổ dữ dội.

Trang nhích lùi vào phía trong hốt hoảng :

– Thôi chết ! Chúng lại thả bom rồi.

Nguyễn vẫn ngồi yên lặng. Qua cơn hoảng sợ lúc đầu hắn không muốn để ý tới tiếng bom, tiếng đạn, tiếng rú của phi cơ nữa. Hắn chỉ thấy thích thú và hồi hộp lạ lùng vì lần đầu tiên được ngồi gần Trang ở một chỗ vắng vẻ, khuất tịch. Trong đám nữ cán bộ vùng, gần đây Nguyễn chú ý

đến Trang hơn cả. Năng gặp nhau trong các buổi hội họp, mít tinh, biểu tình, nhất là trong các Đại hội phụ nữ mà hẳn phụ trách về văn nghệ, Trang thường tỏ ra có cảm tình với hẳn. Nguyễn chú ý đến Trang không phải chỉ vì Trang đẹp mà còn vì cái phong thái tiêu tư sản, cái tính dạn dĩ, phóng túng của nàng.

Lúc này càng ngắm kỹ Trang, Nguyễn càng thấy nàng đẹp. Gọn gàng trong chiếc áo cụt thao màu trắng ngà dợn sóng óng ánh và chiếc quần lãnh đen rộng ống, tấm thân tròn trịa, cân đối của Trang có cả một sức quyến rũ mãnh liệt. Phụ họa vào sức quyến rũ ấy là gương mặt. Một gương mặt chữ điền sáng sủa, nổi bật giữa mái tóc ngắn buông xõa ngang vai, với đôi lông mày bóng bẩy hơi vươn trên cặp mắt mà đầy đặn lúc nào cũng như mời mọc, hiển dăng...

Tuy đờm vẻ lo âu, nhưng gương mặt Trang vẫn không giảm phần tươi thắm và thỉnh thoảng còn hừng sáng thêm lên theo cái sao dọn, lóng lánh của cặp mắt sắc bén như dao cau. Cái ngời của Trang lúc này, cái vẻ buông lơi của tấm hình hài mềm mại, và hai ống chân trắng phau, tròn trặn, lộ hẳn dưới ống quần lãnh đen nhánh như phối hợp với cái khuất vắng, kín đáo của dòng suối để tạo thành một sức cảm dỗ mãnh liệt.

\*

Nhìn Trang với cái nhìn của một đứa bé ngắm một quả cam chín đỏ giữa ngày hè nóng bức, Nguyễn vụt nảy ra một ý định táo bạo. Vẻ dạn dĩ, lẳng lơ của Trang trong lối cười, nói và nhất là ở cặp mắt đong đưa càng như khuyến khích Nguyễn. Tuy ý thức được cái táo bạo của ý định nhưng Nguyễn vẫn cho là thường quá. Cũng



như lớp thanh niên đồng trang đồng lứa, khôn lớn lên trong cái hậu phương của một thời bình hòa, giữa guồng sinh hoạt hỗn độn, rộn ràng, Nguyễn quen coi thường những hành động như vậy. Hắn không muốn bỏ lỡ một cơ hội tốt. Trong cái ngà ngà choáng váng của một cơn rạo rực, Nguyễn cất tiếng khẽ gọi:

– Trang này...

Trang đang tựa cằm trên gối, lòng nghe tiếng phi cơ quần và tiếng súng nhả đạn lúc gần lúc xa, ngược mắt lên nhìn Nguyễn :

– Cái gì hả anh ?

Gương mặt Trang bỗng gợn lên những nét ngại ngùng và nàng nói tiếp :

– Em sợ lắm.

Câu nói của Trang rất thật tình, không có một ẩn ý nào cả. Trang sợ đạn, sợ bom, sợ cả tiếng rú ghê rợn của phi cơ. Nàng nghĩ đến sự chết chóc, có thể xảy đến cho nàng. Thật chẳng có cái gì bảo đảm chắc chắn được sinh mệnh dưới sức công phá của bom đạn. Trang lo ngại và chỉ muốn nói lên nỗi lo ngại ấy thôi. Nhưng câu nói của Trang thốt ra vừa đúng lúc Nguyễn muốn tỏ tình, khiến Nguyễn đâm ra ngượng vì nghĩ Trang đoán được thâm ý của hắn và không đồng tình nên lo rào đón trước chẳng. Nguyễn vội hỏi :

– Sợ gì ?

Trang ngẩng lên nhìn ngay vào mắt Nguyễn rồi lại cúi mặt áp nghiêng má trên đầu gối, đưa tay vốc nhẹ nước suối :

– Em sợ chết.

Cho là Trang tìm đường nói quanh, Nguyễn liếc nhìn một cách lảng lơ, hỏi tiếp :

– Sợ chết ?... Còn sợ gì nữa không?

Trang lắc đầu :

– Sợ chết thôi, chứ còn sợ gì nữa ? Thời này dễ chết quá. Ngay bây giờ đây, một viên đạn lạc hay một quả bom rơi nhầm là rồi. Cứ nghĩ đến em lại rùng mình. Chết trẻ thì uổng quá !

Trang bỗng ngừng lại, nhích lùi vào trong. Một chiếc phi cơ liếc nhanh qua trên suối. Tiếp theo là tiếng đạn tành tạch trút thành những chuỗi dài liên tiếp với những tiếng dội hơi chậm từ dãy núi bên kia đưa lại.

Nguyễn nép mình vào thành đá. Lần này hẳn chú ý đến tiếng súng và tiếng

bom vừa dội xuống dưới thôn. Câu chuyện của Trang tự nhiên làm dịu bớt phần nào cái háo hức, nôn nóng được thực hiện ý định của hắn, khiến hắn trở về với mỗi bản khoán giao động ám ảnh lâu nay. Chính Trang đã làm cho Nguyễn gặp lại tâm trạng của hắn trong tâm trạng của nàng. Sự giao động, hãi hùng gây nên bởi cuộc sống bấp bênh với những thảm họa vô thường cùng những cảnh sát hại, chết chóc kéo dài mãi trong máu lửa đã ngấm dần vào người hắn từ lâu nhưng phải chờ đến lúc bột phát hắn mới cảm thấy. Lâu nay hắn cũng hoang mang, cũng sợ chết ngay ngáy và trước những cảnh chết chóc, hắn đâm ra khấp sợ cuộc chiến tranh kéo dài tuy hắn chỉ sống ở hậu phương. Nhưng vì tính sĩ diện, vì sợ bị phê bình, sợ mang tiếng hèn nhát, Nguyễn cố che giấu, tuy hắn biết không riêng gì hắn mà một số thanh

niên, và cả một số cán bộ lớn tuổi hơn hẳn cũng có cái tâm trạng ấy. Cái hiện tượng này cũng phổ biến như sự tiêm nhiễm phong thói « tiểu tư sản » lãng mạn, trong giới học sinh, quân nhân, ở các thành phần căn bản.

Nguyễn thở dài, vừa muốn nói gì với Trang thì một tiếng bom nổ từ dưới xa lại dội lên. Tiếng nổ lần này dữ dội hơn lần trước. Trang nhăn mặt :

– Thế là ba quả rồi. Quả này hạng nặng. Nếu trúng vào người thì cũng nát bấy ra như tương chứ gì.

Nguyễn bước vào, ngồi xuống bên Trang :

– Đừng sợ lắm. Ở đây bảo đảm.

– Biết đâu bom không rơi nhầm xuống. Uống đời mình quá. Chết trẻ

càng uống hơn. Năm nay em mới mười bảy. Tuổi Dần.

Nguyễn chép miệng, giọng thành khẩn :

– Tôi chỉ hơn Trang có hai tuổi. Thú thực từ lâu tôi cũng hoang mang chẳng kém gì Trang đâu. Ngày nào mà không thấy chuyện chết chóc. Nhưng sợ lắm cũng chả ích gì. Nghĩ chuyện khác hay hơn.

Ngắm Trang, cặp mắt Nguyễn vụt trở nên đắm đuối. Giả vờ vô ý Nguyễn đặt ngay một tay lên tay Trang. Bàn tay nhỏ nhắn, mềm mại vội dời đi chỗ khác, trong lúc mặt Trang ửng đỏ và gợn lên những nét e thẹn trông rất đáng yêu. Nguyễn cười khế :

– Nên nghĩ đến chuyện khác. Từ lâu,

để giải thoát tư tưởng, tôi nghĩ đến nhiều chuyện khác vui hơn. Theo tôi nghĩ, chết trẻ cũng chưa khổ bằng...

Trang ngồi nhích ra một chút :

– Bằng cái gì ?

– Bằng chết, nhất là chết trẻ mà chưa... chưa được yêu đương. Chưa biết yêu đương.

Trang cúi vội mặt xuống, giấu một nụ cười hé nở trên môi :

– Anh quý lắm.

Để câu chuyện được tự nhiên hơn, Nguyễn trở giọng bông đùa :

– Trang có biết những người con gái chưa chồng hay chưa được yêu đương, sau khi chết sẽ hóa ra cái gì không ?... Thành « tinh » cả đấy.

Trang khoanh tay trên hai đầu gối, úp mặt xuống :

– Thôi đi anh. Huyền hoặc lắm.

Trân tráo, Nguyễn vừa cười, vừa ngồi sát người vào Trang, đưa tay choàng lấy vai, Trang hất vội tay, giẫy nẩy :

– Đừng anh. Nhỡ có ai thấy được thì khốn.

Cảnh vật chung quanh hai người mờ nhòa hẳn đi. Tiếng phi cơ, tiếng súng, tiếng bom cũng như xa dần, nhỏ dần rồi tắt hẳn...

★

Bỗng Trang đẩy Nguyễn ra, ngồi thẳng người lên, hốt hoảng nói nhỏ :

– Có người.



Nguyễn lóng nghe rồi đứng vội dậy, bước ra ngoài trong lúc Trang sửa lại mái tóc. Tiếng lợi lồm bồm trong suốt mỗi lúc mỗi gần, Trang hỏi nhỏ :

– Ai thế anh ?

– Cụ Tô.

Vì bị cụt hứng, Nguyễn rất bực mình tức tối. Hắn rửa thăm :

– Lão già không lo núp tàu bay, còn lò dò lợi đi đâu giữa lúc này mới được chứ.

Nhưng ngay sau câu rửa thăm, tuy vẫn còn oán tức, Nguyễn lại đâm ra hối hận. Một sự hối hận ngoài ý muốn của hắn. Nhất là khi cụ Tô đã đến gần, Nguyễn nghe càng bứt rứt, hồi hộp vì sự bất tồn thâm kín của hắn đối với một người như cụ Tô hơn là vì cái hành vi càn rỡ, ám

muội vừa rồi. Nguyễn dọn ngay một bộ mặt rất tự nhiên, niềm nở, gọi lớn :

– Thưa Bác, Bác đi đâu vậy ? Bác không núp tàu bay sao ?

Cụ Tô dừng lại giữa dòng nước chảy, đưa tay che trán, nhúu đôi chân mày bạc thúa, vui vẻ :

– À Nguyễn. Cháu xuống đây lúc nào ?

– Cháu núp máy bay. Cháu và cô Trang vừa đến đầu rẫy, gặp tàu bay phải chạy càn xuống đây.

Trang nghe nhắc đến tên mình, vội chui ra khỏi động :

– Thưa Bác.

Cụ Tô nhìn hai trẻ, mỉm cười :

– Chỗ này núp tốt lắm. Chúng cứ bắn phá hoài. Công việc đồng áng bị đình trệ cả. Quân bắt trị quá.

Cụ bước lại ngồi ghé trên tảng đá trước động :

– Bác đi giúp việc khâm liệm cho ông Cả ở thôn trên vừa về đến dốc cây gạo thì chúng nó bay đến. Bác chạy ngay xuống đây.

Trang nhìn ông cụ :

– Lần này chúng bắn lâu quá, hả Bác ? Chẳng biết thiệt hại những gì rồi. Có ai chết không ?

Cụ Tô nhét thuốc vào ống điều đồng dài cán, thở dài, lắc đầu :

Hừ, chưa biết được. Không ít thì nhiều làm sao khỏi được. Trang lóng nghe tiếng phi cơ :

– Cái oai của máy bay lớn thật. Cứ nghe cháu đã thấy khiếp. Lúc nào cháu cũng cảm thấy y như nó ở ngay trên đầu mình. Bác có sợ không Bác ?

Cụ Tô bập chiếc ống điếu, nhìn Trang với cái nhìn thương hại :

– Ai liều được với bom đạn. Nhưng sợ thì không. Chúng bắn phá, mình núp kỹ thế thôi. Quen rồi, thấy nó cũng thường.

Lặng ngắt cụ Tô một lúc lâu, Trang lại hỏi :

– Bác không sợ chết sao ? Bác có hay nghĩ đến cái chết không Bác ?

Cụ Tô mỉm cười :

– Chết sống có số mệnh chứ. Hơi đâu mà sợ. Nghĩ đến chuyện đó làm gì. Lo sống đây không hết.

Một quả bom lại nổ. Rồi hai chiếc phi cơ từ xa trườn tới, rú lên, liếc sát trên bờ cây. Trang nhắm mắt, bịt tai lại. Nguyễn cũng theo Trang nép sát vào động. Cụ Tô vẫn ngồi yên, chống thẳng hai cánh tay ra sau, ngửa mặt nhìn theo hai bóng đen to lớn của phi cơ chiếu xuống và lướt nhanh trên vòm cành lá, cười lớn :

– Chúng lượn ở đây để bắn xuống thôn cho dễ chứ có bắn nơi này đâu mà sợ. Các cháu nhất gan quá.

Lúc phi cơ đã bay đi, cụ Tô đứng lên :

– Phía dưới đây một chút có chỗ núp nhìn xuống các xóm rất tiện. Mấy cháu ở yên đấy, bác dò xem tình hình ra sao.

Ông cụ xắn quần lại kỹ hơn, chống gậy lội lồm bồm xuống phía dưới. Khi cái bóng cao lớn, đầy đà của cụ Tô vừa

khuất sau khúc quanh, Nguyễn mỉm cười nhìn Trang. Nhưng cả hai đều có vẻ bên lén, sượng sùng. Trang hỏi nhỏ :

– Ông cụ có thấy không ? Có biết gì không ?

– Làm gì thấy được. Ông cụ không hề nghi ngờ gì cả.

Trang vẫn tỏ vẻ lo lắng, nghĩ ngợi :

– Biết thế. Nhưng lạ quá. Cứ nhìn cặp mắt ông cụ, em nghĩ là ông cụ đã thấy cả, biết cả. Cặp mắt ông cụ sáng quá. Mỗi lúc nhìn là như soi thấu ruột gan người ta.

Trang bỗng ngừng lại vì từ phía dưới có tiếng cụ Tô nói vọng lên :

– Cháy ở « phái » Bắc. Nhưng nhất định không phải là nhà. Phía ấy là rừng.

Cháy ở « phái » Nam nữa. Chừng như là nhà ông Tư Thạc.

Lóng tai một lúc nữa, không nghe cụ Tô nói thêm. Trang bảo Nguyễn :

– Ông cụ gần tám mươi mà tỏ mắt thật. Vói lại cũng lạ anh nhỉ ?

– Sao ?

– Già thế mà không bao giờ ông cụ nghĩ tới sự chết, lo chết. À này, em dám chắc sau trận oanh tạc này, cụ Tô là người đầu tiên đi tìm vỏ đạn.

– Ai bảo Trang thế ?

– Lâu nay cụ Tô khao khát một cái vỏ đạn lớn để bịt đầu gậy cho đẹp đấy. Nói cho đẹp cũng chưa thật đúng. Trận oanh tạc trước ở phía này người ta lượm được những mấy thùng vỏ đạn đủ cỡ,

chia nhau đẽo ngòai bút cho học sinh, làm cán bút. Ngòai bút vỏ đạn viết êm hơn ngòai bút ngòai hóa nhiều. Làm cán dao nữa. Trong số này chỉ có năm sáu cái vỏ đạn lớn. Các cụ lão thành xúm nhau bốc thăm, ai được thì đem về bịt gậy. Cụ Tô bị ốm nên không bốc thăm. Lúc mạnh dậy, đi dự hội nghị, thấy mấy cái gậy bịt vỏ đạn, cụ thích lắm, sắm se mãi. Cụ thích vì nó sáng, đẹp mắt quá. Nhưng cũng vì cụ cho rằng sử dụng vỏ đạn của địch để làm các thứ vật dụng hoặc bịt đầu gậy là một lối chửi vào mặt quân địch. Cụ cứ ầm ục là chưa có vỏ đạn.

Nguyễn bật cười, tuy hấn đang bực mình vì bị ông cụ quấy rối. Cũng như Trang hấn rất mến và kiêng nể cụ Tô. Người trong thôn, ai mà chẳng mến, chẳng nể cụ Tô tuy trong giới lão thành cụ nghèo hơn cả. Ở cụ Tô có hai điểm



hiếm có : tuổi thọ và uy tín. Cụ Tô năm nay đã gần tám mươi. Nhưng cái lối thọ của cụ Tô cũng khác thường lắm. Cụ Tô không thọ để lắm cảm, trái chứng như cụ Bá ở phái Bắc hay để điếc lác, năng đau năng ốm như cụ Thạch, cụ Tữu ở phái Nam. Cụ Tô cũng không thọ để chiếm kỷ lục về cái tài ăn rồi chấp tay nằm dài thườn thượt trên giường như cụ Lang tản cư ở phái Trung. Đã gần tám mươi, nhưng lưng cụ không còng, mắt cụ không lòa, gối cụ không run, răng cụ vẫn còn chắc chắn. Cụ lại rất vui tính. Ai gần cụ có buồn bao nhiêu rồi cũng phải hết buồn, cũng thấy dễ chịu. Đã vui tính, cụ lại hay giúp được nhiều chuyện ích lợi cho đồng bào trong thôn, trong xóm. Ai đau ốm cần đến các món ngoại khoa cấp cứu cũng tìm tới cụ. Nhà nào có người chết cần khâm liệm hay lo liệu việc ma chay cũng nhờ đến cụ Tô. Và không bao

giờ cụ Tô từ chối dầu là nửa đêm, gà gáy hay mưa gió lút lội. Giàu cũng như nghèo, xa cũng như gần, thân hay sơ mặc, ở đâu đã cần đến cụ Tô thì cụ Tô có mặt ở đấy.

Trang nói tiếp :

– Chuyến này chắc là ông cụ không phải ẩm ức vì thiếu vỏ đạn nữa.

Từ phía dưới lại có tiếng cụ Tô nói vọng lên :

– Chúng nó lại quần ở phái Trung.

Bỗng cụ kêu to :

– Nguyễn đâu ? Nguyễn xuống đây bác nhờ cái này một tí. Mau lên.

Nguyễn thở dài, nhìn Trang, rồi miễn cưỡng xắn quần lội xuống phía dưới. Cụ Tô đang cúi lom khom phía sau

mấy tảng đá lớn, nhìn xuống dưới thôn, qua cái khe hở rộng. Thấy Nguyễn đến, cụ kéo sát lại bên mình, đưa tay chỉ :

– Cháu tỏ mắt nhìn kỹ xem có phải là hai con trâu ở dưới kia không ? Hai cái gì đen đen, nhúc nhích ở gần bờ tre, phía tay phải, cách lùm tre ở cái vũng nước giữa đồng độ nửa cây sào đấy. Thấy không ?

Nguyễn nhìn kỹ, gật đầu :

– Chính là hai con trâu. Chúng đang tiến ra giữa đồng.

Cụ Tô tặc lưỡi kêu lên :

– Thôi báo hại quá rồi. Đứa nào mà đại dột thế nữa. Máy bay chúng thấy được là khốn. Đạo này chúng thấy trâu ở đâu là chúng bắn ngay. Chúng cần bắn

trâu hơn bắn người. Nông vụ lại sắp đến nơi rồi.

Bỗng như sực nhớ ra cái gì, cụ lại dậm chân :

– Nguy mất. Nguy mất. Ở gốc bờ tre ấy có ba cái hầm trú ẩn. Hầm của gia đình bà Túc, ông Khá và lão Châu. Người ở xóm Quán chạy vào núp nhờ cũng nhiều. Dưới ấy đông lắm. Tàu bay chúng quần lại thấy trâu biết đâu chúng chẳng ném lựu đạn xuống phía ấy. Làm thế nào bây giờ ? Nguy to rồi. Không khéo mà chết cả lũ.

Nguyễn cúi đầu nhìn kỹ lại, chép miệng :

– Nguy thật. Nhưng biết tính cách nào bây giờ. Tàu bay đang quần.

Cụ Tô không đáp lại. Cụ đứng yên

ngẫm nghĩ. Cặp chân mày bạc thũa mỗi lúc mỗi nhú thêm dưới vầng trán rộng, nhãn nheo nổi đầy cả gân xanh và rớm toát mồ hôi. Mái tóc bạc phơ như cũng rớm ướt :

– Hừ, hai con trâu. Bao nhiêu nhân mạng. Ít nhất cũng vài ba chục người. Đông nhất là trẻ con. Thấy trâu biết đâu chúng chẳng bắn vong mạng, ném bom vong mạng.

Hai bàn tay to lớn, sần sùi của cụ Tô bám chặt vào mặt đá, mấy ngón tay run run, nhúc nhích không ngừng và như cố bầu thủng cả đá cứng. Cụ Tô trườn tới trước, trố mắt :

– Từ đây xuống đồng ruộng có nhiều ngã hẻm nước xói, nhiều bụi rậm. Xuống đồng lại có nhiều bờ ruộng cao. Giỏi chạy và khéo núp thì được. Chúng

đang còn quần ở phái Trung. Không liều không xong đâu.

Nguyễn kinh ngạc :

– Bác định xuống sao ?

Cụ Tô cởi chiếc áo vải cụt, đưa cho Nguyễn :

– Không xuống không xong. Hai con trâu mà có bề gì thì khốn cho cả phái. Ba chục mạng nữa. Hừ, biết đâu. Cái áo bác nhuộm lâu ngày, phai cả màu, trắng quá. Cháu giữ áo và gậy cho bác.

Nguyễn hốt hoảng :

– Không được. Bác liều quá. Máy bay nó trở lại ngay bây giờ. Nguy hiểm và không kịp đâu, bác ạ.

Không chú ý đến câu nói của Nguyễn, cụ Tô chui vội qua kẽ đá, lách khỏi bờ

cây rồi biến mất. Nguyễn lại kêu lớn :

– Bác !

Ở phía đông, Trang hỏi vọng xuống :

– Cái gì thế, anh Nguyễn ?

– Ông cụ liều quá. Ông cụ chạy xuống cánh đồng rồi.

Nghe chuyện bất ngờ như vậy, Trang cũng đâm hoảng, quên cả sợ, lội ngay xuống chỗ Nguyễn đứng :

– Ông cụ đâu rồi ? Đâu ? Ở đâu ?

– Dưới kia.

Cả hai cũng nhìn qua kẽ đá. Bóng ông cụ khuất hẳn dưới các bụi rậm. Trang và Nguyễn chỉ nhận thấy dấu ông cụ theo cái rung rinh của đám cành lá. Mãi một lúc sau, Nguyễn chỉ tay xuống phía cánh đồng :

– Kia rồi, ông cụ lủi nhanh quá.

Dưới xa, bóng cụ Tô, mình trần trụi trụi, quần xắn cao, lom khom lủi dọc theo bờ ruộng. Trang và Nguyễn hồi hộp, lo lắng nhìn theo. Cả hai nghe rung chuyển cả người trước cái cảnh lạ mắt và sự gan dạ hiếm thấy ở một ông già tám mươi.

Bỗng Trang giật mình, bảo Nguyễn :

– Thôi khổ rồi. Ông cụ nguy mất rồi còn gì.

Bốn chiếc phi cơ từ xa quay lại, quần nhanh thành những vòng rộng sát ngọn cây. Tiếng đạn nhả tành tạch liên hồi trong tiếng rú dữ dằn, ghê rợn. Ngay chỗ gần cụ Tô, bụi bốc lên từng đám nhỏ. Ông lão hết nằm nép mình vào phía bên này bờ ruộng lại nhồm nênh, lăn qua phía bên



kia, nép mình một lúc rồi lại lủi chạy. Và mặc dầu tiếng súng nổ tới tấp, tiếng động cơ gầm réo, ông cụ vẫn nhanh nhẹn như một con sóc, vừa núp vừa tiến lần đến gần hai con trâu. Nguyễn reo lên :

– À được rồi. Giải thật. Ông cụ dắt được trâu rồi.

Một tiếng nổ dữ dội. Rồi tiếp theo một tiếng nổ càng dữ dội hơn. Khói lửa phừng phực bốc dậy nhiều nơi trong thôn xóm. Nhưng lần này cả Nguyễn lẫn Trang đâm dạn ra, quên cả sợ. Cả hai tuy nằm sát bên nhau, nhưng bao nhiêu tâm trí, bao nhiêu cảm quan đều đổ dồn cả vào cụ Tô đang xông xáo dưới làn mưa đạn của địch. Nguyễn trở mắt nhìn, bỗng hấn đập mạnh tay vào thành đá một cách thất vọng, tức tối :

– Chết mất rồi. Con trâu ấy nó cứ trì lại phía sau mới chết chứ.

Nguyễn đổi giọng, vui mừng :

– À may quá. Ông cុ thả cả hai, quất mạnh cho chúng chạy vào lùm tre ở vũng nước.

Dưới đồng từng đám bụi lại tung lên chung quanh cុ Tô. Bóng ông lão mờ hẳn đi rồi lại rõ ra. Nguyễn nói như thúc giục :

– Nhanh lên bác ơi ! Nhanh nữa lên.

Nhưng ngay giữa lúc ấy, một chiếc phi cơ sà thấp xuống. Một loạt đạn rẹt dài... Trang rừng mình, nhắ mặt nói như nấc lên :

– Ôi thôi. Còn gì bác Tô !

✱

Tối hôm ấy, dưới ánh trăng non, hai hàng đuốc sáng rực và một cỗ quan tài bốn người khiêng, từ từ tiến lên đỉnh gò Vàng, theo sau là một đám đông người đưa tiễn.

Đám tang thật là giản dị. Một cỗ quan tài trần truồng thôi, với một vòng hoa kết bằng lá đồng-đinh, lá ngâu cũng các thứ hoa dại đi trước mở đường. Không kèn không quyển, không tiếng sanh phách, cỗ quan tài lầm lũi tiến dần trong sự im lặng vội vàng...

Kẻ xấu số nằm trong cỗ quan không ai khác hơn là cụ Tô, nạn nhân độc nhất của trận oanh tạc buổi sớm.

Vì lâu nay, phi cơ địch khủng bố không ngừng nên lễ an táng cụ Tô cũng

phải cử hành một cách rất đơn giản, gấp rút, cùng một lần với lễ truy điệu về đêm, ngoài ý muốn của nhân dân trong thôn, trong xóm. Tuy vậy chiếc quan tài vừa đặt xuống cạnh huyệt thì cái vẻ đơn sơ, giản dị ấy lại chuyển thành long trọng khác thường.

Chung quanh một khoảnh đất tròn rộng, đám người chen chúc mỗi lúc một đông. Thật chưa có một cuộc mất-tinh, biểu tình, một buổi hội họp hay một đám tang nào trong vùng, từ trước đến nay quy tụ được đông người như vậy. Chừng như trong thôn có bao nhiêu gia đình và các gia đình có bao nhiêu người đều đổ dồn cả về đây, bọc quanh lấy chiếc quan tài và huyệt mả. Và đám đông ấy im lặng phăng phắc. Cả đám đông câm lặng đầy vẻ thành kính. Một sự câm lặng chất chứa đau xót, tiếc thương. Một sự câm

lặng đồn nén cảm hờn, phần nộ. Một sự cảm lặng kỳ quặc lạ lùng nó tạo thành với đám đông, với cỗ quan, với cái huyết mã, với bàn thờ Tổ-quốc, với cái giá có đặt chiếc gậy và cái áo vải của cụ Tô, với ánh đuốc rần rật bốc cháy, trên đỉnh gò dưới vòm trời cao rộng có dính một vầng trăng lưỡi liềm, một cảnh tượng vừa hùng tráng, oai nghiêm, vừa bi đát, não nùng, ghê rợn.

Và lễ truy điệu cụ Tô được cử hành trong sự cảm lặng ấy của đám đông.

Sau hai bài điệu văn của Đại diện chính quyền và Đoàn thể, bỗng một cụ lão từ đâu trong hàng ngũ lão thành, trang trọng chống gậy bước ra. Sự xuất hiện bất ngờ của ông cụ làm cho cả đám đông phải ngạc nhiên. Nhiều người bảo nhỏ nhau :

– Ở hay, cụ Hoàng.

– Ừ lạ quá. Cụ Hoàng mà cũng có mặt nữa là ai. Có bao giờ ông cụ chịu đi dự một cái gì. Mết-tinh. biểu tình, học tập, hội nghị, ông cụ phớt đều cả. Cán bộ cũng đến đầu hàng cụ. Đến nhà cứ sợ cụ gọi là « cám ơn ». Ông cụ ngạo đời lắm. Nhất thiết là không chịu tham gia cái gì cả.

– Già yếu quá mà.

– Già yếu sao hôm nay cụ lên đây được ?

Mọi người lại im bật. Cả một mối xúc động rùng rùng chạy qua đám đông, khi cụ Hoàng nhìn vào cái giá đặt áo và gậy của cụ Tô, ghen ngào cất tiếng gọi như gọi một người có mặt :

– Bác Tô !

Cụ gọi xong, nấc lên khóc suốt suốt. Tiếng khóc của cụ lão làm cho nhiều người phải tấm tức khóc theo. Bỗng trong đám đông có tiếng nói lớn :

– Thưa cụ, thưa bà con, tôi xin có ý kiến...

Hàng ngàn cặp mắt đều đổ dồn vào một người. Bác Thuận với cái vẻ nôn nóng, hối hả bước ngay ra :

– Thưa bà con, tôi nghĩ nếu cụ Tô không cứu được hai con trâu thì mùa này cả phái chúng ta cũng đều lúng túng về chuyện cày bừa. Tôi xin đề nghị đến ngày cúng cơm mới, nhà nào cũng phải nhớ tới cụ Tô trước nhất.

Cái dáng hấp tấp, lối nói năng bộp chộp, vội vàng và cái xúc động đến run rẩy cả đôi môi của bác Thuận làm cho

mọi người đang mũi lòng thương tủi cũng phải bật cười. Cụ Hoàng gập người trên chiếc gậy, gật đầu :

– Phải, phải. Phải lắm. Anh Thuận đề nghị rất trúng ý tôi.

Bác Thuận lại tiến thẳng lại phía cái giá, nhìn vào áo và chiếc gậy của cụ Tô :

– Thừa bà con, tôi còn xin phép một chuyện này nữa. Lúc sinh thời cụ Tô thường ao ước một cái vỏ đạn để bịt đầu gậy. Chiều nay tôi lượm được một cái, xin đem cúng cụ.

Vừa nói bác Thuận vừa móc túi lấy một chiếc vỏ đạn ra lắp ngay vào đầu gậy, bác mím miệng, siết chặt, rồi ngấm kỹ đầu gậy với dáng đặc ý :

– Vừa vặn quá. Gậy này thì cụ thích rồi. Gậy này cụ dùng để gõ vào đầu Thực



dân thì sướng tay ghê lắm.

Từ trong đám đông lại có nhiều tiếng cười khúc khích hòa lẫn với tiếng thở dài. Cụ Hoàng đỡ lấy chiếc gậy, đưa lên cao ngắm nghía :

– Chiếc gậy đẹp quá, đẹp quá.

Dưới ánh đuốc, chiếc vỏ đạn đồng sáng lên lấp lánh. Đứng giữa đám đông, Nguyễn ngẩng lên nhìn. Mắt hắn bắt gặp một tia sáng ở đầu gậy lóe ra. Nguyễn không hiểu sao những tia sáng ở đầu gậy lúc này trông dễ sợ quá. Vụt nhớ lại những chuyện xảy ra lúc sớm, Nguyễn đâm ra sợ hãi, then thuồng. Hắn cảm thấy cái xấu hổ của một người phạm tội, cái hèn nhát của một kẻ đào ngũ. Và tuy đang đứng giữa đám đông, Nguyễn vẫn có cảm tưởng như hắn cách biệt, xa lạ hẳn với cái khối người đang có quyền

kiêu hãnh với cái chí khí quật cường của dân tộc, cái chết đầy nghĩa khí của cụ Tô. Thật chưa bao giờ Nguyễn có một cảm thức sâu đậm về sự ươn hèn của hắn bằng lúc này.

Cách Nguyễn không xa, ở phía bên kia, trong hàng ngũ nữ giới, Trang đang đứng bá vai một người bạn gái. Và Trang cũng cúi gằm mặt xuống với mái tóc và đôi vai rung động.



## BÀN TAY KẼ ĐÓI

Hết ngày này qua ngày khác, lửa tự trên trời tua tủa đổ xuống. Đất ruộng trắng hản ra, nứt nẻ thành từng hàng dài ngang dọc, ngòong ngoèò, sâu hoắm. Suối khe cạn rốc cả. Màu xanh rừng cấm hấp hối giữa màu vàng khô xơ xác của lau lách, tranh, cỏ chỉ cần một mối lửa đủ để biến tất cả những kho tàng thảo mộc ấy thành một bể tro than...

Giữa cơn hạn hán kinh khủng ấy, nạn đói hoành hành. Nó diễn biến một

cách mau lẹ quá sức tưởng tượng, lan tràn như nước lụt qua các qua các xóm, các thôn, các làng, các huyện. Từng loạt hàng trăm, hàng nghìn người bị nó vật ngã xuống. Dân tình nhốn nháo cả lên. Người ở miền duyên hải chạy lên miền nguồn. Người ở miền nguồn chạy dồn lên miền Thượng. Từng đoàn, từng lũ đua nhau tìm đến những nơi mà cái đói chưa kịp tấn công để mua bán, đổi chác cái ăn. Thoạt tiên còn là lúa gạo, hay những thực phẩm thông thường. Nhưng thét đến rồi cái gì ăn được là quý. Cái gì bỏ vào mồm được, nhai được, nuốt được và đủ để an ủi chiếc dạ dày, dầu trong chốc lát, đều có thể đánh đổi bằng tất cả những thứ được quý trọng lúc thường. Nồi đồng, mâm thau, trâu bò, đất ruộng, nhà cửa, với một giá rẻ mạt như cho... Nhưng được thế phải là hạng người còn có đôi chút sức lực, đồ đạc, vốn liếng.

Đến như những kẻ đã quá kiệt quệ thì đành phải khoan tay, cam chịu cho cái đói mặc sức mà hành hạ, dày vò. Họ sống ngoắc ngoải, chống cự một cách yếu ớt, tuyệt vọng với cái chết bằng cách quơ quào, nghiêng ngấu bất cứ là thứ gì kể cả đất cục. Ăn mà chết, ngốn ngấu mà chết, còn dễ chịu hơn phải sống dai dẳng với một cái dạ dày lép xẹp. Lưỡi hái của Tử Thần thôi thì cắt xén soèn soẹt suốt ngày thâu đêm. Tử khí bốc lên ngùn ngụt bao trùm khắp cả đồng quê, làng mạc...

Cũng vào một ngày thê thảm như vậy, trời mới sẩm tối và tuy khí trời oi ả, nồng bức, nhà ông Chánh Thiện đã đóng cửa im ỉm. Tử đạo nạn đói kém bắt đầu hoành hành đến nay, ông Chánh cũng như các nhà giàu có khác trong vùng thường cho đóng cửa và cổng ngõ sớm vì lo sợ những tai họa bất kỳ có thể xảy

ra. Khi những tiếng khua động ồn ào của dây cửa bàng khoa vừa dứt, mặt dầu biết rõ tính cẩn thận của lão Nam – người gia đình già – ông Chánh vẫn hỏi :

– Kỹ chưa ? Coi có song xích nào còn hở không ?

– Dạ kín cả rồi.

– Cửa hông và các cửa nhà ngang nhà dưới ?

– Dạ đóng xong hết.

– Cổng ngõ ?

– Con ra đóng bây giờ.

Bà Chánh ngồi trên tràng kỷ ăn cơm với chồng và con gái, nghe thế vội kêu lên :

– Cái lão đĩnh đoảng quá ! Ra đóng

mau đi. Chớ cầu thả mà khốn. Chỉ trong đêm qua đã có một vụ trộm ở phía Tây, một vụ cướp ở xã Bình Tây. Mà có ai xa lạ đâu, người trong thôn cả.

Lão Nam thả cái chốt cửa cuối cùng xuống, nói nhỏ giọng :

– Dạ... nhưng ở đây làm gì có giống độc ấy. Người trong thôn ta lương thiện cả... Chỉ có chết là nhiều. Ngày hôm nay chết thêm ba người nữa rồi, thưa bà. Thằng con trai lão Mẫn, mụ Giáp và Năm Thìn...

Vẻ mặt lạnh lùng, bà Chánh chăm chú dằm con cá chiên trong đĩa, cười nhạt :

– Hừ, lão đừng tưởng đại. No thì thành Tiên, thành Phật mà đói thì hóa quỷ, hóa ma cả. Ở đâu cũng thế thôi.



Nói xong bà ngẩng nhìn ông Chánh :

– Lúc chiều bà Tâm có đến đây nài nỉ tôi mua hộ con nghé.

Ông Chánh đang gấp thịch, ngừng đưa hỏi vội :

– Con nghé ? Đòi bao nhiêu ?

– Bà ấy xin ba ang gạo [Đơn vị đo lường lúa, gạo ở nhiều tỉnh miền Trung.]. Tôi bảo để ông về sẽ hay.

Vừa nghe xong, ông Chánh đã ngửa mặt cười lớn :

– Nói điên ! Nghé gì mà ba ang gạo. Bà Cửu trên phái Bắc vừa mua một con mà chỉ trả một ang thôi. Lúa gạo bây giờ là vàng, là ngọc. Nghé mà đòi ba ang, con mẹ nói điên quá ! Bà Cửu trả một ang là cũng bị hớ rồi đó, biết chưa ?

– Nhưng con ghé này tốt...

Ông Chánh lắc đầu :

– Có tốt bao nhiêu cũng thế thôi. Tôi thì định nửa ang là cùng. Để rồi bà nó xem, ít hôm nữa đói thét, mụ ấy sẽ lạy lạy mà bán. Đến cả một cái nhà tránh lạng cũng chỉ đổi một ang gạo lại phải dỡ mà khiêng đến tận chỗ nữa là... À này, ngày hôm nay có đổi muối chứ ?

– Có. Cũng mấy thùng cha hôm trước. Tôi đổi theo lệ hai ang hạt mít khô lấy tám ang muối như thường vậy. Chỉ một ngày hôm nay, đổi được bốn chục ang muối tốt, lớn hạt cả.

Ông Chánh tắc lưỡi, tỏ vẻ hối tiếc :

– Hổng to ! Tôi quên dặn bà nó. Hạt mít khô bây giờ cũng quý lắm chứ đừng xem thường. Nhiều nơi người ta đổi năm

ang chứ không phải bốn nữa đâu. Từ nay cú lấy đủ sáu. Nhất định sáu ang, chúng lạy lấy mà đổi.

Huệ, con gái ông Chánh, chống đũa trong chén nhìn mẹ :

– Nghĩ cũng tội. Sáu ang muối nặng có trên bốn chục ký, gánh từ dưới biển lên đây, đường xa mấy chục cây số để chỉ đổi được chừng đó thôi.

Ông Chánh nhìn chăm chú con gái, cười ha hả :

– Tội ! Thiên hạ đều như thế cả chứ riêng gì nhà mình. Chịu đổi hạt mít khô cho là còn nhân nghĩa đấy. Muối có trừ cơm được không ? Ngọc vàng, châu báu giữa lúc này cũng chả có nghĩa gì nữa là muối. Hạt mít không quý hơn rau ranh, lan huệ, đọt sắn hay trái chà-niên sao ?

Rồi gắp một miếng thịt lợn hầm, ông Chánh vừa nhai ngồm ngoàm vừa đưa chén cho Huệ xúc cơm :

– Lạ thật. Cứ gặp lúc đói kém thì ăn lại ngon. Đạo này tôi ăn thật được...

– Ai chả thế. Yếu ăn như con Huệ nhà mình mà bây giờ nó ăn cũng khỏe. Nó còn bảo là ăn xong lại thấy đói ngay.

Bà Chánh liếc mắt nhìn lão Nam đang rảo bước xuống nhà ngang cho đến lúc khuất hẳn bóng, bảo nhỏ con gái :

– Mày phải coi chừng mấy đứa ở. Chúng nó ăn như vâm.

Huệ nhúu mày :

– Lấy đầu mà ăn như vâm. Bọn chúng năm đứa, mỗi bữa, đúng như lời mợ dặn, con đóng hai lon cho sáo thêm

khoai sẵn vào. Có số ngũ nhất định như thế còn coi chừng gì nữa.

– Vẫn biết thế, nhưng khoai sẵn cũng phải coi chừng và hạn chế. Để mặc chúng thì mấy đám sẵn hết ngay cho mà xem. Quân ấy lúc thường chúng ăn đã tốn hưởng nữa là đang hồi đói kém...

Câu chuyện của hai mẹ con nhắc ông Chánh sực nhớ ra một chuyện quan trọng. Ông gọi lão Nam giật giọng rồi hỏi :

– À, à... Tao quên... Lão vẫn đặt kẹp thường xuyên chung quanh mấy đám sẵn đúng theo lời tao dặn chứ ?

Lão Nam nhìn chủ, trả lời quả quyết :

– Dạ đặt đủ cả.

Ông Chánh mỉm cười :

– Được rồi bên nhà bà Thịnh vừa trúng một con heo mắc kẹp đấy lão ơi !

Huệ ngỡ thật, vui vẻ hỏi cha :

– To nhỏ, cậu ?

Ông Chánh bỗng cười phá lên :

– To lắm. Bốn đòn khiêng. Nhưng... là con heo hai chân, con heo người. Một thằng cha bên xóm lén nhổ trộm sắn. Đói này thì chúng đâm loạn, bất kể liêm sỉ. Có thể chúng mới chưa bớt chứ.

Nghe câu chuyện « con heo người » của ông Chánh vừa kể, tự nhiên lão Nam cảm thấy khó chịu và bất nhẫn trong lòng. Biết chủ không còn chú ý đến mình, lão lảng lảng trở xuống nhà dưới rồi băng qua sân gạch, đi thẳng qua phía cổng.

Lão vừa đi vừa hình dung cái cảnh một con người bị mắc kẹt heo rừng, tưởng tượng đến nỗi kinh hoàng sáng sốt, đau đớn, khổ sở của một kẻ bần cùng vì đói, làm liều, biết mình sắp bị bắt quả tang mà không ngã thoát, rồi lão lại nhớ đến những cái kẹt sắt chính tay lão đã đặt theo lời chủ dặn. Lão rùng mình và thầm mong cho đừng ai mắc phải, cầu sao heo rừng đến sớm để rước tai họa cho những con « heo người » mà lão tin là không hiểm giữa cái tình hình đói kém này... Đồng thời với mối thương tâm, lo ngại, lão Nam còn có những cảm nghĩ mơ hồ là lạ. Tâm não của lão dường như đang bị quấy động bởi một cái gì mà chính lão cũng khó nhận ra cho rõ. Lão Nam giúp việc cho nhà ông Chánh đã trên hai chục năm trời. Mỗi năm lão chỉ được nhận vài chục ang lúa để bù đắp lại cái công thức khuya dậy sớm và làm lụng quần quật

suốt ngày như một con vật, hết công việc đồng áng đến công việc trong nhà. Bà Chánh lại là hạng người kim chỉ, gắt chặt, nên tiếng là ở với nhà giàu, sự ăn uống của lão cũng rất kham khổ nếu không có Huệ. Nhưng cũng như những người dân quê mộc mạc, chất phác đã quá quen với những bất công mà tầng lớp họ phải chịu đựng trải qua bao đời trong xã hội, nông thôn, lại vốn giàu tình cảm, lão Nam chẳng những không ý thức được những thiệt thòi về quyền lợi để thắc mắc, bất mãn mà trái lại, còn thâm cảm ân đức của vợ chồng ông Chánh nữa là khác. Lão mến chủ, trung thành với nhà chủ hơn cả một con ngựa khuyên và lão coi sự biết ơn như là một bốn phận, một cái gì hợp với lẽ phải, một cái gì mà chỉ có những kẻ chẳng còn biết ai trên đầu nữa mới dám coi nhẹ. Nhất là từ ngày có nạn đói kém, lão càng thấy cả một may mắn



lớn lao cho đời mình khi nhìn đến cảnh vật vờ, xơ xác, chết chóc, bệnh hoạn của đám đồng bào trong thôn xóm và các vùng gần xa. Dầu sự ăn uống có bị nhà chủ hạn chế hơn trước, – theo lão đó là một lẽ tự nhiên không phân vân – lão vẫn cho đời lão còn có phước hơn đa số nên lão càng quý vợ chồng ông Chánh. Cũng vì niềm tri ân này mà từ trước đến nay, lão không thấy khó chịu, và lắm lúc, lão còn đồng tình với ông Chánh về những thủ đoạn, mảnh khỏe bóc lột. Ang non ang già, cho vay lúa, vay tiền nặng lãi, đầu cơ tích trữ, lường cơm, lường mắm với bọn người làm lụng hay tô tử trong nhà. Lão đồng tình vì những thủ đoạn mảnh khỏe ấy thông thường quá, phổ biến quá ở các nhà giàu mọc lên từ đất ruộng để ngay những nạn nhân như lão cũng phải chấp nhận như là những lẽ phải đương nhiên ở đời.

Nhưng dần dần, theo cái đà diễn biến trầm trọng, nhanh vội của nạn đói, trước những chủ trương bóc lột trắng trợn, tàn nhẫn của vợ chồng ông Chánh, lão Nam không còn thản nhiên như trước được nữa. Thỉnh thoảng, những ý nghĩ không hay về chủ lại thoáng gợn trong đầu óc lão. Lão cố xua đuổi, nhưng vô ích. Ngày ngày, những dư luận không tốt đẹp chút nào, những lời ta thán, nguyên rủa vợ chồng ông Chánh càng sôi nổi trong đám nhân dân đói khổ khắp vùng. Mà nào có phải là những dư luận không chính xác đâu. Toàn là sự thực cả. Toàn là những sự việc xảy ra hàng ngày mà lão được thấy tận mắt, nghe tận tai. Nào là ông Chánh khóa vựa, làm khó dễ về chuyện bán lúa để bắt giá cao ; ông Chánh bắt chẹt dân nghèo trong vùng, giữa cơn đói kém, để mua trâu bò, đất ruộng, nhà cửa và các thứ vật dụng với giá rẻ mạt, ông Chánh

bóc lột quá đáng đám dân miền dưới gánh mắ múi hay đồ đặc lên đỏi chác thức ăn. Lão Nam nghe thật đã chối cả tai. Tuy lòng trung thành với chủ không suy giảm chút nào, nhưng lâu dần, giữa cái tình trạng quẩn quại, vất vả, dở sống, dở chết của đám đồng bào khổ, lão Nam không còn thấy bất bình hay đỏ mặt vì những lời nói hành, nói xấu ông Chánh của bọn họ nữa. Lạ hơn là nhiều khi lão nghe như có một phản ứng kỳ quặc, khó hiểu chuyển dậy trong lòng, một cái gì gần như là sự phẫn nộ bùng dậy để rồi lắng đọng vội vàng thành một niềm đau xót, buồn thương, chán mứa ngấm ngấm. Nhất là tối hôm nay, với câu chuyện giữa ông Chánh, bà Chánh : chuyện mua ghé, chuyện đổi muối và đặt kẹp heo để giữ sẵn, sức phản ứng kỳ quặc ấy lại chuyển dậy mạnh mẽ hơn bao giờ cả. Đây là lần đầu tiên cái

lối cười, giọng nói, thái độ và bộ mặt phì nộn của ông Chánh đã gây một tác dụng không đẹp để chút nào trong đầu óc tên lão bộc trung thành và làm xao xuyến, rung chuyển tấm lòng kính nể của lão ta đã dành cho chủ từ lâu. Nhưng vừa cảm thức được sự diễn biến mới lạ này của nội tâm, lão Nam đã ân hận, coi đó như là một sự phản phúc đáng trách. Lão thấy rằng dân nghèo đói trong vùng có lý do và có quyền thù ghét, rửa sả ông Chánh, bà Chánh, nhưng lão thì không. Lão không được vong ân. Với những nề nếp tình nghĩa cố hữu, lão đâm ra hãi sợ những cảm nghĩ không hay vừa phát hiện, và để xua đuổi, lão chú ý đến những cánh dơi đang bay trong vườn, vẽ thành những vòng tròn đen trên nền xám của bóng tối nhá nhem. Lão vừa nhìn, vừa rảo bước về phía ngõ ngói. Hai cánh cửa gỗ nặng nề còn mở rộng. Lão Nam lay mạnh, và

sắp khép kín lại để gài cây ngang, thì một bóng người lù lù, thất thểu như một bóng ma, chậm rãi trèo lên mấy bậc đá ở phía trước. Nhìn kỹ, lão Nam kêu lên :

– Ôi Trời ! Lại chú này. Đáo lui làm gì nữa. Cả buổi chiều cứ tưởng là đi xa rồi chứ.

Có tiếng thều thào đáp lại :

– Cho tôi... vào.

Người nói là một gã đàn ông trung niên, gầy còm rách rưới tả tơi, gập mình trên chiếc gậy với một mái tóc bồm xồm như tổ quạ, vừa lê bước vừa thở. Lão Nam lắc đầu :

– Vào làm gì nữa ? Lúc trưa người ta đã từ chối và giục đuổi đi. Có vào cũng mất công thôi.

Nhưng người lạ mặt vẫn cứ lão đảo cổ tiến vào ngõ. Lão Nam đưa tay đẩy nhẹ :

– Tôi đã bảo là không được gì đâu. Đừng có hòng xin với xỏ. Làm cho tôi bị la rầy vô lối thì có.

Lão lại dỗ ngọt :

– Ra cho rồi mà...

Người lạ mặt vẫn không nghe, cứ im lặng rán sức nhoi mình vào. Giá lúc thường thì lão Nam, vì sợ vợ chồng ông Chánh, đã cương quyết đẩy ra để đóng ập cửa lại. Nhưng lần này, khi bàn tay lão vừa chạm vào mình gã kia, lão Nam bỗng có một cảm giác đến khó chịu. Sức phản ứng của tấm hình hài còm cõi ấy yếu ớt làm sao, yếu đến nỗi lão nghĩ chừng chỉ một cánh gió thoảng qua cũng đủ thổi

bay chứ đừng nói là đẩy mạnh. Và qua cái hình thù tàn tạ ấy, vụt nhiên hiện ra, trong trí tưởng của lão, một thằng người đói rách như vậy đang dẫm phải kẹp heo do chính tay lão đặt, lão như nghe rõ cả tiếng hai vành sắt bật mạnh, hai hàng răng sắt nhọn nghiền chặt lấy cổ chân gầy gò, xuyên thủng cả da, cả thịt, nhá nát cả gân, cả xương. Lão Nam rùng mình, ngấm kỹ gã lạ mặt và đâm lo rằng biết đâu, lâm vào thế cùng, gã kia lại không liều lĩnh, tuy gã đã suy nhược, và sẵn không phải là thứ có thể bỏ vào mồm ngay. Trước sức dằn vật, thôi thúc của cái đói, đến đất cục người ta còn phải nhai mà nuốt nữa là. Với lại ở những kẻ đói suy nhược, theo như lão biết vẫn thường có một thứ sức lực tiềm ẩn rất kỳ lạ. Không thế mà lắm nơi, người ta đã tìm thấy những xác chết ngã gục bên những bụi sắn bị nhổ trốc cả củ mà với sức người mạnh khỏe

lúc thường, đào bới bằng cuốc xuống vẫn thấy khó khăn. Không ! Không thể như thế được. Thà lão chịu chủ la rầy, khiến trách hay làm gì đó thì làm, còn hơn là đang tâm xua đẩy kẻ khốn khó vào cái tình trạng thảm khổ như vậy để mang lấy tội ác. Lão vội rút tay lại, buông thõng xuống, lắc đầu thở dài rồi đứng yên há mồm, nhìn kẻ kia đang thất thủ lê bước tiến dần vào phía trong sân. Tuy đã biết trước là sẽ có chuyện chẳng lành xảy ra, lão vẫn giật mình đánh thót lên khi nghe những tiếng chó sủa gắt gỏng, tiếng kêu hoảng hốt của gã đàn ông, xen lẫn tiếng thét hỏi dập dồn của ông Chánh từ phía sau dãy cửa bàng khoa :

– Lão Nam ! Lão Nam đâu rồi ! Cái gì mà ồn vậy ?

Chạy vội về phía người đàn ông vừa ngã chúi xuống sân gạch sau một hồi



quay quắt luống cuống giữa một bầy sáu con chó dữ, lão Nam vừa cúi xuống đỡ hẳn ngối lên, vừa đáp :

– Dạ, có người bị chó cắn.

– Ai ? Người nào ?

– Dạ, dạ thưa ông, một người đói vào xin.

Vừa nghe thế, ông Chánh đã cười gằn rồi quát lên giạt giọng, giữa những tiếng gầm gừ của bầy chó đang chạy tản ra trong sân gạch :

– Đồ khốn ! Đồ ăn mày ! Ngu đến nước thế thì thôi. Giờ này mà cổng ngõ chưa đóng là nghĩa làm sao ? Thằng cha này thật đáng đánh quá.

Ông Chánh quát tháo chưa dứt lời thì bà Chánh đã thét lên the thé :

– Tao đã bảo mà ! Tao đã bảo phải đóng cổng ngõ từ sớm kia mà ! Có chịu nghe đâu. Ai có trời đã tối như thế này rồi mà còn để cái quân ấy rúc vào được thì thật là ngu hết chỗ nói. Đuổi nó ra ngay, rồi đóng ngõ đi, không có mày chết với tao. Già chừng nấy tuổi mà còn ngu.

Lão Nam cuống cả người lên, chưa biết xoay tính ra sao, thì bỗng nghe có tiếng Huệ nói với mẹ nàng :

– Chừng như họ bị chó cắn. Xem có làm sao không ?

Bà Chánh gạt đi :

– Mặc kệ nó. Ai bảo nó vào làm gì cho chó cắn. Nó đi không được thì có lão Nam đấy, công nó đi. Cái tội thằng cha ấy thật đáng đánh cho chết.

Nhưng bỗng có tiếng cửa khua động,

kêu đánh kít lên rồi ánh sáng tràn ra sân thành một khung hình chữ nhật dài. Huệ, tay cầm một cái đèn dầu mới thắp, bước nhanh qua ngạch cửa, tiến lại gần lão Nam và ngồi xuống hỏi nhỏ :

– Có sao không ? Cả bấy chớ chúng ủa vào như vậy, đổ mà khỏi bị cản.

Lão Nam đỡ lấy đèn rọi xem kỹ :

– Có mấy dấu răng ở bắp chân nhưng cũng không sâu. Tôi tìm lá thuốc dấu rịt vào là xong. Nhưng hẳn đói lắm. Đói lâu rồi. Biết làm thế nào bây giờ ?

Huệ thở dài, nhìn gã lạ mặt với cặp mắt đầy vẻ ái ngại và tò mò. Đây là lần đầu tiên cô thiếu nữ mười sáu tuổi con nhà giàu có, ít khi ra ngoài từ dạo nạn đói kém xảy ra đến nay, có dịp ngắm thật kỹ một kẻ đói đã suy nhược. Chỉ mới

trông qua hình thù, nhìn vào gương mặt, Huệ đã đâm hoảng lên. Nàng có cảm tưởng đây không phải là một con người sắp chết nhưng là một người chết vừa thoi thóp sống lại. Một bộ xương lồng sát trong một lớp da mỏng manh, vàng vọt, bần thiêu, ở đâu dưới mỗ vừa chui lên, lang thang thất thểu trong cõi dương gian. Và Huệ chú ý nhất là cặp mắt. Cặp mắt thao láo, sâu hoắm, mệt mề, gằn như đứng tròng trên cái bộ mặt teo rúm, hốc hác, xương xẩu, dưới mái tóc bù rối bờm xờm ấy, trông vừa đáng thương tâm vừa dễ sợ làm sao. Một cặp mắt giương to, nới rộng, nhìn chăm chăm nhưng chừng như không còn trông thấy được một cái gì. Một cặp mắt lạc mất hướng đời và đắm đắm theo dõi một cõi nào xa xăm, vô hình, huyền bí. Nhưng rồi cũng với cái lối trực thị như vậy, nó hướng thẳng vào khung cửa mở rộng, vào cái bàn ăn

có ông Chánh, bà Chánh đang ngồi, vào mâm cơm thịnh soạn, ngon lành. Cặp mắt ấy có thực sự thấy những gì trước nó hay không, Huệ không tin lắm. Nàng chỉ thấy gã kia nhăn mặt thở dốc, ngoẻo đầu trên cánh tay lão Nam, rên rĩ, lấp bắp những gì trong mồm không nghe rõ được. Rồi có một lúc hai cánh tay khẳng khiu của gã run run đưa thẳng lần lên phía trước với mười ngón tay xương xẩu co lại, máy động như cố bóp nghiêng một cái gì để rồi lại rơi vội trở xuống.

Huệ kinh ngạc, nhìn vào bên trong nói với bà Chánh :

– Thôi chuyện đã lỡ rồi ! Cho người ta ăn ba miếng, tỉnh lại sẽ hay. Tội quá !

Ông Chánh vẫn lạnh lùng, xẵng giọng :

– Mày chỉ được cái lạt lòng vô lối. Đi vào mà ăn cơm đừng có lo chuyện bao đồng.

Huệ lại nhìn mẹ, năn nỉ. Tuy không muốn cho chút nào, nhưng vốn chiều con gái, và thấy trường hợp này từ chối cũng không lợi, bà Chánh ngẫm nghĩ một lúc rồi đáp :

– Cho thì cho... Bảo lão Nam xuống múc đồ cho nó một chén cháo chó !

Huệ ngăn người nhả mặt, phản đối :

– Trời ! Ai lại cho ăn cháo chó !

Nhưng lão Nam đã thì thầm :

– Cũng được cô ơi ! Hẳn đang mệt lắm người, đổ hồ, đổ cháo vẫn hơn. Ăn cháo chó nhà này còn có nhiều cốc khí hơn là

ăn rau, ăn sắn. Để tôi mức... Hẩn tỉnh rồi cô muốn cho cơm cũng được. Nói nhiều, ông bà lại đổi ý kiến thêm khổ cho hẩn.



Huệ trở vào nhà ăn qua loa mấy miếng rồi lại quay trở ra sân. Lão Nam cũng vừa đổ xong cho gã lạ mặt một chén cháo chó lớn, lay hỏi :

– Nghe đã tỉnh chưa ?

– Tỉnh, mà mệt quá !... Tôi ở đâu đây hả ?

Nói xong gã đưa mắt nhìn vào trong nhà. Và một lúc sau, gã lại cựa mình, hết nhìn lão Nam đến nhìn Huệ. Bỗng Huệ lại thấy hai cánh tay khằng khiu của gã, cứ đưa cao lần lên, mười ngón tay lại co quắp. Nhưng lần này nó dừng lại giữa chừng và gã chăm chú nhìn vào hai bàn tay với dáng ngơ ngác sừng sờ, ngấm kỹ như ngấm một vật lạ lòng, quái dị. Càng ngấm nhìn tần mẩn, cặp mắt gã càng nói rộng ra, lộ vẻ hãi hùng. Ngay lúc ấy, có tiếng thét giạt giọng của ông Chánh :

– Cho nó ăn rồi đuổi nó ra !

Và tiếng bà Chánh :

– Nó đi không được thì lão Nam cũng nó ra ngoài, đóng ngay cổng lại. Mau lên chứ chần chờ gì nữa.



Huệ nhìn lão Nam lắc đầu ra hiệu, rồi nói lớn :

– Mợ cho họ ngồi nghỉ chốc lát đã kéo tội mà.

Nàng lại hạ giọng nói nhỏ với lão Nam :

– Tôi vào đóng cửa lại, chú dìu hẩn xuống lều cũ, cho hẩn nghỉ tạm đêm nay. Lát nữa tôi cho hẩn ăn cơm. Cậu mợ không xuống dưới ấy làm gì đâu mà lo.

Trong lúc Huệ nói, gã lạ mặt hết ngấm hai bàn tay lại nhìn trừng trừng vào nhà trong, nhìn ông Chánh, bà Chánh. Ngay trong lối nhìn của gã có một cái gì quái lạ làm cho lão Nam phải lo ngại, hồi hộp trong lòng. Lão đưa tay xốc nách định đỡ kẻ đói lên thì lạ lùng thay, lão nghe cả cái thân hình yếu lả ấy nhồm lên một

cách nhẹ nhàng, rồi trườn vội tới và chỉ trong chớp mắt, không hiểu với một sức lực huyền bí nào, nó đã lao thẳng vào nhà trong. Một cảnh kinh dị vụt diễn ra ngoài sức tưởng tượng của bà Chánh, Huệ và lão Nam. Gã lạ mặt hai tay đưa về phía trước, lão đảo xông thẳng vào ông Chánh. Vì không ngờ có chuyện lạ như vậy, ông Chánh sửng sốt ngồi nhìn và mãi đến phút cuối cùng khi hai bàn tay của gã lạ mặt chụp lấy cổ ông trong chớp nhoáng, ông Chánh mới hoảng hốt kêu thét lên rồi nhảy vội ra khỏi ghế trường kỷ. Gã lạ mặt vì chụp hụt, chúi người, va mạnh đầu vào thành ghế, ngã xuống nằm lăn sóng sượt với chiếc gối dựa nhỏ của ông Chánh trong mười ngón tay co quắp. Khi ông Chánh vợ được cây gậy sắp tiến lại và lão Nam vừa chạy tới bên gã thì kẻ đói chỉ còn là một cái xác không

hồn. Mười ngón tay co quắp, cứng đờ của gã bầu thủng và lún sâu vào chiếc gối.

\*

Sáng hôm sau, ở thôn trên, người ta bắt gặp một cái xác chết bên cạnh một cái miếu hoang. Người chết là một bà cụ. Bà cụ đã bị một kẻ bất lương bóp họng, dấu tay bầm tím còn in sâu quanh cổ. Khám kỹ, có kẻ còn thấy trong miệng bà cụ một ít sắn nấu mới nhai, và trong bàn tay nắm chặt còn sót lại một lổm nhỏ xiu. Liên hệ vụ này với vụ hành hung ở nhà ông Chánh, người làng ai nấy đều đoán quyết thủ phạm đã gây nên án mạng ở miếu hoang cũng chính là kẻ đói muốn bóp cổ ông Chánh trong đêm. Và lần trước cũng như lần sau, chỉ vì đói quá mà hắn đã làm liều. Riêng lão Nam, lão

không thể tin như vậy được. Lão không tin cả hai vụ làm liều đều do một động cơ. Lão nghĩ tới một cái gì khác. Lão nghĩ tới hai bàn tay co quắp. Lão nghĩ tới cái vẻ hãi hùng, nhớn nhác của gã lạ mặt khi gã ngẩng nhìn hai bàn tay của gã. Lão nhớ tới cái ánh sáng kỳ dị lóe ra trong cặp đồng tử của thủ phạm trong đêm ấy. Nhưng biết thì biết thế mà lão chẳng hề dám tiết lộ với ai. Có ai mà tin được điều lão nói. Lão giữ kín mãi và thấy có muốn nói cũng khó nói ra. Lão không nói ra điều đó bao giờ cũng như không bao giờ lão cho vợ chồng ông Chánh biết rằng, ngay sáng hôm sau, lão đã lén thu hết số kẹp đặt tại các đám sấn dấu kỹ vào một nơi, rằng nếu không vì Huệ, không vì quý mến cái lòng tử tế, hay thương người một cách chân thực của nàng, không vì mối thân tình nó ràng buộc lão với cô bé

như cha với con thì lão đã cương quyết bỏ đi mặc dầu có phải đói, phải khát, phải thất thiếu lang thang hay chịu chung cái thân phận bi đát của kẻ xấu số đã ngã gục xuống một cách thảm thương trong đêm hôm ấy.

Còn ông Chánh, sau cái trận mà ông cho là chết hụt để mổ lợn ăn mừng, mỗi lúc nhắc đến nạn đói kém, không bao giờ ông quên kể lại câu chuyện kinh dị ấy để chứng minh cái phúc lớn của nhà ông. Và lần nào kể xong ông cũng kết luận :

– Cứ xem kỹ cái gối thì đủ biết. Sức nó còn mạnh lắm. May cho tôi chứ không thì đã chết rồi còn gì. Nhưng ở hiền bao giờ cũng gặp lành. Thật là có Thần che, Thánh chở. Nó không hại được tôi nó lại chết. Ác giả, ác báo rõ ràng. Chỉ một khúc sắn mà nó cũng hại được người ta,

ngũ có gớm không. Cái quân bóp hầu bóp họng thiên hạ mà ăn như vậy, có bằm nát thây ra cũng đáng chứ đừng nói là chết.



## QUA CƠN THỦ LỬA

**A**nh huyện Thanh !

Vừa gọi xong, Tuấn biết mình lỡ lời vì nghĩ cái lối xưng hô này có thể làm cho người bạn cũ phải ngượng. Tuấn vội sửa lại :

– Anh Thanh ! Gặp lại anh, mừng quá !

Một người đàn ông vào khoảng ba lăm, đẩy đã trong bộ đồ bà ba bằng vải



nhuộm xám đã cũ, đang ngồi cúi đầu ăn bún ở phía đầu hồi chiếc quả đàn dài trong quán, ngẩng lên nhìn với cái dáng bỡ ngỡ một lúc, rồi vui vẻ cười lớn :

– À, anh Tuấn. Anh nhìn ra được tôi, giỏi thật. Nhiều người quen cũ gặp lại... tôi có nhắc họ mới nhận ra. Tôi khác xưa nhiều lắm phải không ?

Tuấn gật đầu :

– Có khác nhiều, nhưng tôi vẫn nhận được dễ dàng. Hiện giờ anh ở đâu ?

– Tôi à ? Từ ngày chiến cuộc xảy ra, tôi tản cư, dời chỗ trú ngụ có đến bốn năm lần, rồi lên trên này ở mãi cho đến bây giờ. Gian truân nhiều nỗi lắm anh ơi ! Nhưng vẫn sống.

Ngừng lại nhìn Tuấn, Thanh vui vẻ :

– Anh chẳng khác trước bao nhiêu !  
Gặp anh thật đáng mừng. Nhà tôi ở cách đây độ bảy tám cây số. Chắc anh cũng lên ngã ấy chứ gì. Anh ghé tôi chơi. Chúng ta ăn xong rồi cùng đi nhé ! Bún ở quán này khá ngon mà lại rẻ.

Nói xong, Thanh lại cười, lừa bún và thịt vào đầy mồm, cắn ốt rồi nhai nhồm nhoàm. Giọng cười khoái trá cùng thái độ rất tự nhiên, dung dị của Thanh lúc này khiến Tuấn phải ngơ ngác và đâm thẹn vì sự ước đoán sai lầm của mình. Ở Thanh chừng như không có cái mặc cảm sĩ diện rất thông thường của hạng người sa cơ thất thế, khi phải chạm trán với những kẻ quen biết cũ đã từng chứng kiến cuộc đời quá khứ đáng hãnh diện của mình. Và nhất là giọng cười, cái miệng cười của Thanh càng làm cho Tuấn phải nghĩ ngợi nhiều hơn. Đối với Tuấn, sự thay

đổi đáng chú ý nhất ở người bạn cũ là cái miệng cười ấy, cái vẻ trẻ trung, vui tính hơn là cảnh thẳng trầm, lên voi xuống chó hẳn đang lâm vào, hay cái tương phản xốn xang giữa hình ảnh một ông tri huyện mập mạp, phương phi, oai vệ trong bộ quốc phục sang trọng đầy quan cách thuở nào với hình ảnh một con người thường dân đang lẫn lộn, quay quắt trong một cuộc sống đầy gian khổ giữa thời bình hòa.

Vì chính cái « miệng cười » ấy khơi gợi lại ngay trong cuộc gặp gỡ này rất nhiều kỷ niệm ngộ nghĩnh, buồn cười về Thanh ở cái thuở mà hai người còn sống bên nhau, đồng thời làm cho Tuấn nhận thấy ở Thanh một sự biến cải rất đổi lạ lùng...

Năm Tuấn còn theo học lớp nhất trường Khải Định thì Thanh đang là một

anh chàng thư sinh của trường Quốc-tử-giám.

Thanh là con một nhà điền chủ bậc trung, người cùng tỉnh ; lại quen biết cha mẹ Tuấn. Ông thân của Thanh đã già lắm. Tuấn còn nhớ đấy là một ông cụ già gầy đét, có một bộ mặt hay cau có và một con mắt chột trắng dã. Một ông cụ già lắm lì nhưng háo thắng, tự phụ, dưới cái hình thức khiêm tốn, nhỏ nhen của một con trùn đất. Một con người loay hoay trọn đời vì cái mộng công danh rồi đến cái mộng có con làm tri huyện, tri phủ để mình được làm cụ « cố ». Kể ra đấy cũng là cái tâm lý rất thông thường của người đương thời. Nhưng có một điểm đặc biệt là, với ông cụ, nỗi ẩn ức về công danh đã được chuyển tiếp qua gã con trai thành một sứ mệnh cao cả. Cái mộng làm cụ « cố » đã gây ra cho ông cụ một

thứ nhiệt tình trên đường mưu cầu công danh, giống hệt như cái nhiệt tình của những kẻ cuồng tín trong trường chính trị. Theo nhiều người được biết rõ về ông cụ thì nó là cái hậu quả của bao nhiêu tủ nhục, mà gia đình ông cụ – trải qua mấy đời với cái số phận « bạch đình » – phải chịu đựng trong xóm, trong làng nhất là ở chốn đình trung.

Từ ngày bắt đầu đưa con ra Kinh, ông cụ đã cố nài xin cha mẹ Tuấn để gửi Thanh ở ngay trong nhà, chẳng phải chỉ vì cái gia đình lễ giáo này có thể ngăn ngừa được cho Thanh sức cám dỗ của những thú trụy lạc ở đất kinh kỳ. Ông cụ còn muốn Thanh phải tập sống theo cái khuôn phép của một chốn cao môn. Vì theo ông cụ, đó là một phần quan trọng trong cái bí quyết thành công. Những lúc ở gần con, ông cụ không hề xao nhãng

một phút nào trong công việc huấn luyện con trai mình về khuôn phép, nhất là những lễ thói đối xử với quan trên, quan thầy. Mỗi lúc bắt chộp được ở Thanh một khuyết điểm chạm đến cái giới răn phạm thượng là ông cụ hốt hoảng, như đứng trước một tai họa lớn.

Tuy đã khôn lớn, chàng thư sinh trường Giám này vẫn được ông cụ kiểm thúc, uốn nắn như người ta uốn nắn một cây kiểng vậy.

Và cái việc đáng buồn cười nhất, Tuấn còn nhớ mãi, là chuyện Thanh gia công sửa trị một cái cổ tật mà gã cho là bất lợi.

Cái cổ tật ấy là cái thói quen hay cười. Chỉ thế thôi. Nhưng đấy là một khuyết điểm mà ông cụ lo ngại trước nhất. Ông cụ thường nói :

– Cái gì ở mày cũng được cả, quan trên các ngài cũng có thể thương cả. Chỉ duy có cái miệng mày là bất trị. Tao nói mãi, la rầy mãi mày vẫn không chữa. Cái miệng mày vô lễ quá. Cứ sắp nói là đã mỉm cười rồi. Quan trên người ta có thể hiểu lầm, cho là mày kiêu ngạo, vô lễ, vô phép. Hừ, chưa nói đã cười ! Cố mà chữa đi, không thì khổ vào thân đấy.

Tuấn thật không thể hiểu tại sao có người vì cầu công danh đến phải sợ hãi vì một cái miệng hay cười. Mà nào cái miệng hay cười của Thanh có vô duyên chút nào đâu. Tuấn thấy ở Thanh, nếu có một cái gì gọi là đẹp, một cái gì làm cho người ta mến gã, thích gần gũi và vui lây theo gã, cái đó chính là cái miệng cười. Gã cười có duyên quá. Nụ cười của Thanh có một sức hấp dẫn, quyến rũ rất

kỳ lạ. Mỗi lúc gã cười, gương mặt gã sáng ra, tươi lên.

Tuy nhiên sau một thời gian, mặc dầu không sửa trị hẳn được cái tật ấy, Thanh cũng đã đổi khác rất nhiều. Bao nhiêu vẻ trẻ trung, linh hoạt, nhanh nhẹn lùi bước vội vàng để lại ở người gã sự khô khan, cằn cỗi. Thanh rất ít cười và rất ngại cười, già hẳn ra, đạo mạo thêm. Tuấn lấy làm tiếc và khó chịu, nhưng ông cụ thì rất hài lòng. Cả Thanh cũng vậy, gã coi như đã thoát được một tai họa lớn lao.

Cách bốn năm sau, Tuấn gặp lại Thanh thì gã thư sinh không dám cười ấy đã là một ông Tri huyện. Cha gã được những người quen biết gọi là cụ « cố ». Gã đã chuộc lại bao nhiêu ruộng đất mà cụ « cố » phải bán chạy tiền ăn học và xây được một tòa nhà khá đồ sộ.



Thanh làm tri huyện đầu mới được vài năm thì cuộc khởi nghĩa mùa Thu xảy ra. Tiếp đến khi chiến cuộc bùng nổ, lan tràn khắp toàn quốc, Tuấn chẳng biết gã bị trôi giạt về phương nào cho đến hôm nay.

Tuấn ngắm kỹ Thanh trong lúc gã ăn bún. Chính cái miệng cười và nụ cười duyên dáng của Thanh lúc này làm nổi bật dần dần những nét thay đổi quan trọng ở người gã. Ngồi trước mặt Tuấn lúc này là một nhân vật nào khác lạ hẳn, nhưng là cái khác lạ tạo nên bởi sự đổi mới hoàn toàn của một con người hơn là vì cái cảnh sa sút, long đong của thân thể. Người Thanh trông có vẻ già dặn ra, hoạt bát, phóng khoáng, nhanh nhẹn khác xưa rất nhiều. Gương mặt chừ điển với màu da rám nắng và cặp mắt rất sáng dưới đôi chân mày rậm, lộ đầy một vẻ

cương quyết, một thái độ ngạo nghễ, thách thức đối với tất cả mọi thử thách của cuộc sống giữa thời bình hòa. Trong cái bộ cánh tầm thường, giản dị, cũ kỹ, trông Thanh lại không có vẻ tầm thường như khi còn là một anh học trò trường Giám hay dưới cái hình thức đầy quan dạng của một ông Tri huyện thời tiền chiến.

Vừa ăn uống xong, Thanh đã đứng lên bảo Tuấn :

– Chúng ta lên đường vậy. Đã xế chiều rồi, cần đi ngay để về đến nhà cho sớm sửa. Ba-lô anh đâu ?

Trong lúc nói, Thanh cúi xuống xắn cao hai ống quần, tròng lại quai dép cao-su vào gót chân, đội nón rồi bước ra sân quán. Tuấn bước theo và rất ngạc nhiên khi thấy Thanh sửa soạn một đôi bầu,

xong lại đỡ lấy ba-lô của Tuấn :

– Anh bỏ xuống đầu này, tôi gánh luôn cho !

Tuấn sửng sốt :

– Anh cũng gánh được nữa sao ?

Thanh đặt đòn gánh trên vai, nhún mấy cái, gật đầu :

– Cân lắm. Được rồi ! Anh ngạc nhiên cũng phải. Trước kia tôi cứ tưởng mình chẳng bao giờ làm được những việc này, nhưng rồi gì cũng xong cả... Gánh thì không đi chậm được, anh chịu khó rảo bước nhanh hơn thường một chút nhé...

Khi đã ra đường, Thanh bảo :

– Chiến tranh đem lại cho cuộc đời nhiều xáo trộn kỳ lạ quá anh ơi ! Trước kia anh có bao giờ tưởng tượng được là

tôi sẽ ra như thế này không ? Chắc là không ?

Tuấn gật đầu vì chính Tuấn cũng nhận thấy một cảnh trạng của Thanh quả thật vừa oái oăm, vừa ngộ nghĩnh quá sức tưởng tượng, tuy từ dạo binh hỏa xảy ra đến nay, Tuấn đã được chứng kiến rất nhiều cảnh thăng trầm quá đột ngột trong đám người chạy loạn. Rất nhiều. Nhưng những hình ảnh đậm đà nhất vụt hiện ra trong trí tưởng của Tuấn lúc này là hình ảnh một ông phán già, giàu có lớn ở tỉnh lỵ, đã từng được bọn thực dân liệt vào cái hạng sống theo kiểu Âu châu, sau ngày tản cư chỉ mới hai tháng, vốn liếng chỉ còn đủ mua mấy ống quinacrine Mỹ để bán kiếm lời. Tội nhất là trong lúc chen lấn đám đông ở chợ, chỉ vì đánh rơi mất một ống thuốc mà ông cụ run bần cả người, mặt mày tái xám và, sau đó, khi

có kẻ nhặt được đem cho lại, ông cụ lại khóc suốt mướt vì mừng rồi lạy dài để tỏ lòng tri ân. Một thời gian sau, có tin ông cụ tự tử. Cùng với hình ảnh này là một người đàn bà trạc ngũ tuần, có hàng chục gian phố cho thuê, hàng trăm con bò vắt sữa, đã hóa điên, hóa cuồng vì chạy giặc thành linh phải ra đi với một bọc hành lý, một số vàng và bạc mặt để rồi bị cướp giết dọc đường. Trên con đường huyện lộ mịt mờ bụi đỏ, đông nghịt cả người, xôn xao từng đoàn, từng lũ chen lấn nhau, đài tải, khuân khôi những mảnh vụn của gia tài, sự nghiệp, lũ lượt trẩy qua, người đàn bà ấy, suốt ngày, tóc tai bù rối, cầm một cành cây múa men để mỗi lúc gặp người đi qua, nhìn vào tận mặt rồi cười lớn mà hỏi : « Bò tao đâu ? Nhà tao đâu ? Năm chục lạng vàng, bảy chục lạng vàng, chúng cướp của tao mất hết ! » Bị thu hút theo cái sức cuốn cuộn của những làn

sống người ô ạt đổ dồn mãi lên những vùng nước độc, nguồn cao, chẳng biết rồi cái bóng người đàn bà tay cầm cành lá ấy trôi giạt về đâu. Tuy nhiên lúc này so sánh cái ngộ cảnh của Thanh với thân thể hai người xấu số nọ, Tuấn vẫn cảm thấy có một cái gì làm cho Tuấn phải bàng hoàng...

Thanh vui vẻ nói tiếp :

– Những cuộc xáo trộn mới trông thì có vẻ bi đát, tai hại thật. Nhưng càng đi sâu vào mới thấy có cái hay anh ạ. Con người có những khả năng tiềm tàng rất kỳ lạ và chỉ có thể khai triển được đúng mức trong nghịch cảnh mà thôi. Không bị chó dữ rượt đuổi, anh chẳng bao giờ chịu nhảy qua những hào rãnh mà lúc thường anh cho là khó thể nhảy qua. Trước kia có ai bảo bọn chúng mình sống trong hoàn cảnh này được.

Thanh dừng lại trở vai rồi vừa đi vừa lấy khăn lau mồ hôi trên mặt.

Tuấn ái ngại hỏi :

– Anh gánh có nặng lắm không ?

Thanh cười :

– Thăm gì. Quen rồi ! Tôi ở vào một xóm hẻo lánh, thiếu các thứ nhu cầu như thuốc men, vải vóc, xà-phòng, dầu lửa và nhiều vật dụng cần thiết, nên cứ mỗi tháng lại phải xuống tận chợ tiếp tế một lần. Đạo này phi cơ chúng bắn phá dữ dội quá, để đàn bà đi bất tiện, tôi phải thân hành.

Trong tiếng kửi kệt đều đều, êm ái hoà lẫn với tiếng dép cao-su chạm xẹt vào mặt đường gỗ ghè đầy sỏi sạn, Thanh kể lại những biến cố của đời gã từ ngày có cuộc cướp chính đến giờ.

Thanh bị mất chức tri huyện vào một buổi sớm mùa thu. Vì chẳng kháng cự nên gã được yên thân rút ra khỏi huyện đường, tuy vậy, cái tai họa này vẫn kéo bè, kéo lũ theo với nó biết bao nhiêu là chuyện rắc rối. Ngay trong làng, bọn chức sắc trước kia phải chịu lép uy thế vì cái địa vị của Thanh và bất mãn ngấm ngấm trước cái thái độ trịch thượng, hách dịch của cụ « cố » đua nhau tìm đủ cách làm nhục, trả thù cho bõ ghét. Như thế đã hết đâu. Cùng với cái rấp trên đường công danh, Thanh còn vướng phải một cái rấp trên đường tình ái. Vợ Thanh, chưa có con cái gì, giữa lúc cần can đảm chia xẻ với chồng cái ngộ cảnh chẳng may này, đã thay lòng đổi dạ một cách trắng trợn. Vốn là con nhà giàu có – thuộc một gia đình tư sản mại bản – và trước đây sở dĩ cô nàng chịu gả nghĩa với Thanh chẳng qua vì cái địa vị của gã, cái tham vọng



được làm « bà phủ », « bà huyện » với thiên hạ hơn là vì tình yêu nên đến lúc cái mộng làm « bà » đã tan vỡ một cách đột ngột thì bao nhiêu tình nghĩa cũng tan theo. Hơn nữa, cái mộng làm « bà » lại tan vỡ ngay giữa một tình thế hỗn loạn gây nên bởi mỗi công phần của xã hội cùng lên án tất cả mọi thứ uy thế, quyền năng, trật tự an bài trong chế độ lỗi thời, đã làm cho bà huyện trẻ tuổi tự đứng nhận thấy chuyện lấy chồng quan là cả một sự lỗ lã, đại đột đáng ân hận trọn đời. Giữa cái tình trạng ấy, Hồng – vợ Thanh – quyết định tìm một con đường thoát.

Thanh nhắc lại câu chuyện tâm tình đáng đau xót này với cái vẻ thản nhiên, lạnh lùng của một kẻ bàng quan, rồi tiếp :

– Thế rồi tác chiến xảy ra. Tôi phải chạy loạn vào lúc nửa đêm với một ông bố già và hai đứa cháu trai mồ côi còn nhỏ. Cả bọn chẳng mang theo được cái gì nên hình cả..., ngoài mấy bọc hành lý và một gánh đồ đạc quơ quàng vội vã mà tôi phải cố sức nai lưng để gánh. Nghĩ cũng tức cười ! Lúc thường, thử đặt gánh lên vai, bước đi vài bước đã thấy bất kham rồi. Nhưng đến lúc ấy thì lạ lắm. Đường trường hàng trăm dặm vẫn vượt qua được. Thoạt tiên cũng thấy khó khăn, vất vả thật, lắm lúc muốn quẳng gánh đi, nhưng vì cái sống mà phải cố bám lấy, rồi quen dần... Quen dần, nhưng cái cảm giác nặng nề của gánh hành lý trên vai thì chẳng chịu phai nhòa... Nắm trái mùi vị tản cư trong mấy tháng đầu, giữa cảnh thiếu thốn, túng quẫn đủ mọi bề, với một ông bố già cả, bệnh hoạn, hai đứa cháu ỏi ọp, thơ đại, trước cái ghẻ lạnh, miệt

thị của phần đông đồng bào địa phương, cái cảm giác ấy càng đậm đà hơn, đè trĩu cả tâm hồn và gieo vào lòng tôi một mối chán chường đến muốn quẩn trí.

Thanh nghỉ nói, bước chậm lại, vì đàn đã bắt đầu dốc. Tuấn ngẩng nhìn con đàn đất đỏ, lởm chồm cả đá, bò ngòng ngoèo, quanh co như một con rắn uốn khúc, trườn mãi lên một eo núi cao :

– Dốc cao quá !

– Cao nhất trong các dốc trên con đàn này. Anh biết người ta gọi nó là dốc gì không ? Dốc Giảm thọ.

Ngừng lại trở vai, rồi mím môi, dò dẫm từng bậc đá, Thanh tiến dần lên. Tuy có gánh nặng Thanh vẫn đi nhanh hơn Tuấn và thỉnh thoảng phải dừng lại để chờ. Như thế mãi có gần nửa tiếng

đồng hồ, cả hai mới lên hết dốc. Thanh tiến lại phía một cây gạo lớn, đặt gánh xuống, thở phào một tiếng khoan khoái :

– Anh ngồi vào bóng mát nghỉ đã. Tôi có đem nước theo đây.

Sau khi đã uống nước, hút thuốc, Thanh vẫn ngồi yên lặng. Mặt trời như một ngọn đèn pha, từ phương tây chiếu xiên lại, soi sáng núi rừng với những tia nắng màu vàng nghệ tạo cho cảnh vật một sắc thái huy hoàng, lộng lẫy. Tuấn nghĩ là Thanh quá mệt, cần ngồi lâu, nên cũng ngồi yên ngắm cảnh núi rừng. Bỗng Thanh nhìn Tuấn cười khẽ :

– Anh có thấy cái dốc này cao ghê gớm không ? Cao, dài, khó đi. Người ta gọi là dốc Giảm thọ cũng phải. Nhưng tôi, tôi đặt tên cho nó là dốc Chuyển hướng. Tôi bắt đầu làm lại cuộc đời, sống

lại một cách thực sự là ở tại cái dốc này.  
Vì một sự gặp gỡ rất ngộ.

Ngồi im mấy phút như cố hồi tưởng lại những gì đã qua, Thanh nhìn xuống phía chân dốc rồi bắt đầu kể :

– Cái thế sống trong thời chiến loạn với tình trạng tản cư đã thúc bách gia đình tôi phải dời chỗ trú ngụ mãi và dặt dứu nhau tiến lần lên ngã trên này. Tôi còn nhớ cái hôm chúng tôi đến đây, cũng vào một buổi xế chiều, vừa nhìn cái dốc, tôi đã đâm ngán đến chẳng còn can đảm tiến bước nữa. Sau một ngày trời băng bộ nhọc nhằn, phải đứng trước một cái dốc cao vọi vọi vụt hiện ra như cố chắn hản lối đi, tự nhiên tôi cảm thấy rợn người và nhụt chí. Cái ngun ngút của ngàn xanh, vẻ bí mật lạnh lùng của rừng núi, cái cheo leo, heo hút của cảnh vắng dậm trường như hòa nhau đe dọa, uy hiếp, đẩy lùi tôi

lại. Qua nửa năm trời tản cư trong một cảnh chật vật, túng quẫn, bệnh hoạn, tôi cảm thấy, ngay trước áp lực của rừng thiêng, đuối sức như một người bơi quá lâu trong bể cả giữa cơn giông tố. Cái cảm giác nặng nề đè trĩu trên vai, đè trĩu cả tâm hồn, lúc này như muốn đè bẹp cả người tôi...

Giữa lúc ấy, ông thân tôi kêu khát. Tôi vội men xuống suối để lấy nước. Khi trở lên tôi ngạc nhiên và cảm động xiết bao vì thấy một ông lão, một bà lão và hai thanh niên cường tráng đang ngồi xúm xít bên cạnh cha tôi và hai đứa cháu, trong lúc một thanh nữ lực soạn thức ăn, nước uống từ trong gánh ra. Tôi hỏi mới biết họ cũng là một gia đình tản cư định lên miền trên này để trú ngụ. Thái độ niềm nở, thân mật rất tự nhiên, thành thực của họ đã chiếm cảm tình của tôi

ngay những phút đầu và không ngần ngại tôi cho họ biết rõ về tình cảnh của tôi. Cụ lão nghe xong cười lớn :

– Kể cũng đáng buồn. Nhưng cả vừa thiên hạ chứ riêng gì ai đâu ! Nghĩ lại rồi cũng chẳng nên buồn, tức làm gì vô ích. Lão đây cũng vậy. Nhà cửa, vườn tược của lão, của cải, ruộng nương của lão cũng đã mất sạch cả đấy. Nhưng lão vẫn cười. Sự đời mất mát, còn còn thường lắm ! Mất gì thì mất, miễn còn người là quý ! Còn người là còn cửa, hơi đâu mà lo.

Nói xong ông cụ lại cười, thúc giục tôi ăn uống. Tiếng cười sảng khoái của ông cụ, vang dậy giữa cảnh núi rừng hoang vắng, có một âm hưởng rất lạ làm cho tôi cảm thấy vui lây và nghe khác hẳn trong người. Trong lúc ông cụ và hai người con trai trò chuyện với tôi thì bà cụ

và cô con gái hỏi han hai đứa cháu nhỏ. Về hiền dịu, nhân từ của hai mẹ con khiến tôi chú ý, nhất là của cô con gái. Nàng có một sức quyến rũ kỳ lạ, không phải vì sắc đẹp, nhưng vì cái vẻ phúc hậu, hồn nhiên, chân thực, cái gương mặt rạng rỡ vui tươi với những nụ cười hầu như bất tuyệt trên đôi môi hồng. Tuy nàng ăn vận rất tầm thường, tôi vẫn thấy sự hiện diện của nàng lúc này như đã làm tăng thêm ánh sáng và dịu bớt cái vẻ man rợ, hẻo lánh của một vùng rừng núi. Cũng như tiếng cười của ông cụ và cái vui tính của hai người anh, nụ cười của nàng bắt vội những nhịp cầu thông cảm giữa tôi và gia đình nhà này ; mỗi thông cảm của những người cùng chung cảnh ngộ, và làm cho tôi cảm thấy gần gũi, tự hồ như đã quen thân từ lâu ngày rồi. Khi ăn uống xong, ông cụ hỏi tôi :



– Anh lên miền này đã có dự định gì chưa ? Tôi lắc đầu. Ông cụ mỉm cười, thân mật :

– Chưa thì rồi sẽ có ! Cứ vùng tâm mà đi. Cùng là đồng bào với nhau cả, cùng lâm vào cái hoàn cảnh này, phải nương tựa nhau mà sống. Lúc thời bình, lão đã lên vùng này, biết rõ địa thế lắm. Ở đây đất đai phì nhiêu, nhưng người thưa thớt, có sức khai phá, giỏi chịu gian khổ một thời gian thì không còn lo đói. Những gì đã mất đi thì đừng thêm tiếc. Phải tạo ra của cải mới. Nó không ở đâu xa cả mà ở ngay trong lòng đất đai, trong cánh tay và sức lực của mình. Thôi đi ta !

Câu nói sau cùng tôi nghe như một mệnh lệnh. Một thứ mệnh lệnh nó kích động cả tâm hồn để người ta phải tuân theo không chút do dự, đắn đo. Tôi càng cảm động hơn khi ông cụ buộc

hai người con trai dồn cả hành lý của họ mang theo cho một người đài tải, để một người công hộ ông thân tôi lên dốc. Rồi cả bọn, kẻ trước người sau, cùng tiến bước. Ông cụ dẫn đầu với một gói hành lý khá nặng trên vai. Tuy mái tóc đã bạc nhưng dáng đi thì lại rất vững vàng, hăng hái. Nhìn ông cụ tự nhiên tôi đâm thẹn. Gánh nặng trên vai tôi như nhẹ hẳn đi và cái dốc cao vùi vùi như thấp dần xuống. Trong cái vui vẻ, cương quyết của mọi người, tôi cảm thấy phấn khởi hẳn lên và khi đã vượt hết dốc cao, quay nhìn trở lại quãng đường đã qua, tự dừng tôi nhận chân được cái tiềm năng rất kỳ lạ của con người. Sự hèn yếu, bất lực chỉ là một ảo giác. Ngay cả cái cảm giác nặng nề đè trĩu trên vai tôi, trên tâm hồn tôi lâu nay cũng chỉ là một sức nặng giả tạo của một gánh âu lo vô lối mà thôi. Ông cụ và cả gia đình ông cụ, với cái tình tương thân,

tương trợ và cái chí cương quyết, đã giúp tôi quãng xa được gánh nặng, để vượt qua dốc cao một cách dễ dàng. Và cái ngày vượt dốc, tính đến nay, thấm thoát đã bốn năm rồi...

Thanh đứng lên, vui vẻ đưa tay chỉ xuống cánh đồng ở bên kia dốc :

– Bây giờ, anh nhìn xem.

Tuy đứng trên cao, nhưng theo hướng Thanh chỉ, Tuấn cũng nhận thấy rõ một mái nhà tranh khá lớn nằm giữa một khu vườn rộng gần mẫu đất. Khu vườn với lối trồng trọt rất ngăn nắp có một vẻ xinh xắn nên thơ dễ cảm lòng người.

Khu vườn ấy, ngôi nhà ấy, và cả những thửa ruộng chạy trước mặt nhà, có non tám sào, đều do vợ chồng tôi tạo

lập, khai phá, canh tác lấy. Mấy ngôi nhà phía trên kia cùng cánh đồng hẹp ở phía tay trái có dòng suối chảy qua là gia đình ông cụ.

Tuấn ngạc nhiên, vừa muốn hỏi điều gì thì đã nghe có tiếng hát từ đâu phía dưới vẳng lên. Tiếng hát rõ dần rồi một thiếu phụ từ ngã quẹo khuất sau những bụi mọc rậm hiện ra.

Thanh cười :

– Nhà tôi đấy ! Nhà tôi lên rước tôi.

Như sợ Tuấn không hiểu, Thanh nói tiếp :

– Rước nghĩa là gánh hộ !

Vừa trông thấy Thanh, thiếu phụ đã vui vẻ :

– Anh về muộn quá. Cả nhà trông

đến sốt ruột vì trưa nay nghe bom nổ nhiều ở đôi dưới.

Rồi nàng nhìn Tuấn dáng hơi bờng. Thanh giới thiệu ngay :

– Anh Tuấn đấy. Ngày xưa anh ấy là bạn rất thân. Anh mời về nhà chơi !

Và quay nhìn bạn, Thanh đùa :

– Nhà tôi, bà huyện... mới của tôi !

Nói xong Thanh cười khanh khách. Bích, vợ Thanh, vui vẻ chào Tuấn rồi thân mật bảo chồng :

– Anh để em gánh cho.

Trong lúc vợ chồng Thanh trao gánh cho nhau, Tuấn ngắm kỹ Bích. Nàng còn trẻ lắm, đâu mới đôi mươi và trông rất mặm mà, duyên dáng. Vừa nhìn qua vẻ người, tự dưng Tuấn như đoán ra một

điều gì và khi Bích đã xuống dốc cách hai người khá xa, Tuấn mỉm cười bảo bạn :

– Nếu tôi không lầm thì chị ấy là nàng tiên mà anh vừa ca tụng lúc nãy, một nàng tiên làm sáng một khu rừng.

Thanh gật đầu vui vẻ :

– Anh đoán chẳng sai. Chính là con gái ông cụ. Chúng tôi vừa kết duyên với nhau được hai năm. Đã có một cháu nhỏ kháu lẫm anh ơi !

Tuấn vỗ vai Thanh, cười lớn :

– Thì ra qua những biến cố của đất nước anh tuy bị mất rất nhiều, nhưng lại không thiệt thòi gì cả.

Thanh nhìn theo Bích, rồi đưa mắt say ngắm cánh đồng, khu vườn dưới xa :

– Quả đúng như vậy. Tôi đã mất những gì đáng mất để tìm được những cái đáng tìm. Và trong cuộc sống hiện tại, trong cuộc chiến đấu với mọi gian lao, sự đảo lộn về thân thể cũng điều chỉnh cả trong tôi cái quan niệm về giá trị và hạnh phúc của con người, nên mỗi lúc nhìn lại dĩ vãng, tôi không thấy tiếc mà chỉ thấy mừng. Tôi mừng vì những gì mà đời thường cho là rủi ro, vô phúc đã đến sớm với tôi để tôi sớm cảm nghiệm và khai triển được cái vốn của bản thân mình.





## CON MÈO ĐEN

Vì lâu ngày mới gặp nhau, nên đêm ấy, trên một căn gác ở Bao Vinh, Hoàng, Trạch và Khán chuyện trò mãi đến gần một giờ khuya. Sau khi Trạch và Hoàng đã ngủ, Khán, có lẽ vì lạ nhà hoặc dùng quá nhiều cà-phê, nằm thao thức mãi. Cố định trí rất lâu cũng không chợp mắt được, Khán ngồi lên mở rộng cửa gác, ngắm cảnh phố vắng.

Bên ngoài, mảnh trăng mười bảy lúc nào đã ngả về phương tây, lẩn khuất ở

một nơi nào đó phía sau những đám mây sẫm. Cảnh vật, trong lòng tĩnh mịch của đêm già, trở nên mơ hồ, chập chờn dưới một thứ ánh sáng buồn lạnh, lơ mơ... Ngay bên kia con đường lát nhựa hẹp, khuất tối, cả dãy phố nằm sát bờ sông – đối diện với dãy phố có căn gác của nhà Hoàng – in hình một khối xám đen dài trên nền mây sẫm lồng trắng.

Một trong những căn gác, nổi lô nhô thừa thốt trên dãy phố ven sông này, nằm ngay trên căn phố nhìn qua nhà Hoàng. Thực ra nó chẳng có những đặc điểm gì đáng cho Khán phải chú ý hơn mấy cái gác kia. Lúc đầu Khán chỉ chú ý vì sự xuất hiện tình cờ của một con mèo đen, từ đâu phía dưới, nhảy phóc lên, rồi chậm rãi rảo lượt qua lại mấy lần trên nóc. Hình ảnh con mèo có lúc nổi bật trên nền trời, có khi lại mờ dần đi,

tùy theo vầng trăng hoặc ló dạng hoặc ẩn chìm phía sau những áng mây sẫm có đường viền sang sáng. Dưới bầu trời xám nhạt mát lạnh, phơn phớt sương khuya, mái gác có vẻ trơ vơ, quạnh quẽ như mái miếu hoang với những cánh cửa đóng kín im im. Hình ảnh con mèo đen rảo lượn chậm chạp, thỉnh thoảng lại dừng bước, ngồi chống thẳng hai chân trước, ngẩng đầu nhìn trời, điểm thêm cho mái gác cái sắc thái bí mật, ma quái... Thế rồi trong một phút bất thần, con mèo đen lại vụt biến hình đầu mất. Có tiếng động ở phía dưới. Hai cánh cửa sịch mở. Ngọn đèn tọa đăng bên trong hắt ra một vùng ánh sáng vàng vọt. Ngay phía sau khung cửa hình chữ nhật nhỏ hẹp, xuất hiện một thiếu nữ mặc áo xanh đứng bên giường mừng, kê ở trong cùng. Nàng đang cởi chiếc áo dài. Khán sực nhớ lúc nãy anh nghe có tiếng dép,

tiếng guốc và tiếng cười nói của đàn bà léo séo đâu từ dưới hàng nhựa vẳng lên. Anh đoán nàng là một trong số người đó, có lẽ họ đi xem cải lương tận trên thị xã về nên mới khuya như vậy. Thiếu nữ vừa cởi áo, vừa bước qua bên phải. Bóng nàng khuất hẳn. Một lát sau, nàng hiện ra trong khung cửa, với chiếc áo hộp lót mình trắng tinh, để lộ hai cánh tay trắng nõn. Hai cánh tay tròn trặn, thanh nhã, đẹp như ngà chuốt. Bộ ngực của tuổi dậy thì vươn dáng một cách kín đáo mà ồm ờ dưới lớp áo mỏng. Tự dưng cặp mắt Khán tìm vội gương mặt của nàng. Vì thiếu nữ đứng gần đèn, và khoảng cách giữa hai dãy phố không xa rộng quá, lại gặp lúc nàng vừa quay nhìn ra ngoài nên Khán ngắm được quá rõ...

Thoạt tiên Khán nhận thấy dung mạo của thiếu nữ cũng thường thôi với

khuôn mặt hình thuẫn, một vầng trán hơi rộng và hơi gồ đôi chút, một cặp mắt khá sáng. Có lẽ gương mặt này tươi vui, thông minh là vì cặp mắt này nhiều hơn. Nhan sắc mới trông qua thật chẳng có gì quyến rũ, có chăng chỉ là những đường nét thanh tú ở tấm thân nở nang, cân đối của nàng thôi. Nhưng một thiếu nữ có một tấm thân đẹp, diện mạo lại chẳng xấu cũng đã là một đối tượng dễ nhìn, huống nữa nàng hiện ra, nổi bật hẳn lên trong một khung sáng độc nhất giữa cái tối tăm, quanh quẽ của cảnh khuya phố vắng, trước một cặp mắt mắt ngủ đang chơi với, buồn nản trong lòng đêm trường, kéo dài hầu như vô tận. Khán ngồi yên và ngắm nàng không rời mắt... Bên kia, thiếu nữ đứng nhìn vào gương, và dùng khăn ướt lau mặt, lau cổ, vừa trò chuyện với một người nào ở dưới gác nói lên. Khán không nghe rõ những câu

đối thoại. Anh chỉ chú ý đến điệu bộ, lời nói cười cùng những nét diễn biến trên gương mặt thôi. Và lần lần, với những phút nhìn ngắm này, Khán khám phá được một cái gì khác thường ở nàng, một vẻ mẫn mà, một thú duyên thâm kín rất lạ qua lối cười nói. Nhất là qua cặp mắt chỉ sáng thôi chứ chẳng lấy gì làm đẹp lắm. Nhưng mỗi khi nàng nhìn xuống, với hai hàng mi rậm cùng hai mí no tròn, cặp mắt thiếu nữ lại đượm một vẻ đắm say, mơ màng đáng yêu làm sao. Cũng như nàng cười, người ta phải có cảm tưởng cặp mắt ấy cười nhiều hơn đôi môi, tỏa chiếu những tia hào quang chùng như là ánh lửa lòng si dại của tuổi trẻ bốc cháy, làm cho gương mặt nàng bừng thắm trong cái dáng đam mê, láu lỉnh đến quyến rũ. Sức quyến rũ có tăng thêm với đôi môi của nàng, đôi môi chẳng dày lắm, nhưng có vẻ mụ mẫm,

khêu gọi, hứa hẹn rất nhiều hương vị nồng say mỗi khi chúng mím chặt vào nhau để lộ dáng tư lương, nũng nịu...

Mãi một lúc sau, thiếu nữ mới ngừng tay, bước ra khỏi cửa. Nàng tựa người vào lan can, đứng nhìn xuống đường nói vọng xuống dưới nhà để trả lời một câu hỏi mà Khán nghe không rõ :

– Thôi mạ ! Con đã ăn cháo gà với chị Tạng trên ấy rồi mới về đây. Khuya quá, ngủ thôi... Đoàn này diễn hay lắm. Ăn khách lạ ! Lắm người mua không được vé phải trở về. Tối mai diễn vở Hoàng tử của tôi. Mạ đi chứ, hay lại tiếc tiền. Con thì mấy đêm cũng được, xem mãi chẳng thấy chán.

Chẳng biết bà mẹ nói những gì, thiếu nữ rùn cổ rồi ngửa mặt cười. Một lát, nàng ngáp dài, nói tiếp với cái giọng

bông đùa láu lỉnh và thân mật :

– Cái điệu này là phải dậy trưa rồi đây. Có mạ với con Bê dọn hàng rồi lo gì. Không mợ chợ cũng đông, có phải thế không hả mạ ? Để yên cho con ngủ đấy nhé. Có đánh thức con cũng chẳng dậy đâu.

Tuy thiếu nữ đứng nấp bóng đèn không nom rõ mặt, nhưng lúc này chỉ với những dáng điệu cùng giọng nói khàn khàn ấm áp, nàng cũng đã chiếm được cảm tình của Khán nhiều. Vừa nói xong, nàng bước vào đóng cửa lại. Cả cái khung sáng trên gác thu nhỏ rồi biến chìm vào bóng tối. Ánh đèn bên trong cũng tắt vội theo. Cảnh phố trở nên vắng vẻ hoàn toàn. Mái gác trở về với cái dáng quanh quẽ, trơ vơ, khuất tối, gọi cho Khán một cảm giác mộng mị và gieo vào lòng anh một mối buồn tiếc vắn vơ, nhẹ nhàng.



Hình ảnh sau cùng của thiếu nữ – lúc này nàng đưa thẳng hai cánh tay tròn trặn, nắm lấy hai cánh cửa và ngẩng mặt lên với đôi môi hé mở –, chiếm cứ cả trí tưởng của Khán. Nhưng rồi bỗng dừng cái hình ảnh mỹ miều ấy lại vụt nhiên bị xáo trộn, xáo trộn trong giây lát, bởi một hình ảnh khác hiện ra trước mắt. Lại con mèo đen. Hai cánh cửa gác vừa được khép kín, ánh đèn tắt, thì từ đâu chẳng biết, con mèo đen lại nhảy phóc lên, và cũng như trước, chậm rãi rảo lượt qua lại trên nóc gác một cách trang trọng, thung dung. Hình ảnh đơn độc của nó lại nổi trơ vơ trên nền trời, có lúc trông nhỏ bé quá, có khi lại lớn dần mãi ra. Ngắm nhìn con mèo, Khán có một cảm nghĩ hơi ngộ. Anh thấy dường như có một mối liên hệ rất lạ giữa thiếu nữ và con vật. Con mèo đen đã hiện ra để rồi biến mất ngay, trước khi thiếu nữ xuất

hiện. Đến lúc bóng thiếu nữ đã tan chìm vào bóng tối, thì nó lại để nguyên hình trên nóc gác. Sự chen giao xen kẽ của hai thứ hình ảnh này làm cho Khán tự nhiên phải liên tưởng đến chuyện giống hồ mượn hình người trong thế giới Liêu-trai. Và anh cười thầm khi nghĩ rằng nếu quả đây cũng là hiện tượng Liêu-trai, thì người đẹp trên gác không phải thuộc giống hồ nhưng là giống mèo, mèo đen. Khán vốn ghét giống mèo. Mỗi ác cảm của anh đối với giống vật này phát sinh từ một chuyện rủi ro xảy ra trong thời thơ ấu. Lúc nhỏ, Khán thích làm bạn với mèo. Một bà cô già đã cho Khán một con mèo tam thể rất xinh. Và nó là cục cưng của anh. Nó chiếm tình cảm của Khán với cái dáng dấp kiêu mị, dịu dàng và mối tình quyến luyến, trung thành rất mực. Người và vật chẳng mấy khi rời nhau. Nhưng rồi chỉ vì một miếng ăn

– vì một con chuột nó bắt được nhưng Khán lại muốn phóng thích, giăng ra khỏi mõm nó – con mèo thân yêu ấy đã thành linh để lộ ra chân tướng bạo tợn, phản phúc, bất kể tình nghĩa. Những thương tích gây nên bởi bộ móng nhọn, sắc bén, ẩn dấu trong bàn chân nhung và cái dừ dằn, hung ác phát lộ ngay trong cái hình dáng nhu mì, mềm mỏng đã ghi sâu vào tâm hồn Khán một cảm giác kinh tởm, hãi hùng về cái bản tính giả trá của giống vật này. Cũng vì vậy mà chỉ mới tưởng tượng cho vui về mối liên hệ quái dị giữa hình ảnh thiếu nữ với hình ảnh con mèo đen, Khán cũng đã thấy bất nhẫn làm sao ấy.

Không muốn nhìn mái gác vắng và con vật nữa, Khán quay vào bỏ màn, nằm yên cố ngủ. Nhưng rồi cả mái gác vắng, con mèo đen và hình ảnh thiếu nữ cũng

liên kết lại thành một bức tranh vừa kỳ quặc, vừa nên thơ, ám ảnh mãi tâm trí của anh... Đêm càng vơi dần. Có tiếng gà gáy từ đâu xa xa vẳng lại. Tiếng gà eo óc, mơ hồ, nghe có một âm thanh xa lạ quá với cảnh phố phường. Một tiếng động khẽ. Rồi một con mèo đen vụt hiện ra ở đầu thang gác, nhe nanh, trợn tròn đôi mắt xanh tóe lửa, xù lông, gầm gừ và gào lên những tiếng ghê rợn. Vẻ dữ dằn của nó làm cho Khán phải nhớ tới bộ mặt phản phúc, đánh ác của con mèo tam thể thuở nào. Bị mất ngủ, Khán tức tối vùng dậy đuổi đi. Nhưng con vật chỉ chịu lùi theo đà tiến của Khán. Mỗi lúc Khán dừng chân, nó cũng dừng chân, quay đầu lại, trừng trừng đôi mắt, Khán phải rượt đuổi nó từ thang gác, xuống nhà, ra hàng, và suốt cả con hàng lát nhựa vắng, khuất tối, cho đến một khúc quanh thì nó biến mất hút. Ngay lúc ấy,

bỗng có những tiếng cười tinh quái nổi lên. Và trước mặt anh, đứng chắn ngang đường là thiếu nữ áo xanh. Nàng nhìn Khán trân tráo, nói với anh như tuồng đôi bên đã quen biết nhau lâu ngày :

– Anh này làm tàng quá. Sao lại đuổi mèo của người ta. Cục cứng của người ta đấy nhé. Nó có tội gì đã chú ?

Câu hỏi vừa dứt thì, trong vía, Khán thấy cả hai người không còn ở dưới đường, nhưng cùng trên gác và thiếu nữ không còn mặc áo xanh mà chỉ mặc chiếc áo hộp lót mình để lộ hai cánh tay trắng nõn. Khán tức tối bảo nàng :

– Tội làm người ta mất ngủ ! Tôi thù ghét cái giống vật này từ lâu rồi.

Thiếu nữ mím môi với dáng điệu cợt, rồi đưa một ngón tay xỉa thẳng vào trán Khán, nguyệt dài :

– Tội đó cũng chưa đáng thù ghét bằng tội nhìn trộm người ta.

Nói xong, bỗng dừng nàng ngửa mặt cười phá lên. Với hai hàm răng ngọc rưng rưng sáng, lộ hằn giữa hai vành môi mọng đỏ và cặp mắt riu riu, si dại, lóng lánh ánh điện, trông nàng đẹp đến mê hồn. Khán nghe ngậy ngất như có một thứ men lạ lan tỏa trong người. Nhưng ngay trong vẻ đẹp kỳ diệu này, Khán vụt bắt chợt được cái gì là lạ, làm cho anh giật mình, ớn lạnh. Chính trên cái gương mặt hoa của thiếu nữ, Khán thấy thoáng hiện bộ mặt dữ dằn của con mèo đen trên đầu thang gác lúc nãy. Hãi sợ, Khán thụt lùi và hét to lên khi sắp thấy mình hụt chân sắp rơi xuống đàng. Tiếng cười của thiếu nữ nổi lên càng lớn hơn trước, chuyển thành một thứ tiếng gào rú ghê rợn. Khán bừng tỉnh, bên tai còn sang

sảng tiếng cười chưa tắt. Nhưng là tiếng cười của Hoàng và tiếng gọi :

– Dậy nào, hơn tám giờ rồi. Ngủ mơ thấy những gì mà hét tợn thế ?

Khán nhớ lại giấc mơ, mỉm cười. Qua cửa sổ, nhìn xuống đường, anh thấy cửa gác tuy còn đóng, nhưng ngói hàng chén đĩa, son quánh ở phía dưới đã bày biện hản hoi. Không thấy bóng thiếu nữ áo xanh. Chỉ có bà cụ mặc áo vân màu lục ngồi coi hàng và con mèo đen đang nằm ườn xác trên mấy chồng chén kiểu cạnh đấy.

★

Thuyền có ngờ đâu anh đã dành cho Khán một sự ngạc nhiên rất lớn khi đưa bạn về nhà để giới thiệu với vợ mình.

Vừa nom rõ mặt thiếu phụ từ phòng bên trong khoát sáo bước ra phòng khách, Khán đã giật mình sửng sốt, tưởng chừng đang sống lại trong giấc mơ thuở nào. Vì rõ ràng là thiếu nữ áo xanh và con mèo, quần quít theo bên chân nàng, con mèo đen đã từng hiện ra trên mái gác.

Trong lúc Dung – vợ Thuyền – niềm nở, chào hỏi Khán, thì con mèo nhảy thót lên trên mặt tủ kính thấp đựng ly cốc, nằm xuống bên chiếc lọ cổ cắm đầy hoa sen, đưa mắt chăm chú nhìn Khán như cố nhận diện người cũ. Thuyền vui vẻ bảo vợ :

– Anh Khán đây, bạn học cũ mà cũng là bạn thân, xa cách nhau có gần sáu năm trời mới lại gặp nhau. Anh mời anh ấy ở lại chơi mấy hôm.

Dung vừa chăm chú chuyên trà, nghe



thế, tỏ vẻ hoan hỉ :

– Hay quá. Được anh nhận lời thì vui biết mấy.

Rồi ngẩng nhìn Khán, nàng mỉm cười và tỏ dáng nghĩ ngợi như cố nhớ một chuyện gì :

– Lạ thật, em tưởng chừng như đã có gặp anh ở đâu một lần thì phải.

– Có ! Em tin là có, mà không biết tại nơi nào.

Khán cười :

– Chắc là tại nhà anh Hoàng ở ngay trước nhà chị. Dạo còn ở Huế, tôi có xuống chơi mấy lần, nhưng chưa được hân hạnh làm quen với chị.

Dung nhăn mặt rất duyên dáng với đôi môi đơm hoa :

– Hân hạnh ! Tội chết !... À quả đúng rồi. Em nhớ có sai đâu. Lạ lắm, chỉ gặp ai một lần là em chẳng quên bao giờ. Cách đây đã lâu lắm phải không anh ?

– Bốn năm.

– Trời ! Những bốn năm. Thế dạo ấy em còn nhỏ hơn bây giờ phải không ? Mới mười sáu...

Thuyên phì cười, bông đùa :

– Lẽ cố nhiên là phải nhỏ chứ lớn hơn làm sao được.

Dung ngửa mặt cười theo, lườm yêu chồng, rồi đẩy tách trà thơm qua phía Khán :

– Mời anh xơi nước. Thế hiện nay anh làm việc ở đâu ? Thuyên đáp thay bạn :

– Anh ấy chuyên viết văn. Thường ký bút hiệu là Hường Minh đấy.

Dung để lộ ngay vẻ mừng rỡ, khâm phục :

– Trời ơi ! Thế ra Hường Minh là anh. Hân hạnh quá ! Em đọc anh nhiều lắm.

Rồi đưa tay chỉ vào ngực, nàng nói tiếp :

– Độc giả trung thành của anh đây nhé ! Em có mấy chị bạn cũng chỉ thích đọc các tác phẩm của anh. Văn anh viết rất hấp dẫn và nhiều truyện đọc xong cứ thấy bối rối mãi. Em ham xem tiểu thuyết lắm. Ham đến nỗi nhà em phải đâm ghen với sách đấy...

Nói xong nàng lại ngửa mặt cười. Tuy lớn hơn xưa những bốn tuổi và đã có

chồng, Dung vẫn còn giữ được nguyên vẹn vẻ thanh tân, hồn nhiên và tươi mát của cô thiếu nữ mười sáu. Trông nàng đẹp hơn trước bội phần. Nhất là khi nàng cười. Cũng là ánh mắt tỏa chiếu điện lực và gương mặt bừng thắm trong dáng đam mê, láu lỉnh tinh nghịch đến quyến rũ, nhưng với tuổi hai mươi, cặp đồng tử của nàng chừng như càng chiếu diệu thêm, với ánh lửa lòng bùng bột xuân tình. Dung lại tỏ ra có nhiều cảm tình đối với bạn chồng. Sau hai hôm ở nhà Thuyên, Khán nhận thấy lối tiếp đãi thân mật, chu đáo của Dung không phải chỉ toàn là những phong thái xã giao của hạng người lịch thiệp, nhưng còn ẩn chứa cả một mối chân tình nồng hậu rất đáng cảm động. Gần gũi Dung, Khán lần lần cảm thức, chừng như giữa tâm hồn của hai người đã có sẵn một mối tương ứng về thanh khí từ lâu rồi. Luôn luôn

đôi bên gặp nhau ở một sự đồng tình rất lạ trong tư tưởng, quan niệm, trong cả sở thích. Và từ sự đồng tình này nảy nở một mối tình quyến luyến thấm thiết lạ lùng... Nhưng ngay trong sự quyến luyến này, thoát tiên Khán không hề dám có một ý nghĩ tà vạy nào và anh cũng tin là Dung không gửi gắm vào đấy những ẩn tình đáng lo ngại. Tình bạn thiêng liêng đã làm cho Khán phải áy náy khi muốn nhìn người đẹp trước mắt mình, với cặp mắt của gã trai trẻ si tình trên gác vắng năm xưa. Dung không còn là thiếu nữ áo xanh. Anh muốn cắt đứt mối liên hệ giữa hai hình ảnh đã gián cách bởi đôi bờ thời gian khá xa rộng. Nhưng rồi Khán dần dần nhận thấy cái việc đó không phải dễ dàng như anh tưởng. Và chỉ vì một hiện tượng hầu như vô nghĩa : sự hiện diện của con mèo đen thường lẫn quần bên Dung. Chính nó cứ gợi mãi những kỷ

niệm cũ và làm sống lại trước mắt anh, hình ảnh cô thiếu nữ áo xanh thơ ngây trên gác vắng, quấy động lại trong lòng anh những rung cảm đầu tiên.

Có một buổi chiều, qua một cử chỉ rất tầm thường, Khán vụt cảm nhận được một ẩn ước đáng lo ngại, tiềm tàng trong tâm khảm. Giữa lúc Thuyên mãi chăm chú sửa soạn mấy chậu trúc lồi giáng vừa mua về, đặt gần hòn non bộ ở sân sau, Khán cùng ngồi dùng đồ giải khát với Dung, bên chiếc bàn con đặt ở góc vườn, cách hòn non bộ hơi xa. Khán đang vui chuyện thì con mèo, từ trong lòng Dung vụt nhảy lên bàn, rồi trườn qua phía Khán. Dung kêu lên :

– Ấy chết, con mèo này bất trị quá. Nó hư hốt lắm anh ạ. Lại đây, không được hồn !

Nhưng nàng vừa định đưa tay ra bắt thì Khán đã mỉm cười :

– Chị để mặc nó...

Khán ắm con mèo vào lòng, âu yếm nhìn nó. Lạ một cái là từ ngày được trông thấy Dung trên gác, và nhất là với cuộc gặp gỡ lần này, mỗi ác cảm của Khán đối với giống mèo tiêu tan đâu mất. Trong lúc nói chuyện, Khán lấy tay vuốt ve, nựng niu con vật, với cái gượng nhẹ mà người ta thường dành cho những thú của quý mỏng manh. Con mèo nằm thu hình vào lòng Khán, ngẩng mặt lên nhìn, nhúu đôi mắt lại, để thoát ra từ cổ họng những tiếng rừ rừ rất khẽ, lặng yên tiếp nhận nguồn khoái cảm truyền tiếp bởi bàn tay xoa dịu dàng. Cái ấm ắm của làn da, sự mượt dịu của lớp lông đen óng mượt, nhất là tấm thân mềm mại của con vật, gợi cho Khán một ảo giác như đang

được nung niu ai đó trong lòng... Tiếng cười của Thuyên, từ phía non bộ vọng lại đúng vào lúc này, làm cho Khán giật mình choàng tỉnh trong một mặc cảm tội lỗi. Anh vội ngồi thẳng lên, và như để xua đuổi một ám ảnh đen tối, Khán ấn mạnh tay vào phía dưới bụng con vật cho nó nhảy đi nơi khác.

Không hiểu dụng ý của Khán, Dung nhú mày nhìn con mèo mắng yêu :

– Lại nhảy lên bàn. Mợ hư hết lắm...  
Qua đây...

Rồi quay qua nhìn Khán, Dung nói tiếp :

– Tính anh khác với nhà em. Anh ấy không ưa nuôi mèo. Chiều ý em đấy thôi.

Dung lại cười. Nàng cười một cách rất dễ dàng :



– Xem chừng anh cứng giống vật này lắm phải không ? Em biết thế qua lối nhìn của anh.

Khán ngạc nhiên :

– Qua lối nhìn ?

– Vâng. Một lối nhìn lạ lắm. Một lối nhìn đầy thiện cảm đã đành mà còn cái gì khác nữa. Khó hiểu lắm. Xin lỗi anh nhé, em hay có tính tò mò bất trị như thế, hay nói những chuyện vớ vẩn, anh đừng cười...

Bảo người ta đừng cười, nhưng nàng lại cười với tất cả đôi môi, đôi mắt và gương mặt hoa rạng rỡ. Khán bảo chữa :

– Lạ thật. Tôi nghĩ có gì khác đâu...

Dung chúm môi, lắc đầu :

– Có. Em tinh ý lắm. Qua lối nhìn của

anh, em đoán chừng như anh có nhiều kỷ niệm rất lạ về giống vật này. Lắm lúc anh nhìn nó một cách đắm đuối, rồi ngay trong vẻ đắm đuối, thỉnh thoảng có thoáng gợn một cái gì chừng như là... sự nghi ngại, hãi hùng. Em nghĩ chắc là phải có duyên cớ gì.

Khán giật mình. Anh không ngờ Dung có một cặp mắt quan sát và óc nhận xét tinh vi như vậy. Và sự chú ý của nàng càng khiến anh phải nghĩ ngợi nhiều. Một dấu hỏi lảng vảng trong trí óc anh, khi anh ngắm kỹ lại sắc diện của Dung lúc này. Nàng đang ngồi vuốt ve con mèo và nhìn Khán với cặp mắt riu riu, tinh nghịch. Cặp mắt ấy như hỏi han, tra gạn, thôi thúc Khán không ngừng và, có nhiều phút, dưới sức tác dụng kỳ diệu của chúng, Khán đã muốn kể lại với Dung câu chuyện cũ và giấc mộng năm

xưa, những kỷ niệm mà Khán thấy sự tiết lộ, ngay trong trường hợp này, có thể làm cho Dung càng muốn gần gũi anh hơn trong cõi tâm tình, với cái tâm hồn lãng mạn của nàng... Nhưng từ phía non bộ, tiếng cười của Thuyên lại nổi lên, cũng đúng lúc như trước, để giúp Khán cưỡng lại được cái ý định làm vừa lòng người đẹp. Và ngay lúc ấy, Thuyên tiến về phía Dung và Khán, vui vẻ :

– Được mấy chậu trúc quý quá. Ham săn sóc đến trúc quên cả chuyện trò. Nhưng đã có nhà tôi. Nãy giờ bàn luận những gì đấy ?

Dung nhanh nhẩu đáp :

– Nói chuyện mèo ! Vấn đề mèo chắc là anh chả thích gì ?

Thuyên bảo đùa vợ :

– Cái đó còn tùy. Mèo theo nghĩa nào đã chứ ?

Cả ba cùng cười lớn. Riêng Khán, tuy cười nhưng trong thâm tâm anh cảm thấy áy náy, khó chịu vì câu nói đùa của bạn mà anh nghe như có vẻ ỡm ờ. Nhất là sau khi đã nốc cạn ly nước cam, Thuyên lại tiếp :

– Kể ra trong thực tế, giống mèo cũng chả có gì đáng ghét lắm. Chúng ta thường nặng thành kiến với nó là vì nhìn nó qua văn chương nhiều hơn. Ngòi bút thi sĩ, văn sĩ các ông thường vẽ vời nó thành một thú ảnh tượng đáng sợ, một loại mỹ nhân giàu tình dối trá và ngoại tình... Tôi còn nhớ có đọc một truyện rất lạ về mèo. Một anh chồng yêu vợ đến say đắm, yêu đến cái mức độ có thể dung thứ tất cả mọi tội lỗi nếu có, trong lúc đó anh ta cứ bị cái hình ảnh

một con mèo gọi ra những mối nghi kỵ. Để phá tan những ám ảnh không hay, trong một cơn say, anh nảy ra cái ý định bắn chết con vật đi cho rảnh mắt. Anh đã rình mò và nhắm đúng nó. Ba phát súng nổ, anh choàng tỉnh và kinh ngạc xiết bao vì cái đối tượng anh vừa sát hại không phải là con mèo mà lại là vợ anh – người vợ anh chẳng muốn nghi kỵ bao giờ – và một gã trai trẻ giúp việc trong nhà máy của anh.

Thuyên cười xòa rồi kết luận :

– Câu chuyện nghe có vẻ kỳ quặc, hoang đường. Nhưng xét về mặt tâm lý phải chịu là sâu sắc.

Dung nhăn mặt, chúm chím đôi môi, nhìn chồng với cặp mắt đầy vẻ tự lườm. Chẳng hiểu sao Khán cứ lo ngại, vì nghe câu chuyện này, thế nào Dung

cũng sẽ nhắc lại những điều nàng vừa gạn hỏi anh lúc nãy. Nhưng Dung lại nói lảng sang chuyện khác.

Câu chuyện mèo, những nhận xét của Dung về lối nhìn của anh, câu nói đùa của Thuyên với chuyện giết vợ ngoại tình vừa kể, gieo vào tâm trí Khán cả một sự xáo trộn rộn ràng. Trong bữa cơm tối, Khán ăn kém ngon. Anh phải cố kiềm chế lắm mới khỏi đãng trí trong lúc chuyện trò. Rất lạ là suốt bữa cơm cũng như trong lúc ngồi dùng đồ tráng miệng và uống cà-phê ở phòng khách, cặp mắt Khán cứ muốn lẩn trốn những cái nhìn vui vẻ, đầy thiện cảm của Thuyên như lẩn trốn cặp mắt vô hình.

Và đêm ấy, khi vầng trăng đã mon men gần đỉnh trời tròn, con mèo đen từ một phòng ngủ chui ra sân thượng, nhảy lên thành lan can, rảo lượt qua lại rồi

ngồi chống hai chân trước, lặng ngắm mấy cánh dơi vẽ những vòng tròn trên nền trời lam sáng. Trong lúc ấy, Khán, tại phòng riêng, đã ngủ say. Và đang lạc vào một giấc mơ kỳ dị, chẳng kém gì giấc mơ trên gác nhà Hoàng đạo nọ, nhưng lần này không phải con mèo bị anh rượt đuổi mà chính anh phải chạy bán sống, bán chết để trốn thoát một bóng mèo đen.

Sáng hôm sau, mặc dầu vợ chồng Thuyên cố sức cầm giữ, Khán vẫn một hai xin từ biệt lên đường. Mãi đến khi đoàn tàu đã phóng nhanh trên đường sắt, bóng Thuyên và Dung đưa tiễn đã khuất sau xa, những cảm giác nặng nề gây nên bởi cơn ác mộng đêm qua còn vương trong người Khán mới chịu tan hẳn.





## VÀNG HỜI

**T**heo thủ tục, người ta thường gọi lão là ông Biện vì con lão tên là Biện. Cũng có người gọi lão là ông Hù, vì lão có tính hay rên. Ngồi đâu, đứng đâu hay làm gì, lão cũng rên lên hù hù như người bị sốt rét, tuy lão không đau ốm gì cả. Về sau này, cái tên của lão lại được ghép thành đôi lúa với một tiếng tĩnh tự nó làm giảm mất một phần lớn cái giá trị con người lão. Cái tên ghép độc địa ấy là ông Biện khùng.

Lão Biện ở một mình trong một cái trại – thật ra là một túp lều nhỏ – giữa một cái gò hoang vắng, hẻo lánh, cách biệt hẳn với thôn xóm. Lão sống cuộc đời đơn độc ấy với một con chó vàng, hai mái gà và ba con vịt mái. Hai mái gà ăn quanh quẩn trong nhà, trong vườn rồi cứ đẻ mãi ra. Ba con vịt lội xuống đồng, xuống suối, ăn no, tắm mát rồi cũng đẻ mãi ra. Nhưng dù gà hay vịt, lão Biện cũng không ăn qua một con nào, một quả trứng nào. Gà thì lão vừa gây vừa bán. Trứng lão cũng bán. Giá trứng vịt bao giờ cũng được định cao hơn trứng gà, vì theo lão, nó lớn thì phải bổ hơn. Lão Biện sống lẻ loi được như vậy là nhờ lão rất giỏi. Người làng ai cũng phục cái tài làm lụng của lão. Cặm cà, cặm cộc một thân một mình như vậy, nhưng lão Biện lại phở được rất nhiều đất hoang, phá rẫy, đốt rẫy. Lão làm cái gì trúng cái

nấy. Lão cầm sắn xuống, củ sắn dài bằng cán xuống. Lão cầm dây khoai xuống, củ khoai to bằng bình vôi. Lão tĩa bắp, trái nào trái nấy to bằng cánh tay. Vật ngang của lão rất nhiều. Lão lại mang xuống làng đổi lúa, đổi gạo. Công việc làm ăn, lẽ lối sinh lợi cũng như cái cách định giá trứng của lão, người làng không ai chê trách vào đâu được. Họ khen lão giỏi. Và những người dân ở miền sơn cước này, vốn quen tính so đo lợi hại, lại giàu tính tiết kiệm, đều đồng tình với lão là trứng vịt thì phải bỏ và đắt hơn trứng gà. Nhưng đã thế thì tại sao lão Biện lại được gọi là ông Biện khùng ?

Cái lý do chính là vì lão đi ở riêng rẽ một nơi như vậy. Thực ra lão Biện đâu đã phải lâm vào cảnh cô độc ấy. Lão có một người vợ bằng xương, bằng thịt hảnh hoi. Vợ lão lại giỏi dang, khỏe mạnh đến

vật trâu cũng ngã, lão lại có một đứa con trai mười bốn, mười lăm tuổi cũng khỏe và cũng giỏi như mẹ nó. Lão lại có một cái nhà, một khu vườn. Vườn lão : chè mỗi lứa hái cũng được chục quan tiền nổi, cau mỗi năm bửa và sấy xong cũng được vài ba « cặp », dâu mỗi lứa nuôi cũng được năm ba nong tầm. Nhưng thế rồi tự nhiên lão bỏ hết, đi ở riêng một nơi hẻo lánh, khuất vắng, giữa núi, giữa rừng. Có người bảo là trời hành lão đấy. Có người bảo là vì lão quá ghen vợ lão nên đâm cuồng ra như thế đấy. Lão ghen vì tính chị vợ hay lẳng lơ và nghe đâu thằng Biện, đứa con trai lão, không phải là con lão. Nhưng cái nguyên nhân được đa số xác nhận là lão điên vì tiếc của. Số là khi lão còn ở nhà với vợ con, có một hôm lão đào gốc dâu, lưỡi xuống bỗng chạm phải vật gì cứng cứng nghe đánh xoảnh lên một tiếng, rồi đất bột trụt vội

xuống lấp cả. Lão ra sức bươi lên, thì thấy một cái vung bể, úp trên một cái hũ. Trong hũ ấy có gì ? Ở thôn quê có những việc trong nhà chưa tỏ mà ngoài ngõ đã hay. Người thì bảo là một con kỳ-lân vàng nhỏ bằng hòn dái cân. Người thì đồn là ba thoi vàng nén. Người thì nhất định là có ba lá trầu và một nhánh cau nho nhỏ. Mỗi người nói một cách và ai cũng chủ quan cho mình là đúng. Do đó vì chuyện cái hũ mà xảy ra lắm cuộc đấu khẩu trong xóm, trong làng. Thế đã vừa đâu. Chuyện cái hũ của lão Biện còn gây ra cả một cuộc ẩu đả giữa chị Trùm Bảy và bà Sáu Xã, hai người đàn bà bẻm mép và lý sự nhất trong thôn. Thế rồi người ta đổ xô đến gạn hỏi lão. Trước nhất là trong đám bà con. Và trong đám bà con, trước nhất là những người xưa nay không bao giờ chịu nhìn nhận có máu loãng, máu đặc gì với một thằng cha như

lão Biện cả. Thứ đến là những người có thể lực và máu mặt trong làng. Ông Cửu Bảy này, ông Chánh Tửu này, bà Ấm Bích này, những con rồng ấy không còn ngại nhà tôm chật hẹp, kéo nhau đến thăm mãi. Rồi thì trong vùng, trong xã, bao nhiêu kẻ trộm đều rủ nhau đến rình nhà lão. Chó sủa luôn đêm. Bỗng một hôm, dùng một cái... tất cả mọi người chưng hửng, tức tối và muốn nện cho lão Biện một đập cho lão nhào ngửa ra, vì lão ngu quá. Đào được một cái hũ như thế là nhất định phải có của quý rồi. Thế mà ai đòi lại xuẩn ngốc đến cái mức đem đổi quách cho một tên đi buôn dạo, để lấy có nửa chục cá chuồng muối và hai con cá mòi ranh. Mọi người vì lão mà tiếc thì ít, mà hậm hực vì không được cái may mắn của tên đi buôn dạo kia thì nhiều. Chính lão Biện, khi nghe người ta bàn tán, suy diễn, biết được mình đã hớ, cũng dậm ra

tức tối cho sự ngu xuẩn của mình. Thì ra có gì đâu, theo lời lão tiết lộ, ngay lúc vừa đào, đã có tên bán cá tìm đến, ra vườn gạ gẫm mua bán. Nhân thấy lão moi hũ lên, hắn đã chộp lấy, đổi ngay với số cá nói trên... Thật là đại đột đến vô lý. Có người vì tức quá đã chửi ngay vào mặt lão. Rồi nhiều người cứ đem cái sự đại đột của lão ra chế diễu mãi nên lão phát cáu, lão vắng tục :

– Mẹ cha cả làng. Tao đại thì kệ cha tao chớ. Việc gì đến chúng bay. Đứa nào có thềm vàng lắm thì đến đây. Ông nấu chè đậu đen ông ăn, ông nằm sương rồi ông cho một trạc không hơi mà khiêng về hù... hù...

Lão vắng tục chán rồi lão đâm ra thất tình. Lão tiếc của đến lú lẫn cả trí khôn. Từ khi lão bỏ nhà lên ở trại, tâm tính lão thay đổi hẳn đi. Về người lão mỗi ngày

mỗi dù tợn. Tóc lão dài mãi ra, bù rối bản thủ. Lão không thiết mặc quần áo nữa, ngoài một chiếc quần đùi mà lão mặc, từ lúc mới đến lúc rách, không bao giờ giặt hay thay đổi. Khi nào rách quá, lão Biện lại đem trứng, hoặc vật ngang, xuống đổi cho những con buôn dưới làng, để lấy cái quần đùi mới. Thế thôi. Ngày như đêm, mùa rét như mùa nóng, lão cứ đánh trần. Da lão rám nắng và nhuộm mãi phong sương nên trở màu nâu đen. Lại vì lão ở bản quá nên mọc cội. Đã thế, bộ mặt lão trông lại càng thiếu nảo, gớm ghiếc hơn. Cái đáng chú ý nhất trên bộ mặt ấy là cặp mắt và cái miệng. Cặp mắt trắng dã lúc nào cũng nhìn một cách trực thị. Cái nhìn vừa có vẻ xoi bói, hằn học của kẻ nghi ngờ lại vừa có cái vẻ sừng sờ, hoảng hốt của con bệnh trong cơn mê sảng. Còn cái miệng lão thì rộng xoạc như miệng quỷ sứ, lúc



nào cũng hả ra với những tiếng khè khè, hù hù. Khi vui cũng như lúc buồn, bộ mặt ấy cũng không dịu bớt được cái sắc thái ghê rợn, đăm chiêu. Trẻ con đàn bà mà trông thấy lão là phải khiếp vía đi. Lão lại còn có một cái tật khác thường nữa, làm cho người ta phải sợ. Nhiều người đã quả quyết rằng không phải lão chỉ sống một mình trong trại mà ngoài lão ra, còn có một người vô hình lúc nào cũng lẻo đẻo theo lão, ăn uống, nằm ngôi và nói chuyện với lão. Vì ai đã đi ngang trại cũng nghe như có tiếng nói chuyện rầm rì, cười khúc khích. Nhưng nhìn vào thì ghê rợn quá, vì họ chỉ thấy có một mình lão mà thôi. Có lẽ đó chỉ là một thói quen đặc biệt từ ngày biệt lập, một thói quen nghĩ ngợi thành lời, thành tiếng. Buổi sớm, chống cửa lên, lão nói chuyện với cái cửa. Vào bếp, lão nói chuyện với nồi niêu và ông táo. Ngồi

vào mâm cơm, lão lại làm rằm với mâm cơm. Vẽ cá, lão nói chuyện với con cá. Cho gà vịt ăn, lão nói chuyện với mấy con vịt, con gà. Vật gì đối với lão dường như cũng có linh hồn và có tai để nghe lão cả. Lúc nào lão cũng nói, nói một mình, nghe một mình vậy thôi. Vì thế ít người dám bén mảng đến trại. Thằng Biện thỉnh thoảng có lên thăm lão thì lão chống nạnh, đứng khum khum nhìn nó như nhìn một người lạ mặt khả nghi rồi hỏi :

– Hừ, mày đi đâu đó thằng kia ? Mày lên làm gì đây hả ? Không có cha cha, con con gì. Đi về ngay.

Cũng có lúc dễ chịu hơn, lão cho hẳn ăn khoai, ăn bắp rồi dặn :

– Trước mặt trời lặn, ăn rồi phải cút ngay đi. Hừ... hừ... nếu mày còn ở lại,

ông trở sống rửa, ông gõ vào óc chết tươi.  
Hì... hì... hù... hù...

Còn như vợ lão thì tuyệt nhiên là không bao giờ dám đến. Lão đã nhiều lần chống nạnh một tay và đưa một tay chỉ lên trời, căn dặn thẳng Biện :

– Đến như cái con gái mẹ mày thì... thì... hù... hù... đừng có dại ngộ mà lên đây nghe chưa ? Tao nói thật, tao thấy là tao giết chết. Đồ trời đánh, thánh vật... hù... hù...

Và lúc nào cũng vậy, sau khi lão đuổi con lão đi, lão lại sập cửa xuống, dẫu là ban ngày. Lão lẩm bẩm :

– Tao sập cửa xuống. Nào chiếc chiếu rách của tao đâu rồi ? Hù... hù... À, đây rồi. Tao trải xuống đây... hù... hù... Tao nằm tao chơi. Mẹ cha chúng

nó. Con không tin được, vợ cũng không tin được. Hừ... hừ... Toàn là những quân trời đánh, thánh vật. Tao sống một mình tao cho nó khỏe sự đời.

✱

Lão Biện cứ sống một mình như thế với những chuỗi ngày âm thầm, buồn tẻ. Cho đến một hôm vào khoảng thượng tuần tháng chạp, có một cái tin lạ về lão được lan truyền khắp làng. Lão Biện mua kẹp heo rừng. Thực ra một cái tin như thế cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Lão Biện đã trồng trọt nhiều lại sống lẻ loi, trơ trọi. Heo rừng lại phá phách nhiều quá. Muốn bảo vệ hoa màu, lão phải mua kẹp. Đó là một việc rất thường. Lão cũng biết trừ tính lợi hại nữa kia đấy. Được một con heo có phải là ít tiền

đâu. Người ta chỉ thương hại cho lão, ăn không dám ăn, mặc không dám mặc và cứ nai lưng ra làm lụng mãi không biết khổ thân. Nhưng ai nghĩ thế nào mặc, lão cứ mua. Lão bán tuốt hết vật ngang, rên một cái, rồi hai, rồi ba, rồi bốn... rồi lão làm cho ai nấy cũng phải ngạc nhiên. Lão sắm trước sau những bảy cái. Nhiều người phải kêu lên :

– À, cái thằng cha thật là tham lam quá. Nó định lừa hết cả heo ở rừng non lẫn rừng già. Đau chí tử thế mà còn hám lợi.

Mà lão đau thật. Cái độ lão sắm kẹp là chính lúc lão nhuốm bệnh. Lão Biện đau bệnh gì thì có trời biết. Những người đi giữ ruộng, đi vợ củi, đi tìm heo thường được nghe lão rên nhiều hơn trước và thỉnh thoảng gặp lão ở đâu rầy, vừa đi lom khom vừa ho sù sụ, vừa rên, vừa lấy

tay đâm lưng, vừa nói làm rằm :

– Hừ, đau cái chi mà lạ đời thế này ?  
Nhưng tao không thèm uống thuốc đâu.  
Tao không chết đâu mà sợ. Lạy ông bà, xú xang phò hộ cho tôi lành, tôi nhất định tạ một con heo... À quên, lạy ông bà, xú xang tôi xin cúng một con gà trống... À, hù... hù... lại lỡ lời mất rồi. Già cả vào rồi hay nói lịu, xin ông bà xú xang tha lỗi... Tôi xin cúng, xin cúng một nải chuối.

Lão Biện đau ốm hay lành mạnh thì cái đó cũng chẳng ai quan tâm đến cho lắm. Nhưng rồi một cái tin khác lại loan truyền ra. Người phát ngôn đầu tiên là thằng Tọ. Nó đi chăn trâu, thấy một bông sáo trên cây gạo gần trại lão Biện. Tọ trèo lên cho kỳ được. Nhưng rồi nó quên cả việc bắt chim vì nó được chứng kiến một việc rất lạ. Tọ thấy lão Biện từ

trong trại lom khom đi ra rầy. Người lão trông già sọm đi, mắt sâu, má tóp. Lão vừa đi, vừa rên, vừa ho, vừa dấm lưng, vừa làm rằm :

– Hù... hù... nhức nhối quá, chịu không thấu trời ơi. Đau cái chi lạ quá. Nhưng tao không chết đâu. Tao không chết. Đừng có hòng...

Rồi lão mò mẫm đến một góc rầy, lom khom cúi xuống lấy đá ném thật mạnh. Có tiếng hai bản sắt va chạm vào nhau. Lão hì hục một lúc rồi bung cái kẹp heo lên, lại lom khom ì ạch rinh nó vào trại. Dáng đi của lão khó nhọc quá, có lẽ lão đã suy nhược lắm rồi. Bảy lần ra, bảy lần vào, lão rinh được cả bảy cái kẹp vào. Lão ngồi nghỉ, rên lên hù... hù... và đưa mắt gườm gườm nhìn về phía chân trời. Chân trời đỏ bầm lên như máu. Lão nhìn, lão nhìn rồi lão lại bắt đầu một

việc mà thằng Tọ hết sức kinh ngạc vì nó chưa từng thấy người nào đã làm như thế bao giờ. Lão hì hục đào đất và đặt kẹp chung quanh lều, sát ngay bên hè.

Thằng Tọ tụt vội xuống gốc cây, đánh vội trâu về, rồi vừa thở, vừa dí da dí dỏm kể cho mẹ nó nghe. Mẹ nó chạy ngay qua bà bạn láng giềng, rồi các bà này chạy ngay qua các xóm khác. Cái tin kỳ dị bay khắp thôn, khắp làng. Người ta bảo :

– Thôi, thằng cha này thế là nó điên thực sự rồi. Có lẽ nó gần chết. Người sắp chết hay có những sự biến tính kỳ dị như vậy.

Và lão đã chết thật. Vì từ ngày hai mươi lăm đến ba mươi Tết, người ta không thấy tấm dạng lão Biện mò về dưới làng, như thường lệ, để đổi chác các



thức lão cần dùng. Mãi vào buổi chiều ba mươi, trong màu vàng của nắng xế, trên khu rừng ngay chỗ lão dựng lều, một đàn quạ đen lượn vòng, sà thấp xuống và kêu lên những tiếng náo nùng. Quạ lần lần tụ tập đến đông quá, kêu ồn quá đến nỗi người trong xóm phải rón tóc gáy và đâm ngờ. Thằng Biện, con lão cũng đâm ngờ. Nó tróc vội con chó mực cùng chạy lên trại. Và quả thực đúng y như sự phỏng đoán của nó, lão Biện đã chết. Lão nằm chết cong queo từ lúc nào trên mảnh chiếu rách trong lều. Người lão phù lên, ruồi kiến bu kín cả mình mẩy. Một mùi hôi thối xông lên nồng nặc đến nhức đầu và nôn mửa.

Trong làng người ta cũng không cần đến sự khai báo và khám xét. Một con người như lão Biện có chết thì cũng như một con gà hay một con chuột chết vậy

thôi. Người ta chỉ giục hai mẹ con thằng Biện phải lo chôn cất ngay đi và cả hai mẹ con đã trù liệu bằng những kế hoạch rất giản dị. Trong trại đã sẵn có trứng để chông đầu, sẵn gà, sẵn gạo để nấu một mâm cơm. Hai mẹ con chỉ cần đem một ít vật ngang để đổi lấy hương vàng. Rồi cả hai, mỗi người một chiếc xuống, đào một cái hố khá sâu, ném lão xuống, lấp lão lại. Thế là xong. Không cần chạy tuần gí cả, cũng chả cần khóc lóc.

Chôn cất xong, hai mẹ con lần lượt thu, tóm, khuôn vác đồ đạc của lão về. Sau cái chết của lão, vợ con lão thừa hưởng thêm được : bốn ang bắp hạt, hai chục sét khoai, tám ô gạo, bảy cái kẹp heo, một con chó vàng, mười con gà và ba con vịt. Thế là hết. Chỉ còn lại chiếc chiếu thì mẹ Biện chê nó rách và bán quá. Nhưng rồi cả hai mẹ con bàn đi tính

lại, thấy bỏ cũng tiếc, nên lại cuốn lấy đem về. Lúc vừa cuốn lên, mẹ Biện bỗng kêu to :

– Này, cái gì thế này Biện ? Biện ? Cái gì thế ?

Mẹ lấy tay chỉ vào chỗ có dấu đất mới lấp. Rồi mẹ bước ra. Bỗng vẻ mặt mẹ tươi hẳn, cặp mắt mẹ sáng lên, mẹ kêu rối rít :

– Ôi ! Này cái hũ, cái hũ. Ừ, rõ ràng là cái hũ nói đạo nọ mày ơi. Rõ ràng mày ơi !

Thằng Biện ngồi xồm lại, bưng lên. Mẹ nó mở hũ ra. Hũ vừa mở, cả hai mẹ con rú lên vì mừng. Mẹ Biện ôm chầm lấy, vừa cười, vừa bảo :

– Ôi chao, quả thật rồi. Vàng đây, vàng đích thị đây rồi. Hừ, bây giờ mới

vỡ lẽ ra vì sao thằng cha mày lại chui rúc mãi trong cái trại này. Kể cha mày cũng khôn đấy, cũng khéo bịa đặt ra cái chuyện đổi hũ lấy cá. Nhưng khôn để rồi làm con mọi giữ của.

Mụ cười híp mắt lại, trong lúc thằng Biện lấy trong hũ ra ba lá trầu và một nhánh cau nho nhỏ lấp lánh màu vàng. Nó cũng cười híp cả mắt và nhại đúng theo giọng cha nó :

– Vàng đây... hù... hù... Đừng có cha cha, con con gì... hù... hù... Chả trách mỗi bận mình lên thì ông ấy đuổi như đuổi tà.

Rồi nó quay qua phía mụ Biện :

– Thắp thêm cho ông ấy một nén hương kéo tội.





## HAI CHẬU LAN TỐ TÂM

Mãi đến nay, cứ mỗi lúc ngắm hoa kiểng hay bàn đến cái thú chơi hoa, tôi lại nhớ tới cụ Tú họ Nguyễn.

Cụ Tú là người bạn quý nhất của cha tôi. Nhưng thực ra, mãi đến lúc óc nhận xét của tôi đã trưởng thành và tế nhị, tôi mới nhận biết được như thế. Nghĩa là tôi mới nhận ra được tất cả cái nồng đậm của mối giao tình, mà tôi tưởng là đạm bạc, giữa hai người bạn già này.

Là vì thuở ấy, tôi không bao giờ thấy sự có mặt của cụ Tú giữa đám quan khách sang trọng, trong những tiệc rượu linh đình tại nhà cha tôi. Và họa hoằn lắm, cụ Tú mới đến thăm chơi ở tư dinh.

Có một điều làm cho tôi chú ý là sự thù tiếp của cha mẹ tôi đối với cụ Tú họ Nguyễn. Về mặt hình thức chừng như nó có vẻ giản dị, xuềnh xoàng, khác hẳn lối đối xử với đám khách khứa quyền quý. Tuy nhiên, trong cái giản dị, đơn sơ ấy, có cả một sự thận trọng nó biểu thị tất cả một tấm lòng kính yêu, vị nể hết sức chân thành.

Bao giờ cũng vậy, mỗi khi cụ Tú đến chơi, tôi thấy cha tôi tự tay chăm chút sửa soạn từ bộ ấm chén, đến đỉnh trầm, bàn cờ, nghiên, bút. Cha tôi còn chọn cho được những thứ trà ngon nhất, trầm thơm nhất, để dành vào việc này. Và hai



ông bạn già thường thường hay thích đánh cờ, nếu không cùng nhau gây trâm để uống rượu, ngâm thơ hoặc đàm luận. Có nhiều ván cờ kéo dài cả buổi, lắm lúc suốt cả ngày, mà vẫn chưa phân thắng phụ.

Vài tháng một lần, tôi mới thấy cha tôi đến thăm cụ Tú. Nhưng thường mỗi lúc có trà ngon, quế tốt, thì cha tôi lại bắt anh tôi hoặc tôi phải thân hành đem đến tận nhà. Chưa từng bao giờ cha tôi giao cho kẻ hầu, người hạ, thay thế chúng tôi trong công việc này.

Chính nhờ vì năng lui tới, mà tôi được hiểu rõ cái cảnh thanh bần của cụ Tú, và đi sâu vào cái đời sống tâm thuật của bậc lão nho này.

Nhà cụ Tú chỉ là một ngôi nhà tranh tầm thường, nằm trong một khu vườn

không rộng lắm, giữa xóm nghèo. Nhưng cả ngôi nhà lẫn khu vườn, mãi đến nay vẫn còn lưu lại trong tôi rất nhiều kỷ niệm đẹp đẽ và nên thơ quá.

Khu vườn của cụ Tú là cả một hoa viên. Mỗi lúc bước vào khỏi cổng, tôi có cảm tưởng như lạc vào một rừng hoa. Và cả khu vườn như bùng sáng lên vì cái tươi thắm rực rỡ của màu hoa, sắc lá, hơn là bởi ánh sáng mặt trời. Thật là một thế giới thanh khiết, cách biệt hẳn với cái thế giới náo nhiệt bên ngoài.

Tôi thường gặp cụ Tú ở giữa vườn hoa này hơn là trong nhà. Và không bao giờ tôi quên được cái hình ảnh một ông lão râu tóc bạc phơ, nhưng quắc thước với vầng trán cao rộng, đôi mắt hiền dịu phía sau cặp kính trắng gọng bạc, tấm thân dong dỏng cao trong bộ đồ vải màu nâu – lúc nào cũng là màu nâu – đứng

giữa vườn hoa, bên cạnh cô cháu gái, mỉm cười với tôi. Cái hình ảnh ấy mãi đến nay, đối với tôi, vẫn còn là cái gì biểu tượng cho cả một đời sống tâm thuật thanh cao. Và nó thường hiện về trong tâm tưởng tôi, giữa những phút mà cái bồi bồi của sóng gió nhân dục sắp muốn đánh tan cả bao nhiêu tin tưởng của tôi, ở cái ý nghĩa thiêng liêng của cuộc đời.

Cụ Tú sống trong cảnh yên tĩnh ấy với một cô cháu gái và một người đầy tớ già. Nhưng thực ra cụ sống với hoa nhiều hơn. Vì cụ Tú rất yêu hoa. Trồng hoa, nuôi dưỡng, chăm sóc, theo dõi tất cả mọi diễn biến của đời hoa, là cái thú tiêu khiển của cụ, ngoài cái thú ngâm thơ, đọc sách.

Thoạt tiên, tôi coi đó là một chuyện rất thường. Vì cái thú chơi hoa kiểng là một thú chơi hầu hết của các cụ già

phong lưu ở xứ Thần-kinh này. Một thú tiêu khiển, mà với cái tuổi mười lăm, mười sáu, cái tuổi tinh nghịch, thích hoạt động, tôi cảm thấy nó phiền phức, nhiều khô, buồn tẻ ra làm sao ấy. Hơn nữa, với cái phong độ cổ kính của một nhà nho, cụ Tú chiếm được rất ít thiện cảm của tôi. Cho nên lúc đầu, phải đến nhà cụ, đối với tôi là một chuyện miễn cưỡng. Tôi chẳng thấy một chút hứng thú nào cả. Nhưng rồi vì phải năng lui tới lâu ngày, tôi lại nhận ra được, ngay trong nhà lão nho cổ kính, trang trọng này, một tâm hồn rất trẻ trung, một con người xuề xòa, vui tính. Càng gần cụ, tôi càng thấy kính nể, mến yêu mà không thấy sợ hãi, ngại ngùng như trước nữa. Cụ Tú coi tôi như con cháu trong nhà, coi tôi như Bội Lan, cũng xoàng tuổi tôi. Và lần lần, cụ Tú, Bội Lan, vườn hoa quỳnh rũ tôi, trong những ngày nghỉ học, mãi

liệt hơn những ai khác và những nơi nào khác. Tôi thấy cả một cái thú được cùng Bội Lan thúc thích đi theo ông cụ, trong vườn hoa, bắt sâu, chẻ xương và những công việc lặt vặt khác mà cụ Tú cần đến. Trong những dịp này, cụ Tú nói chuyện với tôi và Bội Lan như nói với những người lớn tuổi vậy. Cụ nói chuyện hoa. Cụ nói về những đặc tính của các thú hoa, những nhận xét ngộ nghĩnh về hoa. Chính qua những câu chuyện trong vườn này, tuy có nhiều lúc tôi không lĩnh hội được hết, nhưng tôi cũng thấy được cái thú chơi hoa của cụ Tú có một cái gì đặc biệt đáng kính. Nó không phải là một thú tiêu khiển ích kỷ và về sau nhân một chuyện xảy ra có liên can đến số phận của mấy chậu hoa quý trong vườn, tôi được biết thêm rằng, ở cụ Tú, cái thú tiêu khiển này đã được nâng lên thành một cái đạo, đạo yêu hoa.

Tôi còn nhớ một hôm, nhân thay giỏ cho mấy khóm cúc con, cụ Tú bảo tôi :

– Phải thay thế này, không thì nó ở lỗ mất.

– Thưa bác, thế nào là ở lỗ ?

Câu hỏi ngớ ngẩn đối với những người đã sành trong việc trồng hoa, làm cho Bội Lan phải cười rúc rích. Cụ Tú bảo :

– Gốc trụ cả lá là ở lỗ. Cúc dầu có nhiều búp, nhiều hoa đến đâu mà ở lỗ thì cũng hỏng. Trồng cúc mà như thế là vụng. Cũng không phải chỉ thay giỏ, thêm đất như thế này mà đủ đâu. Còn phải tùy ở đất, ở phân mình vào và cách chăm sóc nữa.

Bội Lan vừa cúi xuống bỏ đất vào giỏ, vừa thở thẽ với ông cụ :

– Cứ nhiều hoa là đẹp, chứ nó ở lỗ thì đã làm sao. Tại ông khó tính quá. Ai bán hoa được cho ông cũng là cay chua lắm.

– À, bởi thế có bao giờ tao thèm mua hoa trồng sẵn. Cũng như tao chẳng bao giờ bán hoa được. Một chậu hoa trồng mà chơi đã là vô giá. Những kẻ giàu có bỏ tiền ra mua hoa đâu đã thật biết chơi hoa. Vì cái thú chơi hoa không phải chỉ tìm thấy ở hương, ở sắc, mà còn ở ngay trong sự sinh trưởng của nó nữa. Một mầm non nhú lên, một ngọn lá sắp xòe ra cũng đủ sướng mắt rồi, lắm lúc còn mê ly hơn cả ngắm hoa. Hoa là một giống vừa kiêu kỳ, vừa tế nhị. Nó không đòi hỏi ở ta sự giàu có mà nó đòi hỏi công phu. Chỉ có những người bỏ công phu, tận tình chăm sóc nó mới tận hưởng được cái đẹp, cái đẹp hiển hiện và cái đẹp tiềm tàng ngay

trong hồn nó. Hoa cũng có hồn chứ phải không đâu. Nhưng hồn hoa không bao giờ người ta gần được khi chỉ biết ném tiền mua hoa.

Kể về cái công phu của cụ Tú trong việc trồng hoa, tôi thấy cũng ít ai bì kịp. Và trong các thứ hoa, cụ Tú thích nhất là hoa lan. Trong các giống lan, cụ yêu lan Tổ Tâm hơn cả. Chính Bội Lan đã cho tôi biết về điểm này. Lan còn nói với tôi rất nhiều chuyện về những chậu lan quý của cụ Tú.

– Ông của em kỳ lắm. Quý lan nhiều lúc hơn quý cả em nữa. Ông bắt em phải chăm sóc nó thật là hơn chăm sóc trẻ con. Phải là nước rửa mặt của em mới được tưới cho nó. Sớm nào cũng phải rửa ráy, kỳ cọ từng lá một, phiền phức lắm chứ có dễ dãi gì đâu cái việc gây được một chậu lan đẹp...



Tôi ngạc nhiên hỏi :

– Nhưng tại sao phải là nước rửa mặt của Lan ?

Ông bảo em giống lan nó thích hơi đàn bà con gái. Tuổi thế nó chóng tốt. Ông còn bảo nó cũng là một giống « giai nhân » nhưng là hạng « giai nhân câm lặng ». Như thế nghĩa là thế nào ? Giai nhân câm lặng ?

Cháu một cục Tú mà không hiểu nổi hai chữ giai nhân. Và tôi bảo đùa :

– Giai nhân là người đẹp, đàn bà, con gái đẹp như Lan chả hạn. Còn câm lặng là ít bẻm mép, ý ông bảo thế đấy ?

Lan ngửa mặt cười. Tôi còn nhớ là tôi nói câu ấy với tất cả cái tự nhiên của tuổi trẻ chứ không có một hậu ý nào cả. Hồi đó tôi thấy Lan cũng dễ thương như

những đóa hoa thơm nở trong vườn. Và gần Lan tôi thấy vui thích như gần những bạn trai thân mến nhất của tôi vậy thôi. Nhưng có một điều mà về sau này, tôi mới nhận ra được, khi trí khôn của tôi đã đủ sức sáng suốt, tế nhị để kiểm soát, phân tích những tình tiết phức tạp, tiềm ẩn trong những kỷ niệm vui buồn đã qua. Đó là cái việc tôi chú trọng đến những chậu lan quý, ngay từ khi tôi nghe câu chuyện của Lan và được biết chính Lan đã chăm sóc nó. Nhất là lúc tôi biết chúng nó luôn luôn được tắm rửa bởi thứ nước rửa mặt của Bội Lan, người bạn bé nhỏ của tôi. Tôi thấy có một cái nên thơ quá chừng trong cái lối cưng dưỡng hoa ấy. Và sau này, tôi càng quý chúng hơn, khi Lan kể cho tôi nghe về cái chuyện xảy ra giữa cụ Tú với một người đến hỏi mua hoa :

– Họ đã chịu trả đến một gói bạc hai chậu lan Tố Tâm đấy anh ạ. Thế mà ông em một hai không chịu bán. Đã thế ông em còn đuổi khéo nữa là khác.

Một gói bạc, hai chậu lan. Tôi nghe những mà sung sướng. Ở vào cái thời mà người ta chỉ cần có một đồng bạc đã được một trăm lon gạo, mà chịu bỏ ra cả một gói để lấy có hai chậu lan thôi. Người mua hoa hẳn phải là một tay quý hoa đến mức nào rồi.

Thấy tôi ngạc nhiên, người đẩy tớ già đang cuốc đất, ngừng tay lại thở dài :

– Một gói bạc à ? Thăm gì. Phải trả đắt hơn nữa lão ấy cũng trả. Miễn là lão mua được. Lão ấy có phải quý gì lan, nhưng cốt mua cho được lan vườn này để lấy tiếng và làm đẹp lòng quan thầy. Con lão làm thông phán tòa Khâm, tòa Sứ gì đấy.

Tôi biết. Nhưng đại gì lại đến nỗi đem chuyện mua bán mà nói với cụ nhà. Xin không, họa may ông cụ còn có thể cho, chứ đại đột với cái lối ỷ thị đồng tiền là hỏng. Cũng may gặp lúc cụ Tú không có chén đầy nhé ! Không thì cũng bị ông cụ phang cho vài gậy, thế cho sáng mắt ra !

Lòng kính nể của tôi đối với cụ Tú càng tăng thêm với câu chuyện mua hoa này. Tôi bắt đầu hiểu vì sao cha mẹ tôi trọng cụ Tú họ Nguyễn và trong sự tiếp xúc, đối xử với cụ, cha tôi đã loại bỏ tất cả những lễ thói, cung cách kiêu vãnh cần phải có trong giới quan trường. Những lúc tiếp cụ Tú hay đến nhà cụ, cha tôi là một người nào khác, chừng như không còn là một vị đại thần nữa. Và tôi thấy cha tôi vui vẻ, thư thái hơn bao giờ cả. Chính điều đó làm cho tôi, về sau này, càng lớn lên càng phải nghĩ ngợi nhiều.

Với lòng kính nể cụ Tú, tôi càng thấy quý những chậu lan hơn trước. Tôi và Bội Lan săn sóc chúng không ngớt, mỗi lúc gần nhau. Chúng tôi cùng bắt sâu, rửa lá, tưới nước, cùng đưa nhau chẻ xương, chuốt xương cho đẹp và sắp vào một mặt chậu. Tôi còn nhớ là tôi thường được ngắm qua những kẽ hở của đám lá lan ướt át, bóng loáng, và những chuỗi búp non, cái khuôn mặt chừ điển trắng trẻo, thơ ngây, nổi bật giữa mái tóc đen nhánh. Và trên khuôn mặt ấy, cặp mắt bồ câu bừng sáng theo cái tỏa chiếu của những hạt nước long lanh đọng lại ở các ngọn lá nhấp nháy trong ánh nắng sớm. Tôi còn nhớ cả đôi môi nho nhỏ thường mím chặt vào nhau, nhưng chừng như lúc nào cũng ướm sẵn một nụ cười. Cặp môi nho nhỏ ấy, có một buổi sớm, đã thả thẽ với tôi qua những kẽ hở của đám lá lan :

– Ông của Lan thích hai chậu Tổ Tâm này nhất, vì thế nào nó cũng nở đúng vào dịp Tết. Ông lại sẽ cho khuấy mạch nha, ướp hương lan một đêm để uống rượu. Anh đã ăn kẹo mạch nha ướp lan lần nào chưa ? Thơm một cách dễ chịu lắm. Thế nào ông cũng thưởng cho chúng mình. Chỉ còn nửa tháng nữa là đến Tết rồi, thích quá. Hai chậu lan Tổ Tâm này nở thì đẹp tuyệt... đẹp hơn lan Bạch Ngọc nhiều.

Rồi cặp mắt bồ câu ấy nhìn vào đám lá lan với tất cả cái trù mẩn giống y như cái vẻ trù mẩn mà tôi thường bắt gặp trong cặp mắt cụ Tú mỗi lúc cụ ngồi nhấp trà thơm dưới giàn lý ở sân sau, trầm ngâm nhìn những đóa hoa mới nở.

✱

Khắp cả kinh thành nhộn nhịp hẳn lên vì cái Tết sắp đến. Chỉ còn có năm hôm nữa thôi. Mưa tuy chưa dứt hẳn, nhưng cái sâu lạnh, ủ dột của trời đất như đã muốn tan biến dần đi trong cái xanh non, tươi mát của cỏ cây và cái rục rĩ, đông đảo, nhộn nhịp của phố phường đầy cả màu sắc mới mẻ...

Tôi đến nhà cụ Tú họ Nguyễn vào một buổi xế chiều. Tôi đến để xem chừng hai chậu lan Tố Tâm mà tôi và Bội Lan theo dõi mãi những sự thay đổi lâu nay. Không có một biến chuyển nhỏ nhất nào lọt khỏi mắt chúng tôi. Nếu tôi vắng mặt ngày hôm trước thì hôm sau, vừa tới nơi, tôi đã được nghe Bội Lan báo cáo tíu tít về những gì đã xảy ra. Cụ Tú thì lắng nghe với cái mỉm cười âu yếm của một người ông nuông chiều cháu.

Lần này, vì vắng mặt đến hai hôm, tôi chắc là Bội Lan đã có rất nhiều chuyện để kể lại với tôi. Một vài mầm non mới nhú chẳng hạn, một ngọn lá trở thêm hay úa đi, một vài cánh bướm màu sắc thế nào đó đã kinh quá, và biết bao nhiêu là những cái lật vạt ngộ nghĩnh, nên thơ khác. Tôi bước vào cổng với một bụng tim rạo rục vì cái Tết sắp đến và cả những gì sắp được nghe.

Nhưng vừa tới đầu sân, tôi đã sững sốt dừng lại. Trên thềm Bội Lan đứng dựa cột nhìn ra với bộ mặt buồn thiu. Tôi chưa bao giờ được thấy gương mặt của cô bạn gái tôi nhàu úa như vậy. Tôi nghĩ tới một đóa phù- dung đang rũ xuống trong ánh nắng ban trưa. Tôi vội hỏi :

– Ôi Lan ! Làm sao thế ? Có việc gì vậy ?



Lan bước vội xuống thêm, đưa tay vin một cành măng-cầu, buồn bã nói với tôi :

– Ông bán...

– Ông bán cái gì ?

Cặp mắt của Bội Lan chớp nhanh. Tôi thấy như Lan muốn khóc. Tôi hỏi lại :

– Sao thế ? Ông bán cái gì ?

– Bán cả hai chậu lan.

Tôi ngạc nhiên :

– Có lý nào ? Lan nói đại. Chắc là ông nói đùa Lan cho vui đấy thôi. Đời nào ông chịu bán. Nếu bán thì đã bán ngay dạo trước rồi. Mà việc gì ông phải bán đã chứ ?

Lan lại lắc đầu :

– Nhưng ông bán thật mà. Ông bán cho người hỏi mua lần trước. Anh không tin thì cứ vào phía sân sau mà xem.

Tôi liền rời Lan, chạy quanh ra phía sau.

Tuy Lan nói với giọng quả quyết, tôi vẫn còn ngờ. Tôi không thể nào tin được một chuyện lạ lùng như vậy, từ ngày tôi đã cảm thấy lòng yêu hoa như cụ Tú và tính khí của cụ. Một người như cụ không thể nào vì túng tiền, cần tiền mà bán hoa. Sự túng thiếu dù đến mức độ nào cũng không thể đè bẹp được lòng tự ái, kiêu hãnh của một người nặng về đời sống tâm thuật như cụ. Bán hoa đối với cụ là cả một cái nhục trong đạo yêu hoa. Huống nữa là bán hai chậu hoa quý nhất, hai chậu hoa mà cụ và cháu cụ đã tốn

bao công phu chăm sóc, gò gẫm cho kịp được thưởng hoa vào dịp Tết, hai chậu hoa mà cụ đã gửi vào đó một phần hồn, nâng niu, cưng dưỡng như mẹ đối với con. Hơn nữa, tuy nghèo, nhưng với đức tính tiết kiệm và sự dự liệu mọi việc chi tiêu trong gia đình đâu vào đấy cả, nên cụ Tú không bao giờ phải bị thiếu hụt dầu không dư dả, trừ những biến cố thất thường. Mà trong vòng mấy tháng nay, có một biến cố nào xảy ra trong gia đình cụ Tú đâu ? Tôi ngỡ chừng Lan đã nghe lầm hoặc cụ Tú nói đùa với cháu gái.

Nhưng vừa ra đến sân sau, tôi lại càng sửng sốt hơn khi nghe được những câu đối thoại giữa cụ Tú và một người đàn ông lạ mặt. Người đàn ông tuổi độ năm mươi, mập núc ních như một con lợn ú trong chiếc áo đoạn căng thẳng gần muốn nứt cả đàng chỉ. Lão có một

cái bụng phệ trong cũng khá cân xứng với bộ mặt phì nộn đến híp cả mắt. Vừa thở ành ạch lão vừa nói :

– Thừa cụ, giá bạn trước cụ đồng ý cho thì hay quá. Cụ vừa được tiền mà tôi... dạ tôi cũng được việc. Bây giờ thì dạ... dạ thưa cụ... tôi không thể nào, dạ không thể nào giữ y giá cũ được.

Cụ Tú hơi nhú mày :

– Thế thì ông định bao nhiêu ?

– Dạ... hì... hì... dạ tôi đến đây là vì... dạ tôi nể lời cụ nhắn. Chứ dạ thưa có cụ, tôi không muốn mua. Số là... dạ vì dạo trước cụ từ chối, tôi đã phải tìm mua nơi khác... dạ.

Lão lại thở ành ạch rồi nói tiếp :

– Hì... hì... dạ thưa thiệt với cụ, nếu

cụ cho được giá rẻ thì dạ... hì... hì... dạ  
tôi cũng gắng lấy cho vui. Dạ còn như  
giá cũ thì ... dạ thưa cụ... xin thưa để cụ  
chơi.

Vừa nói xong, người đàn ông lạ mặt  
nhe cả hai hàm răng gỗ ghề, vàng khệnh  
ra mà cười. Nhìn cái diện mạo và cách  
ăn nói của lão tôi đâm ra ghét cay, ghét  
đắng. Tôi biết lão « dạ » nhiều là chỉ vì  
một thói quen của hạng người hay vào  
luồn ra cúi ở chốn quyền môn, chớ không  
phải vì lão nể nang cụ Tú. Ngay ở gương  
mặt lão lúc này, tôi nhận thấy cái vẻ đắc  
chí hí hờn và mặc dầu tôi còn nhỏ, tôi  
cũng không lạ gì mà không biết lão cố  
nói xỏ ông cụ để trả cái thù bị đuổi khéo  
hôm trước. Tôi cứ lo ngay ngáy rằng cụ  
Tú nổi đóa lên. Nhưng lạ một cái là cụ  
vẫn điềm tĩnh. Tôi thấy cụ cắn chặt môi  
dưới một lúc, rồi thông thả nói :

– Ông muốn bao nhiêu cứ định lại đi. Tôi xem được thì tôi để cho.

Người đàn ông lại vác cả bộ mặt phì nộn lên, cố nhướn cặp mắt lơn nhìn ông cụ :

– Dạ... thưa cụ, hì... hì... dạ cụ dạy cho thì hơn. Tôi khó nói quá.

Cụ Tú vuốt râu, nhìn qua hai cháu lan :

– Tôi bớt cho ông năm « trự ». Thế là nhiều lắm rồi. Chỉ vì có chút việc cần mà tôi phải chiều ý, chứ không thì...

Người đàn ông mua hoa nhe răng ra cười :

– Dạ, dạ thưa cụ... quả có thế. Những người như... dạ như quý cụ thì có bao giờ nghĩ đến chuyện bán hoa. Hì... hì...

cũng may là cụ có việc cần nên chúng tôi, dạ chúng tôi hì... hì mới được... dạ mới được cụ gọi đến... Nhưng dạ thưa cụ, dạ thưa cái giá đó còn đắt quá, mà dạ có kèo nài thêm nữa, dạ có kèo nài thì ra cái chuyện không phải với cụ. Thôi thì dạ thưa cụ tôi xin lui... dạ...

Cụ Tú nhìn sừng người đàn ông. Mặt cụ hơi ửng đỏ và môi dưới càng được cắn chặt thêm. Chừng như cụ không muốn nói nữa. Nhưng đến khi lão vái chào bước ra, cụ Tú bỗng đặng hăng, rồi bảo :

– Thôi thì bớt ông đủ chục đấy.

Người mua hoa dừng lại :

– Dạ, hì... hì... Thôi thì xin gởi cụ... dạ xin gởi cụ ba chục. Nếu cụ bằng lòng thì dạ... dạ...

Cái ửng đỏ của sắc mặt cụ Tú chuyển

vội ra thành màu bầm tái. Qua cặp mắt cụ, hơi ngược lên phía sau cặp kính trắng, tôi nhận thấy cả một sự tức tối, phần uất, khinh bỉ và đau đớn bị dồn ép lại trong buồng tim già ấy. Cái thái độ khinh bạc thô lỗ của con người hèn kém đứng trước mặt kia đã làm tổn thương lòng kiêu hãnh của cụ một cách quá sức nặng nề. Bàn tay cụ run lên khi cụ với lấy bao diêm cạnh đấy. Tôi nghe cả một tiếng thở dài khe khẽ :

– Thôi thì cũng được. Ông cứ chống tiền mà lấy.

Ngay bên tai, cái giọng nói hằn học của người đầy tớ già :

– Quân đều giả thật. Nó vẫn cần muốn mua lắm chứ : Lần trước nó nài nỉ cụ nhà thiếu điều lạ. Gặp dịp này nó lại trở lại eo sách. Biết là hạ xuống nữa ông



cụ không bán, chứ không thì nó cũng còn bớt thêm.

Khi người mua hoa đã chở hai chậu lan đi rồi, cụ Tú tựa mình vào chiếc ghế dựa, ngồi yên lặng như một pho tượng. Cụ nhìn vào xấp bạc trong khay trầu rồi quay mặt ra ngoài, gục văng trán vào lòng bàn tay. Một tiếng thở dài náo nuột từ từ buông ra. Tôi thấy người cụ tựa hồ gầy gập đi.

Từ ngoài, Bội Lan chạy vào đứng bên ông cụ. Nàng nhìn ông nàng, nhìn xấp bạc, rồi nhìn về phía hai chậu lan lúc nãy, Bội Lan khóc thút thít :

– Thế là Tết này mất vui rồi. Tết này ông hết chơi lan rồi. Tại sao ông bán ?

Ông cụ bỗng quắc mắt, nhìn cháu :

– Cả một xóm bị cháy, chồng người ta chết, cha người ta chết, nhà cửa người ta bị thiêu ra tro cả, vui cái gì nữa. Trong chỗ lân lý có chuyện buồn như vậy, còn vui cái gì !

Rồi như thoáng thấy tôi, ông cụ ngồi thẳng người lên :

– À, cậu Ngọc. Hay lắm. Cậu đi đây với bác. Lan đưa dù, đưa gậy cho ông. Đừng khóc nữa.

Cụ Tú lấy cái khăn nhỏ, gói cả xấp bạc bỏ vào túi, chống gậy ra sân, ra ngõ.

Tôi theo sau cụ. Chiều cuối đông. Trời không mưa nhưng gió lạnh lên nhiều. Chúng tôi cùng theo con đường đất đỏ vào phía xóm cuối phường. Tôi đã hiểu rõ ý nghĩa của việc bán hoa. Cách đây ba hôm, xóm dưới này phát hỏa. Có

hai người bị chết, bốn năm gia đình bị cháy sạch cả nhà cửa.

Vừa đi cụ Tú vừa bảo tôi :

– Tội nghiệp Bội Lan. Nó khóc cũng phải. Nhưng biết làm thế nào. Cái thú chơi hoa là cái thú để di dưỡng, tinh luyện tâm hồn chứ có phải chơi hoa để ích kỷ đâu. Cái đạo yêu hoa phải đưa những kẻ được nhập diệu đến cái đạo yêu người. Hoa có bao giờ ích kỷ đâu. Hương đầy, sắc đầy, hiến hết cho đời rồi chết. Tạo hóa đã khéo gói ghém cái ý nghĩa của sự sống trong lòng hoa. Yêu hoa mà quên yêu người là quái gở...

Cúi xuống lượm một nhành gai rơi giữa đường đi, vất vào hàng rào xong, cụ Tú lại rào bước và tiếp :

– Mấy hôm nay bận khoản mãi, đêm

nằm không yên giấc, vì những nạn nhân trong phường. Nhưng lúa tháng giêng, tiền tháng chạp, biết làm sao cho có số tiền lớn kịp thời nếu không chịu bán hai chậu lan ấy. Bán hoa đã là một cái nhục. Lại gặp phải những hạng tiểu nhân nó lên mặt eo sách mình càng nhục thêm. Nhưng nhục mà cũng phải bán. Kể ra vác gậy đuổi nó ra khỏi cửa là một việc dễ quá. Nhưng rồi những đứa con không cha, vợ góa chồng, sẽ lấy gì mà ăn... Bán hai chậu lan buồn nẫu cả lòng đi. Buồn như buồn người chết. Con Bội Lan nó khóc là phải. Nhưng để người ta khổ, mình ngồi yên làm sao được mà ngắm hoa đã chó !

\*

Mười mấy năm trời trôi nhanh qua. Cụ Tú họ Nguyễn hiện giờ đã là con người thiên cổ. Bội Lan cũng vậy. Cành

thiên hương này đã gãy vào cái tuổi mười tám. Người đầy tớ già có lẽ cũng đã theo chủ mà về thế giới bên kia.

Sau một thời gian cách biệt lâu dài, trở lại chốn cũ, tôi không còn tìm đâu ra bóng những người xưa. Họ đã qua hết, họ rủ nhau đi hết. Cả ngôi nhà cũng đã biến dạng và vườn hoa, đã tàn rụi đâu rồi. Tuy vậy, đứng trước cái cảnh dâu bể, trong những gì đã đi qua, đã lùi vào quá khứ, đã biến đổi, đã tan rã, tôi vẫn thấy còn lại trong tôi một cái gì không bao giờ qua, không bao giờ mất.

Và chính vì cái gì không mất ấy mà hôm nay tôi thấy cần phải thức suốt đêm, để chép lại câu chuyện hai chậu lan trong một vườn hoa cũ.



## CÔ GÁI XÓM NGHÈO

Cái ngày Lợi và Lộc chết, tôi còn nhớ là ở nhà xác ra, tôi thấy cần được nghỉ ngơi đôi chút trong sự yên tĩnh. Cái chết đột ngột tức tối của hai anh em Lợi và Lộc đã làm cho tinh thần tôi phải trải qua một cơn giao động quá mãnh liệt. Tôi thấy mất cả cái hứng đi chơi như mọi buổi chiều.

Lợi và Lộc là hai anh em sinh đôi cùng học lớp đệ nhị trường Quốc-học, con một thương gia ở Quảng Ngãi. Cả

hai đều thông minh, hiểu học, lại giỏi về âm nhạc và các môn diễn kinh. Thay phiên nhau đứng đầu lớp luôn, nên Lộc cũng như Lợi nắm chắc cái đầu trong tay ở kỳ thi sắp tới. Mới hôm trước, Lợi còn lại nhà rủ tôi đến chủ nhật cùng về Cửa Thuận tắm bể. Hai anh em Lợi trọ gần nhà tôi, hay qua lại mượn sách báo, nên chúng tôi quen nhau hiểu nhau. Sự thông cảm giữa ba tâm hồn son trẻ đã làm cho mỗi giao tình của chúng tôi càng ngày càng thêm nồng đậm. Suốt cả buổi chiều hôm ấy chúng tôi cùng trò chuyện không chán trước khi tôi lên xe ra Quảng Trị. Tôi còn nhớ Lộc ngồi bên bàn viết tôi, lưng tựa vào tường. Lợi thì nằm trên chiếc ghế vải cạnh đấy. Tôi còn nhớ cả cái khuôn mặt nhìn thẳng của Lộc và cái khuôn mặt nhìn nghiêng của Lợi. Cả hai gương mặt trắng trẻo ấy hơi xanh lại trong nguồn ánh sáng lọc qua đám lá



mãng-cầu trước cửa sổ. Chúng tôi cùng bàn luận về chuyện thi cử sắp tới, về thời cuộc. Sau đó, Lợi còn cho tôi biết là mẹ anh lại nhắc đến chuyện hôn nhân mà Lộc cũng như Lợi đã từ chối nhiều lần. Lúc ra về, Lợi còn cẩn thận dặn tôi :

« Chiều mai anh nhé. Thế nào anh cũng phải đi với chúng em về Cửa Thuận. Có anh mới vui. »

Mới chiều hôm trước thì Lợi còn sờ sờ như thế đấy. Họ còn nói, còn cười, còn sống với những dự định rất gần gũi. Nhưng trưa hôm sau, vừa ở Quảng Trị về, tôi sững sốt đến muốn ngất người đi khi được biết Lộc và Lợi đã chết rồi. Họ chết trong đêm. Chết đuối. Cả hai anh em rủ nhau đi tắm, rồi cả hai suy tính thế nào chả biết mà kéo nhau đi luôn, không buồn trở về nhà trọ, cũng chẳng màng đến việc thi cử nữa. Tôi không còn

gặp họ ở nhà trọ mà phải gặp ở nhà xác. Nói là gặp mặt, chứ thực ra, tôi chỉ còn được nhìn hai cái xác lạnh tanh, nằm song song bên nhau, trên cái bệ xi-măng và được phủ kín bằng mấy lớp vải trắng, một màu trắng xanh lạnh. Mùi hương, trên bàn thờ tạm, toả ra rồi nhạt dần đi trong một thứ mùi gì là lạ. Cái leo lét nhún nhẩy của mấy ngọn đèn sáp, cái vàng ửng của ngọn đèn điện yếu ớt từ trên trần buồn rầu thông xuống, thoi thóp trong ánh sáng ban ngày, cái lạnh lẽo toát ra từ bốn bức tường, từ nền xi-măng, từ chân bệ và có lẽ cả từ hai cái thi hài, hoà hợp lại, tạo nên cho nhà xác một sắc thái ma quái, cô quạnh, điều hiu. Tôi cảm thấy xa biệt hẳn với cuộc sống ồ ạt bên ngoài, tuy ngay lúc ấy có rất đông người xúm xít trước sân và cái thế giới chật hẹp trong này chỉ cách thế giới ngoài kia có một bức tường dày không quá ba bốn tấc. Ở

góc phòng, tôi còn thấy hai cái chăn bị vắt trong một xó, một cái màu xám, một cái màu đỏ, nằm chèn nhau như hai cái thi hài trên bệ. Màu đỏ vốn tươi sáng lạc lõng vào đây, tự nhiên cũng đượm lây cả cái màu sắc u linh, như mấy búp sen xanh héo hắt trên bàn thờ và nổi bật bên cạnh chiếc sơ-mi trắng nhàu nát bỏ rơi trên cái chăn màu xám. Áo của Lộc hay của Lợi ? Thỉnh thoảng một ngọn gió ở ngoài lọt vào, lướt khói hương và đập ngã rạp mấy ngọn đèn sáp xuống mà đi. Gió khẽ rung động, phe phẩy những nếp xếp lơ lửng của tấm vải bọc xác, như có một bàn tay bí mật nào muốn vén lên. Nhưng tấm vải chèn kỹ và căng thẳng quá. Hai cái xác trông như một, nếu hai vầng trán và bốn cái chân, ở hai đầu, không cộm lên. Qua một kẽ hở phía đầu hồi, ngay trên chiếc gối, mắt tôi bắt gặp cái màu đen của một mảng tóc. Và thế là hết. Thế

là tất cả những gì tôi còn thấy được ở hai cái hình hài bị phủ kín của hai chàng trai thơ này. Và lại tôi cũng không muốn thấy nhiều hơn nữa. Cái chết đột ngột oan uổng và cái quang cảnh của nhà xác làm cho lòng tôi ngổn ngấu không biết bao nhiêu là đau xót, thương tiếc, uất hận về cái lẽ sinh tử không theo một quy luật nào phải chăng cả. Nhất là cái nhà xác. Cái nhà xác chật chội, lạnh lẽo, khi nó lại được dùng làm khung cảnh cho cái chết của hai học sinh trẻ, nằm im trên bệ xi-măng kia, đã gieo vào lòng tôi một mối uất hận muôn thuở. Mối uất hận về sự tàn rụi nôn vội, vô lý của những cái gì son trẻ quá, xanh non quá, của những gì đang lên và còn nhiều hứa hẹn. Tự nhiên tôi nghe như bốn bức tường trần truồng và cả cái không khí tù uất, nặng nề và nồng nặc cả mùi tử khí đè nặng lên người tôi. Ngạt thở, tôi bước vội ra, chạy

vội trở về với cái sáng sữa khoáng đạt, rộn rịp ở ngoài kia. Tôi lao mình trở vào cõi sống như một con cá sắp ngất trên cạn, lao mình vào hồ nước vậy.

✱

– Chị quên hôm nay là ngày thứ bảy à. Tuần nào tối thứ bảy, em cũng đi xi-nê, để sáng chủ nhật tha hồ mà ngủ trưa. Tối nay ở rạp Nguyễn Văn Yến lại chiếu phim « Công chúa My Cơ » mới thú chứ. Phim này mà bỏ qua là uổng lắm. Michiko Kyo đóng vai chính đấy nhé.

– Thế thì tối lại nhà rủ mình đi với. Có nhất định không nào ? Ngoéo tay này.

Mấy câu nói và những tiếng cười khúc khích của hai nữ sinh đi bên cạnh tôi, lúc qua cầu Tràng Tiền, vụt kéo tôi

ra khỏi những phút nghĩ ngợi liên miên về cái chết của Lợi và Lộc. Không phải là chuyện đi xi-nê, cũng không phải là phim « Công chúa Mỹ Cơ » hay cái tên quen thuộc của cô đào Nhật có một tài nghệ chắc chắn và một sắc đẹp mê hồn khiến tôi chú ý. Nhưng là hai tiếng « thứ bảy ». Phải, một danh từ chỉ định một ngày trong tuần, có thể thôi. Nhưng ngay lúc này, tự nhiên trí tôi lại bắt chộp được mối liên hệ giữa nó với một công việc đáng nhớ. Một công việc có dính dáng nhiều đến những kẻ vừa khuất mặt. Tôi nhớ tới một số thiếu niên nghèo, trong một xóm nghèo ở Cầu Đất. Tôi nhớ tới một lớp học mà tôi tạm gọi là lớp học gia đình. Tôi còn nhớ một cách tỉ mỉ hơn. Tôi nhớ tới một mái tranh quen thuộc, một ngọn đèn tọa đẳng, một cái bàn gỗ tạp và trên mười em thiếu niên, đang ngồi hoặc đứng. Lúc này, có lẽ chúng đang

mong chờ vì là tối thứ bảy. Cũng như tối thứ năm, tối nay chúng đang chờ. Chúng chờ hai anh em Lợi và Lộc. Tôi biết rõ là chúng đang chờ. Không phải là vì lòng ham học, mà còn vì cái lòng mến yêu, triu mến hai người bạn trẻ của tôi.

Trước kia, khi chưa lên ở gần nhà tôi tại Nam Giao, Lợi và Lộc đã trọ tại nhà một cụ già ở Cầu Đất, bà Tư, trong một xóm nghèo có nhiều em thất học. Ở đây, có một số thiếu niên rất thông minh, nhưng vì gia đình túng thiếu, chỉ theo học các lớp Bình dân học vụ rồi phải nghỉ. Hai anh em Lợi thương tình, những lúc rảnh, thường khuyến khích bày vẽ thêm cho. Trẻ em trong xóm, những đứa ham học thêm, tối nào cũng kéo đến nhà bà Tư. Chúng quyến luyến Lợi và Lộc như anh ruột vậy. Cha mẹ chúng cũng hết sức quý mến hai anh em nhà này. Về sau, vì

cần ở gần trường, Lợi và Lộc buộc lòng phải dời chỗ trọ. Không nỡ để cho đám thiếu niên này buồn khổ và gián đoạn việc học hành, nên đầu ở xa, hai anh em Lợi vẫn thay phiên nhau, mỗi tuần trở về với chúng hai đêm.

Đã mấy tháng nay, Lộc và Lợi không hề bỏ quên một đêm nào. Nếu có việc gì cần thì Lợi lại qua năn nỉ nhờ tôi đi thế. Tiếp xúc đám thiếu niên này, cũng như cha mẹ chúng mấy lần, tôi mới hiểu vì sao mà Lợi và Lộc không nỡ rời bỏ chúng và không quản ngại khó nhọc như vậy. Tôi nhận thấy được tất cả cái sức cố kết, cái không khí hoà vui dễ chịu giữa người với người, khi người ta biết sống trong tinh thần xây dựng, yêu thương. Cũng vì vậy mà khi nhớ đến đám trẻ em ở Cầu Đất, nghĩ đến lớp học đêm ở nhà bà Tư, tôi thấy có cả một bồn phiền đối với chúng



cũng như với hai người bạn vừa chết. Tôi phải báo cái tin này, cái tang đau đớn này với chúng và cha mẹ chúng. Ở giữa cái đất phồn hoa rộn rịp, lạ cảnh lạ người, đối với Lợi và Lộc, hai học sinh từ xa đến, tưởng không còn ai thân hơn là đám trẻ em ở cái xóm nghèo kia. Nếu những giọt nước mắt chân thành quả thực đã làm an thỏa được vong linh người chết thì chính phải là những giọt nước mắt của chúng.

Điện đường bật sáng từ lâu. Tôi bưng bả mà đi, xem như trễ phút nào là có lỗi lớn với tình bạn phút ấy. Đến nơi, tôi vào ngay nhà bà Tư. Vừa tới đầu sân, tôi bỗng dừng lại, vì nghe có những tiếng cãi nhau từ bên trong đưa ra :

- Đêm nay chắc là anh Lộc xuống.
- Không phải, anh Lợi chứ. Anh Lộc xuống đêm thứ ba kia mà.

– Nhưng anh Lộc hứa xuống đây nữa.

Tôi nhận rõ giọng nói của Liên – con gái bà Tư – ở câu sau cùng. Qua khung cửa sổ, tôi thấy Liên đang ngồi cúi mặt xuống, tẩy một vết mực trong vở. Theo những cử động của bàn tay, đầu và mình Liên cũng rung chuyển. Mái tóc bỏ xoã từ hai vai trượt lần ra phía trước, phủ kín cả mặt. Liên làm công việc này một cách vội vàng và bảo Nam, một em bé độ mười ba tuổi, đứng bên cạnh :

– Thằng em tao nó ác quá. Lấy vở người ta xem rồi làm bẩn thế này. Lát nữa, anh Lộc anh ấy cự cho chết. Tẩy nhanh chứ không thì anh ấy xuống bây giờ. Tao lo quá Nam ạ.

Trong số học sinh lớp này, Liên lớn hơn cả. Nàng vừa được mười sáu tuổi,

ở cái Tết vừa qua. Nhà nghèo, cha chết sớm, sống với mẹ già, Liên phải chật vật vì công ăn việc làm, nhưng lại rất ham học. Đêm về, lúc rảnh, Liên thường tìm đủ cách để học thêm. Nhờ Lợi và Lộc bày vẽ ngay từ lúc còn trọ ở nhà này, Liên lại thông minh, chăm chỉ, nên sức học của Liên hiện đã tương đương với lớp nhất. Liên rất vui tính. Không đẹp lắm, nhưng Liên lại rất có duyên. Một thứ duyên thâm kín, quyến rũ. Nhí nhảnh nhưng thủy mì, dịu hiền và nhút nhát như một con thỏ bạch, Liên được Lợi, Lộc cũng như tôi thương yêu như một cô em gái. Những dịp gần gũi, chúng tôi hết lòng bày vẽ cho Liên và nàng cũng triu mến, tin cần chúng tôi như anh em ruột vậy.

Liên đang tẩy, bỗng ngừng lại. Bảo kêu lên :

– Ấy chết, vừa vừa chứ. Chị tẩy mạnh quá lại rách cả giấy. Anh Lộc chứ có phải anh Lợi đâu mà đâm hoảng lên. Anh Lộc không nóng tính.

Thanh vừa loay hoay xếp chiếc ghe giấy, vừa góp lời :

– Ủ, nghĩ cũng lạ. Anh em sinh đôi mà khác tính nhau. Anh Lộc hiền hậu đảm tính hơn, bình dân hơn, cũng ít chững diện hơn anh Lợi. Mình làm bài sai, anh Lộc chỉ la rầy thôi chứ không nổi nóng như anh Lợi. Em đến khiếp cái lối cốc như búa bổ và lối beo tai của ông tướng nhà trời. Đau quá. Nhưng nói thế chứ anh nào mình cũng mển cả. À chị Liên này, thằng Mẹo nó bảo tối nay nó không đến học đấy.

Liên ngẩng lên :

– Nó đau à ?

– Nó đau với ba con ve sầu và mấy trái bắp nướng ở ngoài trụ điện ấy.

– Sao em không đỡ nó đi học. Chúng mình mà học là một cái may. Anh Lộc, anh Lợi ở xa thế mà còn chịu khó vẽ bìa ; mình không học là uổng lắm.

Bảo ngắt lời :

– Thăng Thanh nó nói tào lao đấy. Mẹo tối nay phải bán bắp nướng thế cho mẹ nó chứ nó có ham chơi đâu. Mẹ nó ốm... Nhưng đến bây giờ chưa thấy anh nào xuống cả.

Chung quanh cái bàn lớn, dưới ánh sáng của ngọn tọa đăng, cả bọn trẻ quây quần, xúm xít, vui vẻ sửa soạn sách vở và có ý mong chờ.

Đứng nhìn cái cảnh tượng ấy và nghĩ tới hai cái thi hài chưa kịp liệm ở nhà xác, tôi cảm cảnh đến ứa nước mắt. Cái tin tôi sắp đưa ra giữa đám trẻ này thật chẳng khác gì quả bom nguyên tử ném vào giữa cảnh thanh bình. Mà tôi thì làm gì có được cái nhẫn tâm của hạng người thích dội bom nguyên tử. Tôi không có can đảm. Thật là tôi không có đủ can đảm để làm tan vỡ cảnh yên vui và sự tin tưởng ở những gì tốt đẹp tối thiểu của cuộc đời, trong lòng đám thiếu nhi nghèo khổ này. Tôi chần chờ mãi trong bóng tối nửa muốn mạnh dạn bước vào nói rõ sự thực, nửa muốn rút lui. Bỗng có tiếng reo lên :

– Ai như các anh ấy đến ngoài cửa.

Rồi cùng một lúc, ba bốn em chạy vội ra. Tuy sân bị khuất ánh đèn, chúng cũng nhận ra tôi :

– À anh Hoàng đây rồi ! Mấy anh kia không qua sao ? Chúng em trông sốt cả ruột.

Tôi nghe quay quắt trong lòng. Không thể nói sự thực ngay lúc này, tôi đành phải liệu bề giấu diếm. Lau vội nước mắt, tôi cố dọn lại bộ mặt vui tươi. Rồi tôi bước vào bảo các em :

– Đêm nay anh Lợi cũng như anh Lộc vì bận quá không qua được, anh phải đi thế. Các em bằng lòng chứ ? Cô Liên nữa, thế nào ?

Cả bọn cười. Liên cũng cười. Lớp học bắt đầu. Không nghi kỵ gì, Liên cũng như các em vui vẻ làm bài, nghe giảng bài. Và sau cùng đến giờ nghỉ, chúng xúm lại quanh tôi. Liên hỏi :

– Các anh bận gì thế ?

Tôi ngáp ngừng. Nhưng rồi tôi lại phải nói dối :

– Bạn học bài thi.

– Phải rồi. Hôm trước em cũng có nghe anh Lộc nói là kỳ thi sắp tới.

– Chắc anh ấy bận lắm.

Nghĩ rằng cái sự thực này khó mà giấu lâu được, đã mấy lần tôi định đánh bạo nói toạc ra, hầu thoát khỏi nỗi khó chịu vì phải tìm cách nói dối mãi. Nhưng cứ tưởng tượng đến tình trạng bi đát của đám trẻ này, một khi tiếng sét kia đã nổ, tôi càng thấy ngại ngùng, không dám rí hơi. Tôi lại tự khất với lòng tôi :

« Thôi để lần khác. Chờ đêm học sau vậy. »

Thế rồi, như một anh chàng túng



tiền hẹn nợ, tôi kéo dài cái kế hoãn binh này ra có trên hai tuần lễ, nghĩa là qua sáu đêm học. Cứ mỗi bận ở nhà ra đi, tôi quyết định là phải nói sự thực. Tôi còn mong rằng cái tin kia đã được đồn đến tai các em hơn là chính tôi phải nói. Việc đó cũng rất có thể. Cũng chính thế mà, mỗi đêm khi đi dạy, lúc gần tới nhà bà Tư, lòng tôi hồi hộp vô cùng. Nhưng rồi khi thấy Liên, cũng như bà Tư và tất cả các em khác trong lớp, vẫn vui vẻ, sẵn đón hỏi han về Lợi và Lộc, tôi lại yên tâm và cố tình để lùi cái việc báo tin qua một ngày khác.

Vả lại, sau mấy tuần dạy dỗ, tôi còn thấy một lý do khác để cần giấu kín, được ngày nào hay ngày ấy, cái tang đau đớn kia. Tôi nhận thấy ở lớp học đêm này, một công tích xã hội rất có ý nghĩa. Nếu Lợi và Lộc, hai học sinh ưu tú với

cái công trình học hỏi lâu nay, đã góp phần vào cuộc sống được một cái gì ích lợi thiết thực đáng kể, thì chính là cái lớp học này. Một thành tích hết sức nhỏ mọn, theo quan niệm thông thường, nhưng mà hết sức chân thành. Ở giữa một cuộc sống mà người với người, vì tham vọng, chỉ biết cắn xé nhau, đập bừa lên nhân tình, nhân nghĩa mà đi, thì cái việc làm nhỏ mọn nhưng đầy tình yêu thương này há chẳng đáng quý giá, trân trọng như những suối nước mát ngọt giữa bãi sa mạc nóng bỏng hay sao ? Với nó, mặc dầu phải chết giữa cái tuổi xuân xanh hơ hớ, giữa cái đời học trò, Lộc và Lợi vẫn không phải ra đi với hai bàn tay trắng. Sự sống của họ đã có một đôi chút ý nghĩa nào rồi. Tôi còn muốn nói là rất nhiều ý nghĩa, nếu người ta biết đánh giá những công tích xã hội, ở cái tính chất chân thành và cái tác dụng thiết thực của

nó hơn là ở những nhãn hiệu huy hoàng, to tát mà rỗng không. Và là bạn, tại sao tôi lại không biết nhận thấy, ở sự kế tục, bảo toàn cái công việc tầm thường này, một bốn phận và một vinh dự lớn. Hơn nữa, ở những giờ phút sinh hoạt với đám trẻ em, mặc dầu với những ấn tượng mà tâm não tôi đã thu nhận ngay trong nhà xác hôm nào, tôi vẫn có cảm tưởng như là Lợi và Lộc chưa chết. Họ còn sống, cũng như tôi vậy, giữa đám thiếu niên nghèo nàn, ham học kia. Và tôi không có quyền làm cho họ chết.

Cũng may là cái xóm nghèo này gần như cách biệt hẳn với thành phố nên đã mấy tuần qua, cái chết của hai học sinh, xảy ra gần cầu Bạch Hổ, vẫn chưa có tiếng vang nào đến đây cả.

✱

Thế rồi đến một buổi chiều, nhân có việc phải đi ngang qua nhà bà Tư, tôi gặp Liên đứng trước ngõ. Vừa thấy tôi, Liên mừng rỡ, gọi tôi rồi rít :

– Anh Hoàng ! Anh Hoàng ! Anh đi đâu thế ? Ghé nhà em chơi đã.

Tôi vừa xuống xe, Liên đã lại nói tiếp :

– Em có một việc muốn hỏi anh.

Tôi lo ngại :

– Liên định hỏi việc gì ?

– Anh Hoàng này, hình như anh có điều gì muốn giấu chúng em. Em hỏi thiệt có phải...

Tim tôi đập mạnh. Nhưng rồi tôi lại

hoàn hồn ngay khi Liên nói tiếp :

– Có phải anh Lộc... À, có phải hai anh ấy đau không ? Nếu không thì sau lâu quá thế, đâu có bận học bài thi ? Có đau thì anh nói thực để mạ em và em qua thăm chứ.

Giọng nói chân thành và vẻ âu lo hiện trên gương mặt thùy mị của Liên lúc ấy làm cho tôi cảm thấy mình đã tàn nhẫn quá. Tự nhiên tôi muốn cho Liên biết sự thực. Tôi bảo :

– Này Liên, anh nói cho Liên biết sự thực nhé. Nhưng có chịu hứa với anh... một điều không ?

Mắt Liên chớp nhanh, nàng tỏ vẻ nôn nóng :

– Em hứa... Nhưng thế nào, anh nói cho em nghe đi. Nói đi...

– Liên đừng cho các em khác biết, chúng buồn tội nghiệp.

Tôi đưa tay chạm rãi và thân mật gỡ một chiếc lá khô vương trên mái tóc Liên để có thì giờ nghĩ kỹ những lời sắp nói. Tôi cương quyết không yếu đuối lần này. Nhưng rồi, trước cái vẻ băn khoăn của Liên, tôi lại phải nói dối, và khéo nói dối hơn cả các lần trước :

– Cả hai người chả ai đau ốm cả. Nhưng vừa rồi... được tin... bà mẹ cảm nặng, Lợi và Lộc phải về gấp và nhờ anh thay thế bày vẽ cho các em. Cũng hết nghỉ hè họ mới trở ra.

– Thế các anh ấy bỏ thi à ?

– Bỏ thi.

Liên thở dài, đưa ngón chân cái ấn sâu xuống mặt đất rồi đứng im lặng.

Được một lúc nàng ngẩng lên, tôi lại thấy cặp mắt Liên chớp nhanh. Liên bảo tôi :

– Anh vào nhà chơi đi. Có mạ em ở trong ấy.

Theo Liên tôi vào. Vừa đi, Liên vừa chỉ lên những chùm vải lông trên cây, nói với tôi :

– Thế mà mạ em lo lông vải để dành cho các anh đấy. Bây giờ anh Lộc, anh Lợi đều đã về xứ cả. Nhưng tại sao anh không cho biết sớm ?

Vào nhà, Liên rót nước mời tôi. Trong lúc tôi ngồi nói chuyện với bà Tư, Liên bỏ xuống nhà dưới. Được một lúc, vì hết thuốc hút, bà Tư lên tiếng gọi. Nhưng không thấy Liên, chỉ thấy đứa em chạy lên nói nhỏ cùng bà mẹ :

– Chị Liên chóng mặt đi nằm rồi.

Bà Tư phàn nàn :

– Con ấy mới đẩy mà đã ngộ gió máy gì rồi. Khổ quá.

Nhưng đến lúc tôi ra về, vừa đến ngõ, thì Liên lại chạy vội theo gọi tôi :

– Anh Hoàng ! Cho em nói cái này chút.

Tôi dừng lại, quay nhìn Liên. Bỗng tôi sửng sốt. Mới cách có mấy phút thôi, trông Liên đã khác hẳn đi. Nàng có vẻ bơ phờ như vừa qua một cơn sốt vậy. Tôi hỏi :

– Liên sao thế ?

– Em có sao đâu. Đây, anh. Anh trở xuống chứ ? Anh xuống với chúng em mãi cho đến lúc anh Lộc... và anh Lợi ra chứ ?



– Lẽ cố nhiên.

Liên lại nhìn tôi bằng một cái nhìn khác thường khiến tôi phải chú ý. Tôi cảm thấy Liên nhìn một người nào qua tôi hơn là nhìn tôi. Tự nhiên tôi hiểu cả. Cái nhìn là lạ, cái nhìn có gợn một thứ sóng mắt ngại ngùng mà tôi được thấy lần đầu tiên, ở người con gái thanh tân này, đã tiết lộ với tôi một cái gì rồi đây. Tôi biết vì sao mà Liên cần sự có mặt của tôi, cần gần gũi tôi trong những ngày sắp đến. Những người quen thân với Lộc và Lợi nhất là Liên được biết, còn ai ngoài tôi nữa. Tôi thấy tôi là một cái điểm bám víu cho một con thuyền đang chới với giữa dòng. Tôi như vừa bắt chợp được qua cặp mắt ấy, một cái gì chớm nở, một sự chuyển cánh nhẹ nhẹ, một lần xao động đầu tiên của mặt hồ im vừa gặp gió sớm. Chỉ có thể thôi. Nhưng vì Liên, tôi

đã nghe chết điếng cả lòng.

Tôi đi đã xa, nhưng Liên vẫn còn đứng yên trước ngõ. Hàng ngàn cánh ve, từ trong những vòm lá xanh uể oải gọi nắng chiều, ngân lên rộn rã một khúc nhạc sầu. Gió nam thổi rạp cả bờ cây, thổi tung cả tà áo và mái tóc của người con gái đáng thương. Nhìn lại bóng Liên ở xa, tôi chắc Liên còn ngó theo tôi. Nàng ngó theo – qua bóng tôi – một bóng người nào khác. Một người đã chết rồi nhưng Liên thì vẫn đinh ninh là còn sống. Một sự lạ là ngay chính tôi, giữa lúc này, tôi cũng có cảm tưởng y như là hai anh em Lộc chỉ về quê thăm nhà mà thôi.



## CON NGỰA HAI CHÂN

**T**hập Bản.

« Thập », cái danh hiệu này kể cũng đã lỗi thời quá rồi. Nhưng tôi vẫn muốn dùng nó để gọi nhân vật mà tôi sắp giới thiệu cùng các bạn độc giả. Thuở tôi còn nhỏ, những người chung quanh tôi thường gọi thế, tôi cũng hay gọi như thế rồi nó quen mãi cho đến bây giờ.

Tôi được biết Thập Bản ngay từ cái

thời mà đất Đế đô đang còn chói lọi, rạng rỡ màu vàng son. Cái thời mà ngai vàng, bệ ngọc trong chốn thâm cung, cân đai, áo mão, hia hốt, bài ngà của các vị đại thần, những vành khăn nhiễu xanh rộng lớn, cùng các thứ xiêm y thêu thùa sắc sỡ của các bà mệnh phụ, còn tạo cho cái kinh thành này một sắc thái riêng biệt. Tôi muốn nói là một không khí cao sang, trầm lặng, mà ở trong đó, người ta có cảm tưởng là thời gian như ngừng hẳn lại, không đi, và chưa hề trôi chảy bao giờ, trước cái rào rào của cuộc tiến hoá chung vĩ đại... Thuở ấy, tôi mới được mười hai tuổi mà lão thì đã trên bốn mươi. Tôi cũng không rõ lão đã rời bỏ đồng ruộng, lữ tre để gia nhập vào cái hàng ngũ « linh hầu » từ lúc nào. Chỉ biết rằng khi gia đình cha tôi dọn đến tư dinh, ở con đường Bộ Tham, thì tôi đã thấy lão rồi. Người trong nhà đã bắt đầu

gọi lão là chú Thập Bản.

« Chú Thập », một danh từ hồi đó, tôi vì quen tai, quen miệng mà dùng, nhưng mãi về sau này, tôi mới hiểu nghĩa. Bậc chót trong hệ thống phẩm trật của triều đình thường là dừng lại ở con số chín. Nhưng để an ủi cái thân phận truy tuý của những hạng người như lão và làm tôn trưởng thêm cái thể giá của chốn quyền môn, đẳng cấp thống trị thời bấy giờ, đã khéo chèn thêm, dưới nấc thang thứ chín, một nấc thứ mười. Sự thực thì con số mười, đi kèm theo với cái tên lão, không biểu thị được một chút giá trị nào về công danh. Tuy vậy, nó cũng làm cho lão hãnh diện chán. Với nói, lão tự thấy mình đã cách biệt với lớp dân đen lúc nhúc trong bùn lầy, rơm rạ và, ở một mặt khác, được gần lại với chốn cao môn, tuy chỉ gần để phục dịch. Với nó, lão lại còn

được cái quyền vận vào người một cách khá đặc biệt. Nghĩa là một cái khăn niền đen, chừ nhân, bằng vải dù, một cái áo « cổ hò » màu xanh đậm, một cái quần vải trắng. Nhưng với ngấn ấy thú, lão vẫn không biến cải được cái cốt dân quê với tấm thân vạm vỡ, màu da sần sùi, đen đui, bộ mặt ngớ ngẩn và hai bàn chân, hai bàn tay quá thô kệch. Cả trong những ngày khánh tiết với cái nón bọc vải xanh và đôi xà cạp màu xanh, người lão cũng vẫn thế mà thôi.

Thập Bản chực sẵn sàng ở tư dinh cha tôi để đảm nhận một cách sốt sắng và hãnh diện cái phần hành mà lão tự phụ là rất sở trường. Lão giữ nhiệm vụ hầu xe. Gần gũi lâu ngày, tôi càng nhận thấy rằng Thập Bản, với công việc này, đã toại được một phần lớn chí nguyện bình sinh của lão. Tuy ngoài việc hầu xe, lão

cũng còn nhiều công việc khác. Chẳng hạn như lão phải trông trọt, chăm sóc vườn hoa hoặc giúp đỡ người bếp già trong việc nấu nướng. Nhưng chính hầu xe mới thật là một cái gì thích hợp với chí hướng, khả năng và cái hứng sống của lão. Thập Bản vừa đắc ý, vừa say sưa, kiêu hãnh với cái công tác cần vụ này. Lão thường khoe với nhiều người :

– Tôi hầu xe thế này là đã được bốn năm với ba đời quan rồi. Cụ Thị Bình này, cụ Tham Hình này, cụ Tham Hộ này. Cụ nào cũng khen, cũng thích tôi cả. Vì cụ nào cũng vừa lòng cả.

Mà quả thật thế. Nếu cái việc hầu xe giỏi cũng được coi là một thứ danh thì lão phải thuộc vào cái hạng « danh bất hư truyền ». Thập Bản không nói ngoa chút nào. Mỗi ông bạn đồng liêu của cha tôi, mỗi lúc đến nhà và trong những



câu chuyện phiếm, khi bàn đến chuyện kẻ hầu người hạ là thế nào cũng không quên nhắc đến lão. Tôi thường được nghe những câu « tuyên dương công trạng » chẳng hạn như :

– À, cái thằng cha Thập Bản đạo này lại về hầu cụ. Tôi tiếc nó quá. Tìm được một tên kéo xe giỏi như nó thật là khó lắm nhé ! Kể về cái tài hầu xe của nó cũng ít đứa bì kịp.

Rồi thì bao nhiêu đức tính của lão đều được các ngài kể ra. Nào là lão có sức chạy dai. Nào là lão chạy nhanh mà êm ái, không nhồi, không xóc. Nào là lão giỏi chịu đựng, nhiều hôm phải nhịn đói vì những cuộc yến tiệc kéo dài quá khuya mà không mệt mỏi. Nào là lão biết trân trọng gìn giữ xe cộ. Nào là... nào là... đủ thứ.

Có ông, vì dào dạt thiện cảm đối với lão, còn vỗ đùi mà nói lớn :

– Ai chao ! Thằng cha thế mà có lương tâm. Lắm lúc nó biết quý xe cộ mình hơn là chính nó. Tội nghiệp, chính vì thế mà tôi thương nó vô cùng !

Cứ nghe những câu ca tụng này, tôi có cảm tưởng là các ông bạn đồng liêu của cha tôi đang nói về một con ngựa hơn là một con người. Tôi nghĩ mà thương hại cho lão. Nhưng rồi lắm lúc tôi đâm ngờ vực cả óc xét đoán của tôi về việc đời, vì tôi thấy lão không buồn phiền chút nào cả mà trái lại, lão rất vui thích. Những lúc như thế, lão rình nghe và lấy làm đặc ý lắm. Bộ ria đen của lão rung rung và mũi lão cứ phồng cứng lên mãi. Rồi hí hờn, lão nhón chân chạy xuống khoe với người bếp già :

– Đấy, đấy, các cụ lại khen đấy. Anh có nghe không ? Nói không phải nói phét chứ những bọn lính hầu ở khắp lục bộ này chả thằng nào ăn đút được tôi. Hì... hì...

Và không để ý đến cái lườm tức tối, ganh tị của người bếp già, Thập Bản ngồi xuống giường, tựa lưng vào cột, hai tay ôm lấy gối, ngửa mặt lên, nhoẻn miệng cười. Chưa bao giờ tôi được thấy bộ mặt hí hờn một cách ngu xuẩn và một cái cười khả ố như bộ mặt và cái cười của lão vào những lúc này. Tuy vậy, tôi – cũng như anh chị tôi – rất có cảm tình với lão. Là vì Thập Bản rất vui tính lại dễ sai bảo. Lão còn hay chịu khó để chịu theo sở thích của chúng tôi. Lấy tổ chim này, hái khế, hái nhãn này, đan lồng chim, làm đồ chơi, kể chuyện cổ tích, nói tuồng v.v... Cái gì hình như lão cũng làm được cả.

Nhưng cái thú mà chúng tôi ham thích nhất là cái thú được điều khiển lão làm ngựa. Theo anh tôi nói thì chính anh tôi đã bày ra cái thú này, sau mấy bận huấn luyện Thập Bản về cái cung cách làm ngựa. Thực ra thì chính lão đã hiến cái trò chơi này để tỏ lòng tri ân anh tôi vì năm xu rượu với một lý do khác nữa mà về sau này tôi mới biết. Cũng chả hiểu những ước lệ hai bên đã ký kết tự bao giờ, mà có một buổi chiều kia, sau khi đã hỏi tôi có thích cưỡi ngựa không, anh tôi liền bóc hai ngón tay cho kêu « tróc » lên một tiếng rồi gọi :

– Ê, Thập Bản !

Vừa hầu xe cha tôi mới về, Thập Bản đang còn ngồi nghỉ lấy nón quạt vào người và thở hồng hộc, áo quần mình mẩy ướt đẫm cả mồ hôi. Nhưng vừa

nghe anh tôi gọi, lão đã quay lại nhăn nhở cười :

– Dạ, cậu gọi gì ?

– Đem xe ra ngõ, mau lên !

Tuy chỉ lớn hơn tôi có mấy tuổi, anh tôi đã học được, chẳng biết ở đâu, cái oai vệ và hống hách của một ông thượng thư đầu triều. Thập Bản dạ một tiếng rồi đem xe ra. Anh tôi và tôi cùng trèo lên :

– Chạy về ngã Hộ-thành ấy, nghe chưa ?

Thập Bản liền cầm đầu chạy. Được một lúc anh tôi bỗng ngồi thẳng người, cất giọng điều khiển :

– Phi nước đại !

Thập Bản không ngó lui, chỉ cười rồi nói :

– Hì... hì... Dạ, phi nước đại hả ?  
Được rồi, hai cậu liệu ngồi cho vững. Tôi  
phi đây. Hì... hì...



Tức thì lão phi như một con ngựa.  
Lão phi nước đại. Lão chạy cao sơn, hai  
tay nắm chặt càng xe. Vừa chạy, lão vừa  
vận chuyển cho thùng xe chống lên, hạ  
xuống. Anh tôi thích trí, cười sảng sặc.  
Tôi thì nghe ngộp quá và đến một lúc tôi  
phải kêu lên :

– Thôi, thôi. Đừng phi nữa. Đừng phi...

Thấy tôi sợ, anh tôi dậm chân xuống sàn xe, hét to :

– Hò... hò, hò... Bảo hò mà lại... Hò...

Và quả như một con ngựa, lão đang chạy nhanh bỗng tự hãm lại. Lão cười :

– Hì... hì... Phi như thế đã thú chưa ?

Anh tôi gật đầu :

– Phi giỏi đấy. Nhưng Ninh nó sợ. Bây giờ tể đi. Tể thú hơn.

Lão lại cười :

– Lại ứng tể... hì... hì... Hai cậu ngồi dựa ra sau, tôi để tể hơn. Tôi bắt đầu đây.

Xe lại chạy một cách êm ái. Lần này tôi thấy thích hơn. Tôi hỏi anh tôi :

– Đi ngựa có thú hơn thế này không ?

– Cũng thú như thế này. Nhưng nguy hiểm hơn. Vì ngựa có lúc nó cất mình té chứ Thập Bản thì không dám cất bao giờ. À, Ninh tập điều khiển cho quen nào. Chú Thập ơi, chú phải làm theo lời nó nhé.

Tôi bèn tập điều khiển. Tôi hết bắt lão phi nước đại, đến bắt lão kiệu, lão tế. Thỉnh thoảng tôi hò lão lại để rồi bắt lão phi. Thích thú, tôi bảo anh tôi :

– Giá chúng mình có một con roi nữa thì y như là người cưỡi ngựa thật rồi anh nhỉ.



Thập Bản quay cả bộ mặt ngó ngần lại nhìn tôi :

– Hì... hì... lại muốn có roi nữa ! Tôi thì cần gì phải đợi roi mới chạy.

Từ hôm ấy, chiều chủ nhật nào tôi cũng xin phép mẹ tôi cho Thập Bản đưa tôi đi chơi. Tôi thấy chẳng có cái thú nào hơn là vừa nhá kẹo, vừa điều khiển con ngựa hai chân ấy chạy nhong nhong qua các con đường thăm lặng trong Thành Nội. Nhưng dần dần những con đường trong Thành Nội trông quen thuộc quá, tôi bèn nảy ra cái hứng muốn phóng ngựa cho xa hơn. Và có một hôm, tôi điều khiển Thập Bản chạy ra phía cửa Đông Ba rồi trở lên cầu. Giá như cứ thế mà cho chạy về Gia Hội, trở về cửa Thượng Tứ thì cuộc du ngoạn bằng « ngựa » này kể cũng thật là thú vị.

Nhưng khổ một cái là óc tinh nghịch trẻ thơ còn muốn tôi phải tìm những thú mới lạ hơn trong việc khai thác và thử thách với khả năng của Thập Bản. Cái sáng kiến ma quái này vụt hiện ra, trong óc tôi, khi chiếc xe vừa qua khỏi cầu, đang bổ nhanh xuống dốc. Bất thành linh, tôi dậm chân vào sàn xe, hét to lên :

– Hò, hò, hò...

Tôi hét to quá. Nghe mấy tiếng « hò, hò » và trong một phút bất thần, không kịp suy nghĩ, Thập Bản đang chạy như bay, ra sức tụt hãm để dừng lại. Chiếc xe bỗng chúi xuống rồi nghiêng hẳn qua một bên. Đất trời vụt nhiên đảo lộn. Cảnh vật chung quanh tôi rung rinh chao đảo, quay tít một vòng. Tôi rú lên một tiếng rồi không biết gì nữa. Khi tôi tỉnh dậy thì thấy mình nằm ngửa trong xe. Chung quanh xe, một đám đông người xúm lại.

Còn Thập Bản thì đang ôm lấy chân tôi. Lão nhìn tôi với cặp mắt gần như muốn khóc. Mặt lão xây xát nhiều nơi, có chỗ bầm lên hoặc rướm máu. Sắc mặt lão xanh như sắc mặt người chết. Toàn thân lão run lên lấy bầy. Trông lão phờ hảnh người đi với cái vẻ rối loạn, cuống cuống của một người lương thiện vừa gây nên án mạng vì ngộ sát. Lão hỏi rồi rít :

– Cậu có thể nào không ? May mà chẳng có thương tích gì hết. Nhưng trong mình ? Cậu có nghe trong mình thế nào không ? Có đau ở chỗ nào không ?

Tôi lắc đầu. Lão lại nói :

– Thật không chứ ? May quá sức. Thật là cái phước ba mươi đời của tôi. Cậu không việc gì, xe cũng không việc gì. Lạy ông bà, may quá.

– Nhưng còn chú ?

Tôi nhìn kỹ người lão. Mắt tôi bỗng chú ý đến hai ống quần lão rách toạc ở đầu gối, ướt đẫm cả máu. Tôi nhăn mặt, hỏi vội :

– Nhưng chú làm sao thế ? Làm sao mà... mà...

Lão vạch rộng hai chỗ rách ra. Tôi rùng mình. Hai gối lão bị chọt mất hai miếng da to tướng, máu tuôn xối xả. Tôi nhắm mắt lại, kêu lên :

– Làm sao chú ? Để yên thế mà chịu à ?

Thập Bản cười hì hì :

– Chỉ lo cho cậu với cái xe. Chú còn tôi...

– Còn chú ? Chú làm sao ?

– Còn tôi thì lo gì. Cậu và xe không việc gì, tôi quên cả đau.

Tôi lắc đầu :

– Không được. Chú phải đi rửa đi, phải tìm cách băng bó đi. Mau lên.

Nhiều người trong đám đông cũng khuyên lão nên vào căn nhà gần đấy xin thuốc và băng bó lại. Nói mãi, lão mới chịu rời tôi mà đi. Tôi ái ngại nhìn theo, cái thái độ vô lý của lão khiến tôi phải nghĩ ngợi. Quả tim bé bỏng của tôi, lần đầu tiên phải rung chuyển vì một niềm ân hận lớn lao. Và khối óc ngây thơ của tôi loay hoay mãi trước những câu hỏi mà nó không đủ sức giải đáp. Tôi không hiểu tại sao Thập Bản lại có thể tận tụy với anh em tôi như vậy ? có thể để cho chúng tôi sai khiến một cách quá dễ dàng như vậy ? Có thể chịu đựng tất cả

mọi sự khó tính, yêu sách, dằn vặt của chúng tôi như vậy ? Ngay trong cơn tai nạn lão đã trung thành đến cái mực độ chỉ biết lo cho tôi và cái xe mà quên cả đau đớn, quên cả thương tích, quên cả những gì đáng lo cho bản thân lão. Nói rằng lão sợ cha mẹ tôi, cũng không được đúng lắm. Vì trong gia đình, cha mẹ tôi không bao giờ dung thứ cho chúng tôi những lối đối xử bất nhã hoặc tàn tệ đối với kẻ ăn người ở trong nhà. Cả đến cái thái độ bạc bẽo cũng vậy. Một việc nó chứng minh rõ ràng hơn cả về cái hậu tình của cha mẹ tôi đối với hạng tôi đòi là, bất cứ ngày kỵ nào, tôi cũng thấy một mâm cơm đặt riêng trên bàn thờ nhỏ mà chúng tôi phải lạy. Mâm cơm này là để cúng một người đầy tớ cũ đã chết từ lâu. Và chính Thập Bản cũng hiểu rõ những điều này. Tuy vậy lão vẫn giấu biệt cha mẹ tôi và luôn luôn đồng lõa với chúng

tôi trong việc chúng tôi làm tình làm tội lão đủ thứ. Tôi nghĩ không ra. Mãi về sau, cách đây ít lâu, chính Thập Bản, trong một dịp giải bày tâm sự, đã giải đáp hộ tôi về những điểm thắc mắc này.

Tôi còn nhớ là một đêm có trăng, Thập Bản cùng ngồi chơi với chúng tôi trong sân, trước chái tây của tư dinh. Sau khi đã kể chuyện cổ tích cho chúng tôi nghe, lão bỗng thở dài :

– Tôi hầu xe tới nay là đã bốn đời quan. Đời cụ nào cũng thương tôi cả. Và cụ nào cũng hứa sẽ thưởng cho một cái cữu phẩm. Nhưng rồi cái số tôi nó thế nào ấy... hì... hì... Chuyển nào cũng trật cả. Anh em cùng một lớp với tôi, nay nhiều người đã thành ông cữu, có kẻ đã được cả bát phẩm nữa, về làng về nước danh giá biết bao, mà tôi thì Thập vẫn hoàn Thập...

Tôi hỏi :

– Thế sao chú không thừa thật với Ba tôi ?

Lão lắc đầu :

– Ấy chết, tôi đâu dám. Cụ quả chết. Tôi không dám.

Rồi lão nhìn anh tôi và tôi, nói tiếp :

– Họa may là có các cậu nói hộ cho mới xong. Này nhé, các cậu thừa lúc nào cụ vui, nói hộ cho một tiếng. Chả hạn như là... như là Thập Bản nó thấy nhiều người được cứu phẩm nó buồn lắm... Thập Bản nó hầu hạ đã bốn đời quan rồi... Hì... hì...

Anh tôi vỗ ngực cương quyết :

– Được rồi. Tôi hứa là sẽ nói hộ chú. Chú đừng lo nữa. À này, tôi vừa thấy một



bộng sao sáo trên cây xoài, ở cuối vườn.  
Chú bắt cho tôi nhé.

Hai hôm sau, mấy con sao sáo đã vào tay anh tôi. Lại có cả một cái lồng nữa. Nhưng hai hôm sau, và mãi mãi về sau, tôi cũng không hề bao giờ được nghe anh tôi nói gì với cha tôi về việc xin cứu phẩm cho Thập Bản cả. Một điều làm cho tôi thương hại mà không dám nói ra là anh tôi, tuy còn nhỏ, nhưng cũng khéo biết lợi dụng cái « mộng cứu phẩm » của Thập Bản, mỗi lúc cần đến lão một việc gì khó khăn. Thỉnh thoảng, anh tôi lại đề cập đến chuyện này :

– Tối nay chú Thập ạ ! Tối nay tôi sẽ nói cho nhé. Hôm trước tôi vừa định nói thì lại có khách vào, tiếc quá.

Và lúc nào, sau một câu hứa hẹn như vậy, thì y như là cũng phải có một yêu

sách kèm theo. Hoặc là tổ chim cần lấy này, một con chuột bạch cần tìm mua này, một chùm đào, chùm lê cần hái v.v... Bao giờ cũng có cái gì cần cả. Tôi càng thương hại hơn là tuy anh tôi cứ hứa suông mãi, mà lão thì vẫn cứ tin tưởng mãi, tin tưởng mãi...

Rồi mãi mãi như thế... cho đến một ngày...

Một buổi sớm mùa đông rét mướt. Một buổi sớm mà lão phải đưa cả gia đình tôi lên tàu để từ giã đất Thần kinh.

Đứng bên anh tôi, tựa người vào cái thanh ngang bằng đồng bóng lộn, sau tấm cửa kính ở toa tàu hạng nhất, nhìn xuống sân ga, tôi thấy lão khóc. Và khi tiếng còi tàu rúc lên, tôi thấy cả một bộ mặt hốc hác, thiếu não, tuyệt vọng của lão ngược lên phía chúng tôi và xa dần,

xa mãi, rồi khuất hẳn sau đám khói đen sì.

Thập Bản khóc vì cảnh biệt ly ? Hay vì cái mộng công danh tan vỡ ?

Cả hai lý do đều làm cho quả tim nhỏ nhỏ của tôi nặng trĩu cả buồn thương.



## SỐNG GỬI

**G**ian nhà số một trong dãy nhà mười gian ở phía đầu cầu Đông Ba bỏ trống đã lâu. Người thuê gian nhà này trước kia là một ông Thông làm ở sở lục lộ. Ông Thông dọn đi ở chỗ khác đã được mấy tháng rồi nhưng gian nhà vẫn còn bỏ trống, cửa vẫn đóng kín mít, và tấm bảng đen có mấy chữ « Nhà cho thuê » bằng phấn trắng vẫn còn treo mãi trước cửa lớn. Và trước mặt nhà, khách qua đường còn thấy cả một bức sáo tre.

Bức sáo này chẳng biết của chủ nhà cho thuê hay của ông Thông bỏ sót lại. Bức sáo đã quá cũ, lại cụt ngùn vì đứt mất một khúc phía dưới, những nét vẽ cũng như cái màu xanh đậm của bức sáo đã phai nhạt hẳn đi nên trông nó xạc xài, tiêu tụy chẳng khác gì một ả giang hồ đã hết duyên lúc trở về già lại bệnh hoạn. Tuy vậy, chẳng có một ai đã nghĩ đến sự đem vất bỏ bức sáo khổ ấy đi cho nó khỏi chướng mắt. Người ta để mặc nó nằm yên chỗ cũ, ngày đêm lặng lẽ rũ mình, trơ cái thân tàn ra với mưa, với nắng, với gió, với sương, và làm tăng thêm vẻ u hoài, ngất lặng của một gian nhà bỏ trống. Như thế mãi mãi cho đến một hôm, một buổi chiều mùa thu, trời trở rét, bức sáo tre bỗng dưng bị hai bàn tay độc ác nào chẳng biết, gỡ xuống đem vứt ra ngoài đường, bên cạnh sọt rác đang nằm chờ người ta đem xe bò đến rước đi.

Kẻ giờ tay làm cái việc tàn nhẫn là một người đàn bà đã già nhưng còn mạnh và gọn gàng, nhanh nhẹn. Mới trông qua người ta biết ngay mù là một người đi ở mướn. Mù già vừa làm xong công việc ấy thì từ đâu ở phía bờ sông, một chiếc xe bò chậm chạp tiến vào rồi dừng ngay trước mặt nhà. Hai người phu xe ì ạch khuân đồ bỏ lên thêm rồi xe lại đi, rồi lại trở về để rồi đi thêm mấy chuyến nữa. Khi đã chở xong đồ, mù vú già mở rộng tất cả cửa lớn, cửa sổ ra bắt đầu quét dọn và hợp lực cùng hai người phu xe khuân vác đồ đạc vào nhà. Một lũ trẻ con lúc ấy nghe tiếng ồn ào và thấy sự lạ mắt đã kéo nhau lũ lại trước hiên đứng xem. Những người lớn, nhiều nhất là đàn bà, tò mò một cách kín đáo hơn. Họ chỉ đứng ngay trước ngưỡng cửa ghé mắt nhìn sang, trở vào đóng đồ ngổn ngang trước hiên rồi nhỏ to bàn tán những gì với nhau. Hai

người đàn bà trọ gian số tám vừa ló đầu ra khỏi cửa đã quay vào nhìn nhau cười. Người già bảo người trẻ :

– Ông Thị dọn đến ở rồi đấy !

– Ông Thị nào ?

– Thị Phùng chứ còn Thị nào ?

Người đàn bà trẻ đứng im một lúc, có dáng suy nghĩ :

– Thị Phùng nào ? Thị Phùng, ai biết lão ấy.

– Lão Thị người ôm ồm, thấp thấp con người, độ trước mỗi khi lên sòng bà Chúa thường hay đi với thằng cha Ba Hy ấy, không biết à ? Hai vợ chồng đi đâu vắng có sáu, bảy tháng trời nay bây giờ mới lại trở về Huế.

– Thế thì tôi không biết. Nhưng ông



Thị, ông Tham gì mà lại tồi thế, khổ thế.

Người đàn bà trẻ bảo ông Thị là tồi, là khổ vì trông thấy đồng đồ của mẹ già chở đến chẳng có cái gì có giá trị, đẹp đẽ, nên hình, nên dáng cả. Và cũng chẳng có gì nhiều. Một bức phản ngựa một đĩa ăn loang lỗ đây đó, một cái bàn nhỏ, thô và cũ, bốn cái ghế đóng theo kiểu xưa, một cái giường mùng bằng gỗ tạp cũng đã cũ lắm rồi, hai chiếc chõng tre, mấy chiếc chiếu hoa ướm rách, nhạt cả màu, mấy tấm mùng hình như đã lâu ngày chưa giặt, vùi lẫn với ba bốn cái chăn mỏng màu tro xám thành một đồng to tướng trông vừa bẩn, vừa lồi thoi, một cái rương chuông có ràng dây chẳng biết ở trong chứa những thứ của quý gì, hai cái thùng gỗ khá lớn đựng nổi niêu, chén bát và những đồ dùng lặt vặt khác. Đây là cả đồ đoàn của gia đình ông Thị. Và

ngân ấy thú của chẳng đẹp mắt lại đem bày ngổn ngang, lộn xộn ngay trước hiên nhà, trông nó càng tang thương, thiếu nào lạ lòng. Nhưng rồi người ta chẳng phải nhìn lâu cái cảnh khổ mắt ấy. Chỉ trong mấy tiếng đồng hồ, mù già và hai người phu xe cũng đưa xe đi đâu mất. Mù già đi mãi đến lúc sẩm tối mới về với một rổ đồ ăn. Tối đến gian nhà số một có ánh đèn sáng và tiếng cười nói của nhiều người. Qua sáng hôm sau, khi mặt trời lên đã khá cao, người ta lại thấy một chiếc xe tay đẩy lại trước gian nhà ấy. Trên xe bước xuống một người đàn ông và một người đàn bà ăn mặc khá sang trọng. Người đàn ông vào trước, tay xách một chiếc va-li lớn, người đàn bà theo sau, ôm một cái tráp cẩn. Đây là hai vợ chồng ông Thị. Hai người chỉ vào một lúc rồi lại ra đi. Và từ đấy trở về sau, chẳng có ngày nào người ta thấy ông

Thị bà Thị ở nhà. Đi vắng mãi. Người ta thường gọi hai vợ chồng nhà này là ông Thị bà Thị nhưng chẳng ai biết là thị gì. Người ta chỉ biết rằng hai vợ chồng ông Thị có của khá nhiều, chuyên sinh nhai về nghề cờ bạc, và hai vợ chồng ông Thị không xứng đôi vừa lứa một chút nào. Cả hai đều mang trong người những cái trái ngược với luật tạo tác hình hài của tạo hoá. Ai muốn tìm được một bằng cứ đủ để chứng tỏ rằng đấng hóa công mà người ta thường cho rằng hoàn thiện hoàn mỹ cũng có nhiều cái vụng về, lầm lẫn rất đáng phàn nàn thì hãy cứ nhìn vào cặp vợ chồng này. Ở vợ chồng ông Thị có tất cả một sự đảo ngược rất tức tối, rất đáng bất bằng. Bà Thị thì đàn ông quá mà ông Thị thì lại hết sức đàn bà. Bà thì cao lớn, đầy đà, mắt to, miệng rộng, lưỡng quyền rất cao, môi rất dày, trán cũng cao nữa, lỗ mũi là thứ lỗ mũi sư tử,

nở nang và kín đáo, ngấn ấy tướng mạo lại thêm cái lối ăn rõ to, nói rõ lớn và ngồi đứng rất sỗ sàng, trông vẻ người đàn bà thật đường đường là một đấng trượng phu. Chỉ còn thiếu một chòm râu. Bên cạnh người đàn bà hùng dũng này, ông Thị của chúng ta trông thật là thiếu nảo vô cùng. Ông Thị thấp lùn chùn, mà lại ốm yếu vêu vao như một con cò nhịn đói bấy tám ngày trời. Cặp mắt lơn hi hí chẳng lúc nào dám mở rộng ra mà nhìn trời đất cho nó rõ ràng. Lỗ mũi thì hếch lên, có bao nhiêu của nhờ, của bản đều phoir ra để trêu người thiên hạ. Hai bàn tay nhỏ nhắn nổi đầy cả gân xanh mỗi lúc cầm đến là người ta đã có ngay cái cảm giác khó chịu như bóp nhấm phải hai lá bún mềm. Giọng nói của ông Thị lại thô thể, cách đi, dáng đứng thì thật là hết sức yếu điệu, khoan thai.

Cứ trong tướng pháp, cái lối « nam nhân nữ tướng » như thế là đáng chê lắm. Nhưng ông Thị lại được lắm người yêu. Vì tướng mạo tuy có bần, nhưng làm được một ông Thị, lại có tiền có của để ăn sung mặc sướng thì vẫn cứ đáng yêu chuộng như thường. Hơn nữa, ông Thị lại nhỏ nhẹ vô cùng trong cách ăn, thói ở. Nhỏ như con ve cái kiến, lại hiền hậu, ít oi như một cô gái nhà lành. Ông biết ôn tồn, lễ phép, nhũn nhặn, ngọt ngào với tất cả mọi người, từ kẻ trên đến người dưới. Một đời mà chẳng dám làm mất lòng, mất bề ai. Người khó tính thế nào ông chiều cũng được. Lúc nào cũng tươi cười, lúc nào cũng nói năng ngọt xớt như đường, lúc nào cũng biết nhịn nhục, chịu cho thiên hạ là hay, là phải, là đúng, là đáng quý, đáng trọng, đáng yêu hết. Và chưa ai đã được thấy máu nóng nhuộm đỏ sắc mặt của người đàn ông này bao

giờ. Nhưng mà liệu chừng ! Đừng có vội thấy thế mà dễ người hay khinh thường. Người ta bảo rằng ông Thị khôn ngoan và lợi hại lắm. Là một con hổ già sắp thành tinh đấy. Là một chén mật ngọt để nhử những con ruồi khờ dại đấy. Không thế mà vẫn còn phong lưu sung sướng tuy đã sạt nghiệp đến ba lần, mà bà Thị, một người đàn bà gian ngoan, xảo trá và hung hãn có tiếng lại phải chịu lép vế ông ta.

Hai vợ chồng ông Thị dọn đến ở đây chỉ là ở tạm : bà Thị bảo mọi người thế. Trong lúc đi vắng, ngôi nhà vườn vợ chồng bà cho người ta thuê ; bây giờ trở về, chưa hết hạn, người ta chưa trả nhà, đành phải ở trọ mà chờ. Và ở tạm một đôi tháng thôi nên gian nhà tuy có chật hẹp bà cũng bằng lòng. Bà cũng chẳng trang hoàng, chẳng dọn làm chi cho nó mệt.

Đây là điều bà Thị thường đem ra nói trước nhất mỗi lúc có dịp trò chuyện với một kẻ nào hay có ai chú ý đến sự bản thủ và cảnh luộm thuộm của nhà bà. Sự thật nó thế nào thì trời biết. Nhưng người ta cũng có thể tin được lắm vì cái gian nhà trọ này có trang hoàng cho đẹp dễ, sang trọng ra thì cũng vô ích thôi. Ông Thị bà Thị có mấy khi ở nhà đâu. Cả hai vợ chồng kéo nhau đi đánh bạc luôn, đánh ngày, đánh đêm. Thường khuya lắm mới về để ăn uống rồi ngủ một giấc đến tám chín giờ mai rồi lại ra đi. Thỉnh thoảng lắm mới có mặt vào buổi trưa. Ít khi ở trọn một buổi chiều, hay một buổi sớm. Hai vợ chồng lấy nhau đã lâu nhưng chả có con cái gì. Người ta bảo bà Thị đau tử cung hay sao đấy mà các ông Đốc-tò khuyên nên tránh sự sanh đẻ. Bà Thị cũng chẳng vì thế mà chịu cưới vợ hầu cho ông Thị. Thỉnh thoảng người ta thấy

mụ Đinh – người đàn bà chuyên sinh nhai về cái nghề đi tìm con hầu, đứa ở – hay chính bà Thị dẫn về nhà này một con đòi ngây thơ, quê mùa, để giúp đỡ vú già. Nhưng chẳng có con đòi nào ở lâu quá năm hôm. Con đòi nào mới đến cũng siêng năng, chăm chỉ thế rồi chỉ được vài hôm lại đổ đốn ra, ăn chùng, ăn vụng, ăn cắp để bà Thị phải chửi mắng âm ỉ mà tống cổ ra đường. Bà Thị thường phàn nàn với mọi người rằng bà không có tay nuôi đứa ở. Chẳng biết có thật thế hay không. Chỉ có một điều ai cũng biết và để ý là những khi trong nhà có nuôi thêm con đòi đứa ở thì ông Thị đêm đêm về sớm hơn lệ thường.

Trong gia đình, ngoài vợ chồng ông Thị ra, còn có ba người : một bà già, mẹ ông Thị, một người đàn ông mà cái hình thù sai sẩy quá độ không giúp cho



người ta đoán được tuổi tác, anh ông Thị, và một người vú già. Bà mẹ ông Thị năm nay đã được bảy mươi. Tuổi thọ này ở những người mẹ có con làm nên ông này, bà nọ thường là một cái phúc lành. Nhưng ở bà chỉ là cái nhục, cái khổ. Ngày ngày, người ta thấy bà cụ đứng tựa hiên, mái tóc bạc phơ phơ và ngắn thu gọn trong chiếc khăn xéo bằng nhiễu xanh đã hoen ố, đưa mắt buồn rầu trông ra đường cái. Chẳng biết bà cụ suy nghĩ những gì, và trông ai, chờ ai, hay là chờ chết cũng nên. Già mà khổ thì ai chẳng cầu chết cho nó khỏe thân. Những khách qua đường không dòm lọt qua được bức sáo chữ thọ màu đỏ treo trước hiên nhà thay cho bức sáo cũ đã vứt đi, nên chẳng hiểu rõ tình cảnh của bà cụ. Song những kẻ ở gần đấy, cùng trọ một dãy nhà, ai mà còn lạ nữa. Bà cụ khổ lắm. Chẳng có một ngày nào bà cụ không bị người vú

già tổ cáo về cái tội ăn vụng một lần. Ăn vụng cá, vụng thịt. Nhưng thịt thì năm thì mười họa mới có, còn cá thì luôn luôn. Cá cần, cá bống kho khô, cá cơm, toàn là những thứ cá vụng chứ làm gì có cá khúc cho ngon ; tuy vậy mỗi lúc bắt được quả tang là mụ vú làm âm nhà, âm cửa lên, mụ mắng, mụ nhiếc, mụ sỉ vả cho đã tức rồi mụ lại cầu nhàu, mụ lại lườm nguýt. Thế rồi mụ cũng chưa tha đâu. Mụ còn chờ ông Thị bà Thị về mà mách cho bố ghét. Mà mụ đã mách một cái thì nhất định là bà cụ phải được lôi cổ lên, đứng rầu mủ ra, thu nhỏ hình lại và buông xuôi hai tay trước mặt con và dâu như kẻ có tội đứng trước quan tòa. Tang chúng rành rành ra đấy còn chối cãi ngả nào được nữa. Bà cụ đành phải đứng im lặng mà nhận lấy cái nguýt cái lườm của con dâu và lóng tai nghe những lời phải trái của con trai ban bảo :

– Mẹ làm thế là không có tốt, là bĩ cái mặt lắm biết chưa ? Ăn thì đợi nên mâm, nên bát rồi hãy ăn chứ. Ai người ta bỏ đói đâu mà phải trở cái lối ăn chùng, ăn vụng ra gớm ghiếc như thế hở ? Từ giờ là phải chùa, nhất định là phải chùa. Phải biết xấu hổ với ! Có nghe không hay là điếc ?

Bà cụ có điếc đâu, bà nghe tất cả. Bà cụ lại cũng biết rằng trở cái ngón ăn chùng, ăn vụng ra như thế là xấu hổ lắm lắm. Nhưng biết là một việc, mà làm lại là một việc khác. Ở thế gian này mà ai ai cũng có thể làm được tất cả những điều mình hiểu biết thì đã có biết bao nhiêu sự bất bình, bất mãn được san bằng rồi ! Hơn nữa con người ta, khi đồng tuổi hạc đã chồng chất lên trên đầu cao quá thì ai mà khỏi mang lấy trong người một tật chẳng lành, chẳng đẹp. Bà cụ đã già lắm

rồi, bà cũng phải có tật như bao nhiêu kẻ có tuổi khác. Nếu nhờ trời thương, Phật độ, mắt bà không lòa, tai bà không điếc, gối chưa run, lưng chưa còng, răng còn cứng chắc và con tỳ, con vị còn mạnh mẽ, tử tế, mà không lảm cẩm, không bần, không chướng, thì bà lại có một cái tật thêm ăn. Thêm ăn mà chẳng bao giờ được ăn cho nó tận thỏa cái thèm thì bà cụ phải ăn vụng chứ biết làm sao bây giờ. Giá đợi cho nên mâm, nên bát mà được no đủ, phủ phê thì bà cụ đại gì mà chẳng đợi. Ăn vụng có phải là sướng đâu. Ăn vụng là khổ lắm mà. Muốn ăn vụng thì phải rình, phải mò, phải trông trước, ngó sau, phải rón ra, rón rén, rồi phải lo, phải sợ, phải hồi hộp, phải run rẩy. Bỏ được một miếng vào mồm có phải là dễ đâu. Biết bao nhiêu là công phu, mà rồi còn bị la, bị mắng, bị nhiếc, bị chửi, bị đày tớ nó xem khinh, xem thường, đâu con nó rầy

rà, trách móc, thật là một trăm cái khổ. Nhưng không ăn vụng thì biết thế nào cho nó đỡ thèm, đỡ đói. Sống với con, bà cụ chưa bao giờ được ăn cho no, chứ đừng nói đến ăn sướng. Mỗi ngày hai bữa, mỗi bữa hai lưng cơm là chừng rồi, là nhất định như đinh đóng rồi. Hai lưng cơm với vài con cá kho khô, hay một ít mắm. Nên mâm, nên bát đầy. Mụ vú già cũng chẳng phải là cay nghiệt, nhưng gạo ăn và tiền chợ vợ chồng ông Thị giao có chừng như thế rồi. Bà Thị tính từng bữa. Thiếu đi thì có mà khổ với bà ấy. Bà Thị thường bảo rằng ở cái thời buổi cơm cao, gạo kém này mà ăn làm gì cho lắm vào. Nhất là lại đã già rồi. Già mà nhàn cư tọa thực thì phải biết nhơn nhơn cái lỗ miệng với. Ăn theo cái lối « không sợ dân kêu » là không được với bà. Mà cũng không phải già lắm miếng ăn, miếng uống mới phải bị hạn chế. Người anh

ông Thị và cả vú già nữa đã có mấy khi được một bữa cho thật no. Nhưng vú già còn tốt phúc hơn nhiều. Mụ giữ việc bếp núc, mụ còn ăn xén, ăn bớt được chút ít, cũng như người anh ông Thị nhờ cái lỗ mồm hay kêu rêu, than thở nên được bà Thị thỉnh thoảng trảm cái lỗ mồm ấy lại bằng những miếng cao lương thừa thãi, tuy bà ghét ông ta lắm. Bà ghét lắm mà ông Thị cũng ghét lắm. Ghét đến cái nước muốn xúc mà đổ đi. Nhưng ghét mà cũng phải nuôi. Người ta thường gọi ông anh khốn khổ này là ông Chột. Vì ông ta chột mất một mắt. Đã chột mắt lại có tật ở chân không đi được, chỉ ngồi hay nằm một chỗ. Ngày này qua ngày khác, ông Chột giữ mãi chiếc phản ngựa. Nằm ở đấy, ăn cũng ở đấy, ngủ cũng ở đấy và phóng uế cũng ở đấy. Ông Chột đã hỏng một mắt, mặt mày lại rõ chẳng rõ chịt như chiếc tổ ong, hình thù lại gầy

đét, gãy gập, tàn tạ, quần áo lại rách rưới, tóc tai thì dài thườn thượt và rối bù lên, mới trông vào người ta tưởng chừng là thứ ma quái gì hiện hình lên hơn là một con người. Đã thế lại bẩn quá, lâu ngày không tắm nữa. Hôi như con chuột chù. Mụ vú già phải bận rộn tối ngày vì cái ăn, cái ỉa, cái đái bữa bãi của ông ta nên mụ cũng ghét lắm. Mà cũng đáng ghét lắm. Cái thân đã vô dụng đến mức ấy, mà vẫn lắm lời, lắm tiếng, còn hay cãi nhải luôn mồm. Cả ngày ăn rồi có chịu nằm yên đâu. Ăn rồi thì nằm ngửa ra mà chửi, kể lể con cà, con kê một mình mình nghe, rồi lại kêu trời, kêu đất rồi lại khóc, và thỉnh thoảng tự nhiên vật mình, vật mẩy mà hét to lên, làm như có ai đánh, ai đập không bằng. Ai trông thấy ông ta như thế mà chẳng khen ông Thị bà Thị là giỏi chịu. Chứa chấp được một người anh tàn tật, vô dụng, hôi hám, thối tha mà

lại chẳng biết thân, biết phận như thế ở trong nhà kể cũng là hết chỗ tử tế rồi, đã hết lòng với anh em rồi. Trên đời này ăn ở được như vậy đã có mấy người. Nhưng ông Chột có thèm nghĩ gì đến những chỗ ấy đâu. Ông ta chỉ ăn rồi làm rày rà, và làm khổ mụ vú. Nhiều kẻ ở trọ cùng dãy nhà này cũng phải khổ lây, phải mất ăn, mất ngủ vì ông Chột. Người ta ghét ông Chột vô cùng. Ông Thị bà Thị tuy ghét cay, ghét đắng nhưng vẫn điềm nhiên, và nhờ cái lối hay kêu rêu, rầy rà ấy mà ông Chột lại sướng hơn bà cụ. Vì khuya lại cứ mỗi lúc ông Thị bà Thị về nhà là thế nào cũng ăn uống trước khi ngủ. Mà ăn ngon và ăn sướng. Phở, cao lầu, nem chả, cháo gà hay cháo vịt hay là cháo lòng. Toàn là những món ngon lành và khá đắt tiền. Ông Chột nghe ăn là đã lom còm ngồi lên giường hắng mấy tiếng. Và khi ông Chột đã ngồi lên như thế thì liệu chừng mà



không cho ông ta nhắm nháp ít nhiều ! Ông Chột làm rầy ngay : ông thở ra thở vào, gỡ đầu gỡ tai, đập chân đập tay rồi lại bắt đầu kể lể. Ông kể lể những gì có ai nghe được đầu vì cứ động mở mồm ra nói lên mấy tiếng là bà Thị đã quát :

– Thôi im đi ! Im đi ! Cho một bát cháo đầy, nuốt đi rồi mà ngủ. Rầy lắm.

Thế là ông Chột nuốt hết bát cháo rồi ngủ. Chỉ có bà cụ là khổ thôi. Bà cụ không dám kêu rêu như ông Chột, cũng chẳng có cái quyền được ăn xén ăn bớt như mụ vú già. Bà cụ chỉ im lặng. Im lặng mà chịu đói, chịu thèm và nghĩ nhiều đến miếng ăn để rồi lại đâm ra làm những chuyện bất lương thiện. Và khuya đến, bà cụ nghe ăn, thèm lắm, cũng lồm cồm ngồi lên, cũng dang hắng mấy tiếng nhưng chẳng ai để ý đến bà. Con trai cũng như con dâu, cứ việc điem

nhiên, ngồi mà gấp, mà chấm, mà nhai, mà nuốt, mà chép miệng và khen ngon chứ tịnh là chẳng hề nghĩ gì đến người mẹ già ngồi trong bóng tối trượng mắt ra mà nhìn với tất cả cái thèm thuồng của một mục hành khát ngồi nhìn mâm cỗ. Họa hoằn lắm, ông Thị có động tắc lòng hiếu tử, nhắc nhở đến bà cụ thì bà Thị đã cản ngay :

– Thôi đừng sử ra nữa ! Già cả, phải biết kiêng cử miếng ăn. Ăn một miếng đến đâu mà có khi báo hại người ta chạy sáng nhà, sáng cửa. Ông không còn nhớ cái trứng vịt lộn độ nọ à ?

Độ nọ nghĩa là đã lâu lắm lắm, có một hôm ông Thị nhân trúng được số tiền khá to trong sòng sóc đĩa, về đến nhà đã nghĩ đến cái công ơn cúc dục mà mua biếu mẹ già một cái trứng vịt lộn. Bà cụ mừng quá lắm, mừng hơn người

ta được vàng. Bà ăn ngay. Bà ăn với tất cả cái sướng khoái của một con hổ đói lâu ngày gặp mồi cá tươi. Nhưng bà cụ chỉ sướng được một lúc thôi. Rồi thì bà nghe tức bụng, bà nhăn nhó, bà lặn lội, trần trở, bà thở, bà rên. Bà cụ trúng thực. Người ta phải nường gừng cho uống để nó tiêu đi. Nhưng nó chẳng tiêu. Người ta lại phải cạo mủn thốt mà đổ vào họng để bà mưa tống cái của quỷ ấy ra.

Người ta đây chỉ là mụ vú thôi. Ông Thị, bà Thị có bao giờ lại bận tâm đến những cái quái ấy. Nhưng bà Thị cũng vin ngay lấy cái cớ này mà cấm tiệt không cho bà cụ ăn một thứ gì ngoài bốn lưng cơm mỗi ngày. Cả đến những thứ không bao giờ trúng thực. Và cấm đoán như thế là bà Thị có lý lắm, nên cứ mỗi lúc bà Thị nhắc đến cái trứng vịt lộn ngày xưa ngày xưa là mỗi lần ông Thị tỉnh ngộ ngay và

gật gật cái đầu :

– Phải ! Phải ! Tôi nhớ rồi. Đã thế thì chẳng nên ăn bận làm gì. Mẹ ngủ đi là hơn.

Thế là bà cụ đành phải nuốt bọt, nhịn thèm mà ngủ. Ngủ hay có nằm thao thức suốt đêm để mơ tưởng đến những miếng ngon không bao giờ được bỏ vào mồm thì mặc lấy. Ông Thị, bà Thị cứ việc chén cho no say vào là đánh một giấc ngon lành rồi sáng ra lại dắt nhau đi, nhà cửa phó mặc cho mụ vú già. Và cứ mỗi lúc vợ chồng ông Thị đi vắng rồi là gian nhà trọ này đã ồn cả lên. Ổn lên vì cái ăn, cái uống và một trăm cái không có nghĩa lý gì. Mụ vú già suốt ngày hết kêu rêu vì mất cá, mất thịt lại tru tréo lên vì cái lối phóng uế rất đường hoàng và bất trị của ông Chột. Ông Chột cũng chẳng vừa. Thân thể tuy có suy nhược thật đấy

nhưng cái lỗ mồm vẫn còn sắc sảo như thường. Đàn ông mà nói hỗn, nói tục cho đến những mục hàng tôm, hàng cá ngoài chợ cũng chẳng dám bì. Mục vú già vốn đã già mồm già miệng lắm mà vẫn phải thua. Thua thì lại tức, lại khóc. Nhưng được cái là ông Chột chẳng phải chỉ biết chọc tức mục vú già thôi đâu, ông còn biết dỗ ngọt, còn biết vỗ về, để giữa những trận khẩu chiến kịch liệt và điếc tai nhức óc thỉnh thoảng lại chen vào những câu chuyện tâm tình đầm thắm, những phút êm ái vui vẻ, thuận hòa. Đã khẩu chiến thì nhất định ông Chột giữ phần thắng, trăm trận trăm hơn. Nhưng khôn ngoan, ông Chột biết thắng rồi mà không phủ ủy ngay thì cũng đến khổ với những lối thù vặt của mục vú già. Muốn sống trong cái nhà này, trước hết ông phải cố ở cho được lòng mục đã, không thì ai bưng cơm, bưng nước cho, ai hốt cứt, hốt đái cho,

ai giặt giũ quần áo cho. Tức, thì nói cho nó hả chứ nghĩ lại ông thấy mẹ già đáng thương vô cùng. Vì vậy, qua cơn nóng nảy, ông lại ngọt ngào :

– Vú này ! Trong cơn nóng giận tôi có nói quá lời như thế là không phải lắm lắm đấy. Nhưng vú nên nghĩ đến cái chỗ tàn tật, bệnh hoạn của tôi mà đừng chấp trách làm gì. Ai đau mà chẳng tức, chẳng bực và chẳng đổ bả ra. Huống nữa là tôi vừa đau đớn, vừa tàn tật lại mang trong lòng những mối bất bình có lẽ không bao giờ nguôi được nữa rồi. Chết cũng không nguôi. Vú mới về ở với vợ chồng lão Thị chưa đầy một năm nên vú chẳng hiểu được. Chứ thật là đáng tức lắm. Tức đến muốn vạch trời mà kêu lên. Tôi có chết xuống chín suối cũng còn là ôm mối hận, và cái tức này chưa dễ gì nguôi nhưng mà vẫn trông chết. Chết nó sướng,

nó khỏe hơn. Sống thế này là nó tồi tàn, nhục nhã cái thân quá lắm. Cứ lấy con mắt của thiên hạ ở ngoài mà trông vào, ai thấy tôi thế này mà không ghét, không nguyên rửa là cái đồ chẳng biết thân, biết phận. Đồ vô dụng, không làm được cái quái gì chỉ ăn rồi nằm báo cô mà còn rắc rối, rầy rà. Và ai mà không khen, không phục vợ chồng lão Thị sát đất đi. Nhưng sự thật thì có ai hiểu thấu đâu !

Giọng nói của ông Chột càng chua chát thêm, mắt ông rơm rớm ứa.

Ông đưa tay chỉ lên trời :

– Nhưng mà có Trời biết ! Tôi tin rằng Trời biết hết. Hoàng thiên hùu nhân mà ! Có cái gì lọt khỏi mắt ngài ? Rồi Trời sẽ trừng phạt chúng nó cho mà xem. Tôi mà không quá tin ở cái tình anh em, không quá nghe những lời ngọt

ngào đường mật của chúng nó thì có đâu phải khổ sở, nhục nhã như thế này, hở vú ! Nhưng ai ngờ chúng nó lại đều giả đến cái nước ấy, lại chó má đến thế. Chỉ vì nghe chúng nó mà hết cửa, hết nhà đấy vú ạ. Vì nghe chúng nó nên mới khổ cái thân và để khổ lây đến mẹ già. Ngày xưa, tôi phong lưu kia. Hai mẹ con hú hí với nhau trong một ngôi nhà gạch khá lớn, khá đẹp, có vườn, có bể cạn, chậu hoa ở phường Đệ Nhị. Mẹ tôi ở với tôi là sướng vô cùng chứ có đâu khổ sở, tôi tàn như bây giờ. Nhưng rồi có lẽ vì cái quả kiếp, nhân duyên của tôi nó thế nào ấy, cái số của mẹ tôi nó khổ nên mới sinh thêm một thằng con trai quý hóa như lão Thị, để nó phỉnh, nó lừa cho. Vợ chồng chúng nó bảo rằng mẹ tôi thì già rồi, tôi thì tàn tật, bệnh hoạn, lại ở vào một cái chỗ như phường Đệ Nhị thì chúng nó lo lắm, chúng nó muốn anh em cùng ở



chung, đem mẹ già về phụng dưỡng cho thỏa cái tình, cái đạo dâu con. Ở đơn chiếc, cách bức thế mỗi lúc chúng đi xa là chúng chẳng đành lòng. Rồi lão Thị bàn nên bán quách nhà cửa đi, vợ nó thì một hai đồ dành, nài nỉ mẹ con tôi dời về nhà chúng nó để chúng nó săn sóc thuốc men, lo cái ăn cái uống cho được tử tế hẳn hoi. Nghe cái lỗ miệng vợ chồng chúng nó lúc ấy thì hay vô cùng. Mình lại thật thà, tin ở cái bụng dạ tử tế của anh em. Có biết đâu tin là chết ! Bây giờ mẹo lừa đã mắc vào khuôn rồi thì thôi, chúng nó muốn làm gì mà chẳng được. Vợ chồng chúng nó nuôi tôi thế này là vì cái lẽ không đem vất đi đâu được chứ có phải thương yêu gì. Đều giả lắm !

Những lúc ông Chột ngồi thở than, kể lể với vú già như thế thì bà cụ lại chép miệng :

– Thôi mày ạ ! Nhắc lại chuyện cũ làm gì cho nó thêm buồn, mà rồi chúng nó biết được chúng nó càng thù ghét và cay nghiệt chứ được ích gì đâu !

Ông Chột nhướn mắt lên bảo mẹ :

– Tức thì nói chứ sợ gì. Có mặt vợ chồng chúng nó, tôi cũng vẫn nói như thường. Sợ quái gì. Với lại, phải nói cho vú ấy hiểu để vú thương mẹ con ta. Vú ạ, cứ chịu khó nhé. Tôi chẳng còn sống được bao lâu nữa. Mẹ tôi cũng thế. Vú thương xót mẹ con tôi rồi Trời Phật phù hộ run rủi cho vú gặp mọi sự lành. Tôi tàn tật, đau ốm lại phải phiền uất luôn luôn nên hay đổ bả ra, vú nên biết cho thế. Vú đừng chấp làm gì những lời nói trái lẽ của tôi trong lúc mất khôn vì cái đau, cái khổ, và mẹ tôi già cả lắm rồi, gần đất xa trời rồi. Bà ấy có làm cái gì tầm bậy tầm bạ đấy thì vú chỉ la rầy qua loa

cho bà ấy biết thôi chứ đừng có mách đi, mách lại với vợ chồng thằng chó ấy làm gì, tội nghiệp. Mẹ tôi có phải là có cái tật xấu ấy đâu. Khi nào người ta được ăn uống no đủ phủ phê vào mà còn đồ đốn ra như thế thì mới gọi là cái tật, chứ đằng này mẹ tôi bị đói, luôn luôn nhịn thèm nhịn khát thì lẽ cố nhiên bà ấy phải ăn chùng. Tội bà ấy lắm. Vú hãy thương lấy mẹ tôi. Tôi có chết xuống chín tuổi là vẫn còn hàm ơn vú, phù hộ cho vú trọn đời.

Và cứ mỗi khi thở than, kể lể dông dài với vú già, ông Chột không bao giờ quên chấm hết lời tâm sự ấy bằng mấy câu :

– Nay vú ! Vú xem có cái tàn thuốc nào của lão Thị vút đấy, lượm hộ cho tôi. Thèm thuốc quá lắm mà chúng nó chớ hể cho mình một vài xu để mua mà hút.

Những lúc được ngồi nghe ông Chột vỗ về và tỏ bày tâm sự như thế, mẹ vú già cảm động lắm. Mẹ già, mẹ nghèo, thỉnh thoảng mẹ cũng tỏ ra mẹ là con người đanh ác, thâm hiểm lắm, nhưng quả tim của mẹ cũng chưa phải là chai đá hoàn toàn để không rung động trước những nỗi đau thương khổ hận của tha nhân. Mỗi ác cảm của mẹ với hai mẹ con ông Chột lúc này mẹ thấy tiêu tan dần hết. Mẹ đâm ra thương hại. Mẹ thở ngắn than dài, rồi lại tỏ sự cảm động ra ngoài bằng cách góp lời nói xấu. Và mỗi khi ông Chột nhờ mẹ cái công việc có hơi bẩn thỉu ấy thì mẹ bằng lòng làm ngay, chẳng lúc nào từ chối. Mẹ đi nhặt những cái tàn thuốc lá của ông Thị vứt đây đó trong các xó tường, dưới gầm giường, gầm phản, rồi tháo giấy ra, dồn lại một đồng và quấn cho ông Chột mấy điếu rõ to. Được những điếu thuốc như thế mà

kéo phì phèo, ông Chột lấy làm thú vị lắm. Ông nằm xuống, lim dim con mắt, chậm rãi kéo từng hơi dài và hít mạnh làn khói vào hai buồng phổi. Hút như thế quen đi rồi, người đàn ông tàn tật, khốn khổ này chẳng còn nhận thấy cái hơi hám của thuốc tàn nữa, chỉ thấy thơm và ngon. Hơn nữa, có thuốc mà hút vào, ông Chột vui hẳn lên, tạm quên bao nhiêu nỗi đau khổ, buồn bực, phần uất để nhịp nhịp bàn chân mà ca một khúc Nam Ai hay ngâm vài câu Kiều, trong lúc bà cụ già trở ra hiên đứng trông khách qua đường và vú già đi dọn dẹp, giặt giũ hay nấu cơm, nấu nước. Đời sống tối tăm, buồn tẻ của ba người, cứ như thế mà kéo dài ra mãi hết ngày này qua ngày khác, không một chút đổi thay. Ngày nào trong gian nhà trọ này cũng diễn đi diễn lại gần ấy tấn kịch vui buồn. Ngày nào vợ chồng ông Thị cũng đi mãi đến khuya mới về, bà cụ già cũng

ăn vụng ít nữa là một lần để vú già phải tru tréo lên âm nhà, âm cửa và ngày nào vú già với ông Chột cũng gây sự nhau, chửi bới, mắng nhiếc, nguyên rửa nhau, coi nhau như thù địch để rồi lại thuận hòa, thân thiện, tử tế. Cứ mỗi tối đến, cơm nước xong, vú già ngồi nhai trầu bồm bồm bên chiếc bàn nhỏ, dưới ánh sáng vàng ửng lù mù của ngọn đèn dầu, bà cụ già nằm co giò trên chiếc chõng tre kê sát chân thang gác, ông Chột nằm vắt chân chữ ngũ trên phản ngựa và cả ba đều chuyện trò rất tương đắc, tương thân. Đêm nào cũng như đêm nào, đầu đề câu chuyện vẫn là đầu đề vợ chồng ông Thị. Cả ba sống trong đau khổ và họ chẳng biết an ủi nhau bằng cách gì khác hơn là cách nói hành nói xấu vợ chồng nhà này. Vú già thì phàn nàn chủ ; ông Chột nguyên rửa em ; bà cụ ít ỏi hơn chỉ nằm nghe để thỉnh thoảng lại góp vào

một vài tiếng cười chua chát hay những tiếng thở dài não ruột buồn tênh. Đêm nào cũng chỉ có ngân ấy chuyện. Họ nói xong lại ngủ, ngủ ngon lành. Đời sống tuy có tối tăm, khổ sở, nhưng lại được cái bình yên. Và như thế vừa được hai tháng, bỗng một biến cố xảy ra. Cái biến cố lớn lao ấy, chẳng có gì khác hơn là hai vợ chồng ông Thị đi đâu biệt tăm, biệt tích đã ba bốn hôm nay chưa thấy trở về. Ông Thị đi vắng là sự đã đành vì người ta thường thấy ông đi vắng luôn. Đi đâu thì đi ai mà biết được, chỉ thấy thỉnh thoảng ông rùng rùng cách va-li ra đi, làm một cuộc viễn du chẳng biết ở những chân trời góc bể nào, rồi năm ba hôm, một tuần hay nửa tháng chẳng hạn, người ta lại thấy ông xách va-li trở về. Lần này ông cũng đi xa. Lẽ cố nhiên là ông phải vắng mặt lâu ngày. Nhưng còn bà Thị ? Bà Thị không đi đâu xa cả.

Bà chỉ đi đánh bạc quanh quẩn trong các sòng chơi, thế mà đã ba hôm nay, trái hẳn với lệ thường, khuya lại người ta chẳng thấy bà về. Mà bà Thị không về thì thật là một cái nguy to cho vú già, ông Chột và bà cụ. Nguy vì đói. Tiền chợ và gạo đã hết ngay từ hôm thứ nhất. Bà Thị giao cho vú già những thứ ấy vừa đủ đến ngày mồng năm mà nay đã mồng tám rồi. Sự vắng mặt của bà Thị càng kéo dài ra thì ba người càng nhốn nháo lên, càng lo sợ, ngơ ngác nhìn nhau, hết trông đứng đến trông ngồi, mong chờ nóng cả lòng, sốt cả ruột. Nhưng trông đã mòn cả mắt rồi mà bà Thị vẫn chưa về. Hơn hai ngày trời không có một chút cơm cháo nào, ông Chột và bà cụ già đói quá không còn bò dậy nổi, nằm bẹp mỗi người một xó. Vú già tuy vậy mà còn gồng gượng đi lại được để chốc chốc lại chạy ra hiên đứng trông chừng. Thỉnh thoảng ông Chột lại



trở mình rồi hỏi :

– Mụ Thị chưa về à ? Tôi đói quá mất rồi, mệt sắp chết đây vú ạ. Vú làm thế nào mà cứu mẹ con tôi với chứ !

– Tôi còn biết làm thế nào bây giờ. Tiền chợ và gạo hết từ hôm mồng năm kia. Tôi phải chạy qua nói rất cả môm, bà Phán bên cạnh mới cho mượn được mấy lon tấm, nấu ăn hết ngay bữa ấy. Hẹn người ta hôm sau trả nhưng mãi đến hôm nay bà Thị vẫn chưa về. Mượn ai cho nữa. Mua chịu cũng chẳng ai dám bán. Ai mà người ta chẳng gớm cái nhà này. Bây giờ chỉ còn một cách là đợi bà Thị về thôi.

Ông Chột nhăn nhó :

– Đợi nó về thì đến chết mất. Ác gì mà ác lắm thế này hờ Trời. Có ham cờ,

ham bạc cho lắm thì cũng phải nghĩ đến những kẻ ở nhà chứ. Tôi đã đau ốm, bệnh hoạn mà nó còn bỏ đói thế này thì e rồi đến nguy mất. Vú làm sao cứu giùm mẹ con tôi, chứ phải chờ thì khổ lắm. Biết lúc nào nó mới chịu dẫn xác về mà chờ.

Mụ vú già vẫn ngồi yên trên chiếc ghế đầu trông chừng ra ngoài đường :

– Tôi biết làm cách gì bây giờ !

– Thế vú nữ ngồi nhà nhìn mẹ con tôi chết đói à ?

– Ông này nói lạ ! Tôi nữ hay tôi không nữ thì tôi cũng chẳng biết làm thế nào được. Chỉ hai mẹ con ông đói thôi à ? Tôi no lắm đấy sao ? Tôi cũng đói chết cha chết mẹ đây chứ lại hơn gì ai. Tôi cũng đói đến sắp lả người rồi đây. Nhưng đói thì chịu chứ biết kêu với ai bây giờ.

Thật ra vú già chưa đến nỗi đói lắm người như lời mẹ nói. Tiền chợ và gạo với mấy lon tấm tuy hết đã lâu nhưng mẹ cũng còn một ít tiền riêng để tìm được những cái bỏ vào mồm. Mẹ còn được năm hào. Hai hôm nay mẹ đã ăn nhịn, nhịn thềm hết hai hào trong lúc chờ đợi chủ về. Mẹ ăn cơm hến, ăn khoai, ăn sắn cầm chừng thôi. Lúc này kể ra mẹ cũng có thể, với ba hào còn lại, giải cơn nguy khốn cho hai mẹ con ông Chột được lắm, nếu mẹ giàu lòng hy sinh. Ba hào tuy chẳng nhiều nhận gì nhưng một miếng khi đói cũng bằng một đọi khi no. Đang đói mà có được cái ăn thì ít nhiều gì mà chẳng quý. Không no được hẳn thì nó cũng tỉnh bớt người ra, đỡ mệt đi để còn có sức nằm mà chờ. Nhưng mẹ vú già lại nhất định không chịu hy sinh như thế bao giờ. Mẹ có phải là thánh là thần đâu. Mẹ cũng không phải là một sư ông

khoác áo cà-sa hay là một ông cụ đạo mặc áo chùng đen để mà suy nghĩ đến những hành vi cao thượng ấy. Mụ chỉ là một người tục, một người phạm trăm phần trăm, mà kẻ phạm tục là cái giống tối hay ích kỷ. Đã ích kỷ lại nghèo, nghèo mà lại đói, đói mà lại chỉ còn có ba hào thì bây giờ dầu người ta có dọa đưa mụ lên máy chém, hay có ông Trời, ông Phật nào lên tiếng, ngọt ngào dỗ mụ rằng cứ nặn hầu bao rút ruột tượng ra mà hành thiện đi, rồi sau này sẽ trả cho mụ một vốn bốn lời, thì mụ cũng nhất định không nghe là không nghe. Nghe để rồi mà khổ à ! Có phải chết hay xuống âm ty địa ngục gì thì xuống, chẳng cần. Chết có khổ đâu, chỉ có sống mà đói lên đói xuống mới là khổ. Và sống dưới địa ngục e cũng chưa khổ bằng sống trên dương gian, khi phải thiếu miếng ăn. Những con ma đói còn được có kẻ thành tâm cúng cấp cho chứ

đến những con người đói thì ít khi được ai vui lòng ngó tới. Mụ chỉ có ba hào. Những kẻ sống trong cảnh phong y, túc thực, bạc tiền thừa thãi quá để hết chất đồng, chất mớ trong ruộng, trong hòm lại đem chôn sâu giấu kín cho mỗi một nó ăn, mà mỗi lúc phải loại ra một xu nhỏ nào cho kẻ đói khổ đã đứt từng khúc ruột, buồn và tiếc như người ta buồn và tiếc cha già, mẹ héo không bằng, huống nữa là mụ. Mụ chỉ còn có ba hào để sống cầm chừng mà chờ bà Thị về. Giá hôm nay mà bà Thị nhất định về hay trễ lắm là hôm sau thì mụ vú già đâu có tiếc. Nhưng biết thế nào mà dám tin chắc được là sự vắng mặt của bà chủ sẽ không kéo dài ra quá ngày hôm sau. Bà Thị vắng mặt ba hôm thì bà Thị cũng có thể vắng mặt bốn hôm, năm hôm hay sáu hôm, bảy hôm hay nửa tháng nữa cũng chưa biết chừng. Và đã biết nghĩ xa xôi như thế thì

mụ phải phòng xa vậy. Có ba hào mụ giữ kỹ lấy ba hào. Nhất định là không chịu bỏ ra, mặc dầu là ông Chột có kêu rêu thảm thiết đến đâu hay cả hai mẹ con có đói quá mà lủ đi thì cũng mặc. Mụ cần phải làm ngơ, phải giả điếc. Lòng mụ không là sắt đá thì mụ cũng phải cố giữ cho nó sắt đá. Nhưng vú già vốn không phải là người quen sống với cái bụng dạ hiểm ác, để có thể nhẫn tâm một cách đường hoàng. Hơn nữa mụ còn sợ rằng nếu ông Chột biết được sự thật thì cái lỗ mũi của con người ấy sẽ không bao giờ chịu để mụ ngồi yên, nên mụ lại phải giấu trước, giấu sau, làm ra cái tuồng như chính mụ cũng đang ngất ngư vì cái đói. Nhưng giấu thế nào được ông Chột. Tuy nằm một chỗ nhưng ông biết hết. Ông biết mụ vú có tiền riêng này, ông biết mụ vú đi mua khoai, mua sắn, mua cơm hến này, ông còn biết cả mụ mua và ăn vào

những lúc nào nữa kia :

– Thế là đành chịu chết đói à ?

– Chú biết làm sao ?

Ông Chột tuy đã mệt lắm rồi nhưng vẫn cố rán sức cười khẩy một tiếng :

– Chết thì mẹ con tôi chết trước chứ vú thì chưa chết đâu.

Có tạt giạt mình, mụ vú già vội hỏi :

– Ông bảo thế nào ?

– Bảo vú chưa chết chứ bảo thế nào ! Tôi cũng khen và phục vú lắm đấy. Vú còn mạnh hơn chúng tôi nhiều. Cùng nhịn đói với nhau mấy hôm trời mà mẹ con tôi thì sắp ngất ngư rồi đây, chứ vú, tôi xem ra khí sắc còn tươi lắm. Tướng ấy chưa chết đâu.

Mụ vú nghe ông chột Chột nói bóng, nói gió thế thì tức lắm :

– Ông bảo tôi no lắm đấy phải không ? À, à tôi biết rồi, tôi biết ông muốn nói gì rồi ! Ông đừng có tưởng thế mà lắm, mà rồi có tội với Trời. Ông tưởng đâu tôi giấu cơm, giấu gạo gì để ăn một mình cho sướng đấy. Này, này đây bảo thật, đây mà có thu giấu một miếng cơm, một hạt gạo nào thì Bà vắn họng đi, thì làm con chó ! Tức lắm, Trời hỡi Trời !

Ông Chột buông xuôi cả tay chân, nằm nhìn lên trần nhà, đáp lại một cách nhọc nhằn :

– Việc gì mà tức... Ai dám bảo vú... thu cơm... giấu gạo gì mà tức !

– Thế làm sao người ta đói chết cha chết mẹ đi còn bảo khí sắc người ta tươi.



Ăn gì mà tươi đấy, ăn gì mà chưa sắp chết đấy ?

Ông Chột lại găng gượng cười nhạt :

– Ăn khoai chứ ăn gì ! Ăn khoai, ăn sắn, ăn cơm hến chứ ăn gì !

Câu trả lời bất ngờ khiến mục vụ già giật mình đánh thót lên như một đứa trẻ cắp đang len lén móc túi bỗng nghe có bàn tay sờ ngay vào cổ. Nhưng mục cũng già mồm lắm, mục hét to lên :

– Ai ăn khoai, ai ăn sắn đấy ? Tôi ăn hồi nào ?

Ông Chột thở dài :

– Thôi thôi ! Vụ không ăn thì thôi chứ việc gì phải ồn lắm thế. Tôi biết vụ khỏe nói lắm rồi, tôi sợ rồi ! Ăn thì no bụng mình chứ no bụng ai mà cãi. Tôi

mệt lắm. Tôi sắp chết đây. Đã không thương được thì thôi, còn to tiếng làm gì nữa, hờ Trời !

– Là nó tức lắm chứ ! Ông làm như tôi bán thiu lắm đấy ! Có tiền thu giầu mua khoai, mua sắn ăn một mình chẳng cho ông ăn. Tôi mà có thể thì không phải là con người nữa, là con chó ăn tất cả các thứ của nhor, của bản khắp cái xứ Huế này.

Ông Chột lại đại gì mà tin những lời thề thốt nặng nề độc địa ấy, nhưng ông không nói nữa. Đã đói quá, đã mệt quá thì còn hơi sức đâu mà lắm tiếng, lắm lời, với lại một khi vú già đã nhất định chối như thế thì có nói nhiều cũng ích gì mà nói. Ông Chột thở dài quay mặt vào tường, lẩm bầm :

– Chúng bay ác vừa vừa chứ, chúng

bay ác lắm thế này thì rồi Trời sẽ tru, đất sẽ diệt chúng bay đi.

Ông Chột vừa nói xong, bỗng vú già nhìn ra ngoài reo lên :

– Ô, bà lớn đã về, may quá ! Thôi hết lo đói rồi !

Ông Chột quay trở ra, con mắt mờ đục tự nhiên sáng lên một tí. Trên chiếc giường tre, bà cụ cũng bắt đầu cựa mình, cổ ngóc đầu lên nhìn nhưng rồi bà cụ nghe đầu đau nhói và nặng như thỏi sắt, mặt mày lại xây xẩm nên đành phải nằm im. Đang đói, đang mệt nhưng trông thấy bà Thị về, cả ba người đều nghe như khỏe lại được một ít. Mụ vú nhoén miệng cười, đon đả chạy ra đón chủ. Nhưng nụ cười của mụ vội tắt ngay khi nhận thấy vẻ người bơ phờ, mệt nhọc và nét mặt cau có của bà Thị.

Lần này bà Thị không về xe, bà đi chân. Bà bước vào nhà một cách vội vàng, ném chiếc nón trên mặt bàn rồi đi thẳng lại nằm ngửa người ra trên chiếc giường tre của vú già. Một tay buông xuôi, một tay bỏ trên ngực, bà Thị tựa đầu lên thành giường, nằm mà thở dài, rồi lại thở dốc. Cứ xem dung mạo, người ta đủ biết bà Thị đã thức nhiều đêm. Mắt lõm sâu xuống, có quầng đen, mặt mày hốc hác, tóc tai rối bù. Son trên môi đã nhạt đi, lượt phấn hồng phai hẳn, da mặt bà lúc này trông sần sượng và trắng bệch ra. Bà nằm lặng người như thế hơn mười lăm phút đồng hồ mới khẽ cựa mình và gọi vú già :

– Vú đâu rồi ! Pha tôi một bát nước.

Mụ vú lặng lẽ xuống bếp, một lúc lâu trở lên tay bưng một bát kiểu nước nóng. Bà Thị ngồi lên đỡ lấy bát, rồi cau mày :

– Sao nước lại trong vắt thế này, nhà hết chè rồi à ? Còn có cái gì ăn đấy không ?

Vú già ngạc nhiên, mở rộng cặp mắt, há mồm và buông thông cả hai tay đứng nhìn chủ. Mụ không ngờ bà Thị hỏi được một câu như thế, sau những ba hôm vắng mặt không để tiền để gạo gì lại nhà :

– Bẩm bà, làm gì có cái ăn. Tiền gạo và chợ đã hết từ hôm mồng năm kia.

– Ủ nhỉ ! Thế mấy hôm tôi đi vắng thì ở nhà làm thế nào ?

– Dạ khổ hết chỗ nói. Ngày đầu tiên còn mượn được bên bà Phán mấy lon tấm nhưng qua mấy hôm sau phải nhịn đói. Mẹ với ông Chột đói nằm bẹp mỗi người một nơi kia. Trông bà dài cả cổ.

Bà Thị làm thính, cặp mắt đầy vẻ tự lường. Bà uống xong bát nước rồi bảo vú già :

– Vú ra tìm gọi một gánh hến vào đây.

Lại một lần nữa vú già phải ngạc nhiên. Mụ tưởng mụ đã nghe lầm vì bà Thị thì có đời nào mà thèm ăn những món tồi tàn ấy. Đã có một lần, thấy vú già ăn cơm hến, bà Thị cầm lấy bát ngửi thử rồi rùng mình và nhăn mặt lại. Bà ấy đã gớm đến thế thì chẳng lẽ hôm nay bà ấy lại ăn. Hay là bà Thị bảo gọi cho bà cụ, ông Chột và mụ ăn cũng nên. Mụ vú cũng không tin như thế vì có lẽ nào lại như thế được. Bỏ đói người ta ba bốn hôm trời, bây giờ có tẻ ra nữa là cũng cho được một chén cháo hoa hay một vài lưng cơm, chứ chả nhẽ đã mệt lả cả

người mà còn cho ăn hến thì còn ăn làm sao, mụ bèn hỏi lại :

– Bẩm bà kêu hến ?

– Thì bảo kêu hến chứ kêu gì ? Điếc à ? Mới đói có hai hôm đã lãng tai.

Mụ vú bị chủ mắng, lủi thủi đội nón ra đi. Một lúc sau mụ trở về với một người đàn bà quấy gánh hến nước theo sau. Khi mụ vào nhà bà Thị bảo nhỏ :

– Vú xuống lấy cái bát kiểu lớn bảo nó làm cho tôi một bát, bỏ khá cơm vào. Vú có ăn thì mua mà ăn rồi gọi mẹ ấy với ông Chột dậy cho mỗi người một bát.

Mụ vú làm y theo lời chủ. Bà cụ già còn gượng gượng ngồi dậy tựa lưng vào tường, hai tay run run bưng lấy bát cơm hến, nhưng ông Chột thì gọi mãi cứ nằm im.

– Ông ấy xấu chúng, đói lại yếu hẳn nên thế đấy. Vú lấy bát nhà trút hẳn và cơm qua đồ chùng chùng cho ông ấy. Nhà toàn là những kẻ bệnh, kẻ yếu, phiền quá !

Bà Thị nói xong bưng bát hẳn của mình đưa lên tận mũi mà ngửi. Nhưng lần này bà Thị không rùng mình. Bà ngửi xong, chậm rãi trộn rau và dầm cơm ra. Thoạt tiên bà Thị có hơi ngượng với vú già. Bà ăn một cách dè dặt miễn cưỡng. Nhưng lần lần, sự ngon miệng khiến bà quên cả ngượng để mà ăn thực sự. Bà lùa, bà húp một cách ngon lành vì bà cũng đói. Và khi đói thì cái gì mà chẳng ngon. Mấy hôm nay bà Thị thua nhiều. Nhất là đêm vừa qua bà lại đen quá. Lúc ở sông bạc ra về, bà chỉ còn có bảy tám hào lẻ. Chỉ còn có ngần ấy tiền mà bụng lại đói, bà Thị đã định tìm một gánh quà vặt gọi



vào chỗ thanh vắng mà xài cho nó đỡ đói. Nhưng rồi nghĩ lại bà thấy ngượng lắm. Làm bà này bà nọ với người ta, ăn ngồi, ăn đứng dọc đường thế trông sao cho nó được con mắt. Bà đành phải đi thẳng về nhà. Và khi về đến nhà rồi, bà Thị mới sực nhớ ra là trong nhà còn có ba mạng người bị bỏ đói mấy hôm nay. Ba người với bà nữa là bốn. Bốn cái dạ dày lép kẹp mà chỉ có bảy tám hào thì biết ăn gì cho nó no đủ nếu không ăn cơm hến là món ăn tồi nhất. Và bây giờ có ăn vào bà Thị mới thấy rằng nó tuy rẻ, tuy tồi nhưng cũng ngon lắm. Ăn được lắm mà ! Một nhúm hến khô, một vật cơm nhỏ bằng nửa quả trứng rồi cứ đổ nước hến cho rõ đầy vào, bỏ rau cho rõ nhiều vào nữa, lại thêm ớt cho rõ cay thế rồi trộn, rồi lừa, rồi húp, tuy chẳng gì mà nghe cũng khoái lắm, cũng thú vị và mát bụng lạ lùng. Cho nên ăn xong một bát,

bà Thị lại bảo làm thêm một bát nữa. Vừa lúc ấy, bà mẹ ông Thị đã ăn xong bát cơm hến, tỉnh người ra, cũng muốn ăn thêm. Nhưng vốn đã quen sống với cái thói phép trong nhà này, cái gì cho ăn thì ăn, không được đòi, nên bà cụ chỉ ngồi im lặng, hai tay ôm chiếc bát không, lăm lét nhìn bà Thị. Bà cụ nhìn và mong con dâu sẽ đọc thấy ở trong cặp mắt thao láo của bà một điều thỉnh cầu tha thiết không thể thốt ra bằng lời nói. Bà cụ cố sức tỏ dãi nỗi lòng bằng hai con mắt nên cặp mắt bà cụ lúc ấy trông nó buồn, nó thảm không biết chừng nào. Nhưng bà Thị mãi ham ăn có thấy đâu, có để ý đến đâu. Đang trông chờ con dâu nói lại, bà cụ bỗng giật mình vì có tiếng vú già nói bên tai :

– Ăn xong chưa ? Đưa bát đây tôi đem trả.

Bà cụ thở dài đưa bát cho vú già và biết rằng không còn hy vọng gì nữa, bà chếp miệng, tựa lưng vào tường, ngồi buồn rầu nhìn ánh đèn. Vừa may lúc ấy bà Thị quay lại :

– Mẹ ăn hết rồi à ? Có muốn ăn nữa không ?

Bà cụ giật mình nhưng lần này bà cụ giật mình vì sung sướng, vì ngạc nhiên. Có mấy đời mà dâu bà lại hỏi bà một câu như thế, lại hỏi bằng một giọng thân mật, âu yếm, một vẻ mặt vui vẻ, hiền lành. Bà cụ mừng quá, bà cười. Cái cười của bà cụ trông nó cũng thảm khổ quá, nó làm méo mó cả khuôn mặt và nhăn nhúm thêm làn da nhăn. Nhưng nó là tất cả câu trả lời. Bà Thị bèn cho thêm một bát. Ồi dào ! Sướng này còn sướng nào hơn. Cơm hến đối với bà cụ là ngon lắm rồi. Bà biết thưởng thức cái ngon của nó

từ hồi nào đến bây giờ chứ phải mới gì hôm nay. Cho nên được ăn thêm là bà thích lắm. Vú già chưa đem vào tới nơi bà cụ đã đưa cả hai tay ra trước mặt để chờ. Bà nhìn theo bát hến từ lúc nó ở trên tay mẹ bán hến cho đến khi nó lọt vào tay bà. Rồi thì bà cụ vô lấy như con hổ đói vô mồi. Bà ăn một cách vội vàng, nhai nghiền, nhai ngấu. Nước hến nóng, ớt lại cay nên vừa ăn vào bà cụ đã thấy mồ hôi, nước mắt nước mũi chảy túa ra. Bà cụ thít tha, chốc chốc lấy tay áo chùi mặt rồi lại lùa, lại húp. Và chỉ một loáng đã hết ngay bát hến. Bà cụ vẫn còn thèm, nhưng bà không dám lợi dụng lòng tử tế của bà Thị nhiều quá. Còn mấy sợi rau sót lại trong lòng bát, bà cụ tóm vét sạch rồi bỏ đĩa. Bây giờ thì bà đã tỉnh hẳn rồi. Cặp mắt bà sáng hẳn ra và bà nhìn thấy sự vật xung quanh mình rõ ràng hơn trước. Tuy vậy, đầu vẫn còn nhức và

nặng, bà cụ vội sửa cái chăn xếp trên đầu giường định nằm xuống nghỉ cho khỏe, nhưng bà vừa sửa chăn xong thì bà Thị đã chạy vào ngồi một bên, nhìn vào mặt cười, rồi hỏi :

– Đã no chưa ?

– No rồi !

– Đã khỏe chưa ?

– Khỏe rồi !

– Ăn cơm hén thế đã sướng chưa hở ?

– Sướng !

Trả lời xong, bà cụ móm mém cười.

– Bảo cái này nhé !

Bà cụ ngược mắt lên nhìn dâu, chờ xem bà Thị bảo gì.

– Bà bằng lòng thì rồi tôi sẽ mua cho một con gà, hầm đi mà ăn. Gà hầm ăn ngon và khỏe lắm.

Cặp mắt bà cụ mở rộng hẳn ra khi nghe bà Thị hứa cho một con gà hầm. Cái gì chứ cái ấy là bà cụ thích lắm. Thèm ăn mà nghe nói đến cái chuyện cho ăn là thú rồi, sướng rồi, mà lại cho ăn ngon nữa. Bà cụ nghĩ ngay và nghĩ nhiều đến một con gà hầm. Cái món cao lương ấy bà cụ được trông thấy nhiều lần rồi vì dâu và con thường dùng đến luôn. Tuy chỉ nhìn thôi, chỉ mới được thưởng thức bằng thị giác bà cụ cũng biết rằng đã là gà hầm thì tất nhiên nó phải mềm lắm, phải béo và thơm lắm và phải bổ tỳ bổ vị lắm lắm. Đã biết là ngon và bổ cho nên đã lâu lắm rồi, bà cụ luôn luôn ao ước có một con gà hầm để ăn thử xem nó sướng đến cái bậc nào. Nhưng chỉ ao ước viễn

vòng thôi chứ chẳng bao giờ bà cụ lại có thể nghĩ rằng mình sẽ có một ngày được nếm qua món cao lương bổ khỏe ấy. Và vì thế cho nên khi nghe bà Thị nói vậy, bà cụ mừng quá sức là mừng. Bà vội hỏi :

– Nghe cái gì ?

Bà Thị nhoén miệng cười, chỉ ngay vào tai bà cụ :

– Cho tôi mượn đôi hoa tai này ít hôm. Mượn vài hôm thôi rồi trả lại.

– Bằng lòng không ?

Bà cụ vừa nghe xong đã sửng sốt, rụng rời. Sắc mặt bà mới hé tươi lên đã vội vàng héo hắt, ử ê. Hình ảnh con gà hầm nằm trong trí tưởng của bà bỗng vụt biến đi đâu mất. Bà cụ không nghĩ gì đến miếng ăn ngon và bổ nữa, bà chỉ nghĩ đến đôi hoa tai, chỉ biết có đôi hoa

tai hai chỉ rưỡi vàng mà ông Chột đã sắm cho bà lúc ông ấy còn lành mạnh, còn là chủ hiệu đóng hài kinh đến nay. Bà cụ đã già lắm rồi, đôi hoa tai không phải là vật trang sức cần thiết cho bà nữa, nó không làm cho bà trẻ lại hay da dẻ bà bớt nhăn đi, và một khi chết rồi bà cũng không mang theo được, nhưng bà cụ vẫn quý nó. Bà cụ giữ gìn rất cẩn thận. Đeo nó trên tai mà ngày đêm bà lo ngay ngáy, bà sờ thăm không biết là mấy chục lần vì sợ nó mất đi. Nó mà mất đi thì khổ lắm, có lẽ bà cụ sẽ tiếc và rầu đến chết được. Bà cụ không bao giờ muốn rời nó ra, coi nó trọng hơn là sinh mạng, nên nhiều khi đau đầu thiếu thuốc hay đói thiếu cơm, hay thêm khát cái ăn, cái uống bà cụ vẫn chẳng chịu cầm cố hay để cho nó về tay chủ khác mà đổi lấy đồng tiền. Lòng con người ta thường hay có cái lỗi tham luyến sự vật một cách kỳ quặc, vô



lý như vậy. Bởi thế nên khi thấy bà Thị muốn mượn đôi hoa tai của mình, bà cụ lo sợ lắm. Tuy già cả rồi nhưng bà cũng còn đủ sáng suốt để mà hiểu rõ chữ « mượn » của bà Thị. Mượn là lấy thẳng. Cho bà Thị mượn đôi hoa tai thì có khác gì đem trứng mà gửi cho ác, đem thịt mà đút nhét vào lỗ miệng mèo. Bà cụ sợ lắm ! Ngồi xích ra một chút, nhìn bà Thị, bà cười. Bà cười cái cười gượng gạo của kẻ muốn phản đối nhưng vì nể nang hay sợ sệt nên chẳng dám nói ra :

– Sao lại cười ? Có bằng lòng không nào ? Bằng lòng đi bảo được !

– Để mà đeo mụ ạ ! Của thằng cha Chột nó cho, mất đi nó rầy rà khó chịu lắm.

– Già đeo làm quái gì. Với lại mất đi đâu mà sợ. Tôi chỉ mượn vài hôm thôi

rồi trả lại ngay. Ông Chột có hỏi thì bảo rằng tôi mượn, ông ấy chẳng dám la đầu.

– Nhưng...

– Nhưng gì ? Chẳng nhưng nhưng gì cả. Bảo được rồi sẽ mua gà, hạt sen, chánh-hoài, bá-hạp để vủ nó hầm cho mà ăn. Hay muốn ăn thịt, ăn cá gì cũng có hết. Đưa đây...

Bà Thị nói xong rồi ngồi xích lại sát bên bà cụ, đưa tay sờ vào chiếc hoa tai. Bà cụ rùn cổ lại, cúi mặt xuống, đưa hai tay bụm cứng lấy hai tai mình.

– Tôi lạy mụ. Tội lắm. Để mà đeo, đừng có lấy tội lắm mà.

Bà Thị nghiêm sắc mặt, trừng mắt lên :

– Đưa đây bảo được. Làm cái tượng

gì thế ? Tưởng làm thế người ta không lấy được hay sao ?

Rồi bà Thị lại cười, lại kéo tay bà cụ. Bà cụ già hoảng sợ định trụt xuống chạy nhưng mới vừa nhóm đứng lên bà Thị đã kéo giật lại, vật ngã lăn ra trên mặt giường. Thế rồi bà Thị nằm đè lên trên, sờ vào hai tai. Bà cụ cố sức vùng vẫy, nhưng chỉ được một lúc, bà đã thấy đuối sức lắm rồi. Bà gào, khóc, van lạy, kêu rêu, năn nỉ bao nhiêu cũng mặc bà Thị vẫn cứ tự nhiên, cố a vào tháo cho được hai chiếc hoa tai vàng. Và sau khi đã làm xong công việc bóc lột tàn nhẫn ấy, bà Thị đứng lên sửa lại mái tóc, áo quần, rồi lấy nón ra đi, bỏ mặc bà cụ nằm trên giường vừa thở hổn hển vừa mếu máo. Nhưng bà Thị mới bước tới ngưỡng cửa, vú già đã gọi giật lại :

– Bẩm bà, con gọi mãi ông Chột vẫn không dậy. Ông ấy nằm lì bì như thế này biết làm sao bây giờ ?

– Ô, ông ấy đói quá thì nằm thế chứ đã việc gì. Tôi bảo vú đổ cơm hến cho ông ấy vú đã đổ chưa ? Lấy ra mà đổ chùng chùng, lát nữa tôi về sẽ hay.

Vú già nhìn theo bà Thị rồi lắc đầu một cách chán nản. Mụ lặng lẽ quay vào, bưng bát cơm hến ra, lấy thìa múc, gọi ông Chột :

– Này, này ! Dậy ! Dậy mà ăn cháo này ! Cháo giò heo hầm bo bo đây.

Mụ gọi mãi một lúc lâu, ông Chột mới cựa mình và rên. Vú già đưa thìa vào tận môi. Cặp môi nhợt nhạt hé dần ra.

– Hả cho to nào ! Hả to ra, người ta đổ cái này cho. Đói sắp chết thế này mà

bắt ăn cơm hến. Trời ơi là trời !

Mụ cười gằn mấy tiếng rồi đổ thìa nước hến vào miệng ông Chột lúc ấy đã hả rộng. Ông Chột nuốt một cách khó khăn rồi nhăn mặt lại.

– Hả ra, hả ra mà nuốt cho khá vào. Chẳng có gì nữa đâu mà chờ. Hả ra mau nào. Muốn sống thì hả ra.

Ông Chột lại hả miệng, lại nuốt thìa nước hến rồi lại nhăn mặt. Mụ vú vừa đổ cho ông Chột vừa cười. Tiếng cười của mụ lúc này nghe chua như dấm. Bỗng mụ quay lại, vì có tiếng bà cụ mếu máo hỏi :

– Nó lấy đôi hoa tai thế rồi nó có trả không hở vú ?

Vú già bấu môi nhún cả hai vai :

– Thế là mất chứ trả gì mà trả. Bây giờ đôi hoa tai của mẹ nó chạy đi đâu có biết không ?

Mụ ngừng lại, đổ thêm cho ông Chột một thìa nước hến, rồi cười mà bảo bà cụ :

– Bây giờ nó chạy vào tử nhà giàu, biết chưa ? Rồi sau này nếu có bò ra khỏi tử nhà giàu nào đó thì nó cũng tìm đến chủ khác mà ở chứ nhất định là không trở về với mẹ đâu mà trông cho nó mệt.

Nói xong, mụ lại cười. Bà cụ già thì ôm mặt khóc nức nở rồi nằm vật xuống giường.

✱

Cách ba hôm sau, người ta thấy ông

Thị về. Ông Thị trở về với vẻ mặt đầy lo lắng. Đêm hôm ấy, cả hai vợ chồng đều ở nhà. Ông Thị, bà Thị bàn tán với nhau đến khuya lắm mới đi ngủ. Rồi sáng dậy, ông Thị lại đi. Bà Thị cũng ra đi. Hai vợ chồng đi rồi thì gian nhà lại ồn lên như thường lệ. Nhưng lần này có phần ồn ào hơn lần trước để mọi người đều phải than thở, phàn nàn. Và bao giờ cũng là ông Chột cả. Cái người đàn ông tàn tật ấy thật hết nước rầy rà. Mấy hôm trước người ta tưởng đâu ông ấy chết rồi kia. Ông nằm mê man, suốt ngày, suốt đêm. Chẳng ai qua nhà ông Thị làm gì mà biết, nhưng người ta nghe vú già nói lại, mỗi lúc mục chạy đi xin quế, xin gừng hay hỏi thăm phương thuốc ngoại luôn, vì ông Chột tuy đau nặng, nhưng ông Thị bà Thị chẳng mời thầy, chạy thuốc gì, cũng chẳng thèm ngó ngang tới. Nhưng rồi số ông chưa chết. Không có thuốc ông cũng

cứ lành như thường. Lành để ăn rồi nằm chửi. Sau trận đói chí tử ấy và sau khi nghe bà cụ kể lại cái lối bóc lột đường hoàng của em dâu, ông Chột tức lắm. Và vì thế hôm nay hơi khỏe ra, ông cố chửi cho hả tức. Chửi vợ chồng ông Thị, chửi cả mụ vú. Lần này thì ông chửi thật tình, không còn vị nể gì nữa. Ông chửi chán lại kể lể, lại vật mình, vật mẩy mà khóc lóc, rồi giáng mạnh cả chân, cả tay xuống mặt ghế ngựa mà gào, mà hét như một kẻ điên. Suốt ngày hôm ấy không một người nào trong dãy nhà trọ này nằm yên ngồi yên được với ông ta. Và người ta còn lo rằng rồi đây sẽ phải mất ăn mất ngủ mãi mãi vì người đàn ông khốn nạn này. Nhiều người đã phàn nàn với bà chủ nhà và dọa nếu bà ấy không tìm được cách gì để mời ông Thị đi ở chỗ khác thì rồi chẳng còn có ma nào thêm trọ dãy nhà này nữa. Bà chủ nhà cũng biết thế



đã lâu lắm và bà cũng đã lo từ lâu lắm rồi nhưng vì hay nể người nên bà còn dè dặt mãi chưa muốn nói ra. Lần này thì bà nhất định phải nói. Nhưng rồi bà chưa kịp nói thì sáng hôm sau ông Thị đã tìm đến nói chuyện trả nhà. Cái tin ấy chả mấy chốc đã truyền đi khắp chín gian nhà trọ. Chẳng biết vì lẽ gì bỗng dưng ông Thị dời đi, nhưng tất cả mọi người đều bằng lòng lắm. Người nào vừa nghe được tin cũng lộ vẻ vui mừng. Họ thở dài một cách khoan khoái như vừa thoát khỏi một tai nạn gì lớn lao, và bảo nhau :

– À tốt lắm, may lắm ! Đi thì đi quách cho rồi chứ ở mà bần thiêu và ồn ào quá thế ai mà chịu nổi ! Có thế thì họa may mới ăn ngon, ngủ yên được, không thì cũng đến phát ốm.

Nhiều người còn tỏ vẻ hoài nghi :

– Đã biết đâu ông ấy đi thật. Hay có đi nữa cũng năm ba hôm ! Năm ba hôm mà ồn ào cái nước ấy thì phiền lắm. Từ giờ cho đến hôm ông ấy dọn nhà, mỗi người trong bọn chúng ta ít nhất cũng sụt mất vài kí-lô thịt.

Nhưng rồi những kẻ ấy hết lo khi thấy lũ trẻ con kéo nhau vũ lại trước gian nhà số 1. Lúc ấy vào khoảng chín giờ. Một chiếc xe bò, theo ngõ hẻm, từ phía bờ sông chậm chạp tiến vào rồi dừng lại trước mặt nhà ông Thị. Hai người phu xe vẫn là hai người phu độ nọ để xe đẩy chạy vào giúp vú già thu xếp đồ đạc. Bọn họ làm công việc này rất nhanh chóng. Những thứ nặng nề hay to lớn kênh càng được chở đi trước nhất. Chiếc phản ngựa, bộ bàn ghế, chiếc ang đựng nước mới mua cách tháng nay, và những thùng, những chõng, bồ bịch, rương chuông, và

tất cả những thứ vật dụng lồi thoi lệch thếch khác lần lượt theo nhau ra xe. Xe chỉ chở có ba chuyến, gian nhà đã trống rỗng. Sau chuyến thứ ba, chiếc xe và hai người phu không trở lại nữa. Chỉ còn mình vú già loay hoay gói ghém những quần áo, mùng màn còn sót lại rồi trái giấy nhật trình xuống đất, dọn bữa cơm cuối cùng tại nhà trọ. Ông Chột, bà cụ và vú già cùng ngồi ăn vội ăn vàng. Bữa cơm chẳng có gì nên không cần đến chén bát. Cơm gói chấm với muối vừng, ăn xong chỉ còn có chiếc mo, vất đi là hết...

Thế rồi giữa buổi trưa, mặt trời còn đứng bóng, sau khi đã giao trả chìa khóa cho chủ nhà, ba người dắt díu nhau ra đi. Bà cụ ôm một gói to, vú già thì công ông Chột. Dưới ánh nắng gay gắt của trưa hè, hai người lạng lẽ bước từng bước một, chậm chạp leo lên dốc cầu. Trên lưng vú

già, ông Chột úp mặt xuống và phơi cái đầu bù tóc rối ra giữa trời, thỉnh thoảng ho từng dây dài rồi rên lên khừ khừ. Quần áo của ông Chột – một chiếc áo cộc nâu, một cái quần vải ta ngắn – đã cũ lại rách tươm, bẩn thỉu trông hình thù của ông ta lúc ấy thật là thiếu náo lạ lùng. Dốc cao quá, lại phải đèo thêm trên lưng một kẻ bệnh, vú già cố sức lê bước một cách nhọc nhằn. Phía sau mũ vú, bà cụ đầu đội chiếc nón lá gãy vành, mình mặc một chiếc áo xanh đã bạc màu, lom khom tiến bước. Bà cụ hình như không đủ sức để mang nổi cái gói to tướng kia nên cứ đi được vài bước lại dừng, bỏ gói xuống, quay nhìn gian nhà trọ, đứng thờ một lúc rồi lại ôm gói lên uể oải bước đi, và cứ như thế được năm sáu lần, bóng ba người đã khuất hẳn sau cầu.

Chẳng ai biết bọn họ sẽ theo vợ chồng ông Thị đi đến tận đâu đâu và mãi đến bao giờ mới được mãn kiếp sống gửi ăn nhờ.



## THUỐC CÁ

**N**gồi tựa mạn thuyền, ông thầy Dương vừa rạch bụng mở tôm ra để nhồi vào đấy những viên thuốc cá, vừa bảo trưởng Tước :

– Xừ Tước nợ ! Đây là mình chơi theo cái lối thanh nhã nên mới làm cẩn thận mần ri, chớ thường họ thuốc cá, họ cứ vãi nạo hột mát nghiền với trấu xuống ao, xuống đầm hay khúc sông nào đó, cá chết vô số. Ăn chơi cho vui mà làm rứa thì trông cũng ác đức lắm.

Trưởng Tước đang nằm hút trong khoang dò với giám Khôi nghe nói gật đầu và sau khi kéo xong điều thuốc, hắt lồm cồm ngồi lên, bò ra khỏi mui :

– Ông Dương nói phải đó. Thuốc thế nó chết cả cá con đi tội. Mình thì chỉ cần thứ cá hanh lớn để nhắm rượu.

Thấy hắt nhặt một viên thuốc lên xem, ông thầy Dương liền nói :

– Đây là nghiền hột mát với tiêu, thêm muối vào mà quết với cơm. Chỉ có cách ni là cá mới mau say. Mà những con cá nuốt được tôm bầy to phải là cá lớn. Có người họ chỉ nghiền hột mát với cám rang rồi cũng viên với cơm, nhưng làm thế cá không mau say bằng có tiêu và muối vào.

Thuyền đã cắm sào lại giữa dòng



sông. Ở đằng lái, vợ chồng anh lái đò thối bếp lên, hâm nóng lại những thức nhắm của bọn ông thầy Dương đem theo và quạt sẵn một lò lửa để chờ mà nướng những con cá hanh sắp nổi lên mặt nước vì say thuốc.

Tuy đã sắm đủ những hào vị ngon lành để cùng nhau chén thù, chén tạc trong buổi du xuân, ông thầy Dương vẫn còn chưa lấy làm hài lòng nếu trong chiếu rượu hôm nay thiếu món cá hanh nướng. Đối với ông, khi người ta đã thả một lá thuyền dong chơi trên mặt sông Hương mà lại không biết tìm những con cá béo và thơm ấy mà đánh chén thì uổng lắm, thì là chưa biết hưởng đủ những cái thú trong kho thiên nhiên vô tận. Trăng và gió, cố nhiên rồi, ở đâu lại chẳng có trăng và gió. Nhưng ở đây, ngoài trăng gió ra, còn có cái món hào vị ngon lành ấy mà

trời đã dành sẵn trong dòng sông này cho những hạng tao nhân, mặc khách và cũng như gió với trăng, cá kia còn mãi. Không bao giờ hết được.

Nhồi thuốc vào bụng con tôm cuối cùng xong, ông Dương rửa tay, vắn thuốc hút, rồi rung đùi mà nói :

– Chẳng biết con cá của Tô Đông Pha đánh chén trên sông Dương Tử trong bài Xích-bích phú ấy nó ngon đến ngần nào nhỉ ? Nhưng dám chắc có ngon cũng không bì đâu được với cái ngừ cá hanh của dòng Tiêu-kim-thủy xứ mình. Giá gã thi sĩ họ Tô còn sống, qua Việt Nam, lò mò tới Huế đây mà xức lấy một bữa cá hanh nướng với rượu, mình e rồi giữa cái cảnh sơn thanh, thủy tú này, hẳn ta cũng đến nổi hứng lên mà làm một lúc mười hai bài phú bất hủ như rứa chứ đừng thèm nói một bài đó.

Giám Khôi cười lên ha hả, chui ra khỏi khoang ngồi uống trà góp chuyện :

– Phải lắm ! Chơi chớ cái ngon thì thật là bất khả ngôn rồi ! Ăn canh cá hanh theo lối này đã ngon mà lại thú. Ngon vì cá thơm và béo, mà thú là thú ở cái chỗ tự tay mình đánh lấy, bắt lên rồi nướng liền còn đang nóng sốt. Ấy cũng là cá hanh mà ai mua về làm sẵn sàng, ăn nghe nó không thích thú bằng. Mấy cụ mình hồi xưa hay chơi cái lối này kể cũng khôn lắm.

Vừa lúc ấy, một chiếc đò ở đâu rẽ nước từ từ tiến lại. Trưởng Tước vỗ tay mà reo lên :

– A ! Kia rồi ! Viên Thiệu đã về lại có cả giai nhân nữa. Biết lắm mà, hẩn mà đi triệu thì phải có. Chính con Thủy đó

! Bữa nay cô ả có đâu chiếc áo độn vai mới trông đã xinh chưa tể ! Thủy ơi Thủy ! Mau lên kéo giám Khôi nó trông mòn con mắt từ mai đến chừ.

Khi chiếc đòn mới tới vừa đậu sát lại bên đòn này, Viên Thiệu đã hỏi :

– Có cá chưa hử ? Bọn này té ra bậy quá ! Mình đi tìm giai nhân chưa về mà rượu và thức nhắm đã bày ra đầy rồi.

Ông Dương vội cãi :

– Bầy ra đó mà chờ chờ ai đã ăn uống chi đâu. Tôm mới thả xuống, cá đâu mà có. Ai chào chào ! Trông cái o Thủy của mình bữa này mới đẹp, mới tình chớ. Tội nghiệp, giám Khôi nó trông mãi đấy, nó bảo không có o thì nó chẳng chịu đòn.

Thật vậy, mấy hôm trước, nhân bàn

về cuộc chơi xuân này, Tước định kêu Dung theo hát, thì giám Khôi nhất định phản đối.

– Không ! Không ! Phải tìm cho ra con Thủy thì mới bằng lòng. Dung thì nước gì. Thủy đã đẹp mà hát lại hay, đến cái bàn tay của hấn trì hồ thì phải biết. Có rượu mấy mươi vò uống cũng hết. Hấn ca Huế đã hay mà hát vọng cổ cũng mùi lắm. Không kêu con Thủy thì rơ nhất định không đàn một tiếng nào.

Một vài con cá hanh to trắng phau bắt đầu nổi lên, quẫy mạnh mấy cái rồi nghiêng nghiêng mình nằm im trên mặt nước. Rồi từng con, từng con lại kế tiếp nhau nổi lên đây đó để mọi người đua nhau vớt, cười reo ầm ĩ và làm chòng chành cả hai chiếc thuyền. Trưởng Tước reo lên :

– Ai chào ! Mấy con ni mới to tướng chớ. Chị đồ ơi ! Đem làm mau lên, làm ruột cho sạch đó, làm ruột ngay chừ chừ đi.

Có hơn mấy chục con cá hanh đã nằm vào lòng rổ và truyền từ tay ông thầy Dương qua tay Thủy đến tay người vợ anh lái đò. Và cá làm vừa xong thì tiệc rượu bắt đầu ngay. Ngồi bên một chiếc lò lớn đặt trên mui thuyền, miệng lò hứng lấy gió sông hiu hiu thổi những hòn than ngút đỏ, ông thầy Dương tự tay nướng cá. Từ con này đến con khác, mọi người vừa đánh chén vừa chuyện trò. Cái bàn tay của Thu Thủy trì hồ kể cũng thật khéo, chẳng mấy chốc mà hai bầu rượu ngâm quy với giao-lộc đã hầu cạn.

Ngà ngà say, Tước nhìn Thu Thủy mà cười tình rồi rót một chén rượu đầy :

– Có biết uống rượu không ? Cái tay trì hồ đẹp mần ri mà cặp môi kia không biết uống rượu là vô lý lắm. Phải uống một chén. Này này... Xin dâng nàng một chén quỳnh tương.

Hắn mượn cớ chuốc rượu để ghì Thủy vào lòng, nhưng Thủy mím chặt môi lại, vùng vẫy và gỡ tay ra. Ông thầy Dương vội can trường Tước :

Ấy đừng đừng ! Chơi cái lối đó là bất trị. Bắt mụ ấy say rồi mụ ấy không hát được. Mà con Thủy không hát thì thằng cha Khôi hẳn chẳng chịu đàn cho mà nghe đâu. Bữa ni lão Khôi mà lò dò đi chơi được kể cũng gay lắm, mà hắn đi là vì có con Thủy chớ không phải vì chi bọn mình đâu. Nói cho trúng tim đen như rứa ! Phải không xử Giám ?

Giám Khôi chưa kịp đáp thì Viên Thiệu đã nói đùa :

– Ồ quên đi đó ! Khi hồi chừ ham vui mà quên hỏi. Vậy chứ xử Giám ! Toa mần răng mà chuồn được đó, ông nhac mới chết mà ?

Giám Khôi cười hì hì :

– Xin lỗi đi ! Sáu giờ rưỡi sáng đám mới đưa, mình về kịp cho có mặt là được rồi.

Và tộp thêm một tộp rượu, hấn tiếp :

– Thế mà khá, bữa nay mới chết. Ai có tối hai mươi mà bệnh nó phát ra cái lỗi cuồng ngôn, vọng ngữ, tuần y mô sàng, mình tưởng đâu là nguy ngay tại bữa đó. Nói chớ ngày Tết, ngày nhất mà ông nằm xuống một cái là đến rầy, đến phiên. Tội nghiệp già xuống cũng biết chọn ngày



mà đi. Không có thì mình cũng mất vui say ba bữa ở chợ Gia Lạc, oan uổng biết mấy !

Viên Thiệu động mạnh đũa xuống mâm, ngửa mặt ra mà cười lớn :

– Rể con quí mần rửa đó ! Ấy chớ ngày mai kẻ khóc to nhất đám lại là xử Khôi !

Giám Khôi gật gật cái đầu, ngừng đũa lại.

– À lẽ cố nhiên. Phải khóc chớ. Vào những dịp như dịp này mình không chảy ra một ít nước mắt và u hu hu lên mấy tiếng là đời sẽ gán ngay cho mình cái tiếng là bạc bẽo, vô tình. Người đời có quái lạ mần rửa ! Chỉ thích giả dối. Giả-dối với kẻ khác đã đành, còn thích được kẻ khác che mắt, bịt miệng mình

bằng sự giả dối nữa. Họ đã thế thì mình việc gì lại chịu thua họ. Sự giả dối có mất tiền đâu mà lo. Thật thà là cha đứa đại. Mà nghiệm ra cho kỹ, người đời bây giờ chẳng ai thật thà cả, nước mắt của thế nhân là nước lã tuốt hết.

Hắn nằm khên xuống bên mâm rượu, gối đầu vào đùi Thủy, nghe răng ra cười. Ông thầy Dương đang ngồi đưa mắt nhìn mặt nước nhuộm hồng dưới ánh trời chiều in rõ những bóng mây và cây cối xanh mướt bên bờ, nghe thế quay vào cái :

– Ấy ! Ở đời cũng có người thế này kẻ thế khác chớ, vợ đứa cả năm như chú mi rửa răng được. Nước mắt ai cũng là nước lã cả à ?

– Moa bảo là nước lã tuốt hết. Nước lã hết ! Đấy thì ông Dương nghĩ mà coi.

Đừng nói xa xôi làm chi cho nó mệt, cứ nói ngay chuyện trước mắt đây. Moa hỏi các xừ chớ người ta thương tiếc chi cái ông nhạc phụ của moa mà khóc lóc hung măn rứa đã chớ ? Nói thì tội cái lỗ miệng chớ đến như moa đây, moa cũng thấy rằng ông ấy chết đi là đáng đời lắm. Có tiền mà bủn xỉn, đại có tiếng, mà đến cái nước đại gái của ông thì mới gọi là danh bất hư truyền.

Hắn lại ngồi lên ăn thêm mấy miếng cá và uống rượu rồi tiếp :

– Khi hai chừ cử ai vừa xướng lên là nghe không biết bao nhiêu tiếng u hu hu, y hi hi nổi lên như mưa, như gió, trong cái đám thân quyến, bạn bè và những kẻ xa gần tới phúng điếu. Như rứa là nghĩa làm sao ? Nếu cái nước mắt ấy chẳng phải là nước lã thì ông Dương, xừ Tước

với xù Thiệu bảo nó là cái nước quái quỷ gì đó hở ?

Hắn chờ cho mọi người ngớt cười rồi lại nói :

– Ấy ! Thiên hạ mần rằng thì xã Năng mần rúa. Ở đời phải như vậy mới được. Nhưng nói chuyện ở đây mà nghe chơi cho nó vui, chớ có u hu hu thì mai sớm kia, còn như bây giờ là say đã, cười đã, chơi cho sướng đã. Thủy ơi ! Bớ Thu Thủy ! Hãy dọn cái giọng cho ngon ngon mà hát lên vài khúc nghe chơi em ! Chừ hai đứa mình qua bên kia để bên này họ bày bàn đèn.

Hắn vuốt má Thu Thủy, nắm lấy bàn tay mà hôn đánh chụt một cái :

– Ời ! Ời ! Có kêu được con Thủy, con Hỏa mần ri nghe nó mới thú chứ

còn kêu cái o Dung ở xóm Trung bộ ấy thì moa đây cũng đến chán mới đời. Hát dở òm òm, lại có cả một thằng chồng hay ghen, cứ chưa đúng mười hai giờ khuya đã ra đứng lù lù một đồng như trời trông trước cửa chùa Diệu Đế mà trông, mà ngóng. Cái thằng chồng nó là mụ Trị ấy mà ! Cái đồ ngu thế, đã hay ghen mà lại lấy vợ trong cái phường ca kỹ ! Nghĩ mà tức cười !

Hắn híp mắt lại và nhe răng ra cười.

Lúc ấy, ánh nắng đã tắt, mặt sông rung rung sáng lên dưới bóng trăng rằm. Đã ngà ngà hơi men, lại ngồi bên Thu Thủy giữa khoảng thanh phong, mình nguyệt, giám Khôi sung sướng đến cực điểm. Hắn sung sướng đến quên cả trời đất. Bao giờ cũng thế, một khi Khôi ta đã có ở bên mình một vò rượu ngon, một mâm thức nhắm, mà lại có cả sắc

đẹp, có cả thuốc phiện như hôm nay nữa thì là hẩn quên tất cả mọi sự, hẩn không còn muốn nhớ tới một cái gì đâu có quan trọng mười mười, hẩn không cần nghĩ tới ai nữa, đâu ai đó là vợ, là con hẩn đang ốm liệt giường, liệt chiếu, vạ tử nhất sinh. Hẩn muốn quên tất cả. Hẩn muốn gạt ra một bên mâm rượu tất cả những cái gì khả dĩ làm bận tâm, bận trí hẩn, như một nhà sư xưa đuổi những tư tưởng tạp nhạp ra khỏi óc trước giờ tham thiền nhập định. Ăn đã, uống đã, ca hát đàn địch vui chơi cho nó thỏa cái chí nguyện bình sinh đã, rồi cái gì sẽ hay.

Vốn biết trời kia đã phú tính cho giám Khôi như thế, mà cũng vì là cái chỗ thanh khí lẽ hăng nữa, nên khi bày ra cuộc du xuân này, tuy biết hẩn ta đang bận việc tang khó, bọn trưởng Tước cũng cứ bắn nhào tin xuống, mà hẩn được tin

là muốn đi liền. Hấn sẽ không ngần ngại nếu hấn chẳng nể mặt bà nhạc mẫu và sợ vợ hấn. Nhân vì mấy người con trai của ông khóa Miện còn nhỏ tuổi, đàn độn và ngớ nghếch chưa biết một cái gì, nên bà khóa Miện phải gọi hấn mà ngọt ngào bảo ngay, sau cái lúc ông nhạc hấn nhất định không chịu thờ nữa :

– Ấy, lũ em con chúng nó khờ cả. Trong nhà có con là lớn, mà rể thì cũng như con, mọi sự ở nhà trên này mà nhờ con coi ngó dùm cho chu tất một chút. Con chịu phiền giúp mà... hi... hi.

Hấn cũng sụt sịt khóc, dạ vâng, vâng dạ luôn mồm, một hai xin bà nhạc hấn cứ yên tâm để mặc hấn coi ngó, sắp đặt mọi việc đâu vào đấy. Cứ nhìn cái sắc mặt bi thương, tiêu tụy và cái vẻ mặt bơ phờ, mệt nhọc của người hấn, lúc đứng thút thít bên quan tài, khi chạy lẫn xăn

sai thầy bảo tở, đón đưa cái đám tân khách ra vào không ngớt, bà nhạc hẳn cũng đâm ra thương hại và mừng thầm để rồi khen hẳn với người này người kia :

– Thằng cha Giám rửa mà tội nghiệp quá chừng. Tuy rằng hẳn có cái tính ham chơi, ham bời đó mà đều rửa cái bụng hẳn lại khá. Ăn ở biết điều lắm. Thấy hẳn nằm xuống mà không có hẳn là tội cũng nguy. Trông thấy mà thương. Cái đứa có lòng, có bụng ngó cũng khác !

Nhưng sự thực thì cái lòng, cái bụng của Khôi ta lúc ấy đã để ở đâu đâu rồi, có thấp đuốc mà tìm cũng không thấy trong cái nhà này. Cũng như một cậu học trò lười biếng, lơ đãnh, ngồi trong lớp học mà tâm trí thì gửi đâu trong mấy bụi cây dọc hàng, hẳn ta đứng bên bàn thờ nhìn mấy chai rượu cúng đã nghĩ đến cái thú



của cuộc du xuân sắp đến, hình dung lại cái vẻ mặt diễm lệ với cái bàn tay trì hồ rất đẹp của Thu Thủy. Và khi nhận được tờ hoa tiên của trưởng Tước do một người nhà đã lén lút trao tay cho hẳn, hẳn thảo vội bằng bút chì, mấy câu phúc đáp rất ân hậu như thế này : « Nhất định ! Thế nào là moa cũng lên. Nhớ tìm cho được Thu Thủy như lời moa dặn. Đem rượu cho nhiều vào. Cá hanh nướng tốt ! Nhưng không được thiếu các thức nhắm khác. Khôi ký ». Và sau khi đã gửi bức thư viết theo cái lối văn tắt của một bức điện tín ấy đi rồi là giám Khôi lại càng bồn khoăn hơn, đứng không yên, ngồi không yên, chạy lên, chạy xuống, thở ra, thở vào, đến nỗi bà nhạc hẳn thấy thế phải đâm lo :

– Lão Giám nợ ! Con có mệt lắm phải đi kiếm chỗ nằm mà nghỉ. Con lo

quá như rửa rồi hắt đổ đau ra mà khổ đó.

Được dịp ấy, hắt liền nhả mặt lắc qua, lắc lại cái đầu :

– Dạ, mấy bữa ni thức miết mà cũng không ăn uống chi được nên nghe nó mệt lử cả người. Nhưng cũng không rằng mô mà mạ lo. Cho nó mệt cũng bữa ni, bữa mai nữa là cùng. Trông mần rằng cho việc thầy nó yên ổn, xong xuôi mô vô đó, đừng có cái chi người ta chê trách được là mừng.

Nghe giám Khôi bảo là không ăn uống chi, bà khóa Miện càng thương hại :

– Thật à ! Tội nghiệp quá chừng. Không ăn cơm thì biểu mụ Giám mụ ấy nấu cháo cho mà ăn, đừng làm rửa rồi

hắn đau xuống khổ lắm. Tao biết mi lo buồn, mà buồn thì buồn chớ đừng bỏ cơm, bỏ cháo, con nợ !

– Dạ, dạ, mạ cứ để mượn con. Nhà có phương có việc, linh cửu thầy còn nằm sờ sờ đó, ngồi ăn nuốt sao cho vô được.

Thế rồi từ lúc nói chuyện ấy trở đi là giám Khôi cứ ủ rũ, bơ phờ, hốc hác lần ra để sau cùng vì có nhà bà nhạc hắn đông đảo ồn ào, nhiều hơi người, vợ hắn phải thuê xe cho hắn về nhà nằm mà nghỉ. Nhưng chiếc xe giữa lúc hạ cánh trước cửa nhà hắn ở ngã tư Âm Hồn lại chạy thẳng tới trước cổng ngõ của trường Tước ở phường Đề Nhị...

Và bây giờ đây, Giám Khôi thích chí cười híp cả mắt lại, Rượu ngon quá, cá béo quá, mà trăng thì sáng, mà gió thì mát, mà trà thì thơm, mà Thu Thủy thì

lại đẹp, đẹp lắm. Chỉ còn thiếu cái tiếng đàn của hắn và cái giọng hát của ả ca nhi kia nữa là cuộc vui rất đổi toàn vẹn. Hắn liền đem đàn ra, dạo lên vài câu rồi bảo Thu Thủy :

– Bây giờ bắt đầu lưu thủy, đằng ấy phải hát cái bài : Xem thiên thai phong cảnh... nó thì nghe mới thú. Phải không ông Dương, ngồi giữa khoảng nước trời, trăng gió lại có rượu nồng, người đẹp thế ni, hát bài đó nghe mới đúng.

Tiếng đàn tiếng hát liền nổi lên. Nằm mà nghe cái giọng hát mê hồn của Thu Thủy hòa lẫn với tiếng đàn tình tứ của giám Khôi vừa thâm trầm vừa réo rắt, êm ái nổi lên trong cái tĩnh mịch của đêm khuya, giữa khoảng trời nước, ông thầy Dương thấy tâm hồn như đang chơi vơi giữa muôn tầng thanh khí, bèn lim dim cặp mắt lại, cầm chiếc quạt gõ mạnh

vào mạn thuyền mà đánh nhịp. Và khi bản đàn vừa dứt, ông ngồi nhồm lên :

– Hay quá ! Nghe thú quá ! Chơi chớ đàn nguyệt mà đàn như xù Giám thì ít kẻ bì kịp. Mà Thu Thủy hát cũng đã thiệt mùi. Xuống mấy chỗ Động tiên đào... Rượu đôi hồ... ấy là giỏi tuyệt. Mình nghe mình lụy đi đó. Nghỉ hút một điều thuốc chơi đã, xù Khôi.

Khôi bò qua, nằm xuống bên bàn đèn và trong lúc chờ trưởng Tước tiêm thuốc, hần nói :

– Hay thì hay đấy nhưng kẻ cũng còn thua ông thân tôi thuở trước. Đến ông ấy đàn thì phải biết, không còn biết cách gì tả hết cái hay. Đàn thì đàn theo chính bản, ít cần dậm như bọn mình bây giờ, mà nghe sướng tai vô cùng. Nội cái nước nhấn của ông ấy cũng đủ thần tình rồi.

Đàn gì cũng hay, nhất là đàn nhị. Mà cái tính bố cũng kỳ lắm, một đời chỉ thích bịt ống đàn nhị bằng da kỳ-đà. Lỡ có thùng thì bố treo đàn lên chớ nhất định là không chịu bịt da trăn, da trâu.

Uống một ngụm trà nóng và thơm, Viên Thiệu ngồi tréo mảy lại, xoa tay vào với nhau :

– Chơi như bọn mình làm ri mới gọi là chơi. Cái cảnh sông Hương xứ mình vào những đêm trăng thật là cảnh bồng lai đó. Cảnh đẹp mà không biết chơi kể cũng uống. Mình nghĩ công hầu, khanh tướng hay làm giàu, làm có cũng nỗ mần chi. Sống mà không chơi là uống phí cái kiếp làm người.

Giám Khôi vỗ đùi cười lớn :

– Nói hay vậy thay. Đúng lắm. Cái

gương ông nhạc phụ của moa ở trước mắt đó. Một đời bòn tro đãi sạn, ăn mấm, mút dòi, để rồi chết xuống cũng chỉ là ba thước đất.

Trưởng Tước tiêm xong thuốc mời giám Khôi, rồi chép miệng :

– Lạ rửa đó. Những thằng giàu có phần nhiều lại ít biết chơi, còn như bọn mình hay chơi lại không giàu có. Túc rửa chớ !

– Ái chào ! Bọn mình mà giàu được thì trời sập. Nghĩ ra cũng không việc chi mà tức. Chẳng giàu có mà cứ chơi mới giỏi chớ. Cũng chẳng quái gì mà lo. Hết tiền lại xoay cách kiếm tiền. Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng, thiên kim tán tận hoàn phục lai... ha ! ha !

Nằm nghe ông trụ trì chùa T.C. nói

về chuyện ăn chơi, Viên Thiệu bấm vào đùi Thu Thủy bảo nhỏ :

– Nghe chưa ! Ông Dương đang thuyết pháp đó. Ai mới nghe cái giọng đó đó mà biết được ông ấy là thầy chùa.

Cả bọn khúc khích cười. Ông Dương nói xong, vì ham ngâm mấy câu Kiều nên không để ý. Và khi giám Khôi đã gảy hết một bản Tứ-đại-cảnh, một bản Nam-ai, liền xây qua Nam-bình để Thu Thủy vừa hát đến câu : « A di đà Phật như Lai... » trưởng Tước liền cười mà ngăn lại :

– Ấy đừng, chớ dại ! Thiếu chi bài mà lạ hát cái bài ấy, lỡ ông Dương ông ấy phát bồ đề tâm mà bỏ về chùa thì có phải thiệt hại cho người ta không ! Hát bài « bắc thang lên hỏi ông trời » ấy ! Hay là « Giọt sương trĩu nặng... » hay là... hay là...



Hay là cứ « A di đà phật » mà hát đi cũng được ! Đọc lấy mười lần bài « bát nhã ba la mật đa tâm kinh » ông ấy cũng chưa nhúc nhích nữa là một bài hát, mà lại do Thu Thủy hát lên nữa.

Nhưng không thấy ông thầy Dương trả lời. Nhìn lại thì ra men nồng gió mát, và tiếng đàn ngọt hát hay đã kéo vị trụ trì ấy vào giấc ngủ từ bao giờ rồi.

Cuộc vui lại kéo dài ra. Trăng lên đã cao lắm, càng về khuya, giám Khôi đàn càng thấy hay và Thu Thủy hát càng thấy mùi để bọn trưởng Tước, Viên Thiệu nằm nghe cũng riu dãn mắt lại rồi ngáy lên như sấm.

Tiếng đàn vừa dứt, giám Khôi kéo Thu Thủy vào khoang thuyền. Và trước khi đóng bưng lại, hấn thò đầu ra mà dặn anh lái đò :

– Hễ nghe súng thành nổ là thức người ta dậy. Nhớ chớ đừng quên.

Sáng hôm sau, miệng hầy còn dư vị của bữa ruốc cá, mà lòng thì nhận lên những niềm vui sướng ở bên người đẹp, giám Khôi gặp đôi người lại mà đi đưa đám ông khóa Miện từ tỉnh mơ đất. Đám đi khỏi cầu Gia Hội, một người đàn bà đã cao tuổi đứng bên đường chỉ vào giám Khôi lúc ấy đang khóc sụt sùi ở bên cạnh linh xa, bảo bà bên cạnh.

– Bà coi ! Rể đó. Rể mà khóc nhiều và trông bộ lại buồn bã, đau đớn hơn cả bà con.

Bà kia liền đáp :

– Chào ! Rể đó à ! Bất nhơn chưa ! Trông cái tướng bơ phờ, hốc hác mà thấy hần khóc to hơn ai hết, tôi lại tưởng là

con chó. Ờ, mà quên đi nữa ! Chừ ngó lại áo quần mới biết.

Một bà thứ ba nói góp vào :

– Thằng ni là thằng cha giám Khôi đó, tôi biết. Thiệt bà Khóa cũng có phúc lắm mới gặp được cái thằng cha rể quý như rứa. Ông cả nằm xuống một cái là thôi, trăm bang vạn sự chi hấn lo coi ngó hết, mà không sơ xuất một cái chi, giỏi quá chừng. Hai bà tính rể đâu mà đau suốt cả một ngày hôm qua, một đêm khi hôm, rứa chó cũng rần đi đưa cho được, ai can mấy cũng không nghe.

Rồi bà tiếp :

– Thấy rể con người ta như rứa rồi nghĩ đến rể con mình mà ngán.



## KHÓC THẬT

Đã ba hôm, Cả Khánh cứ theo lạy lục tôi mãi để xin được ngôi thờ trước hiên mà bày bài vự. Thoạt tiên, tôi không bằng lòng, nhưng rồi sau nghĩ đến cái tình cảnh khốn khổ của hấn tôi cũng thương tình mà phải cho. Hấn sợ dĩ cứ theo cầu khẩn mãi vì hấn ngấm địa thế ở đây rất tốt. Ngôi đây, hấn không lo bị các bác phú-lít chộp cổ một cách thình lình. Họ ít đi rảo về ngả này lắm. Hay họ có đi nữa thì hấn cũng có thể nom thấy

trước được để tìm đường tẩu thoát. Con đường kiệt ở đầu nhà ăn thông ra ngã bờ sông là một lối cho hẩn tháo lui rất tiện.

Sớm nay hẩn mang đồ nghề đến. Bàn vự là một tấm bìa cứng hình vuông trên mặt kẻ thành chín ô vuông đều nhau. Ở ba ô vuông hàng thứ nhất, từ trái qua phải, hẩn dán sẵn vào đấy hình ba con động vật. Một con heo, một con voi, một con trâu. Hàng thứ hai : một con ếch, một con ngựa và một con rùa. Hàng thứ ba trong ô thứ nhất một con tôm, ô thứ hai hẩn để trống và ô thứ ba một con cá. Những hình các con thú kể trên in bằng nhiều màu sắc sỡ, nét vẽ ngây ngô, trông vui mắt như những bức tranh tết thường bày ở chợ vào dịp này. Đặt xong bàn, Cả Khánh lấy từ trong bọc ra một cái chén gỗ, một cái đĩa nhỏ và một con vự.

Con vự này có tám mặt, mỗi mặt vẽ một con thú đã nói trên kia. Hấn đặt chiếc đĩa vào cái ô vuông để trống, bỏ vự vào đấy, rồi úp chén lại. Một vài đứa trẻ con bắt đầu vũ tới, nhưng chúng vũ tới chỉ để xem mà thôi. Trong lúc ngồi chờ khách, Cả Khánh phát xu cho lũ trẻ để chúng đánh dạo. Những xu này hấn sẽ thu về một khi người đến đánh đã đông. Và hấn không phải chờ lâu lắm. Chỉ một lát thôi, những người đàn bà rồi việc ở gần đấy, những người vú em, mấy bà lão lần lượt kéo lại đứng quanh chiếc bàn vự như những con ruồi bu quanh giọt mật. Khi thấy đã đông người, Cả Khánh bèn cầm con vự quay tít trên chiếc đĩa, lấy chén úp kín lại rồi nói lớn :

– Ai đánh thì đánh đi, một xu chung thành sáu xu đấy.

Hắn vừa nói rút lời, tức thì những tiếng : ngựa ba xu, tôm năm xu, rùa một hào, cá ba xu v.v... nghe nhao nhao lên và người ta thi nhau đặt xu, hào vào những ô vuông. Cả Khánh chờ cho mọi người đặt xong liền mở chén ra nhìn vào mặt vạ rồi sung sướng reo lên :

– Voi ! voi ! Không ai trúng hết.

Miệng nói chưa dứt câu, Cả Khánh đã đưa một bàn tay ra lùa sạch hết những xu hào, rồi quay mạnh con vạ mà úp chén lại. Hắn rung đùi, lặng lẽ mỉm cười và lấy thuốc ra hút trong lúc những kẻ đứng quanh bàn cười nói ồn ào và đua nhau đặt tiền.

Ngồi trong cửa sổ nhìn ra, trông thấy cái vẻ mãn nguyện của Cả Khánh lúc ấy, tôi vừa buồn cười vừa thương hại.



Tôi biết hẩn đã lâu, bắt đầu từ dạo tháng tám năm kia, khi hẩn đến quay cho tôi một con heo vào dịp nhà có đám kỵ. Hẩn nghèo lắm và không có một nghề nghiệp gì, lại đa mang thuốc xái.

Nhà hẩn ở là một cái lều tranh xiêu vẹo dưới đôi Ô Hồ. Người ta thường gọi hẩn là cụ Khánh, tuy hẩn còn trẻ và không mang một chức tước gì. Ở cái đất đế đô này, chữ « cụ » thường dùng để gọi những bậc quan quyền tuổi tác, cũng lại dùng để gọi những người nghèo nàn, những dân lao động, những tên hành khất v.v... Chữ cụ đây chẳng vinh hạnh gì cho hẩn lắm. Người ta gọi hẩn là cụ Khánh cũng như người ta đã gọi tên đao phủ hay sống về nghề bắt cho là cụ Ngáo, người ăn mày quen mặt nhất trong thành phố là cụ Trâu, và những người sống về nghề lao碌 : cụ kéo xe, cụ bán phở.

Mới gặp hần lần đầu, tôi đã chú ý ngay. Tôi chú ý cái vẻ người và cách ăn nói kiêu kỳ của hần đã khiến tôi đoán chừng rằng hần không phải là kẻ đã chịu cực khổ, bần hàn từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ. Sự túng bần và bệnh nghiện, tuy đã đem lại cho hần một hình hài gầy còm bần thủ và những y phục rách rưới lồi thoi, nhưng vẫn không sao bào rửa sạch được những vẻ phong lưu, đài các còn sót lại để vừa làm cho người ta phải buồn cười, vừa chứng tỏ rằng hần đã được sống qua một thời sung sướng, giàu sang rất mực.

Sự phỏng đoán của tôi không lầm chút nào, một khi tôi đã đi sâu vào cuộc đời của hần.

Xưa kia, Cả Khánh là con một ông Tả Lý giàu có tiếng ở Bao Vinh. Nhà giàu mà lại con một, nên hần được nuông

chiều đủ cách, sung sướng như một ông hoàng. Và cũng vì vậy nên sau ngày hai đấng thân sinh ra hẳn buồn tình rủ nhau cỡi hạc lên châu Trời cũng như trước ngày ấy, hẳn chẳng thềm làm một công việc gì. Có cửa, hẳn chỉ ăn rồi chơi. Hẳn ăn chơi ngông lắm, đánh bạc rất tợn để rồi cuối cùng phải chịu chung cái số phận của những kẻ phá gia chi tử. Gia tài hẳn khánh kiệt. Hẳn nghèo đến không còn một miếng đất cắm dùi. Nghèo mà lại quen phong lưu đài các lắm rồi, mà lại vô nghề nghiệp, ốm yếu và lười biếng. Hai bàn tay nhỏ nhắn, trắng xanh và dịu nhuốt thường để nâng những chén trà, chén rượu, cầm dọc tầu, đẩy quân cờ, thật chẳng giúp cho hẳn được việc gì ích lợi trong bước lăm than. Muốn sống, hẳn phải tìm những cách sinh nhai nhẹ nhàng khỏe khoắn, thích hợp với cái thể chất yếu đuối và cái tính lười của hẳn. Cả

Khánh bèn gia nhập vào cái đám hành khất trung lưu. Phải gọi thế vì ở Thần-kinh có rất nhiều hạng hành khất. Ngoài hạng hành khất thực thụ, có bị có gây hấn hoi và sống ở đầu đường xó chợ, còn có những hạng hành khất phong lưu hay thượng lưu và hạng trung lưu. Hạng trên là những kẻ có nhà cửa hấn hoi và nhiều khi có cả vườn hoa bể cạn, sống một cách nhàn nhã, sớm trà trưa rượu và cố điểm chuyết cho cái đời sống sung túc được có vẻ thần tiên bằng cách không chịu làm một việc gì cả. Ăn rồi ngheu ngao ca hát, nếu có túng tiền thì lại đóng bộ cánh vào, đi gõ cửa các nhà quan, nhà giàu. Quen biết hay không quen biết, họ cũng cứ tự tiện mà vào xưng danh giá của ông cha ra ngồi uống trà, ngâm thơ, chuyện gẫu để rồi lại giở trò tán tỉnh, nịnh hót ra, khen từ con chó khen lên đến chủ nhà, khen chán rồi mới đến chỗ kết luận là xin

năm mười « trự » và chỉ chịu nhổ người lên lúc nào chủ nhân đã cho ít nhiều. Người ta cho một cách vui vẻ hay khinh bỉ ra mặt cũng chẳng hề gì, miễn là có được đồng tiền nắm trong tay là về nhà nằm khểnh ra mà làm... tiên. Hạng dưới là những kẻ cùng đồng một bệnh trạng như những gà hành khát thương lưu kia nhưng nghèo hơn, tồi tàn và hèn hạ hơn, không có đâu được cái vỏ ngoài cho nó đẹp để để dám đường hoàng gõ cửa và chiếm một chỗ ngồi trong phòng khách một nhà, và giữa lúc chịu đổ mồ hôi trán ra để đổi lấy bát cơm thì, vì nghiện ngập và lười biếng họ lại thích đổ nước mắt. Cứ sẵn hai suối lệ Trời cho người ta để tưới dịu bớt những mối đau thương, khổ hận đấy, họ đem ra dùng làm kế sinh nhai. Cả đời, chỉ ăn rồi đi khóc vặt. Hôm nay là cha già, không có tiền mua quan tài ; ngày mai là mẹ héo, thiếu đồ khâm

liệm ; ngày mai nữa là vợ ốm nặng sắp ngất ngư mà không tiền mua thuốc ; rồi thì đến con cái. Những kẻ thân yêu, bề trên cũng như bề dưới, cứ phải chết đi sống lại mỗi ngày không biết mấy chục đạo, và mỗi tháng đủ ba chục ngày.

Cả Khánh thuộc vào loại đó và hắn là một tên đi khóc rất lành nghề. Thật là tất cả một cái tài. Đang cười toe toét cái mồm ra, sắc mặt thì tươi sáng như trời mùa xuân, ấy vậy mà thoáng thấy có bóng người lạ nào ở đằng xa đi tới là đằng này miệng hắn đã méo sệch rồi, mặt mày ử dột ngay lại và không biết nước mắt sẵn đâu đấy mà chảy ròn ròn như suối theo với những tiếng kể lể nỉ non thảm thiết để dẫn cho kẻ nào có vô tình đến đâu cũng phải động lòng. Thật chưa có một gã hiếu tử nào đã khóc bố mẹ được như hắn khóc bố mẹ, cũng chưa

có một người chồng nào khóc vợ trông thảm như hần, cũng chưa có người bố nào khóc con được như hần khóc con. Cứ trông cái vẻ bi thương, tiêu tụy của hần, người ta phải lo rằng hần cũng đến ốm nặng vì những mối ưu tư sầu muộn. Nhưng hần chưa phải ốm vì thế bao giờ. Ngày lại ngày, đi rảo khắp các nẻo đường trong thành phố, chọn mặt người mà khóc, đem giọt lệ ra mà lừa dối, đóng cái vai trò một tang chủ buồn cùng để phỉnh phờ thiên hạ chơi và một khi đã có đồng tiền bỏ túi là quay về bên bàn đèn với tất cả cái vui tươi hớn hờ của một người sung sướng nhất đời. Lại hút, lại ăn, lại rung đùi mà cười thầm cái đám thế nhân mù quáng không biết phân biệt thế nào là những giọt lệ thật và những giọt lệ giả.

Từ ngày biết hần đến nay, tôi chưa từng được thấy hần khóc thật một lần

nào. Và có lẽ cũng không bao giờ hẳn khóc thật nữa. Bố mẹ hẳn chết từ hồi nào rồi. Trên đời hẳn chỉ còn có một mẹ vợ ốm ốm yếu yếu là kẻ thân cuối cùng. Nhưng giả mẹ vợ hẳn có nằm quay đờ ra mà đòi đi âm phủ thì hẳn cũng chẳng rưởi cho một giọt lệ nhỏ. Hẳn đã vốn ít tình cảm lại giàu lòng ích kỷ, lý tài. Của vợ hẳn làm ra thì hẳn kể là của vợ chồng, nhưng nếu của hẳn làm ra thì một xu nhỏ vợ hẳn cũng chẳng được nhờ vào. Một đời là chẳng thích thương ai. Đã thế thì hai tuổi lệ trời cho, nếu hẳn không đem dùng vào cái việc lừa dối thiên hạ mà kiếm miếng ăn thì hẳn cũng chẳng biết dùng để làm gì nữa. Đã lâu, tôi có ý muốn ngộ nghĩnh là được trông thấy hẳn khóc thật một lần để xem ra thế nào. Cái kẻ khóc giả ngộ mà khéo được như thế thì khi khóc thật chẳng biết nó còn thảm thiết đến đâu. Tôi đã tưởng không



bao giờ được toại nguyện thì không ngờ hôm nay cái sự lạ lùng hiếm có ấy lại xảy ra.

Sớm nay, không biết có phải hấn xuất hành vào giờ tốt hay sao mà trông chừng hấn đỏ lăm. Người đánh rất đông mà chơi lại khá lớn. Lần nào mở chén, Cả Khánh cũng phải chung ít nhiều, nhưng số tiền hấn chung cho cửa trúng không thấm tháp vào đâu với số tiền hấn tiêu được. Trông hấn có vẻ hể hả lạ. Cười luôn mồm, rung đùi và hút thuốc không ngớt. Hấn vui là phải. Hôm nay đã hai mươi sáu, chỉ còn có bốn hôm nữa là Tết đến nơi.

Mỗi một năm, chỉ có những ngày gần Tết, và suốt một tháng giêng là hấn khỏi phải lò mò đi khóc. Đến độ này hấn hãy cho cặp mắt của hấn tạm nghỉ ngơi



một ít lâu để có lo « việc làm ăn ». Làm ăn đây nghĩa là ngồi bài vụn. Khóc vẫn ra tiền, nhưng ngồi bài vụn thì kiếm chác dễ hơn và khá hơn nhiều. Tháng giêng là tháng hần được no đủ, sung túc hơn lúc nào hết.

Cứ ngấm chùng cái mùa đông nó gần đến độ tàn là do đi khóc già hơn, dành dụm lấy một cái vốn độ năm sáu đồng là đã có thể, với một cái bàn vự, tìm cái no say phê phỡn trong ba ngày và suốt một tháng đầu năm.

Cả Khánh ngồi bàn vự hết sức là khôn khéo. Chẳng bao giờ hấn chịu để cho cái vốn của hấn phải sút mẻ hay mất mát trừ ra lúc nào hấn bị bọn phú-lít chộp cổ được. Nhưng chộp cổ được hấn cũng khó lắm. Bàn vự, bao giờ cả Khánh cũng làm bằng bìa cứng mà không làm bằng gỗ, để những khi tẩu thoát, có bỏ lại cũng không tiếc gì. Đặt bàn vào những chỗ nguy hiểm tự hấn không nhìn xa được hấn lại thuê lũ trẻ canh gác rất cẩn thận. Lúc này ngồi ở đây hấn yên tâm lắm và sung sướng khi thấy người đánh vự lại rất đông. Bàn vự của hấn hấp dẫn

được đến cả những con sen, con đòi đi gánh nước để phải quăng cả thùng mà a vào, những người dân quê ngớ ngếch ở các làng lên sắm Tết quên cả mua bán và đường xa, những anh phu xe bỏ mặc xe đẩy để đặt trâu, đặt ngựa, những cậu bé con nhịn thèm kẹo bánh để đuổi theo một con tôm, một con cá.

– Ai đặt thì đặt nhanh lên cho người ta giở ! Nhanh lên nào !

Thỉnh thoảng hẳn lại dặng hắng một câu như thế rồi liếc mắt nhìn khắp một lượt những số tiền người ta đặt trong các ô vuông.

– Xong rồi, giở ra !

– Bây giờ không ai được đặt tay vào bàn nữa. Cái giờ đây !

Hẳn giờ chén ra rồi kêu lên :

– Tôm ! Tôm ! Nhìn kỹ mà xem. Lại tôm nữa, tôm cụp rồi. Con vụ này hay ngã về một mặt tôm rồi đây, bỏ mẹ !

Hắn nói xong nhếch miệng cười. Một người đàn bà lườm hắn rồi nói :

– Đừng có nghe lời cụ Khánh mà khốn chừ. Tôi trúng tôm đây, năm xu, chung mau lên.

– Tôi một hào.

– Tôi ba xu.

Ngồi vào bàn vụ, nhất là những lúc như lúc này, Cả Khánh mất đầu cái vẻ lù đù, chậm chạp của một người nghiện. Trái lại, hắn lanh lợi, nhanh nhẩu lừa tiền rất gấp, chung tiền rất nhanh, nói liến thoắng cái lỗ miệng :

– Chị này năm xu vị chi ba giác. Ông

này ba xu chung mười tám xu, cô này một hào ăn sáu giắc.

Rồi hắt lại bắt đầu quay vù. Quang cảnh của bàn vù lúc ấy thật là ồn ào, náo nhiệt. Người ta xúm nhau đứng hàng trong hàng ngoài, có kẻ thấp quá phải cố nhón chân lên ; những chị vú em bế em đi chơi cũng cố len lỏi vào cho kỳ được, chen lấn nhau để rồi lại cãi lầy, lại văng tục. Những tiếng cười nói đưa lên đều đều, thỉnh thoảng bị chìm vào trong tiếng khóc thất thanh của trẻ con, tiếng reo lên của kẻ được và tiếng cãi lầy của nhà cái với kẻ đánh, khi có chuyện lòi thòi về tiền nong. Chưa bao giờ Cả Khánh ngồi bài vù mà người ta đánh đông như thế. Hơn hai giờ đồng hồ hắt toát mồ hôi ướt đầm cả áo, mặt bóng lên một màu mỡ, hắt đã thấy mỗi lưng và khó thở. Tuy không đếm được những

xu hào hấn đã bỏ ra và thu vào, nhưng tính phổng chừng hấn cũng biết là hấn đã được lời khá lắm rồi.

– Đặt đi ! Đặt nhanh lên, bà con.

Bỗng có tiếng một người nói to :

– Tôm ba đồng đấy.

Cả Khánh ngẩng lên nhìn người vừa nói. Đây là Tư Sẹo, một tên du thủ du thực liêu lĩnh có tiếng ở xóm Hột Mát. Hấn đã thua nhiều nhất từ lúc người ta bắt đầu đánh đến bây giờ. Càng bị thua cay, sắc mặt hấn càng đỏ lên và số tiền hấn đặt cho nhà cái càng to lần.

– Đặt lớn quá, không khui đâu.

Tư Sẹo quắc mắt lên :

– Vô lý ! Không khui mà được à ?

– Sao lại không được ? Chẳng có gì là vô lý cả. Cái không đủ tiền, cái không khui đấy. Làm gì thì làm.

Tư Sẹo đã tức vì thua nhiều lại càng tức thêm vì cái giọng nói khiêu khích của Cả Khánh. Hắn dần mạnh ba tờ giấy bạc cũ trên mặt bàn vụn rồi quát lớn :

– Tao đặt ba đồng đấy. Mày giỏi thì không khui đi.

Cả Khánh trượng hai con mắt tức tối lên nhìn Tư Sẹo :

– Tao lại sợ gì mày. Tao nhất định là không khui đấy. Tiền đâu cho có nhiều mà ép người ta khui.

Những kẻ đặt tiền thấy có chuyện lôi thôi vội thâu về. Nhiều người đang lúc ham đánh, sợ phải cụt hứng, tìm cách dàn hòa :



– Thôi anh Tư ạ ! Đặt nhỏ nhỏ mà chơi cho nó vui. Đặt to thể cụ Khánh cụ ấy lấy gì mà chung cho nổi.

Nhưng cái tức khí trong lòng Tư Sẹo đã lồng lên đến cực điểm rồi. Hắn nhất định không chịu :

– Hắn đã nói phách thì để cho hắn nói phách. Tôi đặt ba đồng đấy. Bà con ai chơi cứ đặt vào. Nó mà không khai thì nó chết với tôi.

Ở trước mặt mọi người, câu nói ấy làm cho Cả Khánh giận đến run lên :

– Mà nói cái gì ? Tao bảo là tao không khai đấy. Mà giỏi làm cái gì thì làm xem. Đồ phách tấu. Thua rồi nổi nóng !

Cả Khánh nói chưa dứt lời thì Tư Sẹo đã dang tay tát mạnh vào má hắn mấy cái rõ kêu. Hắn vừa đưa tay ra định

tát lại thì nhanh như chớp, Tư Sẹo đã bắt lấy, lôi mạnh hấn ngã chúi từ trên thêm xuống đất kêu đánh « huych » lên một tiếng.

– Làng xóm ơi ! Bà con ơi ! Nó đánh chết tôi rồi đây !

Tất cả đám đàn bà trẻ con đứng đầy sợ hãi thất sắc, bỏ chạy tán loạn ra bốn phía như một bầy chim bị đuổi. Một vài người đàn ông a vào can, khó nhọc lắm mới gỡ được Cả Khánh ra khỏi tay Tư Sẹo. Bị đánh đau quá, hấn nằm quay ra trên mặt đất kêu gào, nguyên rủa, văng tục không ngớt mồm. Nhưng rồi hấn nằm như thế không lâu lắm, vì giữa lúc tru tréo hấn sức nhớ đến hai rổ xu hào còn để trên thêm nên quên cả đau đớn, hấn vội vã lồm cồm bò dậy, chạy ngay vào. Nhưng vừa vào đến nơi hấn bỗng lại vật mình xuống mà khóc rống lên. Mà

lần này hấn khóc thật, vì không phải hấn khóc cha già mẹ héo, con chết vợ đau gì, nhưng hấn khóc hai rổ xu và bạc hào đã không cánh mà bay đi ngả nào rồi. Hấn dấy đàn đánh đập như một con cá rô trên thớt, bứt đầu, bứt tóc, kêu lên thất thanh như bị ai cầm dao mà đâm vào cổ họng. Những quả thoi, quả đấm của Tư Sẹo tuy đau nhưng không thấm vào đâu với cái đau phải mất sạch vốn liếng. Hấn tính ra hấn mất vốn này cũng có đến chỗ mười bảy mười tám đồng. Vốn riêng của hấn là sáu đồng rưỡi, và tiền hấn thu vào độ mười một mười hai đồng. Với chừng ấy dẫn vốn để ngồi bàn vụ từ nay cho đến Tết, thì ba ngày Xuân Nhật hấn còn lo gì không được phong lưu nữa. Ấy thế mà đã mất sạch. Hấn tiếc của quá và không biết làm thế nào hấn lại bò lăn ra mà khóc mà gào :

– Bay ăn cái chi mà ác nhân ác nghiệp như rửa hờ bay ? Ông Bà ôi ! Cha mẹ ôi ! Trời đất ôi là Trời đất ôi ! Khổ thân tôi lắm, khổ thân tôi lắm rồi. Chuyển ni thì tôi phải chết mất. Đứa nào mà nó ăn vô hậu như rửa thì xin thánh vật cổ nó đi, xin các quan cho nó học máu ra chừ chừ.

Hắn lấp đi lấp lại ngần ấy câu để rồi lại khóc, lại đập chân tay mà kêu trời :

– Đứa nào đã nuốt của tao thì nhả ra. Bay ăn mần rửa thì cũng không khác chi bay ăn tất cả đồ nhờ nhớp của xóm này. Bay có nhả ra thì mồ mả ông bà bay mới yên, mới khỏi có kẻ đào kẻ bới. Tao chửi, tao chửi miết. Tao chửi cả dòng họ đứa nào đã ăn tươi nuốt sống hai rổ xu với bạc giắc. Tao đào mồ ông, mồ cha hắn ra.

Nhưng dầu hắn đào mồ, quật mã

chửi bới mỗi cả mồm, rât cả cổ cũng chẳng có đứa nào đã nuốt sạch cả vốn tiếng của hấn lại đại mà nhả ra. Trời cao quá, đất dày quá, thánh thần thì ở xa quá, hấn kêu chẳng thấu và cũng chẳng ai vật hòng giùm cho hấn cái đứa đã ăn tươi nuốt sống hai rổ hào xu. Hấn chửi thì hấn nghe lấy, hấn khóc thì hấn cũng nghe lấy. Chửi mãi cũng mỗi mồm, khóc mãi cũng mỗi mắt, hấn đành phải nuốt tiếc ngậm hờn mà đứng lên.

Thấy cái tình cảnh đáng thương tâm của Cả Khánh, tôi gọi hấn vào và cho hấn mấy hào bạc. Lúc này mà muốn an ủi hấn thì chỉ có cách ấy là mầu nhiệm hơn hết. Được bạc, vẻ mặt hấn cũng bớt thiếu nảo đi. Hấn ngồi nhồm ở một góc, tấm tấ bảo tôi :

– Mất bạc lần này là vì thằng Tư Sẹo. Túc lắm. Để rồi nó xem tôi.

– Ai bảo đã ốm yếu thế mà còn cà khịa với hần làm gì.

– Ấy cái nghề đã tức lên thì cần gì yếu mấy khỏe. Nó đánh tôi cũng chẳng được mấy cái và chẳng đau lắm. Chỉ uất có một chuyện là bị mất bạc. Tiếc quá là tiếc !

Nói xong, hần lại rơm rớm nước mắt. Trông cái bộ dạng Cả Khánh lúc ấy rất dễ tức cười.

Lần này tôi mới thấy anh khóc thật. Tôi xem ra anh khóc giả cũng chẳng khác gì khóc thật chút nào. Tài đấy.

Hần đang buồn cũng phải bật cười và bảo tôi :

– Dạ, thật giả gì nó cũng thế đấy thôi, chỉ có khác một chút là khi khóc giả thì phải súc một ít dầu khuất-thần vào hai con mắt.

Tôi ngăn người ra. Hấn nhìn tôi rồi như hiểu ý, nói tiếp :

– Thừa thầy, không phải một mình tôi mới thế đâu. Ở đời còn lắm kẻ không vì thiếu miếng ăn như tôi mà họ vẫn khóc theo cái lối đó. Giữa thế nhân này, thừa thầy, trong cái đám vợ khóc chồng, chồng khóc vợ, con khóc bố mẹ, bố mẹ khóc con, anh em, bè bạn, thầy trò khóc nhau, người ta cũng thường được nghe thoảng qua cái mùi dầu khuất-thần trong những dòng lệ thảm.

Hấn nói xong, lau sạch những giọt nước mắt thật đi, bỏ tiền vào túi, cười rồi bước ra.

G.P số 3795/BC3/XB ngày 22-XII-1964

Nộp bản : 6-1965 Cảo Thơm 69

HAI CHẬU LAN TỔ TÂM CỦA PHAN DU do Cảo Thơm ấn hành lần thứ nhất xong ngày mười lăm tháng sáu năm ất-tỵ tại nhà in riêng của nhà xuất bản, ngoài những bản thường có in thêm hai bản trên giấy lụa, mười bản trên giấy bạch vân và năm mươi bản trên giấy sọc ngà, ghi dấu riêng.







